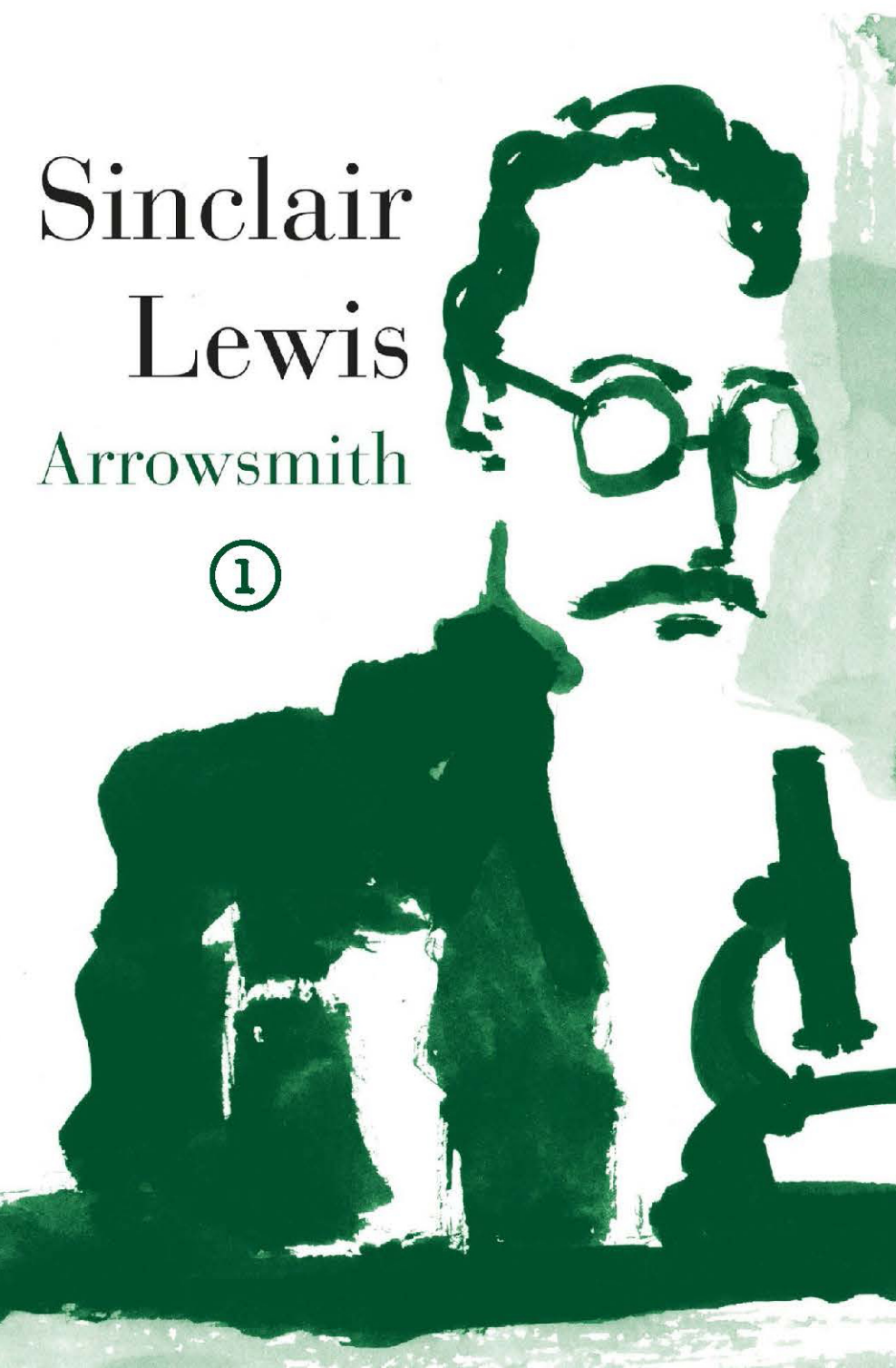


Sinclair
Lewis
Arrowsmith

①

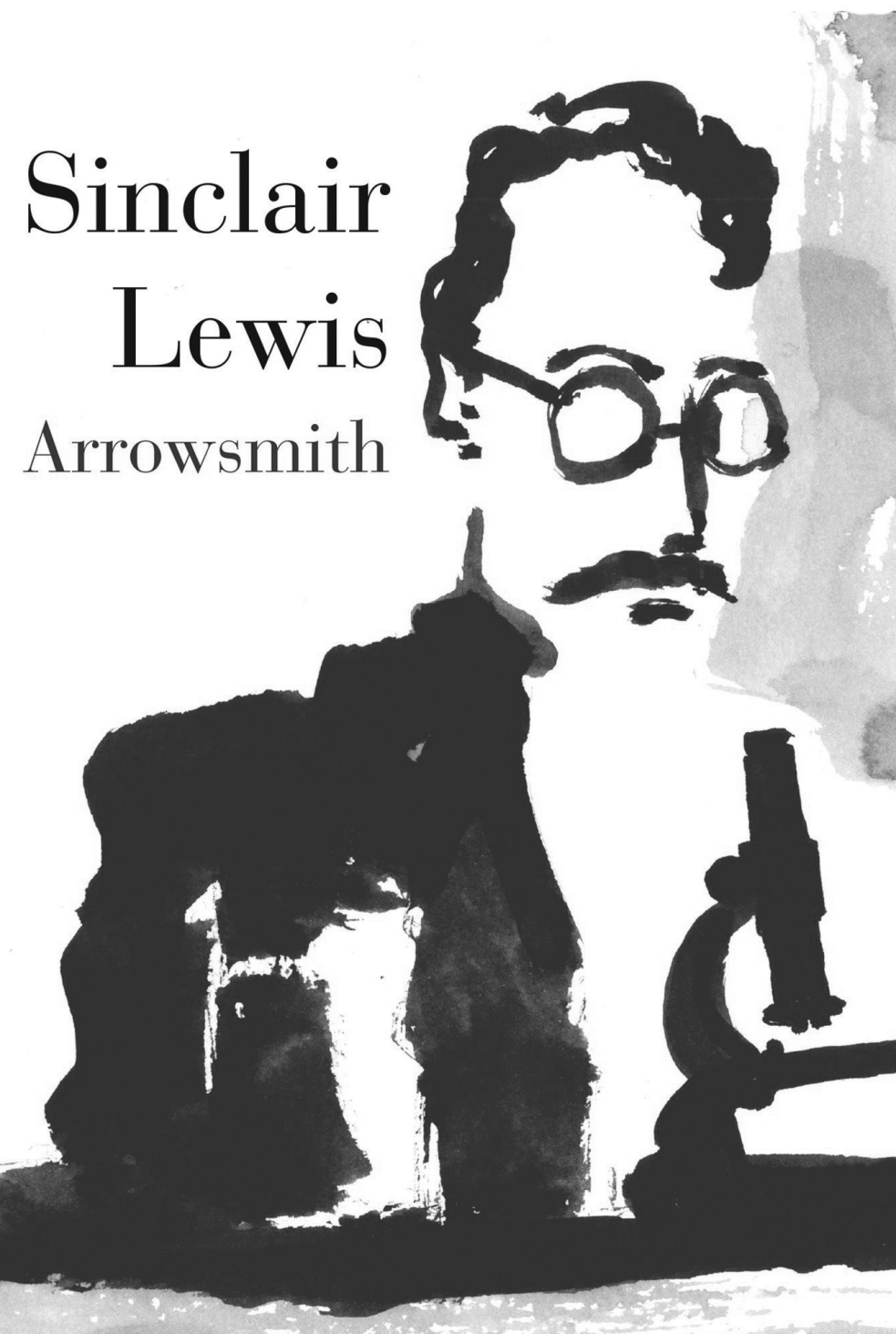


cuộc đời bác sĩ Arrowsmith, tập I

Cuộc đời bác sĩ Arrowsmith •
Lewis Sinclair • Dịch giả Bảo Sơn
• trình bày Midway • hình bìa:
internet

Copyright © baoson 1970

Sinclair
Lewis
Arrowsmith



VÀ ĐỒNG TẾU SỬ

HARRY SINCLAIR LEWIS là con một bác sĩ ở vùng quê, sinh tại Sauk Centre, Minnesota, năm 1885. Thuở thơ ấu và niên thiếu, ông ở Middle West và sau học tại Đại Học Đường Yale; ở đây ông làm chủ bút tờ văn học tập san. Sau khi tốt nghiệp năm 1907 ông đến New York viết báo một thời gian, rồi làm việc trong bộ biên tập của nhiều tờ báo ở nhiều nơi từ East Coast tới California. Sau khi đã viết một số truyện đăng trong các tạp chí và xuất bản được cuốn truyện đầu tay, *Our Mr. Wrenn* (1914) ông bỏ nghề viết báo. Tuy nhiên, *Main Street* (1920) mới thực là tác phẩm thành công đầu tiên của ông, và cuốn *Babbitt* (1922) làm cho ông nổi danh thêm.

Năm 1926, ông được thưởng giải Pulitzer về cuốn *Arrowsmith* (1925), nhưng ông từ chối danh dự này. Tuy nhiên, ông nhận giải Nobel người ta tặng ông năm 1930 và ông chính thức đến Stockholm để lãnh thưởng. Trong khoảng cuối đời ông, ông thường hay ở tại Âu Châu và tiếp tục viết cả hai thứ tiểu thuyết và kịch. Năm 1950, sau khi hoàn thành cuốn truyện cuối cùng, *World so Wide* (1951), ông dự định làm một vòng du lịch xa rộng, nhưng ông bị đau và bắt buộc phải ở tại Rome mấy tháng để làm thơ. Ông mất tại đây năm 1951.

CHAPTER 1

NGƯỜI CẦM CƯỜNG chiếc xe ngựa đương chạy lúc la lúc lắc xuyên qua những cánh rừng rậm và những vùng đầm lầy miền Ohio hoang dã, là một cô bé rách rưới mới mười bốn tuổi. Mẹ cô, người ta vừa chôn ở gần sông Monongahela... chính cô bé đã đắp đầy cỏ xanh giập nát lên ngôi mộ để ở trên bờ con sông có cái tên hoa mỹ ấy. Cha cô lên cơn sốt, đương nằm co quắp trong xe; em cô, một lũ trẻ người ngợm bẩm thiêu, quần áo rách rưới, đương hồn nhiên nô đùa vui vẻ quanh mình cha chúng nó.

Cô bé cho xe ngừng lại ở một ngã ba đường đầy cỏ mọc; tiếng người ốm run nói, “Emmy, con nên

rẽ xuống Cincinnati thì hơn. Nếu tìm được chú Ed, chắc chú sẽ cho mình ở nhờ.”

Cô bé nói, “Chẳng ai cho mình ở nhờ đâu, bố ạ. Mình cứ đi được xa chừng nào hay chừng ấy. Về miền Tây! Ở đấy có nhiều cái mới lạ con muốn xem!”

Cô nấu cơm, cho lũ trẻ ngủ, rồi ngồi một mình bên đống lửa. Cô là cụ của Martin Arrowsmith sau này.

II

Trong phòng mạch của lão Đốc Vickerson, một cậu bé ngồi vắt chân chữ ngũ trên chiếc ghế dành cho bệnh nhân, đọc cuốn Cơ Thể Học của Gray. Tên cậu là Martin Arrowsmith, ở Elk Mills, trong tiểu bang Winnemac.

Elk Mills, hồi 1897, chỉ là một làng nhà xây toàn bằng gạch đỏ xoàng xĩnh, quanh năm ngày tháng lúc nào cũng sục nức mùi táo thơm, dân làng ở đây vẫn nghi chiếc ghế da nâu ấy, chiếc ghế có thể điều chỉnh cho thích dụng mà lão Đốc Vickerson dùng để giải phẫu những bệnh loãng xoàng, hoặc thỉnh thoảng nhổ một cái răng, và nhất là lão thường dùng để ngủ trưa, chiếc ghế ấy có lẽ trước kia là của một anh thợ cạo nào đó.

Người ta còn tin rằng chủ nhân chiếc ghế ấy xưa kia cũng từng được mọi người gọi là đốc tờ Vickerson hay Bác sĩ Vickerson hẳn hoi, nhưng rồi từ lâu lắm, người ta chỉ gọi xách mé là Lão Đốc thôi. Lão Đốc còn bản tiện và không thích dụng bằng chiếc ghế của lão nhiều.

Martin là con của ông J.J. Arrowsmith, chủ hiệu Nữu ước Trang Phục Vạn Hóa. Lúc mười bốn tuổi, tính trâng tráo ngỗ nghịch, cậu đến xin làm việc với Lão Đốc và trở thành một viên phụ tá không chính thức và cố nhiên là không lương của Lão Đốc. Những khi Lão đi thăm bệnh vắng, thì cậu ở nhà thay mặt – nhưng cậu thay mặt làm những gì thì chẳng ai biết cả. Cậu người mảnh khảnh, không cao lắm. Tóc đen láy, và đôi mắt lão liên cũng đen láy, nước da thì lại trắng một cách lạ lùng, và hai màu tương phản nhau làm cho vẻ mặt cậu hơi một tý là biến đổi. Đầu vuông, vai khá rộng làm cho cậu mất hẳn vẻ nhu nhược hay là vẻ buồn rầu bền lên mà các nghệ sĩ sơn trẻ gọi là

Mẫn Cảm. Mỗi khi cậu ngẩng đầu lên nghe thì lông mày bên phải bình thường đã cao hơn bên trái, lại nhướn lên cao hơn nữa và rung rung làm cho cái thái độ thích độc lập, cương quyết và hiếu

chiến rất đặc biệt của cậu đã ngạo mạn lại càng ngạo mạn thêm; cậu thích hỏi, thích chất vấn và nổi tiếng là làm cho các giáo sư và ông giám thị Lớp Thánh Kinh Chủ Nhật phải bực mình khó chịu.

Martin cũng giống đa số dân làng Elk Mills trước ngày di cư của dân Slavo Italien, là tiêu biểu của giống người Anglo Saxon American thuần túy, nghĩa là lai giống Đức, Pháp, Tô cách lan, Ái nhĩ lan, có lẽ pha thêm cả một tí Y pha nho nữa, có thể nói là dòng máu cậu pha lẫn mỗi huyết tính một chút, như “Do Thái”, và có nhiều huyết tính Ăng lê; chính huyết tính Ăng lê này cũng là một thứ phối hợp những huyết tính của giống Briton chính cống, Celt, Phoenician, Roman, German, Dane và Swede.

Martin quyền luyến Lão Đốc như vậy, chẳng biết có phải do cậu thực tâm muốn sau này sẽ trở nên một Đại Lương Y không, một thầy thuốc đại tài không? Cậu đã làm cho tụi bạn hoảng sợ thấy cậu biết băng bó các vết thương trầy da rướm máu, mổ xẻ mấy con sóc, và giảng cho chúng hiểu những điều kỳ bí cần phải khám phá ở mặt trái khoa sinh lý học, nhưng cậu vẫn còn thèm có cái vinh dự như con ông mục sư Thanh Công Hội

có tài hút cả một miếng xì gà mà không say. Tuy nhiên trưa hôm nay cậu lại còn chăm chú đọc cả một chương sách nói về mạch bạch huyết. Cậu lẩm nhẩm đọc những chữ dài dằng dặc mà tuyệt nhiên cậu không hiểu gì cả, giọng cậu rì rầm làm cho không khí căn phòng đầy bụi bặm như ru ngủ người ta thêm.

Đó là căn giữa ba căn phòng của Lão Đốc ở, trông ra Phố Chính, trên gác nhà hàng “Nữ Ước Trang Phục Vạn Hóa”. Một bên là phòng ngồi đợi hội hám bắn thiêu; một bên là phòng ngủ của Lão Đốc. Lão góa vợ và đã cao tuổi rồi, lão chẳng bao giờ quan tâm đến những cái mà Lão gọi là “công việc của đàn bà”, cho nên cái phòng ngủ tro tro có một chiếc bàn giấy khắp khiêng và chiếc “giường nhà thương” chần nệm dơ dáy chỉ có Martin thỉnh thoảng vào quét dọn mà thôi.

Căn phòng giữa này dùng làm đủ mọi việc làm văn phòng, phòng khám bệnh, mổ xẻ, phòng khách, đánh bài, chứa súng săn, dụng cụ câu cá. Tường trét hồ quét vôi màu nâu, sát một bên kê chiếc tủ chứa những thứ sưu tập về động vật học, những vật lạ về y học, và cạnh tủ lại còn có một thứ nổi danh là kinh khủng mà cũng rất hấp dẫn

đối với tội trẻ con ở Elk Mills này. Ấy là bộ xương người có một chiếc răng vàng trông đến sợ. Để lấy thêm uy tín đối với tội bạn nhát gan, những chiều ông Đốc đi vắng, Martin thường dẫn chúng vào căn phòng tối om này, lấy một que diêm có nhúng lưu hoàng quẹt vào hàm răng của bộ xương khô cho bật lửa lên.

Trên tường treo một con cá măng mà ông Đốc đã tự tay nhồi rom và đóng vào một tấm ván mà ông cũng tự tay sơn quang dầu lấy. Cạnh chiếc lò sắt rỉ có một chiếc ống nhỏ đựng mật cua, đóm dài bầy nhầy đặt trên một miếng vải sơn cũ đến tro cả sợi ra. Trên chiếc bàn cũ ọp ẹp, xếp một chồng giấy nợ mà ông Đốc luôn miệng chửi thề thế nào cũng “đòi ngay cái lũ chó chết ấy” nhưng rồi chẳng lúc nào ông có dịp hay có thời giờ đòi một ai cả. Dù một hay hai năm – một chục hay hai chục năm – một trăm hay hai trăm năm – trong cái tỉnh lúc nào cũng rì rào như tổ ong ấy, người ta đối với ông bác sĩ nghèo túng lao khổ này bao giờ cũng chỉ như vậy mà thôi.

Góc phòng dơ bẩn nhất là chỗ đặt cái chậu sắt thường dùng để rửa đĩa đựng đồ ăn sáng, nhón mỡ với trứng, hơn là dùng để khử trùng các dụng cụ y

khoa. Trên thành chậu bấy la liệt nào ống thí nghiệm bằng thủy tinh đã nứt rạn, nào lưỡi câu gãy, lọ thuốc mất nhãn hiệu bỏ quên đó không biết từ bao lâu, nào chiếc gót giày lỏm chồm đỉnh, mẫu xì gà hút dư dụi nát bét, dao giải phẫu cắm vào một củ khoai...

Cảnh bừa bãi phóng đảng của căn phòng là tâm hồn và tiêu biểu của ông Đốc Vickerson, trông có lẽ thú vị hơn những chồng hộp giấy vuông vắn xếp trong cửa Hiệu Nữ Ước Trang Phục Vạn Hóa: nó gợi tính hiếu kỳ và mạo hiểm của Martin Arrowsmith.

III

Cậu bé ngẩng đầu, nhướn lông mày, nghe ngóng. Có tiếng chân ông Đốc Vickerson bước nặng nề lên cầu thang. Hôm nay ông không say! Chắc Martin khỏi phải đỡ ông lên giường nghỉ.

Nhưng ông lại đi thẳng xuống cuối hành lang vào phòng ngủ. Cậu bé lắng tai nghe thấy ông Đốc mở ngăn tủ bàn rửa mặt, chỗ ông vẫn để chai rượu rum Jamaica. Ông uống ừng ực từng hơi dài xong, thuận tay cất chai rượu đi và đá mạnh một cái đóng xập cánh cửa tủ lại, nghe có vẻ cương quyết lắm. Như vậy là còn may, vì ông chỉ uống có một

ngụm thôi. Nếu ông đi ra ngay phòng mạch thì thực là vô sự, chẳng lo có chuyện gì xảy ra; nhưng ông cứ đứng mãi ở trong phòng ngủ, rồi Martin thở dài khi nghe thấy cánh cửa tủ lại mở bật ra và có tiếng tu ừng ực một lần nữa, rồi lại một lần nữa.

Ông đi vào phòng mạch, bước chân ông có vẻ nhanh nhẹn hẳn lên, ông hiện ra như một khối màu xám lơ mờ hình người có bộ ria cũng màu xám, một hình thù to lớn thực thực hu hu, không rõ rệt, trông như một đám mây tụ lại thành nhân dạng trong chốc lát. Ông Đốc vừa lạch bạch đi lại ghế ngồi, vừa càu nhàu như có ý vội tấn công trước để lấp liếm tội lỗi đi:

“Làm gì ở đây thế hả ranh con? Làm gì ở đây thế hả? Mình biết ngay mà, cứ hể để ngỏ cửa là y như thế nào con mèo ấy cũng tha ngay một cái gì vào.” Ông khẽ nuốt nước miếng rồi toét miệng ra cười để tỏ ra mình nói đùa – ông biết có nhiều người thường hiểu lầm lối nói đùa của ông.

Rồi ông nói một cách nghiêm trang hơn, chốc chốc lại quên không biết mình đang nói gì:

“Đọc sách của Gray hả? Được lắm. Sách cho y sĩ đọc có độ ba cuốn là “Cơ Thể Học của Gray”, Thánh Kinh, với lại Shakespeare. Cứ đọc đi. Cậu

có thể thành một đại danh y đấy. Rồi đến ở Zenith kiếm mỗi năm năm ngàn đô la – bằng lương Thượng Nghị Sĩ Hoa Kỳ đấy! Cứ nuôi cao vọng đi. Đừng coi thường. Học tập đi. Theo trung học đã rồi hãy vào trường thuốc. Học tập nghiên cứu. Hóa học. La tinh. Kiến thức! Tôi chỉ là một thầy lang vườn... không con cái... chẳng một ai thân thích... già lão, rượu chè be bét. Nhưng cậu... cậu sẽ là một danh y. Kiếm năm ngàn đô la một năm.

“Vợ Murray bị sung màng tim. Tôi chẳng chữa được gì cho bà ấy. Bà ấy đòi có người giữ tay bà ấy. Đường lầy lội nhọc nhằn. Cống thì sinh lầy tràn cả ra ngoài lùm cây. Nhọc nhằn!

“Sung màng tim và...

“Học tập, đó là việc cậu phải ráng mà làm. Việc chính yếu. Phải hiểu hóa học, sinh vật học cho thấu đáo. Tôi chẳng bao giờ thấu đáo cả. Bà mục sư Jones cho là mình bị ung thư dạ dày. Đòi lên tỉnh mổ. Ung thư... cái con tuờu! Bà ấy và ông mục sư cả hai đều ăn uống quá trời!

“Sao họ cứ không chịu sửa cái cống ấy. Mà cũng đừng có ma men như tôi. Và phải hiểu khoa học cơ bản. Để rồi tôi giảng cho.”

Trong khi ông Đốc cố thuyết cho Martin thấy

ảo ảnh kiêu hãnh của học vấn, tính cách phổ biến của sinh vật học, tính cách tinh xác thắng lợi của hóa học, thì cậu bé tuy là một đứa trẻ nhà quê thông thường, ham liệng đá ném mèo, bắn súng cao su như những đứa khác, nhưng nghe truyện kiếm tiền một cách ngon lành ấy cũng có vẻ chénh choáng say mê. Ông Đốc tuy là một ông già béo ụt ịt, vừa bần thiêu, vừa phóng đảng, văn phạm nói chưa chắc đã đúng, mà danh từ khoa học thì cũng biết luôn; lời lẽ ông thường dùng để ám chỉ đối thủ là bác sĩ Needham, một người rất tốt đều là những lời gièm pha vu khống; nhưng dấu sao thì ông cũng đã gọi cho Martin thấy ảo ảnh có thể trộn các chất hóa học làm cho nó nổ tung lên một tiếng thật lớn mùi thối hoắc, và được thấy những cục vi động vật mà chưa một đứa trẻ nào ở cái làng Elk Mills này thấy bao giờ.

Giọng ông Đốc đã bắt đầu líu lại; ông ngồi thụt vào trong chiếc ghế bành, mắt mờ, miệng dợt. Martin năn nỉ ông vào giường ngủ, nhưng ông khẳng khẳng nói:

“Khỏi cần ngủ. Khỏi mà. Nay cậu nghe đây. Cậu không thích nhưng thân già này bây giờ... kể cho cậu nghe tất cả những điều đã học hỏi được. Nay

cho cậu xem những thứ tôi đã sưu tập được đây này. Bác vật viện duy nhất của toàn thể tiểu bang này đây. Nhà tiên phong của khoa học mà.”

Đã hàng trăm lần Martin đã ngoan ngoãn tuân lời ông Đốc, nhìn vào những tiêu bản bày trong chiếc tủ sách sơn nâu đã long lở: mấy con giáp trùng, mấy mẫu mi ca; cái thai một con bê hai đầu, mấy viên sạn lấy ở trong mình một bà danh giá trong tỉnh mà ông Đốc nhiều lúc hứng lên kể cả tên bà ta ra cho các thân chủ biết. Ông Đốc đứng trước tủ kính, ngón tay trở to tướng run run khoa lên chỉ cái này cái kia.

“Này xem con bướm này. Tên nó là *Porthesia chrysorrhoea*. Lão Đốc Needham đâu có thể nói cho cậu biết cái tên đó! Cậu được học tập hay không, lão ấy đâu có cần! Thế bây giờ cậu đã nhớ cái tên ấy chưa?” Ông quay sang nhìn Martin và tiếp, “cậu đã có chú ý nghe đấy không? Cậu có thấy thích thú hay không? Hử? Ồ, ngán quá! chẳng ai thiết tha gì đến cái bác vật viện này của mình cả... chẳng một ai cả. Cả tiểu bang có mỗi một người nhưng... mình chỉ là một gã bất tài.”

Martin quả quyết nói ngay, “Tài lắm chứ, hẳn đi chứ!”

Này coi, này coi, thấy không? Trong cái lọ ấy? Một khúc ruột thừa đấy. Khúc ruột thừa đầu tiên được cắt bỏ ở trong vùng này. Tôi cắt đấy! Lão Đốc Vickerson này là người thứ nhất làm pendectomy ở trong cái xó rừng này. Và viện bác vật đầu tiên. Chẳng to tát gì, nhưng hăng có cái đấy. Tôi đâu có để dành tiền làm giàu như lão Đốc Needham; tôi đã bắt tay làm việc sưu tập đầu tiên... tôi đã bắt tay làm đấy!”

Ông gieo mình xuống ghế và rên rỉ, “Cậu nói đúng. Tôi phải đi ngủ mới xong.”

Nhưng khi Martin đỡ ông đứng dậy thì ông lại vùng ra và mò mẫm tìm khắp bàn giấy rồi quay lại nhìn Martin và do dự nói, “Tôi muốn cho cậu một cái gì... để cậu bắt tay vào việc học tập, và nhớ đến lão già này. Chẳng biết rồi ra có ai nhớ đến lão già này không”?

Ông đưa ra cái kính hiển vi quý giá mà bao năm nay ông vẫn dùng để nghiên cứu thực vật học. Ông thờ dài nhìn Martin đút cái kính vào túi, ông cố tìm một câu để nói, nhưng rồi ông lảng lạng lê bước vào phòng ngủ.

CHƯƠNG 2

TIỂU BANG WINNEMAC giáp ranh với Michigan, Ohio, Illinois và Indiana, nó cũng giống như mấy tiểu bang này, một nửa thuộc về Đông Mỹ, một nửa thuộc về Trung Tây Mỹ. Trông các làng xây cất bằng gạch với gỗ, lối kỹ nghệ hóa cách chăn nuôi súc vật và một tục lệ cổ từ thời Chiến tranh Cách Mạng, người ta cảm thấy có cái gì của New England. Zenith là tỉnh lớn nhất tiểu bang, thành lập năm 1792. Nhưng Winnemac với những cánh đồng lúa bắp và lúa mì, với những hầm và vựa lúa đỏ kạch trông vẫn có tính cách một tiểu bang ở vùng Tây Mỹ. Tuy Zenith hết sức cổ kính, nhưng có rất nhiều địa hạt mãi tới năm 1860 mới thành lập.

Viện Đại Học Winnemac đặt ở Mohalis, cách

Zenith mười lăm dặm. Viện có mười hai ngàn sinh viên, bên cạnh cái Viện Oxford kỳ quái này có một trường nhỏ dạy về Thần Học và trường Harvard, một trường hạng nhất cho những cậu công tử dòng dõi quý phái. Viện có sân cỏ chơi dã cầu; những tòa nhà đồ sộ dài hàng cây số; mượn hàng trăm Tiến sĩ Triết Học trẻ tuổi để dạy cấp tốc về Chữ Phạn, boi lội, kế toán, bài trí phong cảnh, kỹ thuật công tác vệ sinh, thi ca Provencal, kiểm tra quan thuế, trồng củ cải, vẽ kiểu xe hơi, lịch sử Voronezh, văn thể của Matthew Arnold, phép chẩn đoán myohypertrophica kymoparalytica, và phương pháp quảng cáo thương mại. Viện trưởng là một nhà tài chánh giỏi nhất và một tay nói chuyện sau bữa ăn tài nhất Hợp chủng quốc; và Winnemac là trường đại học đầu tiên trên thế giới dùng ra đi ô để mở những lớp diễn giảng công khai.

Nó không phải là trường của một anh trưởng giả giàu có chỉ coi trọng địa vị, ăn không ngồi rồi, thích những truyện hoang đường phi lý. Nó là tài sản của dân chúng tiểu bang, và điều mà dân chúng mong muốn hay điều mà người ta bảo rằng họ mong muốn – là có “một cái cối có thể xay ra

những nam nữ biết sống một đời đạo đức”, tuy nhiên cũng biết đánh bài, lái xe hơi, kinh doanh thương nghiệp, và thỉnh thoảng có dịp cũng biết bàn luận văn chương sách vở, mặc dầu họ cũng không chắc có thời giờ để mà đọc. Kể ra thì nó cũng giống như một Xưởng Xe Ford, máy móc được chuẩn định tinh vi khéo léo, với những bộ phận có thể thay thế dễ dàng, hoàn hảo, để nếu lỡ nó có xộc xệch một chút thì có thể sửa chữa hay thay thế ngay được. Đại học Viện Winnemac tăng gia sĩ số và ảnh hưởng từng giờ một; và người ta có thể tiên liệu là tới năm 1950 nó có thể tạo lập một nền văn minh thế giới hoàn toàn đổi mới, một nền văn minh rộng rãi hơn, linh hoạt hơn và thuần khiết hơn.

II

Năm 1904, tức là năm Martin Arrowsmith còn là sinh viên đệ tam niên ban Văn Khoa và Khoa Học, Viện Đại Học Winnemac mới có năm ngàn sĩ số, tuy vậy đã có vẻ linh hoạt lắm.

Năm ấy Martin hai mươi mốt tuổi. Chàng vẫn còn có vẻ xanh xao, trông nước da tương phản hẳn với làn tóc đen mượt, nhưng chàng là một chân chạy đua cừ khôi, một trung phong bóng

rổ hạng khá, và một tay khúc côn cầu ác liệt. Bọn nữ sinh viên đồng học thường thì thăm với nhau, bảo chàng “trông lẳng mạn hết sức”, nhưng vì hồi đó người ta chưa khám phá ra vấn đề nam nữ và chưa bày ra những hội hè lẳng mạn, trai gái tự do âu yếm nhau gọi là petting party, cho nên bọn nữ sinh viên chỉ đứng xa mà nói chuyện với nhau về chàng thôi, và chàng cũng không biết mình lại có thể là một nhân vật chính trong những câu truyện tình ái của bọn nữ sinh viên. Tính chàng tuy bướng bỉnh, nhưng lại hay nhút nhát cả thẹn. Không phải chàng không biết một tý gì về truyện yêu đương, nhưng chàng không quan tâm đến truyện đó thì đúng hơn. Chàng chỉ thích kết bạn với tụi con trai có tính kiêu hùng là hút những ống điếu bản thiêu làm bằng lõi ngô và mặc những áo nịt dơ dáy.

Viện Đại học lúc bấy giờ đã trở thành thế giới của chàng. Đối với chàng, làng Elk Mills không còn có nữa. Ông Đốc Vickerson đã chết, người ta đã chôn ông và quên ông rồi; cha mẹ của Martin cũng qua đời rồi và chỉ để lại cho chàng ít tiền đủ để theo học hai ban văn khoa và y khoa. Mục đích ở đời của chàng năm đó là hóa học và vật lý học; và

viễn vọng của năm tới là sinh vật học.

Còn thần tượng của chàng lúc đó là Giáo sư Edward Edwards, trưởng ban Ban Hóa học, được tất cả mọi người biết tiếng dưới cái biệt hiệu là Giáo sư Encore. Sự hiểu biết của giáo sư về môn lịch sử hóa học thì thực là vô biên. Ông có thể đọc được tiếng Ả Rập, và thường quả quyết nói rằng: những công cuộc nghiên cứu về hóa học mà các bạn đồng nghiệp của ông đương làm thì người Ả Rập đã làm từ lâu rồi, khiến các bạn đồng nghiệp tức giận không thể tả được. Còn chính ông thì chẳng bao giờ tìm tòi nghiên cứu gì cả. Ông chỉ ngồi bên lò sưởi ôm chó vuốt ve, miệng lắp sau chòm râu tùm tùm cười.

Chiều hôm ấy ở nhà Encore đãi một bữa tiệc nhỏ nhưng thân mật. Ông nằm dài trên một chiếc ghế vải sọc nâu kiểu Morris, trầm lặng hòa theo Martin và sáu bảy được sư cuồng tín trẻ tuổi nói bông đùa và trêu trọc Bác sĩ Norman Brumfit, giáo sư Anh văn. Trong phòng tràn đầy một bầu không khí thân mật, nồng nặc men rượu bia, và vui nhộn với con người Brumfit ấy.

Trường đại học nào cũng phải có một Tay Lập Dị để gây khích động trong những giảng đường

đồng đức. Ngay một trường rất nghiêm khắc về phương diện đạo đức luân lý như Viện Đại Học Winnemac này mà cũng có một Tay Lập Dị. Tay ấy chính là Norman Brumfit. Tha hồ cho ông tự xưng là người vô đạo đức, bất khả tri luận, thiên về chủ nghĩa xã hội, nhưng ai ai cũng biết ông là một người trong sạch, một giáo hữu trong Trưởng Lão Giáo Hội, một đảng viên Đảng Cộng Hòa. Chiều hôm ấy, Bác sĩ Brumfit rất cao hứng. Ông quả quyết cho rằng “người nào tỏ ra có thiên tài, nhất định người ấy phải có máu Do thái.” Và cũng như bất cứ cuộc tranh luận nào về Do Thái ở Viện Winnenac, câu truyện của ông cũng nhắc nhở tới Max Gottlieb, giáo sư vi trùng học trong Ban Y khoa.

Giáo sư Max Gottlieb là cả một sự huyền bí của Viện Đại học. Người ta biết ông là người Do thái, sinh trưởng và giáo dục ở Đức. Các công cuộc của ông về miễn dịch học đã làm cho ông nổi tiếng khắp Âu Á. Ông trừ khi đến phòng thí nghiệm, còn ít khi ra khỏi căn nhà nhỏ sơn nâu ngập cỏ hoang của ông. Sinh viên không theo học lớp ông, ít người biết mặt ông nhưng người nào cũng nghe nói đến con người ốm nhom, cao lênh khênh,

tính nết lắm lý lẫn đam của ông. Người ta đồn có đến hàng ngàn truyện hoang đường về ông, nào ông là con một ông Hoàng nước Đức, nào ông có rất nhiều tiền bạc, nào ông sống thanh bạch như các giáo sư khác chỉ vì ông đương mắc làm những cuộc thí nghiệm tốn phí kinh khủng, những cuộc thí nghiệm có thể liên quan tới cả sự hy sinh nhân mạng nữa. Người ta lại còn đồn nào là ông có thể tạo ra sinh vật ở trong phòng thí nghiệm, nào là ông có thể nói chuyện được với mấy con bú dù đã bị ông chích thuốc, nào là ông bị trục xuất ra khỏi nước Đức vì ông thờ ma quỷ, ông theo chủ nghĩa vô chính phủ, và chiều nào ăn cơm cũng giấu giếm uống vụng xâm banh thú thiệt.

Theo tập tục thì các giáo sư Đại Học không bao giờ bàn luận tới đồng nghiệp của mình với sinh viên, nhưng ở đây người ta không coi Max Gottlieb là đồng nghiệp của một ai cả. Ông không có đủ nhân tính, chẳng khác gì một cơn gió bắc lạnh lẽo. Bác sĩ Brumfit lè nhè nói:

“Tôi công nhận rằng tôi rất phóng khoáng đối với những yêu sách của khoa học, nhưng với một người như Gottlieb – tôi sẵn sàng tin rằng ông ấy hiểu biết hết về các năng lực vật chất, nhưng điều

tôi lấy làm lạ là một người như vậy lại mù tịt chẳng hiểu biết một tý gì về cái năng lực thiết yếu đã tạo ra hết thảy những năng lực khác, ông ấy bảo rằng tri thức không có giá trị gì cả, trừ khi người ta có thể chứng minh được bằng hàng dãy những con số. Nếu vậy thì khi nào trong số quý vị là những tay ‘số dách’ về khoa học, có ai có thể tóm được cái thiên tài của một người như Ben Jonson, và lấy thước đo được, thì lúc đó tôi sẽ chịu rằng bọn nhà văn chúng tôi, với lòng tin tưởng mãnh liệt vào cái hay cái đẹp, vào lòng trung tín, vào thế giới của ảo mộng, chúng tôi đã đi vào con đường lầm lạc!”

Martin Arrowsmith không hiểu rõ ý nghĩa câu nói ấy ra sao, nhưng chàng cũng chẳng quan tâm cho lắm. Và chàng thấy hết thắc mắc khi giáo sư Edwards thốt ra từ giữa chòm râu và đám khói thuốc của ông một tiếng nghe kỳ cục như “ôi chu choa” và ngắt đứt câu truyện của Brumfit. Bình thường thế nào Encore cũng hóm hỉnh nói bóng nói gió rằng Gottlieb là một “anh phá thói” mất thời giờ đi đả phá lý thuyết của người khác thay vì dựng nên những lý thuyết mới của mình. Nhưng chiều nay, vì ghét mặt cái phường văn nghệ như Brumfit, nên Encore ca ngợi Gottli-

eb đã không quản nhiều phen thất bại, một thân một mình kiên trì cố gắng nghiên cứu và hóa hợp được kháng độc tố, và cái thú tai ác độc địa của ông là bác bỏ những lập luận của chính ông, cũng như ông bác bỏ những lập luận của Ehrich hay Sir Almroth Wright nếu những lập luận này sai lầm. Ông nói tới cuốn sách vĩ đại của Gottlieb, cuốn “Miễn Dịch Học”, và trong số những người ở trên đời có đủ tài sức hiểu được cuốn sách đó thì đã có tới bảy phần chín người đọc cuốn sách đó... mà số người hiểu được, đọc được ấy là chín người...

Bữa tiệc kết thúc bằng món bánh trứ danh của bà Edwards. Martin lê bước về nhà trọ, trong màn đêm mờ sương mùa Xuân. Cuộc bàn cãi về Gottlieb đã làm cho chàng bị kích động vô cớ. Chàng tưởng tượng đương làm việc trong một phòng thí nghiệm, đêm hôm khuya khoắt, một bóng một mình, say mê mài miết, khinh thường hết thảy những chuyện thi cử đồ đạt và nổi tiếng trong giới sinh viên. Chàng chắc chàng chưa bao giờ gặp mặt Gottlieb, nhưng chàng biết phòng thí nghiệm của ông đặt ở Khu Chính Viện Ban Y Khoa. Chàng tiến về Khu Y Khoa xa lắc xa lơ, gặp vài ba người thừa thốt đi có vẻ vội vã vì nhát gan sợ cảnh đêm hôm

tịch mịch. Chàng bước vào bóng tối của Khu Giải Phẫu, trông nghiêm mật như một trại lính, lặng lẽ như những xác chết nằm sóng sượt ở trong phòng mổ đằng kia. Xa xa là cái chòi cao của Tòa Chính Viện, một khối lù lù mờ ảo, le lói có một ngọn đèn treo cao trên đầu tường âm u đen tối. Chàng giựt mình. Ngọn đèn vụt tắt, tựa hồ như có một người gác gian nào bị kích động sợ hãi đương tìm cách lẫn trốn chàng.

Hai phút sau, trên những bậc thang đá Tòa Chính Viện Khu Y Khoa, dưới ánh sáng một ngọn đèn hiện ra một bóng đàn ông cao, nét mặt khắc khổ, lắm lý kín đáo, cách biệt mọi người. Đôi má đen đui hom hem, sống mũi gầy và cong. Ông ta không có dáng hấp tấp như mấy người chỉ quen ru rú trong xó nhà, lo sợ đi hôm về khuya. Hình như ông ta không biết gì đến đời cả. Thấy Martin, ông ta nhìn như thấu qua người chàng, rồi lảng ra xa, miệng lẩm bẩm nói một mình, hai vai cúi xuống, hai tay chấp ra sau lưng, rồi biến vào trong bóng tối, như một bóng ma.

Hôm ấy Martin mặc một chiếc áo choàng để tro khối tải của một giáo sư nghèo thải ra, nhưng sau này mỗi khi nghĩ tới, chàng tưởng chừng như

hôm ấy chàng mặc một chiếc áo tơ bằng nhung đen và đeo một ngôi sao bạc ngạo nghễ ở trên ngực.

III

Hôm đầu mới vào Ban Y Khoa, Martin Arrowsmith ở vào một ưu thế siêu việt. Là sinh viên Trường Thuốc, chàng có vẻ bảnh hơn sinh viên các ban khác, vì sinh viên Trường Thuốc nổi tiếng là biết nhiều chuyện bí mật, khủng khiếp, những trò vui tinh ma quỷ quái. Sinh viên các ban khác thường hay đến buồng sinh viên y khoa tò mò xem sách của họ. Hơn nữa, chàng lại tốt nghiệp Đại học Văn khoa và đã học qua các môn khoa học cơ bản, nên chàng tự cho mình giỏi hơn các bạn đồng học y khoa phần đông chỉ có bằng trung học, may ra thì có thêm một năm học ở một trường đại học dòng Luther nào đó khuất nẻo trong những đồng ruộng mà thôi.

Tuy kiêu hãnh như vậy, nhưng Martin cũng thấy bản khoăn lo lắng. Chàng nghĩ tới lúc bất thần phải giải phẫu, tới trường hợp lỡ tay làm chết người; và ngay lúc đó chàng thấy rung mình ghê sợ khi nghĩ tới gian phòng mổ và Khu Giải Phẫu lạnh lùng sắt đá. Chàng được nghe các sinh viên y khoa lớn tuổi thì thảo với nhau về những thây

ma treo lủng lẳng trên những móc sắt, trông như một dãy trái cây quỷ quái, trong một cái hồ muối góm ghềnh ở dưới gian nhà hầm tối thui; nào là anh Henry gác gian lòi những thân ma ướp muối ấy lên, chích duyên đan vào mạch máu, rồi vừa cầu nhàu vừa vui những xác ấy xuống hồ chứa.

Trời hôm ấy vào tiết Thu có cái không khí mát mẻ của đồng quê, nhưng Martin không để ý tới. Chàng rảo bước đi vào dãy hành lang màu đá xám của Tòa Chính Viện Y Khoa, trèo lên cái thang rộng, vào văn phòng của Max Gottlieb. Chàng không để ý nhìn các sinh viên đi ngang qua mặt chàng, đến khi đụng vào họ, chàng mới lúng túng xin lỗi. Giờ phút này là giờ phút nghiêm trọng. Chàng sắp sửa chuyên tâm nghiên cứu về vi trùng học; chàng sẽ khám phá ra những tế khuẩn mới, rất mê ly kỳ thú; Giáo sư Gottlieb sẽ công nhận chàng là một thiên tài, dùng chàng làm phụ tá, tiên đoán tương lai chàng... Chàng dừng lại ở phòng thí nghiệm riêng của Gottlieb, một gian phòng nhỏ, rất gọn gàng ngăn nắp, với những chiếc giá cắm những ống thí nghiệm đầy nút bấc ngoài quần bông, bày trên chiếc bàn dài, một nơi không có gì là kỳ lạ, đáng cho người ta xúc động, trừ có

cái dịch bàn nhiệt độ cố định có một cái nhiệt kế và những bóng đèn điện xảo diệu. Chàng đợi cho tới khi một sinh viên khác, nói cà lăm chậm rì rì, nói chuyện xong với Gottlieb, chàng mới nhảy xổ vào. Giáo sư nước da bánh mật, người ốm nhom, nét mặt thản nhiên, đương ngồi bên chiếc bàn khuất trong một xó buồng.

Cái đêm tháng Tư sương mờ, trông Gottlieb có vẻ lãng mạn như một kỹ sỹ khoác chiếc áo choàng, nhưng hôm nay Martin thấy ông chỉ là người trung niên khó tính. Nhờ đứng gần nên Martin mới trong thấy rõ những nét nhăn ở xung quanh hai con mắt sắc như mắt điều hâu. Gottlieb quay về bàn làm

việc trên chất đầy những cuốn sổ tay nhàu nát, những mảnh giấy nhằng nhịt chữ số, và một đồ biểu vẽ một cách tinh vi kỳ diệu, có hai đường cong xanh đỏ chạy tụt xuống rồi biến vào con số không. Những bài toán rắc rối tỷ mỹ và rõ ràng không thể tả được; trong đám giấy tờ ấy, bàn tay thon gầy của nhà khoa học trông kiểu nhược như bàn tay đàn bà. Ông nhìn lên nói hơi đá giọng Đức; tiếng ông phát âm không sai nhiều nhưng nó nhiễm một sắc thái ảm áp lạ tai.

Sao? Có việc chi đấy?

Dạ, thưa Giáo sư, tên con là Arrowsmith. Con là một y sinh mới, đã tốt nghiệp cử nhân văn khoa Đại Học Winnemac. Con rất khao khát học môn vi trùng học ngay mùa Thu này thay vì đợi đến sang năm. Con đã được học nhiều về môn hóa học...

Không được. Chưa đến lúc anh học được.

Con thành thực xin thưa rằng con có đủ sức học được ngay năm nay.

Ông Trời ông ấy gọi đến cho tôi hai hạng sinh viên. Một hạng ông ấy trút lên đầu tôi như một sọt khoai. Tôi không thích khoai và khoai hình như cũng chẳng bao giờ có nhiều cảm tình đối với tôi cả, nhưng tôi cũng cứ phải thu nhận để dạy họ giết bệnh nhân. Còn hạng kia... chỉ có một số rất ít!... hình như họ vì một lý do nào đó tôi không được rõ muốn trở thành khoa học gia, muốn nghiên cứu các loại vi trùng, và họ đã lầm. Cái hạng này ô, cái hạng này, tôi tóm lấy họ, tôi lột mặt nạ họ, tôi dạy ngay cho họ bài khoa học cuối cùng là phải biết chờ đợi, biết hoài nghi. Đối với cái hạng tôi gọi là “khoai” tôi không đòi hỏi gì cả; đối với cái hạng điên điên khùng khùng như anh, tưởng

rằng tôi có thể dạy cho biết một vài điều gì đó thì tôi đòi hỏi đủ thú. Không được. Anh còn ít tuổi quá. Sang năm hãy trở lại đây.

Thưa Giáo sư con xin thành thực mà nói, với môn Hóa học...

Anh đã học vật lý học chưa?

Thưa Giáo sư chưa ạ! Nhưng con cũng khá về hữu cơ hóa học.

Hữu cơ hóa học! Thử hóa học mê hoặc! Thử hóa học hôi thối! Thử hóa học của mấy nhà thuốc tây! Vật lý hóa học mới là năng lực, mới chính xác, mới là đời sống, còn hữu cơ hóa học... Đó là nghề dành cho bọn rửa xoong rửa chảo. Không được. Anh còn ít tuổi quá. Một năm nữa trở lại đây.

Gottlieb rất độc đoán. Ngón tay cong cong, ông xua Martin ra cửa, chàng vội lui ngay, không dám cãi lại một câu. Chàng đi len lén, trông thiếu ngủ ra mặt. Vừa tới sân, chàng gặp ngay cái ông giáo sư hóa học lịch sử gia vui tính, ông Encore Edwards, chàng khẩn khoản hỏi:

Thưa Giáo sư, xin Giáo sư bảo cho con biết là bác sĩ về hữu cơ hóa học có giá trị không ạ?

Có giá trị à? Sao lại không! Hữu cơ hóa học tìm ra thuốc chữa dị căn đau! Nó chế ra son quét

nhà anh cho bóng lên, nó nhuộm áo cho bồ của anh đẹp lên... và có lẽ trong cái thời buổi suy đồi này, nó tô son, vẽ phấn cho cô ả nữa! Đứa khốn nạn nào dám nói xấu môn hữu cơ hóa học của mình thế?

Ấy là con hỏi thế thôi, chứ không có ai dám nói xấu đâu ạ.

Nói xong, Martin đi lại Quán Ăn của Trường, vừa tức mình, vừa buồn, chàng ngốn hết một ly nước chuối lớn và một thỏi kẹo hạnh nhân bọc xô cô la. Chàng vừa ăn uống vừa ngẫm nghĩ:

“Mình muốn theo Ban Vi trùng học. Mình muốn biết đến căn nguyên các bệnh tật. Mình sẽ học một chút vật lý hóa học. Rồi mình cho lão Gottlieb biết tay, tể phệ lão! Rồi có ngày mình sẽ khám phá ra căn bệnh ung thư hay cái gì đó, lúc bấy giờ lão mới biết chính lão mới điên điên khùng khùng!... Ô, lạy Trời phù hộ cho con! Lần đầu tiên bước vào phòng giải phẫu, con sẽ không buồn nôn buồn mửa... Con muốn học Ban Vi trùng học... ngay bây giờ!”

Chàng nhớ lại bộ mặt nhạo đời trào tiếu của Gottlieb, chàng thấy cái tính hiềm kỵ quá mạnh của lão mà phát sợ. Rồi chàng lại nhớ đến những

nét nhăn trên mặt lão, chàng thấy lão không phải là một thiên tài, mà là một người có bệnh đau đầu, đã mệt mỏi một cách khổ sở, một người khó có thể để cho người ta yêu thương được.

Chàng tự hỏi, “Không biết Giáo sư Encore Edwards có thật thông minh hẳn tiếp như mình tưởng không nhỉ? Ôi, đâu là Chân Lý?”

IV

Hôm đầu học khoa giải phẫu, Martin thấy bối rối sợ hãi. Chàng không dám nhìn vào những cái thây ma đói xám xịt nằm lăn trên mấy chiếc bàn gỗ. Nhưng thây ma của những lão già đó chẳng còn một chút gì là cá tính con người nữa, khiến trong có hai ngày, Martin cũng như các y sinh khác, đã đùa gọi những xác chết đó là Billy, là Ike, là “cha nội” và coi chúng như thú vật trong sinh vật học. Ngay đến cái phòng giải phẫu cũng chẳng có chút cá tính nào: sàn xi măng, tường trét hồ giữa những khung cửa sổ lồng kính đóng lưới sắt. Martin rất ghét mùi formaldehyde xông lên; cái mùi ấy với cái mùi gì ngửi nhức đầu dễ sợ, hình như khi chàng ra khỏi phòng mổ rồi mà nó vẫn cứ bám ở người chàng; nhưng chàng hút thuốc lá để quên nó đi, và chỉ trong có một tuần lễ chàng

đã mổ nghiên cứu các động mạch, lòng vui mừng sung sướng một cách rất trẻ trung mà cũng vô cùng ngổ ngạo.

Bạn đồng học khoa giải phẫu của chàng là Mục sư Ira Hinkley mà trong lớp thì gọi bằng một tên khác tương tự.

Ira học để làm y khoa giáo sĩ. Chàng là một thanh niên hai mươi chín tuổi, tốt nghiệp Đại học Cơ Đốc Pittsburg và Truyền Giáo và Linh Hóa Thánh Kinh Học Hội. Chàng hay đá banh, nên bây giờ vẫn còn to lớn khỏe mạnh gần bằng con bò mộng và chưa bao giờ có con bò mộng nào lại rống to bằng chàng. Ira là một giáo sĩ Cơ Đốc tính tình vui vẻ, một cầu thủ lạc quan, lấy nụ cười giải trừ hết mọi tội lỗi và nghi nan, một tín đồ Thánh Giáo vui vẻ, mỗi khi giảng về giáo lý của cái Giáo phái tẻ hơn của mình, về sự Linh hóa Tình Huynh Đệ, cái điệu bộ hùng mạnh của chàng trông đến khó chịu, chàng cho rằng có một cái nhà thờ đẹp thì cũng có tội gần như đam mê cờ bạc vậy.

Martin ngạc nhiên thấy mình đương ngắm Bily, cái thầy ma của bọn chàng... – một lão già lùn quá cỡ, mụn nhọt đầy người, mặt lang ben xanh lét có bộ râu đỏ hoe trông đến gớm ghiếc – như

một cái máy phức tạp, đẹp, quyến rũ, nhưng chỉ là một cái máy, làm cho lòng tin tưởng của chàng về tính cách phi phạm, bất diệt của con người vốn đã yếu nay lại bị giảm đi thêm. Chàng có thể giữ kín những điều chàng nghi ngờ ấy ở trong lòng, vừa bản khoăn suy nghĩ, vừa mở những đường gân trên một cánh tay đã xẻ nát, nhưng Ira Hinkley không để cho chàng yên. Ira tưởng mình có thể đưa cả sinh viên y khoa đến chỗ toàn phúc, mà toàn phúc đối với Ira có nghĩa là hát những bài Thánh Ca thật buồn và thật dài, dài dằng dặc, trong một giáo đường nhỏ của Hội Linh Hóa Tình Huynh Đệ. Chàng oang oang lên nói:

Này Martin, con có nhận thấy trong cái công việc mà người ta có thể gọi là ghê tởm gớm ghiếc này, mình đương học những điều giúp mình có thể chữa lành những thể xác và an ủi những linh hồn của hàng hà sa số chúng sinh trầm luân trong bến mê biển khổ không?

Martin nói:

Linh hồn! Hứ! Con chưa tìm thấy một linh hồn nào trong xác Billy này. Thành thực mà nói, cha tin có linh hồn hay sao?

Ira nắm chặt hai bàn tay lại, cau mày nhăn nhó,

rồi phá lên cười; chàng vỗ mạnh vào lưng Martin và la lên:

Này chú ơi, chú phải làm thế nào kia mới hòng chọc tức nổi ta đây. Chú tưởng đã có được một mớ “Hoài Nghi Tân Kỳ” rồi đó hả. Không có đâu... Chỉ tại chú ăn không tiêu đấy thôi. Điều chú cần bây giờ là thể thao và đức tin. Tối Thanh Niên Công Giáo Hội đi, ta sẽ tập cho chú bơi lội, ta sẽ cầu kinh với chú. Mà này, chú, con người bất khả tri luận bé nhỏ ốm khẳng ốm kheo này, ở đây chú có cơ hội được xem tác phẩm kỳ diệu của bàn tay Thượng Đế tạo ra, tất cả cái mà chú thu lượm được ở đó là chú tự biết mình thực sự thông minh cơ trí. Thôi hãy phấn khởi lên đi, chú! Chú không biết là đối với một người có lòng tin ngưỡng thanh tịnh như tôi, chú trông buồn cười lắm hay sao!

Nói xong Ira lại khễ đấm vào cạnh sườn Martin, củng lên đầu chàng thật đau, rồi lẳng lặng cúi xuống làm việc, trong khi Martin cúi quá, nhảy lên như chơi chơi, khiến Clif Clawson, vua hề giỏi nhất lớp, đương làm việc ở bàn kế bên, phải bật cười khoái trá.

V

Ở Đại Học, Martin được xếp vào loại “Bất”¹ – nghĩa là bất khả, bất ứng tham gia một Hy Lạp Tự Mẫu Liên Nghị Hội² bí mật nào. Chàng đã bị hội này “lôi kéo”, hội kia “lôi kéo” nhưng chàng vốn ghét cái lối ân cần kiểu cách quý phái của bọn người ở cái nơi thành thị lớn hơn quê chàng này. Bây giờ phần đông các bạn đồng học Ban Văn Khoa của chàng trước đã ra đi làm ở các hãng bảo hiểm, các trường luật, các ngân hàng, chàng đâm ra cô đơn, và khi được Hội Digamma Pi, liên nghị hội của Y Khoa “mời mọc”, chàng có vẻ ham ngay.

Liên nghị hội Digamma Pi là một ký túc xá náo nhiệt, có bàn bi da, tiền ăn ở hạ. Đêm đêm từ bên trong vẫn thường vẳng ra những tiếng ca hát bài “Khi nào tôi chết xin đừng chôn tôi”, tuy thế mà luôn ba năm nay Hội Digamma Pi – gọi tắt là Digam – đều có hội viên tốt nghiệp được cử ra đọc diễn văn cáo biệt và chiếm được Huy Chương Hug Loizeau về khoa Giải phẫu Thực Nghiệm.

¹ Bất nguyên văn là Barb, một sinh viên đại học Hoa kỳ không tham gia một hội nào do sinh viên tổ chức.

² Hy Lạp Tự Mẫu Liên Nghị Hội nguyên văn là Greek Letter Society, Hội Ái Hữu hay Liên Nghị do sinh viên đại học Hoa kỳ tổ chức dùng mẫu tự Hy Lạp để đặt tên hội, như Alpha, Beta...

Mùa Thu năm nay hội viên Digam tuyển Ira Hinkley, vì họ đã nổi tiếng là chơi bời phóng đảng – người ta đồn rằng đêm khuya họ thường lén đem gái vào Hội quán – và ông Khoa Trưởng không thể nào báo một hội có Mục sư Hinkley lại đòi bại thiếu đạo đức được, đó là một điều rất lợi và họ có thể tha hồ tiếp tục làm bậy.

Martin từ trước vốn thích lối sống tự do trong căn phòng riêng của chàng, còn ở một Liên Nghị Hội thì tất cả, từ những chiếc vợt ten nít, chiếc quần, cho đến ý kiến đều là của chung. Thấy Martin do dự chưa biết có nên vào Hội hay không, Ira khấn khoản nói: “Ồ, thôi vào đi anh! Digam cần có anh. Anh học gạo – tôi sẽ đề cao anh – và anh có cơ hội gây ảnh hưởng tốt cho Tụi Bạn Chúng Nó, anh cứ nghĩ mà xem”.

(Bất cứ lúc nào, hễ nói đến các bạn đồng học, Ira đều gọi Tụi Bạn hay Tụi Bạn Chúng Nó ngay cả những khi đọc kinh cầu nguyện ở Thanh Niên Công Giáo chàng cũng thường hay dùng từ ngữ này).

Martin nói:

Tôi chẳng muốn gây ảnh hưởng cho ai cả, tôi chỉ muốn học y khoa và mỗi năm kiếm sáu ngàn đôn thôi.

Này anh, anh có biết mỗi lần anh giở cái giọng mỉa mai trào lộng ấy ra là anh điên không? Bao giờ bằng tuổi tôi rồi anh sẽ hiểu vinh dự của một bác sĩ là có thể vừa truyền bá cho nhân loại những lý tưởng cao siêu, vừa chữa cho họ khỏi những nỗi đau khổ về thể xác.

Nhưng nếu họ không cần gì tới cái loại lý tưởng cao siêu của tôi thì sao?

Anh Mart à, chả lẽ tôi phải nghỉ tay để cầu nguyện với anh sao?

Thôi, thôi! Tôi xin hàng! Hinkley này, thành thực mà nói, kể tất cả những tin đồ cơ đốc mà tôi đã gặp, chỉ có anh là cái gì cũng muốn nắm phần hơn một cách... thối không thể nghĩ được. Ở trong lớp, anh muốn đập ai thì đập, và cứ nghĩ đến khi anh đi truyền giáo, anh sẽ hành hạ những người không theo đạo như thế nào, anh sẽ bắt tội trẻ con mặc quần xà lỏn như thế nào, và anh sẽ phá đám những cặp tình nhân đương yêu nhau sung sướng để làm lễ cưới cho họ lấy nhầm người khác, thì tôi lại muốn khóc thét lên!

Cứ nghĩ đến cái viễn cảnh phải bỏ chỗ đương ăn ở tự do để tới chỗ bị Mục sư Hinkley chặn dắt bảo trợ, Martin không thể chịu được. Mãi tới khi

thấy Angus Duer cũng gia nhập Hội Digamma Pi chàng mới gia nhập theo.

Duer là một trong số rất ít bạn đồng học của Martin ở Ban Văn Khoa đã theo chàng cùng tới học Ban Y Khoa ở Winnemac. Chính Duer đã được cử ra đọc bài diễn văn cáo biệt ngày mãn khóa. Tính tình trầm lặng, mặt xương xương rắn rỏi, tóc xoăn, khá đẹp trai, chàng không bao giờ bỏ phí lấy một tiếng đồng hồ nào hoặc có một hành động nào vô ích về môn sinh vật học và hóa học, chàng xuất sắc đến nỗi có một bác sĩ chuyên khoa giải phẫu ở Chicago đã hứa dành cho chàng một chỗ làm ở bệnh viện của ông ta. Martin thường ví Duer như một lưỡi dao cạo vào một buổi sớm mai tháng giêng; chàng ghét Duer, bực mình khó chịu với Duer, mà lại muốn ganh tỵ, muốn được bằng Duer. Chàng biết về môn sinh vật học, Duer quá bận rộn về kỳ thi, nên không thể suy nghĩ kỹ để có một khái niệm tổng quát về môn này. Chàng biết Duer là một tay hóa học quỷ quái, làm rất giỏi và rất lẹ tất cả các cuộc thí nghiệm cần thiết trong chương trình và không bao giờ có gan tự mình có sáng kiến làm những cuộc thí nghiệm có thể đưa mình tới chỗ mơ hồ của một cảnh giới huyền diệu

phi thường, có thể đem lại cho mình một là vinh quang, hai là tai họa. Chàng biết chắc rằng Duer cố luyện cho mình có thái độ lạnh lùng cao ngạo để các giáo sư phải chú ý tới. Nhưng dẫu sao thì trong cái đám sinh viên đã không hoàn thành nổi các cuộc

thí nghiệm, lại cũng không biết cân nhắc suy nghĩ hay làm nên được việc gì, ngoại trừ việc hút điếu ống và theo dõi các cuộc tập dượt đá banh, riêng Duer đã nổi bật hẳn lên, khiến Martin tuy ghét Duer đấy nhưng cũng yêu Duer đấy, và hầu như đã ngoan ngoãn theo Duer gia nhập Hội Digamma Pi.

Martin, Ira Hinkley, Angus Duer, Clif Clawson vua pha trò nhất lớp, và Fatty Pfaff cùng làm lễ gia nhập Digamma Pi một lúc. Buổi lễ rất ồn ào mà cũng đến khổ sở vì có vụ phải ngửi hơi nhựa thối asafetida. Martin bực mình lắm, còn Pfaff Mập thì sợ dấy nẩy, co quắp cả người lại mà kêu oai oái.

Trong số tất cả sinh viên mới nhập học năm thứ nhất, anh chàng Mập là người hữu dụng nhất cho Digamma Pi. Vì bản tính lành nên Anh chàng Mập thành cái đích cho mọi người trêu chọc làm trò cười. Trông Anh Chàng Mập như cái túi cao su

đựng nước nóng căng phồng lên; ngu ngốc không thể chịu được; ai nói gì cũng tin; chẳng biết một tý gì, chẳng để bụng một tý gì; chỉ chăm chăm lo tha lỗi cho mấy anh cứ lúc nào rảnh rỗi là họ lại trêu chọc anh chàng lúc ấy. Họ thuyết phục anh chàng rằng cao dán làm bằng mù tạt chữa cảm lạnh rất thần hiệu – rồi họ ân cần xúm lại vây quanh anh chàng, dán một lá cao thật bự lên lưng anh chàng, rồi sau lại tung tiu bóc đi. Lại một hôm Chủ Nhật – khi Anh Chàng Mập sửa soạn đến ăn cơm chiều ở nhà một cô em họ ở Zenith, họ lén bỏ cái tai một thây ma vào chiếc khăn tay mới, đẹp để sạch sẽ giặt ở túi áo của anh chàng... Đương bữa ăn, anh chàng rút khăn ra khoe vung vẩy.

Đêm nào, trước khi đi ngủ, Anh Chàng Mập cũng phải lôi ở chăn nệm, khăn giường ra đủ thứ mà các bạn ở chung nhà đã cẩn thận giấu kỹ vào đấy – nào là xà bông, nào là đồng hồ báo thức, cho đến cả họ cũng không tha nhét đầy cả vào giường. Anh Chàng Mập còn là khách hàng lý tưởng để mọi người bán đẩy đi những món đồ vô dụng. Clif Clawson đã tình nghịch lập mưu buôn một món hàng bỏ bán cho Anh Chàng Mập một cuốn “Lịch Sử Y Khoa” bốn đô la mà Cliff mua cũ có hai đô

la. Anh Chàng Mập mua rồi có bao giờ đọc đến đâu sức mấy mà đọc được. Có cuốn sách đó dày bự ấy, anh chàng tưởng mình như thông thái lắm. Nhưng cái ân huệ lớn nhất của Anh Chàng Mập đối với Hội Digamma Pi là đức tin về thuyết tâm linh của anh chàng. Anh chàng sợ ma kinh khủng; đêm nào cũng thấy ma hiện ra ở cửa sổ phòng giải phẫu. Các bạn đồng học không bao giờ quên làm cho anh chàng thấy có rất nhiều bóng ma lờn vờn ở khắp các hành lang Hội Quán.

VI

Hội Quán Digamma Pi đặt tại một tòa nhà xây trong những ngày rục rờ của năm 1885. Phòng khách trông như vừa trải qua một cơn gió lốc. Bàn thì đầy vết dao rạch khắc, ghế Morris thì gãy chân, cụt tay, thân thì rách nát từng mảnh vút lung tung, khán phòng bừa bãi những sách long gáy, giấy đánh khúc côn cầu, mũ, đầu mẫu thuốc lá hút thừa. Trên gác thì cứ bốn người một phòng ngủ, giường bằng sắt có hai tầng, như loại phòng hạng bét trên tàu thủy.

Tụi Digan lấy sợ người của đôi ra làm đĩa đựng tàn thuốc lá; trên vách phòng ngủ treo đầy những bản vẽ cơ thể để họ có thể vừa mặc quần áo vừa

học. Trong phòng Martin có cả một bộ xương người đầy đủ. Chàng và mấy bạn đồng phòng đã mua chịu của một người mại bản của một hãng cung cấp đồ giải phẫu ở Zenith. Người này rất vui vẻ hòa nhã, nào mời các cậu hút xì gà, nào kể cho các cậu nghe truyện những tay tốt nghiệp Đại học, nào giải thích cho các cậu biết tương lai các cậu sẽ trở nên những bác sĩ danh tiếng và giàu có. Các cậu khoái trí mua ngay bộ xương theo lối trả góp... và sau anh mại bản không còn vui vẻ như trước nữa.

Martin ở chung phòng với vua pha trò Clif Clawson, Pfaff Anh Chàng Mập, và một y sinh năm thứ hai tính nết đứng đắn, tên là Irving Watters.

Nếu có nhà tâm lý học nào muốn kiếm một người hoàn toàn bình thường để chứng minh thực nghiệm thì không thể chọn ai hơn là Irving Watters. Chàng lúc nào cũng chậm chạp, chậm chạp một cách quá thận trọng, tươi cười dễ tính, đáng tin cậy, nhưng chậm chạp. Nếu có câu văn sáo nào chưa dùng đến, đó là tại chàng chưa được nghe ai nói tới mà thôi. Chàng tin tưởng luân thường đạo lý – trừ có chiều Thứ Bảy, chàng tin tưởng Thánh Công Hội – nhưng không tin tưởng Cao Phái Giáo

Hội; chàng tin tưởng Hiến Pháp, học thuyết của Darwin, những môn thể thao có phương pháp ở trường thể dục, và thiên tài của ông Viện Trưởng Viện Đại Học.

Trong bốn người bạn đồng phòng ấy, Martin thích Clif Clawson nhất. Clif là anh hề của Hội Quán, chàng có giọng cười khàn khàn, chàng vừa gõ đế giày vừa nhảy vừa hát những bài ca vô nghĩa lý, chàng tập cả thổi kèn, dù sao chàng cũng là một người bạn tốt, nhiệt thành, và Martin trong khi ghét Ira Hinkley, sợ Angus Duer, thương hại Pfaff Mập, chán ngán cái tính tốt chậm rề rề của Irving Watters, chàng hướng về anh chàng Clif Clawson, anh chàng to mồm to miệng, có một cái gì linh hoạt và ham từng trải việc đời. Ít ra Clif cũng có tính thực tế, cái thực tế của một cánh đồng mới cày, của một cánh đồng phân bón đương bốc hơi. Chỉ có Cliff là chịu đánh quyền với chàng; Clif tuy thích ngồi hàng giờ hút thuốc lá, hay nằm ườn ra khoái trá, lâu bà lâu bầu những gì gì ở trong miệng, nhưng Martin vẫn có thể rủ chàng cùng làm một cuộc đi bộ chín mươi cây số chơi.

Và chính Clif đã dám liều chết ném hạt đậu hầm vào Mục sư Ira Hinkley trong một bữa ăn chiều,

khi Ira đương lấy giọng kẻ cả ngọt ngào dạy đời.

Ở Phòng giải phẫu ra, Ira đã giận điên lên về những ý tưởng của Martin, vì những ý tưởng này chưa được Trường Đại Học Cơ Đốc Pittsburg công nhận, nhưng ở Hội Quán thì chàng là một ông thầy đời khó chịu hết chỗ nói. Chẳng bao giờ chàng chịu bỏ không tìm cách ngăn cản mọi người nói những lời báng bổ, xúc phạm đến thần thánh. Sau ba năm ở trong một đội banh tại một nơi thâm lâm địa giới, chàng vẫn còn lạc quan tin tưởng như trước rằng chàng có thể quả trách bạn bè theo lối một cô giáo già lớp Thánh Kinh Chủ Nhật, biết chọn đúng lúc để khiển trách học viên và bắt chước tài khéo léo của một con voi khi cất hàng để “khử trùng” giáo hóa bọn thanh niên.

Ira còn có cả những bản thống kê về Nếp Sống Thanh Tịnh.

Chàng có đủ thứ thống kê. Chàng không cần biết chàng đã nhật được ở đâu; những con số trên các nhật báo, trong các bản báo cáo kiểm tra, hay trong Mục Tệp Lục của tờ “Linh Hóa Thông Báo” đều có giá trị như nhau hết. Trong một bữa cơm chiều, chàng tuyên bố:

Anh Clif này, tôi lấy làm lạ không hiểu tại sao

một người thông minh như anh mà lại có thể đi ngâm một cái pipe cũ bẩn thỉu như thế được. Anh có biết là có đến 67,9 phần trăm tổng số phụ nữ bị giải phẫu, có chồng hút thuốc không?

Clif hỏi:

Nếu không hút thuốc thì họ hút cái quái gì?

Martin thì hỏi:

Anh kiểm đâu ra những con số ấy thế?

Ira nhin đáp:

Tôi lấy trong biên bản của một hội nghị y khoa ở Philadelphia năm 1902. Cố nhiên tôi không tin rằng điều đó có thể ảnh hưởng tới một bọn ngu xuẩn mà cứ tưởng mình khôn ngoan như các anh, một ngày kia sẽ lấy người vợ xinh tươi đẹp để để làm hại cả một đời người ta, vì những tính hư tật xấu của các anh. Chắc chắn là như vậy, nhưng thôi cứ hút đi – các anh can đảm và hùng dũng lắm! Còn một kẻ thuyết giáo yếu đuối nhu nhược như tôi thì đâu dám làm một việc gì can đảm như các anh hút ống điếu!

Nói xong chàng bỏ đi một cách đắc thắng, nhưng Martin cầu nhàu:

Ira làm cho mình muốn bỏ học thuốc ra làm một anh thợ đóng yên cương lương thiện chắc.

Pfaff Mập phản nản:

Ô kìa, Mart, anh chẳng nên thóa mạ Ira như thế. Tính anh ấy thành thực lắm.

Thành thực à? Thành thực cái cóc khô! Nói như cuội ấy!

Trong khi họ nói chuyện lằng nhằng với nhau như vậy thì Angus Duer chỉ im lặng ngồi nghe – cái im lặng của kẻ cả bề trên – làm cho Martin nổi sùng lên. Trong lúc theo đuổi một nghề mà chàng khát vọng cả một đời chàng, thì nhiều lúc tâm hồn chàng thấy bức dọc hay trống trải, mà nhiều lúc cũng thanh thoi, thu thái; chàng không thấy một con đường rõ rệt nào để đi tới Chân Lý, mà chỉ thấy hàng ngàn con đường đi tới hàng ngàn chân lý xa vời mờ mịt đâu đâu.

CHƯƠNG 3

JOHN A. ROBERTSHAW, John Aldington Robertshaw, giáo sư sinh lý học ở Trường Thuốc, hơi bị nghễnh ngãng, và ông là giáo sư duy nhất của Viện Đại Học Winnemac còn mang bộ ria mép vĩnh nhon lên. Ông ở Back Bay tới; ông lấy làm hãnh diện về điều ấy và không ngần ngại nói ra cho mọi người biết. Ông cùng với ba nhân vật Bà la môn khác họp thành một kiểu bang Boston ở Mohalis, chủ trương một lối sống hiền hòa nhưng bất khuất và một lối ánh sáng được che dịu bớt đi cho vừa phải thích đáng. Cứ gặp dịp là ông lại kể “Hồi tôi còn học với Ludwig ở bên Đức...” Ông chỉ mãi lo giữ gìn tư cách cho đoan chính, nên chẳng lưu tâm đến cá nhân của sinh

viên, thành thử Clif Clawson và mấy thanh niên nổi tiếng là quý sứ chỉ mong cho tới giờ học môn sinh lý của ông để nghịch.

Giờ Sinh lý dạy trong một giảng đường có những hàng ghế xếp cong cong như vành móng ngựa, khiến giảng sư không thể nhìn thấy cùng một lúc cả hai đầu hàng ghế ở hai bên tả hữu, vì thế cho nên một hôm ông đương đều đều giọng giảng về huyết dịch tuần hoàn và mãi nhìn về bên phải để xem sinh viên nào xấc láo, đã gây ra cái tiếng như tiếng còi xe hơi ấy, thì ở đằng xa kia về bên trái, Clif Clawson đứng lên bắt chước điệu bộ của ông khoa khoa cái tay và vuốt bộ ria mép tưởng tượng. Lại có một lần Clif làm một công việc tuyệt tác là ném một hòn gạch đúng vào trong cái chậu đặt bên cái bục gỗ của Bác sĩ Robertshaw đứng, đúng ngay vào lúc bác sĩ đương “ca đoạn chót” của bài nói về ảnh hưởng của những miếng đồng đối với cường độ những động tác phản ứng của gân đầu gối.

Martin đã đọc những bài báo nói về khoa học của Max Gottlieb – sức đọc được nhiều chừng nào, chàng đọc nhiều chừng nấy, cả những ký hiệu toán học rắc rối khó khăn nữa – cho nên chàng mới yên trí tin rằng sự thí nghiệm phải là một

cái gì có liên quan với căn nguyên của sự sống, sự chết, với bản chất của sự nhiễm trùng, với môn hóa học về sự phản ứng của các cơ thể. Vì vậy khi Robertshaw “thỏ thẻ” nói về những cuộc thí nghiệm cổ điển, những cuộc thí nghiệm kiểu mẫu quá dễ để cho mấy cô gái già xem, thì chàng lấy làm bực mình khó chịu lắm. Khi còn ở trung học, chàng đã thấy hai môn học làm thơ và làm luận văn La tinh là vô dụng, và ao ước về sau được học y khoa để mở mang trí tuệ hơn. Đến bây giờ, trong lúc buồn phiền lo lắng về tính tình vô lý của chính mình, chàng thấy mình cũng bắt đầu có ý khinh miệt những quy tắc dựa theo kinh nghiệm thực tế của Giáo sư Robertshaw – và cả những công cuộc về giải phẫu học nữa.

Chính giáo sư khoa giải phẫu, Bác sĩ Oliver O. Stout là một bộ xương, một bức vẽ giải phẫu, một bộ gân, xương, mạch máu, bọc trong một lớp da mỏng teo. Stout hiểu biết rộng và tinh xác một cách phi thường; giọng tuy khô khan, nhưng ông có thể nói rất nhiều chuyện về ngón út của bàn chân trái, nhiều đến nỗi không ai ngờ trên đời này lại có người có thể chuyên tâm nghiên cứu về một ngón út của bàn chân trái như vậy.

Trong bữa cơm chiều ở Hội Quán Digamma Pi, không có cuộc bàn cãi nào sôi nổi bằng cuộc bàn cãi liên miên về giá trị một bác sĩ, một bác sĩ bình thường, đúng đắn, kiếm tiền một cách lương thiện, và không bao giờ quan tâm đến việc thuyết trình này nọ ở các hội nghị y khoa, hay đến việc nhớ các danh từ cơ thể học. Tuy nhiên các cậu muốn nghĩ thế nào thì nghĩ, chú thực ra cậu nào cũng đêm ngày học gạo những bản liệt kê các danh từ nó có thể giúp cho các cậu thi đỗ trôi chảy và trở nên Nhà Trí Thức có giá trị năm ngàn đô la một giờ trên thị trường. Không biết nhà thông thái vô danh nào đã đặt ra những câu vè để giúp cho các cậu dễ nhớ. Bữa ăn – ba chục tên “côn đồ của Đảng Digamma Pi” ngồi quanh một chiếc bàn dài, ngón nào là canh sò, nào là đậu, nào là cá viên, bánh chuối – mấy tên “lính mới tò te” sinh viên năm thứ nhất, vừa ăn vừa nhai lại những câu vè của mấy “tên lính cũ” truyền khẩu cho:

On old Olympus topmost top

A fat eared German viewed a hop.

Nhờ chấp nối những chữ đầu của hai câu vè mà họ nhớ được tên của mười hai sợi dây thần kinh ở trên sọ: olfactory (thuộc về khứu giác), optic

(thuộc về thị giác), oculomotor (chuyển động nhãn cầu), trochlear (cốt xa), vân vân và vân vân. Đối với bọn họ, đó là những câu thơ tuyệt tác cao quý nhất đời, thơ thì họ nhớ mãi mãi, hàng bao nhiêu năm sau khi hành nghề y sĩ cũng vẫn không quên, còn chính tên những dây thần kinh thì họ chẳng nhớ một tý gì cả.

II

Trong giờ cơ thể học của Bác sĩ Stout, sinh viên không phá rối âm ỹ, nhưng khi ở trong phòng giải phẫu thì họ đùa nghịch kinh người. Lối nghịch nhả nhận nhất của họ là nhét một chiếc pháo vào cái xác chết mà hai cô sinh viên còn ngây thơ trong trắng song đau khổ sắp phải đem ra mổ. Nhưng trong năm học thú nhất, câu chuyện làm cho hết thấy mọi người thực sự chấn động là câu chuyện anh chàng Clif Clawson và chiếc lá lách.

Năm đó, Clif Clawson được bầu làm trưởng lớp, vì chàng lúc nào cũng có sẵn nhiều câu chào hỏi xã giao hay không chê được. Không bao giờ gặp một bạn đồng học trong hành lang Khu Y Khoa mà chàng không có một câu chào đặc biệt: “Thế nào, sáng nay cái khúc ruột dư của anh làm việc ra sao?” hoặc “Kính chào Chú Rận Già”. Chàng chủ

tọa các buổi họp trong lớp rất đường hoàng (như những buổi họp phần uất tố cáo bọn sinh viên canh nông sử dụng máy săn quần vợt ở Khu Phía Bắc, v.v...) nhưng trong nếp sống riêng hàng ngày chàng lại không được đường hoàng như vậy.

Câu truyện kinh người xảy ra khi Ban Bình Nghị đi thăm các cơ sở trong Viện. Ban Bình Nghị gồm những nhân vật quản trị tối cao của Viện Đại Học, toàn là những ông lớn, chủ ngân hàng, kỹ nghệ gia, mục sư các Giáo Hội lớn: đối với họ, ngay đến ông Viện Trưởng cũng chẳng có ‘kí lô’ nào. Trong Viện không có cái gì làm cho họ thích thú đến rợn tóc gáy bằng phòng giải phẫu. Mấy ông thầy tu thì thuyết về luân lý, ảnh hưởng tai hại của rượu chè đối với bọn dân nghèo; mấy ông chủ ngân hàng thì nói đến cái lối hay coi thường quỹ tiết kiệm, không chịu dành dụm tiền bạc mà người ta luôn luôn thấy trong bọn người chẳng đòi làm gì hơn là làm thầy ma nằm cong queo trong phòng mổ này. Đương giữa cuộc thăm viếng do Bác sĩ Stout và ông Thư ký Viện Đại Học hướng dẫn – ông này lúc nào cũng xách kè kè một cái ô đi theo – thì một ông phì nộn nhất và quan tâm đến vấn đề giáo dục nhất trong số các ông chủ ngân hàng đứng

gần bàn mổ của Clif Clawson, trình trọng cấp sau lưng một chiếc mũ “Derby”, và Clif đã vút một chiếc lá lách vào trong chiếc mũ đó.

Lá lách là một vật ướt lầy nhầy ghê gớm mà lại nằm ngay trong lòng chiếc mũ mới toanh của mình thì có kinh tởm không, cho nên khi trông thấy nó ông chủ ngân hàng vội quăng ngay chiếc mũ xuống đất và kêu sinh viên Đại Học Winnemac là quỷ sứ. Bác sĩ Stout và ông thư ký phải an ủi ông ta mãi, hai người đem mũ đi lau chùi sạch sẽ và hứa sẽ trừng trị nặng kẻ đã dám bỏ chiếc lá lách vào mũ một ông chủ ngân hàng như vậy.

Bác sĩ Stout cho gọi ngay Clif lên khiển trách, vì chàng là trưởng lớp đệ nhất. Chàng triệu tập cả lớp lại và than van rằng bất cứ một sinh viên nào của Winnemac cũng có thể bỏ một chiếc lá lách vào mũ một ông chủ ngân hàng và yêu cầu thủ phạm hãy can đảm đứng lên nhận tội.

Không may là Mục sư Ira Hinkley ngồi giữa Martin và Angus Duer đã trông thấy Clif vút chiếc lá lách ấy. Ira càu nhàu:

Thực là quá lắm! Tôi phải tố cáo Clif mới được, tuy nó cùng ở một tổ chức liên hội nghị với tôi cũng mặc.

Martin phản đối:

Thôi đi cha. Muốn nó bị đuổi à?

Nó đáng bị đuổi lắm!

Angus Duer quay sang nhìn Ira rồi nói:

Anh có vui lòng cảm ngay cái miệng lại không?

Thấy Ira chịu nhin, Martin càng cảm phục đồng thời càng ghét Angus hơn bao giờ hết.

III

Những lúc Martin chán nản tự hỏi không hiểu vì lẽ gì chàng lại vào đây, nghe giáo sư Robertshaw đọc đi đọc lại mấy câu về “A fat eared German...” học cái nghề lang băm như anh chàng Pfaff Mập hay anh chàng Irving Watters, nhưng lúc đó Martin xoay ra tìm an ủi ở những trò mà chàng vẫn cho là trụy lạc. Hiện tại mới chỉ là những trò trụy lạc nho nhỏ, ít khi đi quá độ như sang thị xã Zenith ở phụ cận nhậu nhẹt la ve, hay tìm đón những nụ cười khõe mắt của mấy cô gái công nhân xưởng máy đi diễu quanh mấy con đường vắng vắng buổi tối, nhưng với Martin vốn tự hào về sức lực dồi dào, vui vẻ vì đầu óc sáng suốt, mấy trò này về sau đối với chàng có vẻ bi thảm ghê gớm lắm.

Người bạn có thể tin cậy nhất Clif Clawson. Dù có uống bao nhiêu la ve xấu đi nữa, Clif cũng

không bao giờ say hơn lúc bình thường mấy tý. Và Martin chịu ảnh hưởng cái tính khinh khoái hoạt bát của Clif; còn Clif thì chịu ảnh hưởng cái tính hay suy tư lý luận của Martin. Ngồi ở căn phòng cuối trong một quán rượu, bên một chiếc bàn nhóp nhép những vòng tròn long lanh nước la ve ở tròn ly dính xuống, Clif khua ngón tay, nói lú lú cả lưỡi:

Anh Mart à, anh là người duy nhất hiểu tôi. Anh biết, tất cả những chuyện rùm beng, và tất cả những truyện bảo rằng mình cần phải có tính cách thương mại mà tôi nói trước mặt mấy thằng học gạo như Ira Hinkley, tôi chỉ nói đùa chơi thôi chứ tôi cũng kinh tởm óc thương mại như anh vậy.

Martin chuyển choáng hơi men đồng ý đáp:

Tất nhiên là như vậy, tôi biết chứ. Anh đúng như tôi. Trời, anh có biết không – mặt bị thịt như Irving Watters hay vô lương tâm như Angus Duer, và cả cái lão Gottlieb nữa! Lý tưởng suu tầm với khảo cứu! Cóc khô! Cái gì mới có vẻ xác thực là chẳng bao giờ ông ấy chịu cả! Một thân một mình, bất chấp dư luận, đứng chôn chân như một viên thuyền trưởng trên cầu tàu, làm việc cả đêm, cái gì cũng tìm đến căn nguyên cội rễ mới thôi!

Đúng! Đúng! Tôi cũng nghĩ như vậy. Mình hãy uống thêm một ly nữa đi. Nào uống đi.

Zenith nơi đây quán rượu, ở cách Mohalis và Viện Đại Học Winnemac mười lăm dặm; đi mất nửa giờ xe điện – loại xe điện công-kênh chạy âm âm từ thị xã này sang thị xã kia ấy mà – bọn sinh viên trường thuốc thường kéo nhau tới đó để phá phách. Nghe cậu nào nói “Đêm nay xuống phố” là một dịp để cho người ta nhăm nháy đưa mắt ra hiệu với nhau. Nhưng với Angus Duer thì Martin lại khám phá ra một Zenith mới lạ.

Một hôm đương ăn cơm chiều, Duer bất chợt bảo, “Xuống phố nghe nhạc chơi với tôi đi”.

Ở trong lớp Martin vẫn cho mình là giỏi, nhưng về văn chương, hội họa và âm nhạc thì chàng mù tịt, chẳng biết gì cả. Anh chàng Duer mặt lúc nào cũng trắng bệch, vô tình cảm, chỉ ham lợi thôi mà lại chịu lãng phí thời giờ đi nghe nhạc, Martin thấy là cả một chuyện lạ. Chàng khám phá ra rằng Duer rất hâm mộ hai nhà soạn nhạc Bach và Beethoven, hình như người Đức thì phải, và ở trên đời có nhiều chuyện chính chàng chưa hiểu hết. Ngồi trên xe điện, nét mặt của Duer bớt vẻ nghiêm trang đi, chàng chợt nói: “Nay Mart này, nếu Trời

sinh ra tôi không phải để mở xẻ lục phủ ngũ tạng con người ta thì chắc chắn tôi đã là một nhạc sĩ đại tài rồi! Đêm nay tôi sẽ dẫn anh lên thẳng tận Thiên Đàng!”

Martin thấy mình ở giữa một đám hỗn độn những chiếc ghế nhỏ, những chiếc vòm hình cung rộng lớn thếp vàng chói lọi, những bà trông rất lễ phép nhưng ra vẻ chề bai dè bủ, trên đùi để một tập chương trình, ở bên dưới thì các nhạc sĩ kém mơ mộng làm bật lên những tiếng nghe chẳng vui tai chút nào và cuối cùng trình bày cái đẹp mà chàng không thể nào hiểu nổi, nó gọi cho chàng thấy những cảnh đồi cao rừng thẳm, rồi bất thành linh biến thành lá nhải khó chịu mãi không dứt. Chàng phấn khởi nghĩ thầm: “Rồi ta sẽ có hết – danh vọng của Max Gottlieb này – nghĩa là tài năng của ông ấy này – nhạc hay này – gái đẹp này – Hà! Ta sẽ làm những chuyện vĩ đại. Đi khắp thiên hạ... Nhưng chẳng biết bản nhạc này kéo mãi đến bao giờ mới hết đây?”

IV

Một tuần sau buổi đi nghe hòa nhạc đó, Martin lại khám phá thêm điều mới lạ ở Madeline Fox.

Madeline là một thiếu nữ rất xinh đẹp, rất tươi

tấn, dễ cảm xúc và cũng rất độc đoán, Martin quen từ hồi còn học Văn Khoa. Nàng vẫn tiếp tục học, nói là để lấy thêm chứng chỉ về Anh văn, nhưng thực ra là để khỏi phải về quê ở. Nàng tự cho mình là một tay chơi quần vợt giỏi; nàng chơi mạnh, đột kích nhanh, nhưng thiếu phương pháp. Nàng cũng tự tin mình sành sỏi về văn chương; những người có cái diễm phúc được nàng tán thưởng là Hardy, Meredith Howells và Thackeray; đã năm năm rồi nàng chẳng đọc một tác phẩm nào của mấy tác giả này. Nàng vẫn thường trách Martin không biết thưởng thức Howells, hay mặc sơ mi ni mỏng và không chịu đỡ nàng xuống xe điện như kiểu các nhân vật trong tiểu thuyết. Hồi còn ở Ban Văn Khoa, hai người đã đi khiêu vũ với nhau nhiều lần, nhưng Martin chỉ là một anh chàng nháy hăng hơn là đúng nhịp, cho nên các cô nhiều khi chẳng hiểu Martin định nhảy điệu gì. Chàng thích cái dáng người cao, đẹp và khỏe mạnh của Madeline; chàng cho rằng với cái đức tính đầy tu dưỡng, đầy nghị lực của nàng, dẫu sao nàng cũng có thể giúp ích được cho chàng. Năm nay chàng ít gặp nàng. Đêm khuya chàng thường nhớ tới nàng, cứ định tâm sẽ gọi điện thoại nói chuyện với nàng

song rồi lại không gọi. Nhưng mỗi khi thấy nghi ngờ ở khoa Y học, thì chàng lại khao khát cảm tình của nàng; thế rồi một buổi chiều Xuân ngày Chủ Nhật, chàng đến dẫn nàng đi dạo trên bờ sông Chaloosa.

Từ dốc bờ sông, đồng cỏ trải dài ra thành những cánh đồng gọn sóng xanh mượt. Trong những ruộng lúa dài, những mục trường gỗ gề lồm chồm, những cây sồi cằn cỗi và những cây phong xanh rờn, phảng phất có tinh thần mạo hiểm của những người đi khai khẩn đất hoang, hai người giống như các thanh niên quen sống ở đồng bằng, dắt nhau đi lang thang trên dốc bờ sông và bảo nhau sẽ đi chinh phục thiên hạ.

Chàng than thở:

Cái lũ sinh viên trường thuốc “chó má” ấy...

Madeline nói:

Ấy kìa anh Martin, anh tưởng hai tiếng chó má hay lắm đấy hử?

Sự thực chàng cho hai tiếng ấy rất hay lúc nào cũng tiện dụng cho những người bận rộn công việc, nhưng chàng thấy nụ cười của nàng quyến rũ.

Vâng thì... lũ sinh viên khốn nạn, chúng nó có học khoa học gì đâu, chúng nó chỉ học nghề buôn.

Chúng nó chỉ cốt học cho đủ biết để làm tiền. Chúng nó chẳng có nói gì đến chuyện cứu nhân độ thế, mà chỉ thấy nói đến “trường hợp không vót vát được” – nghĩa là không vót vát được một đồng một chữ

nào! Mà có khi họ cũng chẳng cần cóc gì đến trường hợp không vót vát được, nếu đó là một cuộc giải phẫu có thể làm chấn động y giới, quảng cáo cho họ! Anh ngán chúng nó quá chừng! Em thấy chúng nó có đứa nào lưu tâm đến những công cuộc khảo cứu của Ehrich ở bên Đức không – à, phải, ngay đến công cuộc của Max Gottlieb hiện tại đương khảo cứu tại đây chúng nó có lưu tâm đến hay không? Giáo sư Gottlieb vừa đập một đòn nặng vào thuyết điều lý tố “opsonin” của Wright?

Ông ấy đập thật ư anh?

Đập thật chứ còn gì nữa! Đập mạnh là đằng khác! Và em có thể tưởng tượng là không có một sinh viên y khoa nào xúc động về việc này không? Chắc không! Chúng nó bảo “Ồ, hửn thế, khoa học như thế này là khá lắm rồi; chả gì cũng giúp bác sĩ điều trị được bệnh nhân, nói thế xong rồi chúng nó lại xoay sang bàn cãi với nhau xem ở một độ

thị lớn hay ở một tỉnh nhỏ, ở đâu chúng nó có thể kiếm được nhiều tiền hơn, hay nên gia nhập Giáo hội, giữ bộ điều nghiêm trang đúng đắn hơn. Em phải nghe Irving Watters nói mới hiểu được lòng dạ nó. Nó chỉ có mỗi một ý nghĩ là: kẻ thành công trong y giới, có đông bệnh nhân, có phải là đứa đã học thuộc bệnh lý không? Ô, không, kẻ thành công là kẻ kiếm được một phòng mạch ở góc đường Đông Bắc, gần trạm xe điện, có số điện thoại mà bệnh nhân dễ nhớ! Thực thế! Nó nói thế đấy! Anh thế là tốt nghiệp xong rồi anh sẽ làm y sĩ dưới tàu thủy.

Như vậy mình được đi khắp thế giới, và ít ra cũng khỏi phải chạy lên chạy xuống khắp tầng trên tầng dưới tàu để lôi kéo bệnh nhân, cạnh tranh với một y sĩ nào đó trên một chiếc tàu khác!

Ồ, em hiểu; thực đến sợ cái lối làm việc mà chẳng có lý tưởng gì cả. Phần nhiều sinh viên tốt nghiệp Anh văn cũng chỉ nghĩ đến chuyện đi dạy để kiếm tiền, chứ không nghĩ rằng học cho rộng kiến văn như em đâu.

Thấy nàng có vẻ muốn tỏ ra mình cũng cao thượng như ai, Martin đâm ra lúng túng, và chàng càng lúng túng hơn khi nghe nàng thở thê thêm:

Nhưng dẫu sao người ta cũng cần phải thực tế một chút, có phải không anh? Martin, anh thử nghĩ xem một bác sĩ thành công có nhiều tiền hơn – ấy không, em định nói có nhiều quyền thế và địa vị xã hội hơn mấy khoa học gia chỉ chú ý đầu làm việc mà chẳng được lợi lộc gì, chẳng hiểu trên đời xảy ra những chuyện gì. Anh cứ xem một bác sĩ giải phẫu như bác sĩ Loizeau đi một chiếc xe hơi lộng lẫy đến nhà thương, có tài xế mặc chế phục lái, và tất cả bệnh nhân đều tôn kính, còn một đảng thì bác sĩ Gottlieb nhà anh hôm nọ có người chỉ cho em coi, ông ấy mặc một bộ quần áo tàng hết chỗ nói, còn tóc thì em tin chắc là đã đến ngày ông ấy phải đi cho người ta hớt từ lâu rồi mới phải!

Martin tức quá mắng nhiếc nàng đủ điều, nói bóng nói gió lung tung, y như một anh cuồng tín nghe người ta nói chàm đến tôn giáo mình. Hai người ngồi trên một cái hàng rào cũ, cong queo, dưới rặng cây mã đề nắng chói, đầy tiếng côn trùng đầu Xuân kêu rí rả. Nghe chàng tuôn ra một tràng dài lý sự chấp nê như vậy, nàng mất cả đức độ dịu dàng mềm mỏng, nàng thét lên:

Vâng, bây giờ em hiểu rồi, em hiểu rồi, (nàng không nói rõ là hiểu cái gì). Ô, quả thực anh là người

có tâm huyết quý hóa đáng khen, và có... có lòng thanh liêm, chính trực quý hóa đáng khen lắm.

Có thực không? Em thấy như vậy hả?

Thực mà! Em thấy như vậy mà, em dám chắc là anh sẽ có một tương lai rực rỡ. Thấy anh không có óc con buôn như người khác, em thích vô cùng. Chúng nó muốn nói gì thì nói anh đừng thềm để ý tới!

Chàng để ý thấy Madeline không những là một người trí óc thông minh, đỉnh đạt, hiếm có, mà còn là một thiếu nữ đẹp mê hồn – nước da tươi mát, ánh mắt dịu hiền, vóc dáng đều đặn dễ thương. Khi hai người quay về, chàng nhận thấy nàng đúng là người bạn lý tưởng của chàng trên đường đời. Chàng sẽ dẫn giắt nàng, để nàng biết phân biệt giữa những “lý tưởng” mơ hồ với những sự chính xác của khoa học. Hai người dừng bước trên dốc bờ sông, nhìn xuống dòng Chaloosa vẫn bùn, một dòng nước ở Miền Tây về mùa Xuân chảy xiết, cuốn theo những cành cây bông bênh trôi nổi. Chàng khao khát tình nàng, chàng hối tiếc những chuyện phiêu lưu tình cờ của một sinh viên và nhất quyết sẽ trở thành một thanh niên trong sạch và cần mẫn để “xứng đáng với nàng”.

Chàng buồn rầu than: “Ồ, Madeline, em đáng yêu vô cùng!” Nàng e lệ nhìn chàng.

Chàng nắm lấy tay nàng; và trong một cơn bỗng bột mãnh liệt, chàng liếc hôn nàng một cái, nhưng vì quá vội vã nên chỉ hôn phớt được ở một bên cằm, còn nàng thì chống cự và van xin: “Ồ, đừng, anh!”

Trong khi bước thủng thẳng về Mohalis, chàng nàng đều lơ đãng như đã không có chuyện này xảy ra, nhưng giọng nói của hai người đều dịu dàng âu yếm; nàng không còn thấy sốt ruột khi nghe chàng bới móc giáo sư Robertshaw giảng bài như cái máy nói; và chàng cũng chịu khó nghe nàng phê bình bác sĩ Norman Brumfit, giáo sư Anh văn của nàng tuy ăn nói hoạt bát vui vẻ nhưng tài học tầm thường nông cạn. Về tới nhà trọ, nàng thở dài nói:

Ước gì em có thể mời anh vào chơi, nhưng đã gần đến giờ ăn và... hôm nào anh lại thăm em nhớ!

Cuộc với em là anh sẽ đến cho mà xem.

Martin đáp, dùng đúng câu thông dụng trong ngôn ngữ yêu đương của sinh viên Đại học Winne-mac: “Cuộc với em là anh sẽ đến cho mà xem”.

Chàng rảo bước về nhà, lòng tràn ngập yêu đương. Đêm nằm trên chiếc giường nhỏ hẹp,

chàng trông thấy đôi mắt nàng lúc thì ngạo mạn, lúc thì trách móc, lúc thì nồng nàn đầy tin tưởng ở chàng. “Mình yêu nàng rồi! Mình yêu nàng thực rồi! Mình phải gọi điện thoại nói chuyện với nàng mới được – Nhưng không biết mình có dám gọi sớm vào lúc tám giờ sáng mai không?”

Nhưng tám giờ sáng hôm sau, chàng mãi học về bộ phận phân xuất nước mắt qua đến nỗi quên cả đôi mắt thiếu nữ đi, và trước khi vùi đầu học như điên để kịp kỳ thi cuối năm, chàng chỉ gặp lại nàng có một lần, công khai ở ngay cửa nhà nàng trọ, giữa đám đông những nữ sinh viên, bụng đeo dây lưng đỏ, miệng nhai đầy bánh kẹo.

V

Trong những ngày thi cử, tình thân mến giữa các hội viên Digamma Pi đã được bộc lộ hết sức rõ rệt đối với những thí sinh muốn trau dồi học vấn một cách khẩn cấp. Không biết bao nhiêu thế hệ Digams đã thu thập các bài thi và cất giữ trong cuốn “Khảo Thí” thiêng liêng của Hội; các bậc anh tài về tiểu tiết đã dụng công nghiên cứu cuốn sách từ đầu đến cuối, và lấy bút chì đỏ đánh dấu những vấn đề các giáo sư thường đem ra hỏi trong các niên khóa.

Các sinh viên năm thứ nhất chen nhau ngồi thành một vòng tròn xung quanh Ira Hinkley trong phòng họp của Hội Digamma Pi, để nghe Mục sư này đọc những câu hỏi mà thí sinh dễ bị “truy” nhất. Các cậu vặn vẹo người, vò đầu, bứt tóc, gãi cằm, cắn ngón tay, vồ thái dương, cố tìm ra câu trả lời, trước khi Angus Duer phải đọc ở trong sách ra cho họ biết.

Trong lúc họ phải học hành cực nhọc như vậy, họ lại còn phải khổ công giúp cho Anh Chàng Pfaff Mập nữa.

Nguyên vì giữa năm học môn giải phẫu, Anh Chàng Mập đã thi trượt, nên bây giờ anh ta phải thi lại, có đậu được môn đó rồi mới được dự kỳ thi cuối năm. Trong Hội, Anh Chàng Pfaff Mập được nhiều người thương mến; Pfaff Mập hiền lành, Pfaff Mập tin đạo, Pfaff Mập ngu xuẩn, tuy nhiên họ vừa bực mình, vừa thương mến Pfaff Mập như đối với một chiếc xe hơi mua cũ hay một con chó lông bám đầy bùn. Tất cả mọi người đều xúm lại giúp Pfaff Mập, cố nâng đỡ chàng vượt thoát kỳ thi như thoát một cửa ải vậy. Họ thở ỳ ạch, họ cần nhần, họ ta thán, và Pfaff Mập cũng thở ỳ ạch, cũng cần nhần, ta thán với họ.

Đêm hôm trước ngày thi đặc biệt của chàng họ bắt chàng thức tới hai giờ sáng, tiếp sức cho chàng nào là khăn mặt ướt, nào là cà phê đặc, nào là cầu Trời khẩn Phật, và cả báng bổ văng tục ra nữa. Họ đọc đi đọc lại cho chàng nghe các bản liệt kê cơ thể học, hết bản này đến bản kia; họ gio nắm tay dọa nạt la hét vào bộ mặt tròn vành vạnh, đỏ ửng và buồn thiu buồn thiu của chàng: “Con khi, có nhớ rằng cái nhị tiêm đầu biện GIỐNG Y NHƯ cái tăng mạo biện ở tim chứ KHÔNG PHẢI cái kia không?” Họ chạy khắp phòng, hai tay gio lên trời, rên rĩ: “Nó chẳng bao giờ nhớ được cái gì với cái gì cả hay sao hử Trời?” Rồi họ lại quay lại, giả vờ làm ra bộ trấn tĩnh, dỗ dành: “Này Mập này, đừng có lo lắng vô ích. Hãy điềm tĩnh lại, nghe tôi nói câu này nhé, lắng lắng mà nghe nhớ (giọng ngọt ngào) cố nhớ lấy MỘT câu này!”

Rồi họ cẩn thận dắt anh chàng lên giường ngủ. Trong bụng anh chàng chứa không biết bao nhiêu là chữ nghĩa, sợ khê va vào đâu là vung vãi ra mất hết.

Bảy giờ sáng hôm sau ngủ dậy, hai mắt đỏ ngầu, đôi môi run bần bật, chàng đã quên hết tất cả những điều đã học được hôm trước.

Hội Trưởng Hội Digamma Pi tuyên bố: “Chẳng còn cách nào hơn được nữa. Chỉ còn mỗi một cách là cho nó một “cuộn phim” để cho nó quay, may rủi nhờ Trời vậy chứ biết làm sao bây giờ! Tôi nghĩ thế nên hôm qua tôi đã làm sẵn cho nó một cuộn. “Phim số dách” khá đầy đủ để cho nó thoát qua kỳ này”.

Ngay đến Mục sư Ira Hinkley vì đã chứng kiến cảnh kinh hoàng đêm hôm trước, cũng phải nhăn mặt làm lơ đi như không biết âm mưu tội lỗi ấy. Nhưng chính Anh Chàng Mập phản đối: “Chưa cha, tôi không thích gian lận đâu. Tôi nghĩ một thằng không đủ sức thi đậu thì không có quyền hành nghề y sĩ. Cha tôi bảo tôi như vậy.”

Mọi người lại đổ thêm cà phê cho chàng và theo lời khuyên của Clif Clawson, tuy không biết chắc có hiệu quả không, nhưng Clif muốn thí nghiệm, họ cho chàng uống một viên potassium bromide. Anh Hội Trưởng Digamma nắm chặt lấy Anh Chàng Mập và bảo:

Tôi bỏ cuộn phim này vào túi anh trong đây này, ở túi trên ngực này, sau chiếc khăn tay đấy.

Anh Chàng Mập nhăn nhó:

Tôi không dùng tới đâu. Trượt thì thôi, tôi không cần.

Ừ được, nhưng cứ để đấy. Biết đâu anh lại chẳng thu được một vài đoạn ở trong cuốn phim qua hai lá phổi của anh, vì có Trời biết...

Nói đến đây, anh Hội Trường đưa tay lên vò đầu bứt tóc, nhớ đến tất cả cái thảm trạng đêm hôm trước cả bọn phải thức khuya, uống không biết bao nhiêu là chất nước đen đặc và ra công gắng sức một cách tuyệt vọng mà không đi tới đâu, anh ta cao giọng nói tiếp:

... có Trời biết anh không thể nào thu được qua đầu óc anh!

Rồi họ chải quần áo cho Anh Chàng Mập, kéo anh chàng đứng thẳng người lên, đẩy anh chàng ra cửa, đến Khu Giải phẫu. Họ trông theo anh chàng đi như một trái ba lông ngất ngư trên hai cẳng chân, một khúc xúc xích bọc trong chiếc quần vải xộc.

Clif Clawson ngo ngo nói:

Có thể nó sẽ không gian lận không nhỉ?

Anh Hội trường nói, giọng buồn buồn:

Nếu vậy, có lẽ mình nên lên thu xếp hòm xiểng hộ nó đi. Và cái Hội cổ lỗ sĩ này chẳng còn bao giờ có được một con dê như Anh Chàng Mập này nữa.

Họ thấy Anh Chàng Mập đứng lại, rút khăn tay

ra hỷ mũi một cách thiếu não – và khám phá thấy một tờ giấy dài và mỏng. Họ thấy anh chàng cau có nhìn tờ giấy, vân vê trên tay, rồi đọc, rồi nhét vào túi như cũ, và tiếp tục đi về cương quyết hơn.

Họ cầm tay nhau nhảy nhót lung tung ở trong phòng khách của Hội, đoán chắc với nhau “Nó sẽ quay phim cho mà xem – thôi thế cũng xong – một là nó thoát, hai là đi đong!”

Và Anh Chàng Mập đậu kỳ đó.

VI

Các Hội viên Digamma Pi đều khó chịu về những điều nghi ngờ thắc mắc của Martin hơn là về cái tính ngu ngốc của Pfaff Mập, cái giọng khàn khàn vẹt đục của Clif Clawson, cái thói hay quấy rầy mọi người của Angus Duer, hoặc cái tính hay quở mắng mọi người của Mục sư Ira Hinkley.

Trong lúc tất cả phải lo học thi một mội thì Martin vẫn cứ làm cho mọi người bực mình, nhất là về “vấn đề đặt ra những danh từ y học nghe cho thật kêu, cũng như bày ra những đồ khủ trùng tốt đẹp nhất... để loè bệnh nhân hơn là để dùng thật sự”.

Tất cả bọn Digam đồng thanh đáp:

Này, nếu anh không thích cái lối học y khoa

của chúng tôi, nếu có chết chúng tôi cũng vui lòng quyên một số tiền để tiễn đưa anh về tận cái làng Elk Mills của anh. Về đó anh khỏi bị bực mình vì cái bọn con buôn ít học chúng tôi. Nói cho mà biết! Chúng tôi không bao giờ dạy anh cách học hành ra làm sao. Vậy không hiểu anh moi ở đâu ra cái ý nghĩ dạy chúng tôi cách học hành kia chứ? Ô, thôi, xin anh hãy đập cái nút hũ lại cho chúng tôi nhờ!

Rồi Angus Duer chêm vào một câu nghe thì ngọt sót nhưng cũng chưa đao để:

Vâng thì chúng tôi xin nhận chúng tôi chỉ là một lũ thợ mộc quèn, còn anh thì là một nhà khảo kiu tài ba. Nhưng cũng có nhiều thứ có lẽ anh sẽ cần phải biết đến sau khi học xong khoa học. Tôi thử hỏi anh đã biết gì về kiến trúc? Động từ Pháp văn của anh học đến đâu rồi? Anh đã đọc được mấy cuốn tiểu thuyết rồi? Anh có biết ai là đương kim thủ tướng nước Áo Hung không?

Martin cãi lại:

Tôi không có khoe khoang là hiểu biết gì cả... trừ ra một việc là tôi biết rõ giá trị một người như Giáo sư Max Gottlieb như thế nào. Chỉ có ông ấy là biết phương pháp chính xác, còn tất cả

những giáo sư cù lần khác chỉ là hạng lang băm. Anh tưởng Gottlieb không tin đạo hay sao, anh Hinkley? Hừ, chỉ một sự có mặt của ông ấy trong phòng thí nghiệm cũng đã là một bài kinh cầu nguyện rồi. Nhưng đồ ngu các anh đâu có hiểu ý nghĩa của sự có mặt của một người như ông ấy ở đây, đưa ra những quan niệm mới về cuộc sống. Các anh đâu có...

Clif Clawson vừa há hốc mồm ra ngáp vừa ngắt lời Martin:

“Cầu nguyện trong phòng thí nghiệm à! Tôi dám cuộc với anh là trong giờ vi trùng học nếu Ba Gottlieb bắt được tôi cầu nguyện trong lúc Ba làm thí nghiệm thì tôi sẽ bị lột quần ra ngay lập tức!

Martin thét lên:

Đồ mất dạy! Tôi nói cho mà biết, các anh chỉ là cái hạng học thuốc để rồi sau này chẩn mạch đoán mò mà thôi, còn một người như...

Ấy, họ cứ cãi lý với nhau như vậy hàng giờ đồng hồ, sau khi học gạo vãi mồ hôi ra.

Khi cả bọn đã lần ra ngủ, khi cái phòng đã biến ra thành một đồng quần áo vút bừa bãi với một ổ thanh niên mệt mỏi ngáy như sấm trên dãy giường sắt, Martin ngồi một mình trước cái bàn

học dài bằng gỗ thông nứt nẻ. Angus Duer lén vào hỏi: “Này nghe đây, con! Tất cả bọn chúng tao đã chán ngấy lên vì những lời chê bai chỉ trích của mày rồi. Nếu mày cho rằng y khoa, học theo cái lối của chúng tao là hư hỏng, thối nát, và nếu mày thật thà lương thiện ghê gớm đến như vậy thì tại sao mày không cắt ra khỏi đây cho rồi?”

Nói xong Duer bỏ đi, để mặc Martin ngồi chết lặng người đi: “Thằng nói thế mà đúng. Một là mình cầm cái miệng mình lại, hai là mình cắt khỏi nơi đây. Có thực mình phải làm như vậy không? Sự thực mình muốn cái gì? Mình phải làm gì bây giờ?”

VII

Bản tính siêng năng và tôn trọng những hành vi đúng đắn, nên Angus Duer rất khó chịu về Clif luôn miệng hát những bài tục tĩu, nói chuyện om sòm, thích vút đủ thứ vào đĩa súp của người khác, và thậm hại nhất là Clif không thể nào giữ cho hai bàn tay được sạch sẽ. Trong thời gian thi cử khẩn trương, tuy bề ngoài có vẻ bình tĩnh vững tâm, nhưng thực ra Angus Duer cũng bồn chồn nóng nảy như Martin; và một buổi chiều đương bữa ăn, thấy Clif bỗng lên hát, Duer choáng ngay cho một câu:

Anh có thể bớt bỏ bỏ cái miệng cho nhỏ một chút không? Clif đáp:

Tôi thích bỏ bỏ cái đéch gì cũng mặc tôi!

Thế là sinh ra mối ác cảm giữa hai người.

Sau đó Clif vẫn làm ồn ào đến nỗi chính chàng ta cũng thấy mệt về tiếng ồn ào của mình. Chàng làm ồn ào trong phòng khách, chàng làm ồn ào trong phòng tắm, và chàng còn hy sinh cả giấc ngủ, cố thức để giả vờ ngáy om sòm lên. Duer tuy im lặng chúi đầu vào sách học, nhưng chàng chẳng nhút nhát chút nào, chàng nhất định đương đầu với Clif, nghiêm nghị như một ông chánh án nhìn Clif, làm Clif đâm hoảng. Clif phàn nàn riêng với Martin: “Đồ chó chết, nó làm như mình là con sâu cái kiến. Nhất định một là nó, hai là tôi phải ra khỏi Hội Digam này, nhưng chắc không phải là tôi!”

Rồi Clif làm âm ỹ lên về truyện này, nhưng rốt cuộc chính chàng là người phải ra Hội. Chàng bảo hội viên Digam là một “lũ đồ tồi, không bao giờ chơi lấy được một ván xì phé cho đúng đắn” nhưng chàng ra Hội để trốn khỏi cái nhìn nghiêm khắc của Angus Duer. Martin cũng xin ra khỏi hội cùng với Clif và dự định sang mùa Thu sẽ đến ở chung với Clif.

Tính ăn nói om sòm của Clif bây giờ làm cho Martin khó chịu cũng như trước kia đã làm cho Duer bức mình. Clif nói luôn miệng, không nói truyện tầm bậy, thì lại nói những câu như: “Cậu mua đôi giày này bao nhiêu thế – chắc cậu tưởng cậu là Vanderbilt hẳn?” hoặc “Tớ gặp cậu đi với em Madeline – cậu tính ăn gì đó?”

Nhưng Martin ghét mấy cậu hội viên Diggamma Pi lịch sự, lễ phép, xinh trai, trên mặt các cậu lúc nào cũng thấy hiện ra nào là đơn thuốc, đồ khủ trùng trắng bong bóng láng, nào là xe hơi kín mít sang trọng, nào là biển hiệu phòng mạch bằng kính dày kẻ chữ vàng chói. Chàng ưa cảnh cô quạnh man dại hơn, vì năm tới chàng phải làm việc với Giáo sư Max Gottlieb, nên không thể để cho họ quấy rầy được.

Hè năm ấy, chàng làm việc với một bọn thợ đi mắc dây điện thoại ở Montana. Công việc của chàng là trèo lên các cột điện thoại, chân đeo móc sắt bám vào những cây thông vỏ mềm rêu mốc như bạc, kéo sợi dây thép lên, buộc vào những chiếc bình cách điện bằng thủy tinh, rồi tụt xuống và sang một cột khác.

Mỗi ngày có lẽ họ mắc được độ bảy tám cây số

dây như vậy; đêm đến họ đi xe tới ngủ ở mấy tỉnh nhỏ, nhà gỗ ọp ẹp. Họ ngủ rất giản dị, chỉ tụt giấy ra, nằm cuộn tròn trong một cái chăn dạ. Martin thì mặc quần áo thợ điện và sơ mi bằng nỉ. Trông chàng đúng là một dân làm trại. Suốt ngày leo trèo, nên chàng thở không khí khỏe khoắn, mắt không còn vương nét buồn, rồi một hôm chàng khám phá ra một điều huyền diệu.

Chàng đương ở trên một chiếc cột, bắt chợt, không vì một lý do nào rõ rệt, mắt chàng bỗng mở ra, tựa hồ như người vừa ngủ dậy và thấy cánh đồng bát ngát, ánh nắng soi diệu lên những ngọn cỏ mọc lỏm chỏm, những ngọn lúa chín vàng, lên những con ngựa già, mấy con ngựa hiền lành, dễ thương, và lên những bộ mặt đỏ ửng vui tươi của những người thợ bạn; chàng thấy sơn ca thì ca riu rít, sáo thì bóng mượt bên bờ ao nhỏ, và dưới ánh mặt trời linh hoạt, vạn vật thấy đều linh hoạt. Giả thử những kẻ như Angus Duer, Irving Watters là những con buôn trắng trợn, thì cần cóc gì? “Mình ở đây kia mà!” Chàng bật lên cười hỷ hả.

Bọn thợ mắc dây điện thoai đều khỏe mạnh và giản dị như ngọn gió tây. Họ không khoe khoang tự phụ, tuy sử dụng khí cụ về điện, song họ không

như mấy ông sinh viên trường thuốc, học một mớ lộn xộn những danh từ khoa học và không có phở trương với nông dân rằng họ là khoa học gia. Họ cười một cách dễ dàng và mẫn nguyện với số phận họ. Sống chung với họ, Martin cũng lấy làm hài lòng, quên mình là cao quý. Đối với họ, chàng thấy có cảm tình mà chàng chưa từng thấy đối với bất cứ một người nào ở Đại học, trừ ra đối với Max Gottlieb.

Trong bọc, chàng đem theo có mỗi một cuốn sách, cuốn “Miễn Dịch Học” của Gottlieb, chàng thường đọc ít nhất là nửa trang rồi mới chúi mũi vào học công thức hóa học. Thỉnh thoảng, Chủ Nhật hay những ngày mưa, chàng cũng đem sách ấy ra đọc, và nhớ đến phòng thí nghiệm. Thỉnh thoảng chàng cũng nghĩ tới Madeline Fox, và biết chắc rằng xa nàng, chàng bị lẻ loi hết sức. Nhưng hết tuần này tới tuần kia qua đi, lặng lẽ, vô tư lự, rồi một hôm bùng mất dậy trong một chuồng ngựa, ngửi mùi cỏ thơm và hơi ngựa, nghe tiếng sơn ca hát ngoài đồng – cánh đồng thường ăn sâu vào tận giữa những hạng tình nghèo nàn bé nhỏ – chàng chẳng còn nghĩ gì khác, ngoài công việc phải làm ngày hôm đó, quãng đường phải đi ngày hôm đó, tiến về hướng tây, hướng mặt trời lặn.

Cứ như vậy, bọn thợ đi lung tung qua miền lúa mì xứ Montana, tất cả bao nhiêu ruộng lúa mì đều chạy dài thành một cánh đồng chói lọi, qua vùng chăn nuôi gia súc và vùng sơn ngải hoang vu hẻo lánh; và một hôm chăm chú ngắm một đám mây cheo leo bất động, Martin bất chợt nhận thấy trước mắt mình là một dãy núi...

Rồi chàng đáp xe lửa về, chàng đã quên bọn thợ mắc dây điện thoại, và chỉ còn nghĩ tới Madeline Fox, Clif Clawson, Angus Duer và Max Gottlieb.

CHƯƠNG 4

GIÁO SU MAX GOTTLIEB sắp “ám sát” một con chuột bạch bằng vi khuẩn bệnh than thu nhiệt, làm cả lớp vi trùng học phải hồi hộp.

Họ đã học hình trạng các loại vi khuẩn, họ đã được sử dụng những hộp “Petri” và những chiếc kim “loop” đầu có khoen bằng bạch kim, họ đã hãnh diện cấy vi khuẩn trên những khoanh khoai tây, giống vi khuẩn *Bacillus prodigiosus* màu đỏ vô hại, và bây giờ họ học tới những vi khuẩn sinh ra bệnh và sự truyền bệnh vào một sinh vật. Hai con chuột bạch đang kêu chít chít trong một cái bình chỉ trong hai ngày sẽ chết cứng ra.

Lòng Martin hồi hộp và không khỏi không lo sợ. Chàng tự cười mình lo sợ vô lý. Sẵn lòng

khinh thường của người đã quen với nghề nghiệp, chàng nhớ tới thái độ buồn cười của những khách không ở trong nghề tới thăm phòng thí nghiệm, tưởng chừng như lũ vi trùng khát máu có thể nhảy từ mấy ống ly tâm huyền bí, mấy chiếc ghế, hay ở ngay trong không khí, bay tới bám vào người họ. Nhưng chàng biết chắc là trong cái ống thí nghiệm, miệng nút bằng một miếng bông gòn, đặt giữa cái chậu đựng dụng cụ và cái bình bichloride, trên bàn của giảng sư có chứa đến hàng triệu vi khuẩn bình thán thư nhiệt giết người.

Cả lớp đứng xa xa, nhìn một cách kính cẩn. Với tài đặc biệt về kỹ thuật, thành thạo, nhanh mà chắc, nó làm tăng giá trị những cử động nhỏ nhặt nhất của hai bàn tay, bác sĩ Gottlieb cạo lông bụng một con chuột bạch kẹp trong tay một viên phụ tá, ông lấy một chiếc bàn chải nhỏ khế sát xà bông vào bụng nó, rồi cạo và bôi i ốt địn lên.

(Vừa làm việc, bác sĩ Gottlieb vừa nhớ tới lòng háo hức của bọn sinh viên đầu tiên của ông, hồi ông vừa đi làm việc với Koch và Pasteur về, và trong con người còn mát lạnh những lý la ve cao lớn và Korpsbruder và những lý luận tàn bạo. Những ngày tươi đẹp mê ly làm sao! Thuở vàng

son ôi còn đâu! Những giờ diễn giảng đầu tiên của ông ở Hoa kỳ, tại Viện Đại Học Queen City đã làm cho cả lớp chấn động vì những phát minh phi thường về vi trùng học. Họ kính cẩn quây lấy ông, khao khát được theo học ông. Lớp học bây giờ thực là một bọn du đảng, ông đưa mắt nhìn – Pfaff Mập ngồi hàng đầu, mặt thộn ra như quả đấm cửa; bọn nữ sinh viên thì xúc động, sợ hãi; chỉ có Martin và Angus Duer là thông minh ra mặt. Ông cố moi trong trí nhớ một cảnh hoàng hôn xanh lơ ở Munich, một chiếc cầu và một thiếu nữ đứng chờ đợi, và tiếng nhạc trong không gian...)

Ông nhúng tay vào bình nước Bichloride khuấy lên một cái thật nhanh, ngón tay thấp xuống, như ngón tay của một nhạc sĩ dương cầm đưa trên phím, ông nhặt trong chậu đựng dụng cụ một chiếc kim chích dưới da và giơ cao ống thí nghiệm lên, giọng uể oải pha mẫu âm Đức:

“Các cậu, đây là một giống vi khuẩn Bacillus anthracis, vi khuẩn than cấy được hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Các cậu chú ý, tôi chắc các cậu đã chú ý thấy ở đáy ống thủy tinh có bông gòn để giữ cho ống khỏi vỡ. Tôi không thể khuyên các cậu đánh vỡ những ống đựng vi khuẩn than thư nhiệt

rồi lại mó tay vào thuốc cấy, vì lẽ rất giản dị là các cậu có thể mắc bệnh thán thu nhiệt.

Cả lớp rùng mình.

Gottlieb lấy ngón tay út hất mạnh cái nút bông gòn ra, khéo đến nỗi những sinh viên y khoa từ trước vẫn kêu, “Môn vi trùng học vô dụng; công việc trong phòng thí nghiệm, tất cả chỉ cần học có cách thử nước tiểu và thử máu,” bây giờ cũng kính phục ông như đã kính phục một người có tài làm trò bằng mấy lá bài tây hay có tài cắt bỏ khúc ruột dư trong có bảy phút đồng hồ. Ông vừa hơi vừa lắc miệng cái ống thủy tinh trên ngọn đèn Bunsen, vừa nói, giọng đều đều, “Mỗi lần mở nút ống thủy tinh ra, các cậu phải nhớ đốt miệng ống. Phải coi đó là một quy tắc. Đó là một điều cần thiết về kỹ thuật, là khởi thủy của mọi khoa học đấy, các cậu ạ. Đó cũng là điều người ta ít biết đến, nhất là trong khoa học.”

Sinh viên bắt đầu thấy sốt ruột. Tại sao ông lại không làm ngay cho họ thấy ngay cái phút hào hứng nhất, ghê người nhất là chích con chuột bạch ấy?

(Trong lúc đó Max Gottlieb liếc nhìn con chuột bạch thứ hai đương bị giam trong bình và nghi ngại, “Tội nghiệp con vật vô tội đáng thương! Tại

sao mình lại giết nó để dạy Dummkopfe? Giá thí nghiệm vào cái thằng Mập kia có hơn không.”)

Ông đút ống chích vào ống thủy tinh, lấy ngón tay trở kéo cái biện lên rất khéo, và giảng:

“Lấy một nửa cc chất thuốc cầy. Có hai hạng bác sĩ y khoa – một hạng đối với họ có nghĩa là cubic centimeter, là phân khối; và một hạng đối với họ có nghĩa là compound cathartic, thuốc tẩy hóa hợp. Hạng sau này thì phát tài hơn.”

(Nhưng cái mà không ai có thể bắt chước được là cái giọng của ông: cái giọng kéo dài nhẹ nhàng, cái giọng chua chát dễ thương tiếng xì xì của những chữ S, những chữ D ngọng ngịu và những chữ T có vẻ thách thức).

Viên phụ tá nắm chặt con chuột, Gottlieb véo da bụng nó lên và đâm nhanh mũi kim chích dưới da vào. Con chuột khẽ dẩy một cái, kêu chí một tiếng, làm mấy nữ sinh viên rùng mình. Gottlieb ngón tay kinh nghiệm đã nhiều lần nên biết ngay khi nào thì mũi tiêm vào tới màng bụng, ông lại ấn cái biện xuống sát đáy ống chích và điềm nhiên nói: “Thế là chẳng bao lâu nữa con vật đáng thương này sẽ chết như Moses.” Sinh viên người nọ nhìn người kia, bút rút. Ông nói tiếp, “Các cậu,

chắc thế nào cũng có cậu sẽ cho rằng việc tôi làm đây vô hại, có cậu thì sẽ nghĩ giống như Bernard Shaw cho rằng tôi là một kẻ nhẩn tâm, vì tôi thản nhiên sát sinh mà không gớm tay, và có cậu chẳng có ý nghĩ gì cả. Quan niệm khác biệt nhau về nhân sinh này là điều làm cho đời sống thú vị.”

Trong lúc viên phụ tá buộc một miếng sắt tây tròn mỏng vào tai con chuột để đánh dấu, xong rồi lại bỏ nó vào bình, thì Gottlieb ghi trong cuốn sổ tay nào là sức nặng của con chuột, nào là ngày giờ chích, nào là thời gian cấy vi khuẩn bao lâu. Rồi ông biên lại những điều này lên bảng đen, nét chữ trông rất hách; vừa viết vừa khẽ nói:

“Các cậu nên nhớ rằng điều quan trọng nhất trong đời người không phải là cuộc sống mà là những điều người ta suy tư về cuộc sống, và điều quan trọng nhất trong sự thí nghiệm không phải là việc làm cuộc thí nghiệm, mà là việc ghi chép cho thật đúng từng phân lượng – bằng bút mực rõ ràng hẳn hoi. Tôi nghe nói có rất nhiều người cho rằng họ có thể ghi nhớ những điều cần ghi nhớ ấy trong đầu óc họ, thay vì bằng giấy trắng mực đen. Nhưng tôi thường vui mừng nhận thấy rằng những người như vậy lại không có đầu óc để mà

ghi nhớ những điều cần ghi chép ấy. Như vậy rất tốt, vì như vậy thế gian sẽ không bao giờ thấy kết quả công việc họ làm và khoa học khỏi bị họ làm trở ngại. Bây giờ tôi chích con chuột thứ hai, sau đó lớp học giải tán. Và tôi rất lấy làm sung sướng nếu từ nay cho tới buổi học sau tại phòng thí nghiệm này, các cậu sẽ đọc cuốn “Marius the Epicurean”¹ của Pater, để mà tìm lấy nguồn bình tĩnh thanh thản, nó là cái bí quyết làm cho người ta có tài khéo léo thành thạo trong phòng thí nghiệm.”

II

Trong khi cả lớp ồ ạt đi xuống hành lang, Angus Duer nói với một đồng bạn Digam, “Gottlieb là một con ngựa già, nai lưng ra mà làm việc ở trong phòng thí nghiệm, lão chẳng có chút óc tưởng tượng nào, lão cứ chôn vùi thân lão ở đây, không chịu ra tranh đấu với đời. Nhưng lão khéo chân khéo tay thực. Kỹ thuật giỏi kinh người. Lão có thể làm một tay giải phẫu thượng đẳng kiếm năm chục ngàn đôn một năm. Còn như thế này, tôi chắc lão chỉ có thể kiếm được bốn ngàn đồng là cùng, không thể hơn lấy một xu!”

¹ Marius, môn đồ của học thuyết Epicurus, triết học gia Cổ Hy Lạp, chủ trương mục đích tối đại của nhân sinh là khoái lạc.

Ira Hinkley lùi lùi đi một mình, vẻ lo âu. Anh chàng Mục sư trông đáng người to lớn, miệng hay nói lảm rảm một mình ấy thế mà lại là người rất tốt. Bất cứ các giáo sư y khoa dạy điều gì, cho dầu là những điều đó có mâu thuẫn lẫn nhau đi nữa, chàng đều kính cẩn nghe hết, chấp nhận hết, nhưng cái lối giết thú vật này – chàng công phần lắm. Do một sự liên quan mà chàng không thấy rõ rệt cho lắm, chàng nhớ lại Chủ Nhật tuần trước, trong ngôi nhà thờ bé nhỏ lụp xụp mà chàng vẫn đến thuyết giáo trong thời kỳ theo học y khoa, chàng đã tán dương lòng hy sinh của những kẻ tuấn giáo và họ đã làm lễ ca ngợi máu con chiên và những suối nước nhuộm đầy máu từ những tĩnh mạch của Emmanuel nhỏ ra, nhưng chàng đã mất nguồn tư tưởng đó, chàng lê bước đi về Hội Quán Digamma Pi, lòng trắc ẩn bản khoản.

Clif Clawson thì vừa đi với Fatty Pfaff vừa kêu: “Trời ơi, lúc Gottlieb đâm mũi kim tiêm xuống, con chuột dấy lên một cái!” Pfaff Mập van nài: “Thôi, tôi xin anh! Đừng nhắc đến nữa!”

Còn Martin thì tưởng chừng như chính chàng đương làm một cuộc thí nghiệm giống như vậy, chàng nhớ lại những ngón tay thành thạo của

Gottlieb và tự nhiên cũng bắt chước uốn cong bàn tay lên.

III

Hai con chuột bạch mỗi lúc một mê man bất tỉnh. Hai ngày sau, chúng nằm lẫn ra, chân giật co quắp lại rồi chết, cả lớp đều hồi hộp xúm lại để chờ xem cuộc giải phẫu khám nghiệm xác chết. Trên bàn giảng sư đặt một chiếc khay gỗ lỗ chỗ đầy vết đinh ghim các xác chết từ bao năm nay. Hai con chuột bạch nằm cứng đờ trong một chiếc bình thủy tinh, lông xù ra. Sinh viên nhớ lại lúc sống chúng nó gặm nhấm đồ ăn và nhanh nhẹn như thế nào. Viên Phụ tá dùng đinh ghim căng thẳng xác một con ra. Gottlieb lấy bông tẩm thuốc bôi lên bụng nó, rạch một đường suốt từ bụng lên tới cổ, và dùng một lưỡi dao mỏng nung đỏ rực đốt trái tim nó, nghe tiếng thịt cháy xèo xèo, cả lớp rùng mình. Gottlieb chẳng khác gì một pháp sư đương làm phép ma quái thần bí, lấy một ống thủy tinh nhỏ hút những cục máu đen ra. Viên Phụ tá thì lấy hai lá phổi đã sưng lên, lá lách, trái cật và gan, bôi lên những tấm kính mỏng rồi nhuộm màu và đưa cho sinh viên xem xét. Sinh viên nào đã học được cách nhìn qua ống kính hiển

vi mà khỏi phải nheo một mắt lại thì lấy làm hãnh diện và cho mình là tay chuyên môn, khi họ vắn chiếc ốc đồng tới đúng tiêu điểm, và thấy các tế bào đương lơ mờ như đám mây bỗng nổi bật lên rõ ràng từng nét trên những tấm kính, thì người nào cũng nói tới cái gì đẹp khi nhận ra được giống vi trùng. Nhưng người nào cũng thấy khó chịu, vì Gottlieb ở lại với họ ngày hôm ấy, đi đi lại lại đằng sau họ, chẳng nói chẳng rằng, lúc nào cũng theo dõi họ, coi chừng họ sử dụng di thể hai con chuột bạch, và trên những hàng ghế dài, họ thì thâm đồn với nhau câu chuyện hải hùng về một sinh viên đã bỏ mạng vì nhiễm vi trùng bệnh thán thư nhiệt trong phòng thí nghiệm này.

IV

Trong những ngày này, Martin thấy vui sướng thỏa mãn vô cùng, tựa hồ như được hưởng cái thú của một cuộc chơi khúc côn cầu lạnh lện, cái cảnh yên tĩnh của đồng cỏ, cái cảm giác ngỡ ngàng của một bản nhạc hay, và cái hưng cảm của sự sáng tạo. Chàng dậy sớm, nghĩ tới ngày hôm đó, chàng hài lòng lắm; chàng vội vã đi học tập, sốt sắng, hăm hở, chẳng còn biết đến xung quanh có những gì nữa.

Chàng ngây ngất trước cảnh hỗn độn trong phòng thí nghiệm vi trùng... các sinh viên mặc sơ mi trắng, người thì lọc nước cấy, ngón tay dính nhờn nhớt chất lá thạch, người thì đun trung mạc huyết quản trong một chiếc nồi hấp, giống như cổ súng trái phá bằng bạc. Những ngọn lửa Bunsen kêu vo vo dưới những lò nhiệt khí, hơi nước ở những máy khử trùng Arnold cuộn cuộn bốc lên tận xà nhà, bám mờ cả khung cửa kính, tất cả đối với Martin đều là những cảnh hoạt động đẹp tuyệt vời, và đối với chàng những vật huy hoàng rực rỡ nhất là những dãy ống thí nghiệm bằng thủy tinh chứa đầy chất huyết thanh, đầy bằng nút bông gòn chấy xém ngả thành màu nâu cà phê, là cái kim loop có vòng bạch kim nhỏ nằm nghiêng nghiêng trong một chiếc ống thí nghiệm thủy tinh sáng láng, là chiếc lọ rực rỡ màu tím của chất long đờm, là một dãy những ống thủy tinh cao lênh khênh như một dãy hàng rào nối các bình thủy tinh cái nọ thông với cái kia một cách huyền diệu...

Có lẽ chàng đã ngây thơ bắt chước Gottlieb nên cứ đêm đêm một mình tới phòng thí nghiệm làm việc... suốt gian phòng dài, tối đen như mực, trừ có ngọn đèn “gas” sau cái máy hiển vi của

chàng là cháy và chiếu một luồng ánh sáng loe ra như hình chiếc nón, dội xuống cái ống đồng bóng loáng, xuống mái tóc đen láy của chàng mỗi khi chàng cúi xuống nhìn vào thị kính. Chàng nghiên cứu vi trùng bệnh ngủ ở một con chuột... một giống hình hoa hồng tám cánh nhuộm xanh của chất giáp cơ lam đa sắc; một chùm cơ thể mảnh mai như bông thủy tiên, có những hạch màu đỏ tía, tế bào màu xanh lơ, và những đường tiên mao nhỏ như sợi tơ. Chàng rất hứng khởi và hơi tự phụ một chút. Chàng đã nhuộm vi khuẩn rất khéo, vì nhuộm một bông hồng mà không làm gãy cánh không phải là chuyện dễ. Bất chợt, trong bóng đêm, có tiếng chân bước, tiếng chân mệt mỏi của Gottlieb và một bàn tay đặt nhẹ lên vai Martin, chàng lảng lạng ngẩng đầu lên, đẩy chiếc máy hiển vi về phía ông. Ông cúi xuống, miệng vẫn ngâm điếu thuốc lá... khói thuốc có thể làm cay mắt bất cứ một người nào, ông nhìn xem phối chế phẩm của Martin.

Ông vịn ánh sáng đèn gas cao thêm nửa phân và nói “Tuyệt! Anh khéo tay lắm. Ô, khoa học cũng cần có nghệ thuật... nhưng ít người có nghệ thuật ấy. Người Mỹ các anh, phần đông... đầu óc

thì đầy tư tưởng, nhưng tính thì lại thiếu nhân nại đối với cái buồn... buồn nhưng rất đẹp... của những việc phải làm công phu lâu dài. Tôi đã thấy... từ trước tôi đã để ý nhận xét anh ở trong phòng thí nghiệm... có lẽ anh có thể nghiên cứu thử xem vi trùng bệnh ngủ được đấy. Nghiên cứu giống vi trùng này rất thú vị, thú vị lắm lắm, mà cũng rất khó, khó lắm lắm kia đấy. Bệnh này thực kỳ lạ. Ở Phi Châu có làng có tới năm mươi phần trăm dân chúng mắc phải, và không một người nào thoát chết. Phải đấy, tôi xem anh có thể nghiên cứu giống vi trùng này được đấy”.

Lời ông nói, đối với Martin, như một tiếng trống thúc chàng ra trận.

Ông lại nói: “Đến mười hai giờ đêm, tôi sẽ ăn một chiếc săng đuyt nhỏ. Nếu bất chợt anh có làm việc khuya tới giờ ấy, thì anh sang ăn với tôi một miếng cho vui”.

Tới mười hai giờ đêm, Martin rụt rè đi ngang qua hành lang vào phòng thí nghiệm thanh tịnh của Gottlieb. Trên chiếc ghế dài, chàng thấy có cà phê và săng đuyt, những chiếc săng đuyt nhỏ một cách kỳ cục, ngon và lạ miệng đối với chàng.

Gottlieb nói liên miên bất tuyệt, đến nỗi Martin

không còn nhớ gì tới Clif Clawson và Angus Duer một anh giàu lỏi phi lý. Ông kể cho chàng nghe những phòng thí nghiệm ở Luân Đôn, những bữa cơm chiều mờ sương tại Stockholm, những buổi dạo chơi trên bờ sông Pincio khi mặt trời lặn sau mái nhà thờ San Pietro, và những nỗi nguy hiểm và kinh tởm ghê hồn về quần áo giấy dính phân bệnh nhân trong một năm có bệnh dịch ở Mạc Xây. Ông mất cả dè dặt nói cả tới truyện riêng của ông, của gia đình ông, tưởng chừng Martin đồng lứa tuổi với ông.

Nào là truyện người anh họ đóng Đại Tá ở Uruguay, nào là truyện người anh họ là giáo sĩ, bị hành hạ trong cuộc tàn sát dân Do Thái ở Mốt Cu, nào là truyện bà vợ ốm đau của ông... có lẽ bị bệnh ung thư, ba đứa con ông, đứa con út là con gái, tên là Mariam giỏi về âm nhạc, nhưng thằng con trai mười bốn tuổi làm ông đến lo phiền, nó xác láo, chẳng học hành gì cả. Còn chính ông, thì bao năm nay ông nghiên cứu về sự hóa hợp các kháng thể; hiện tại ông đương ở trên con đường cụt, và ở Mohalis, chẳng có lấy một người khuyến khích ông, nhưng dầu sao thì ông cũng đã có phen thích thú đánh đổ được thuyết điều lý tố (opsonin), như thế là ông thấy khoái rồi.

“Không, tôi chưa làm được việc gì cả, trừ ra việc đã làm cho những kẻ đòi hỏi yêu sách quá đáng phải bực mình, nhưng tôi ước ao một ngày kia sẽ thực sự phát minh ra được một cái gì đó. Và... không. Trong năm, tôi không có được lấy năm sinh viên hiểu biết thế nào là khéo tay và chính xác và có óc tưởng tượng mạnh một chút để đặt ra những giả thuyết. Tôi nghĩ anh có thể có được mấy thứ đó. Và nếu cần tôi có thể giúp đỡ anh... Thế đó!

“Tôi không tin rằng anh sẽ trở nên một bác sĩ giỏi. Bác sĩ giỏi, tốt lắm... mấy ông ấy thường là nghệ sĩ... nhưng cái nghề làm ăn của các ông ấy không phải là nghề của bọn mình, những kẻ thui thủi làm việc một mình trong phòng thí nghiệm. Có một lần, tôi cũng đeo nhãn hiệu Y khoa Bác sĩ. Ấy là ở Heidelberg... Bác sĩ Gottlieb, hồi 1875! Nhưng làm những việc bằng bó ống chân và xem lưỡi bệnh nhân, chẳng lấy gì làm thú vị cho lắm. Tôi là một môn đồ của Helmholtz... con người thanh niên vui vẻ và nóng nảy hết sức! Tôi cố gắng nghiên cứu vật lý học về âm thanh... nhưng tôi dở hết sức, dở không thể tưởng tượng được, nhưng trong cái thời kỳ đầy ngán lệ ấy tôi đã học

được một điều là: không có gì xác thực cho bằng phương pháp phân lượng. Rồi tôi xoay sang hóa học... tôi là một hóa học gia vào hạng khá. Rồi lại sang ngành sinh vật học, và gặp nhiều khó khăn thêm. Nhưng cũng hay. Tôi cũng tìm ra được một hay hai thứ. Và một đôi khi tôi cảm thấy như bị đi đày, cô đơn lạnh lẽo... trước có một hồi tôi phải trốn ra khỏi nước Đức vì không chịu hát bài DIE WACHT AM RHEIN và định giết một viên Đại úy Kỵ Binh... Thằng cha to lớn mập mạp... tôi phải bóp cổ nó cho nghẹt thở... Anh cho tôi nói khoác hản, nhưng ba mươi năm trước đây, tôi cũng là một tay trai tráng liều lĩnh lắm! À! Thế đó.

“Duy có một điều phiền đối với một vi trùng học gia có óc triết lý là, tại sao ta lại phải trừ khử những giống vi trùng bệnh đáng thương ấy? Khi ta ngắm các nam nữ sinh viên son trẻ...Ồ... xấu xí nhất đời lui tới hội quán Thanh niên Công giáo và hát những bài thánh ca và đội những chiếc mũ có in tên tắt của họ bằng dấu sắt nung đỏ... ta có dám cả quyết hản rằng họ đáng cho ta bảo vệ cho họ khỏi bị giống vi trùng ban chẩn thương hàn nhiễm vào một cách rất ư thanh thú với những sợi tiên mao nhỏ muọt rất đẹp đẽ của nó không nhỉ? Anh biết

không, có một bạn, tôi đã hỏi Ông Khoa Trưởng Silva của chúng ta rằng mình có nên để cho các giống vi trùng bệnh lý được tự do nhón nhơ ở trên đời này không, vì như vậy sẽ giải quyết được tất cả mọi vấn đề kinh tế. Nhưng ông ấy chẳng lưu tâm mấy may đến phương pháp đó của tôi.Ồ, dẫu sao thì ông ấy cũng nhiều tuổi hơn tôi; nghe nói ông ấy cũng mở tiệc linh đình, mời cả các vị Giám Mục, Chánh Án tới dự, người nào người ấy đều mặc áo đẹp cả. Một người như ông ấy hẳn phải hiểu biết hơn một anh Do Thái – Đức chỉ biết tôn sùng Cha NIETZCHE và Cha SCHOPENHAUER (nhưng cái Cha khi này lại có đầu óc của một nhà mục đích luận gia!) Và Cha KOCH và Cha PASTEUR và Huynh JACQUES LOEB và Huynh ARRHENIUS. Chu cha! Tôi thực là loạn ngôn vọng ngữ. Thôi mình sang xem lại mấy tấm kính của anh rồi về đánh một giấc ngủ cho ngon đi”.

Khi chàng từ biệt Gottlieb ở cửa nhà ông, ngôi nhà một thú, bé con con, sơn nâu, chàng thấy nét mặt ông lại lạnh lùng nghiêm nghị cơ hồ như không có bữa “xíu đề” và câu truyện dồng dài hồi nửa đêm vừa qua, chàng rảo bước về nhà, say sưa ngây ngất.

CHƯƠNG 5

TUY VI TRÙNG HỌC từ nay là cả cuộc đời của Martin, nhưng lý luận của Viện Đại Học là muốn chàng cũng phải nghiên cứu cả bệnh lý, vệ sinh, ngoại khoa, giải phẫu học và nhiều khoa khác nữa, khiến cho một thiên tài cũng phải ứ hơi ngộp thở.

Chàng và Clif Clawson ở chung nhau một gian phòng lớn, tường dán giấy hoa, giường sắt, đầy ngập những đồng quần áo hôi hám, và góc nào cũng bày ra một cái ống nhỏ. Hai chàng tự làm lấy bữa ăn điểm tâm, còn cơm trưa và cơm chiều thì ăn với chả băm ở quán Pilgrim Lunch Wagon hay Mạn Cồn Cầu. Một đôi khi Clif thấy bức mình, vì chàng ghét để ngổ của sổ, thích nói những truyện bậy bạ, hay hát bài “có người chết về bệnh đái

đường”, trong lúc Martin đương lo học, và chẳng bao giờ chàng nói được một câu thẳng thắn, chỉ toàn nói bóng nói gió, và pha trò cười. Bữa cơm, chàng nói: “Anh bảo lúc này bọn mình có thể cho mấy cái miếng móm đóp được chưa?” hay “Nuốt một ít ca lô ry đi, bồ!” Tuy vậy Martin thấy Clif có một cái duyên, mà cái duyên đó không thể nào cho là vì Clif vui tính thông minh lanh lợi hay can đảm gì đó. Toàn thể con người của Clif có một cái gì có giá trị hơn là tất cả các bộ phận của chàng tổng kết lại.

Trong lúc vui với công việc ở phòng thí nghiệm, Martin ít khi nghĩ tới các bạn cũ trong Hội Digamma Pi. Chỉ thỉnh thoảng chàng mới cãi lại bảo Mục Sư Ira Hinklay là một cảnh binh ở nhà quê, Irving Watters là một anh thợ hàn, Angus Duer nếu cần phải bước qua đầu bà nội nó để tiến tới thành công cũng dám bước, để cho một thằng ngu xuẩn như anh chàng Fatty Pfaff chữa bệnh cho những người cùng quần là một trọng tội, nhưng thường thường chàng gần như không nhớ gì tới họ và quấy rầy họ nữa. Và sau khi đã đạt được một vài bước đầu thành công về vi trùng học và khám phá ra còn không biết bao

nhieu điều chàng chưa hiểu chưa biết, chàng trở nên khiêm nhượng kỳ quặc.

Nhưng nếu chàng ít phiền nhiễu bè bạn hơn trước bao nhiêu thì chàng lại phiền nhiễu mọi người trong giờ học hơn bấy nhiêu. Chàng đã học được của Gottlieb cái tật hay dùng danh từ “kiểm soát” để chỉ những người hay thú vật hay chất hóa học để dành riêng ra, không dùng trong một cuộc thí nghiệm, làm tiêu chuẩn để so sánh với những người hay vật chất bị đem ra thí nghiệm, không còn cái tật nào làm cho người ta dễ giận hơn cái tật đó. Thấy một Y sĩ nào khoe khoang khoác lác là đã thành công tìm ra được một thứ thuốc hay một thứ máy nào đó, Gottlieb luôn luôn chọc cho một câu: “Thế nhưng kiểm soát của ngài đâu? Ngài đã có bao nhiêu trường hợp điều trị vô hiệu quả?”. Bây giờ Martin cũng luôn miệng nói như vậy... kiểm soát, kiểm soát, kiểm soát của ngài đâu? Kiểm soát của ngài đâu? Khiến cho một số đông các bạn học và một vài Giáo sư muốn lôi chàng ra xử, cho chàng một trận cho chữa đi.

Người ta khó chịu với chàng nhất trong những giờ học về dược phẩm.

Giáo sư khoa dược phẩm là bác sĩ Lloyd David-

son, giá làm nghề bán hàng thì chắc ông nổi tiếng ghê lắm. Ông rất được nhiều người mến. Một Y sĩ tương lai có thể học được ở ông một điều quan trọng hơn hết là: bốc đúng thuốc cho bệnh nhân, nhất là khi không biết bệnh nhân đau gì. Cả lớp đều chăm chú nghe và cố nhớ lấy làm lòng một trăm năm mươi đơn thuốc được các Bác sĩ ưa dùng nhất. (Giáo sư Davidson rất kiêu hãnh vì đã dạy nhiều hơn Giáo sư trước được năm mươi đơn thuốc).

Nhưng Martin thật là bất trị. Chàng hỏi, mà hỏi một cách công khai:

Thưa Bác sĩ Davidson, tại sao người ta lại biết chất ngư du tinh (ichthyol) chữa được bệnh đần độc? Phải chăng nó chẳng khác gì chất ngư hóa thạch mục nát... phải chăng nó cũng như thứ phấn bụi những xác ướp và tai chó ngày xưa người ta thường dùng để chữa bệnh?

Tại sao người ta lại biết à? Này anh bạn trẻ thích phê bình chỉ trích của tôi ơi, tại vì đã có hàng ngàn Y sĩ dùng thuốc đó từ bao nhiêu năm nay và thấy bệnh nhân của mình khỏi, vì thế cho nên người ta biết!

Nhưng, thưa bác sĩ, nói cho ngay, bệnh nhân có

thể tự nhiên khỏi bệnh không ạ? Biết đâu chẳng là một post hoc propter hoc?

Người ta có đem thí nghiệm với nhiều bệnh nhân một lúc và có kiểm soát không?

Chắc là không... có lẽ phải đợi cho tới khi có một thiên tài như anh, anh Martin, có thể tập hợp một lúc mấy trăm người cùng chung một bệnh đơn độc giống hệt nhau, thì mới có thể thí nghiệm được, còn không thì chắc chẳng bao giờ có thể làm được. Trong khi chờ đợi đó, tôi tin rằng quý vị sinh viên khác, quý vị có lẽ không có những kiến thức uyên thâm về khoa học như ông Martin Arrowsmith và chưa có đủ tư cách dùng cái danh từ “kiểm soát”, quý vị hãy nên làm theo ý kiến thiện cận của tôi là cứ tiếp tục dùng chất ngư du tinh!

Nhưng Martin vẫn cố nói thêm:

Xin Bác sĩ vui lòng cho biết học thuộc lòng tất cả những đơn thuốc thì có ích lợi gì? Chắc chúng tôi sẽ chẳng nhớ được bao nhiêu, và lại lúc nào cần chúng tôi có thể mở sách ra xem cũng được.

Davidson mím môi lại rồi đáp:

Arrowsmith! Đối với một người cũng đã lớn tuổi như anh, tôi rất ghét phải dùng câu trả lời như đối với một đứa trẻ lên ba. Nhưng hiển nhiên

là buộc lòng tôi phải dùng, nghĩa là anh hãy học tính chất các dược phẩm và các bài thuốc vì tôi bảo anh làm như vậy! Nếu tôi không ngại làm mất thời giờ của sinh viên khác trong lớp này, tôi sẽ cố thuyết phục anh rằng những lời tôi nói đây có thể chấp thuận được, không phải vì tôi có chút thẩm quyền mọn, nhưng vì những lời đó căn cứ vào những lời kết luận, những sự đoán định của những bậc thông thái hơn và chắc chắn là nhiều tuổi hơn anh một chút, qua không biết bao nhiêu đời rồi đấy, anh bạn ạ. Nhưng vì tôi không có thời giờ rảnh rang và không thích dùng những lời hùng biện hay văn hoa chải chuốt, nên tôi chỉ nói với anh một điều thôi là: anh hãy chấp nhận đi, anh hãy học đi và ghi nhớ lấy, bởi vì tôi bảo anh làm như vậy!

Martin có ý muốn bỏ môn Y học và chỉ chuyên về vi trùng học thôi. Chàng tâm sự với Clif, nhưng Clif đã bực mình về tính hay băn khoăn nghi ngờ của chàng nên làm lơ không đáp, chàng đành tìm tới hỏi Madeline, cô gái dịu dàng nhưng cương quyết.

II

Madeline tỏ ra vừa biết thông cảm, vừa biết suy

nghĩ phải trái. Tại sao chàng lại không học cho xong y khoa, rồi sau đó muốn gì sẽ hay?

Chàng nàng cùng đi dạo chơi, đi trượt tuyết, đi coi ban kịch của sinh viên trình diễn. Bà Fox – Bà Mẹ góa của Madeline bây giờ cũng phải đến ở với nàng; hai mẹ con đã thuê tầng lầu cao nhất của một tòa nhà công ngụ, a bác thợ mặng nhỏ người ta bắt đầu xây thay thế cho những kiểu nhà gỗ mắc tiền ở Mohalis. Căn lầu đầy những văn nghệ phẩm và đồ trang trí: một tượng Phật bằng đồng của Chicago, bản dập bài mộ bia của Shakespear, một bản dịch toàn bộ tác phẩm của Anatole France, một tấm hình nhà thờ Cologne, một cái bàn uống trà bằng mây với một cái ấm đun nước mà chẳng một người nào ở Viện Đại Học biết cách sử dụng, một tập dán đầy những bưu thiếp kỷ niệm. Bà Mẹ của Madeline là một công tước vị vong nhân ở Đại Mã Lộ. Trông bà rất đường bệ tóc bạc phơ, bà theo Giám lý Giáo hội. Ở Mohalis nghe tụi sinh viên nói chuyện với nhau bà phát ngượng, bà nhớ xứ, nhớ Giáo khu và các cuộc hội họp ở câu lạc bộ phụ nữ... Ở đấy năm nay các Bà các Cô đương nghiên cứu về vấn đề giáo dục, và bà buồn vì để mất hết tất cả những tài liệu nói về tục lệ của Đại Học Đường.

Đã có nhà riêng và có người giám hộ rồi, bây giờ Madeline bắt đầu tiếp đãi bạn bè ở nhà: bữa tám giờ có cà phê bánh xô cô la, gà xà lách, và đồ chữ. Tất nhiên nàng mời cả Martin, nhưng chàng rất tiếc những buổi chiều, những chiều rất quý dành cho việc tìm tòi nghiên cứu của chàng. Buổi đầu tiên, nàng rủ rê được chàng đến dự là bữa tiệc đầu năm vào tháng Giêng, các cô cậu “làm quảng cáo”... phỏng đoán những bức tranh vẽ quảng cáo; nhảy theo điệu nhạc của đĩa hát, ăn không phải để đĩa lên đũa, mà có những cái bàn nhỏ trên bầy đầy khăn ăn hân hoan.

Martin không quen với những lối thanh lịch như vậy. Tuy chàng rầu lòng miễn cưỡng tới dự tiệc, nhưng cũng bị xúc cảm vì bữa tiệc sang và những tà áo đẹp của các bà các cô. Chàng nhận thấy lối khiêu vũ của chàng đã xưa rồi, và đổ kị với bọn sinh viên năm cuối cùng biết nhảy điệu “van” mới, kêu là “bôt tông”. Cứ thấy ai có chút sức lực nào, chút duyên dáng nào, hay chút tri thức nào hơn chàng, là chàng khao khát muốn được bằng người ta, khi mấy thứ đó đã xuyên thủng được những lớp vỏ bọc ngoài giác quan hấp thụ của chàng và thấm nhuần vào trong giác quan đó. Chàng ít ham giàu, nhưng lại ham có đủ mọi tài năng khéo léo.

Chàng chỉ miễn cưỡng phục người khác, nhưng Madeline đã làm cho chàng phải say mê ngấm ngấm thực sự. Từ trước chàng chỉ quen thấy nàng mặc áo chen đi ở ngoài đường, nhưng chiều nay mới được chiêm ngưỡng một nàng Madeline diễm tuyệt ở trong nhà, tha thướt trong bộ áo lụa vàng, cái lối nàng đe dọa khách, khiến ai nấy đều tỏ ra vui vẻ, chàng thấy là cả một sự khéo léo và dễ dàng kỳ diệu. Mà nàng cần phải khéo léo thực, vì trong tiệc có cả ông Tiến Sĩ Brumfit, và chiều nay ông Tiến Sĩ Brumfit lại muốn tỏ ra là người có tánh kỳ dị và ngỗ ngược một cách độc đáo. Ông giả dò hôn bà mẹ của Madeline, làm cho bà mệnh phụ đáng thương này ngượng hết sức; ông ca một bài của người da đen, lời ca rất khiếm nhã, có cả tiếng tục tĩu; ông giải thích cho một nhóm nữ sinh viên đã tốt nghiệp rằng ông có thể minh oan cho những mối tình của Nữ sĩ George Sand một phần nào, vì ảnh hưởng của những mối tình đó đối với những người có tài, đến khi thấy các nữ sinh viên có vẻ khó chịu, thì ông lảng đi mặt vênh vênh vào vào, đôi mắt kính nhấp nhoáng ánh đèn.

Madeline săn sóc ông, nàng thở thè:

“Giáo sư Brumfit, Giáo sư là người học bác uyên

thâm ghê gớm đủ thứ vân vân và vân vân, trong giờ Anh văn, một đôi khi con sợ Giáo sư đến chết đi được, nhưng lại có nhiều khi Giáo sư chẳng khác gì hơn một đứa trẻ ngỗ nghịch, con không bằng lòng Giáo sư ghẹo mấy con nhỏ kia đâu. Giáo sư giúp con đem nước trái cây lạnh vào thết khách đi thì hơn”.

Martin yêu nàng vô cùng. Chàng ghét Brumfit vì được quyền đặc biệt cùng nàng biến vào trong nhà bếp nhỏ xíu bằng cái phòng rửa mặt. A! Madeline! Chỉ có một mình Madeline là hiểu chàng thôi! Ở nơi đây, người nào cũng níu lấy nàng, Giáo sư Brumfit hơn hờ nhìn nàng gần như chồng âu yếm nhìn vợ vậy, nàng thực là quý giá, chàng phải chiếm lấy nàng mới được.

Chàng vờ giúp nàng bày bàn, và nhân lúc chỉ có hai người đứng sát gần nhau, chàng khẽ rì tai nàng nói:

Trời ơi! Em đẹp quá chừng!

Anh khen làm em sướng quá! (nàng – bông hồng mà cả thế gian đều ái mộ – đã ban riêng ân sủng cho chàng).

Chiều mai anh có thể đến thăm em được không?

Dạ, em... có lẽ được anh ạ.

III

Trong cái tiểu sử của một thanh niên chẳng có một ly nào gọi là anh hùng này, chỉ tự coi mình là một chuyên viên đi tìm chân lý, nhưng suốt đời lại hay xảy chân trượt bước và tự đưa mình sa vào đủ các vũng bùn lầy, thì cũng khó có thể nói rằng những ý định của Martin đối với Madeline là những cái mà người ta gọi là “chánh đáng khả kính”. Chàng không phải là một Don Juan – phong lưu đáng tử – mà là một sinh viên Y khoa nghèo, còn phải đợi nhiều năm nữa mới có thể tự kiếm sinh kế được. Chắc chắn là chàng không nghĩ tới truyện cầu hôn nàng. Chàng muốn – cũng như đa số thanh niên nghèo và hăng hái ở trong trường hợp này – chàng muốn chiếm tất cả những cái gì chàng có thể chiếm được.

Trong lúc rảo bước tới nhà nàng, chàng hy vọng gặp truyện phiêu lưu kỳ thú. Chàng tưởng tượng thấy bàn tay nàng vuốt nhẹ trên má chàng. Chàng tự nhủ mình, “này đừng có điên rồ vội! Biết đâu chẳng làm nên công truyện gì. Thôi đừng có tấn công vội rồi lại bị thất vọng. Biết đâu mình chẳng thất thố điều gì trong bữa tiệc và bị nàng “xỉ vả” cho. Biết đâu nàng đương buồn ngủ và mong

mình đừng tới! Biết đâu đấy!” Bụng tuy nghĩ như vậy, nhưng chàng chẳng tin một chút nào.

Chàng bấm chuông và thấy nàng ra mở cửa, chàng vừa theo nàng đi qua cái hành lang hẹp vừa thăm ao ước được nắm tay nàng. Bước vào phòng khách đèn thấp sáng trung... Chàng thấy bà mẹ nàng ngồi sẵn đó, vững như bàn thạch, vẻ mặt lúc nào cũng như lúc nào, buồn như mùa đông vắng bóng mặt trời.

Nhưng chắc thế nào Bà Mẫu cũng phải rút lui, để chàng còn chinh phục chứ. Nhưng Bà Mẫu cứ ngồi ì ra đấy.

Ở Mohalis có lẽ các cậu đến thăm các cô nên ra về vào khoảng mười giờ là thích hợp hơn hết; nhưng từ tám giờ cho tới mười một giờ mười lăm, Martin vẫn còn ngồi chiến đấu với bà, nói với bà bằng hai thứ ngôn ngữ, một thứ phát ra thành tiếng, nói những truyện vắn vơ không ra đầu vào đầu, và một thứ câm lặng ngầm phản đối bà một cách giận dữ kịch liệt; trong khi ấy Madeline cũng có mặt, nàng ngồi đấy trông rất xinh đẹp. Bà Fox cũng thăm lặng đối đáp chàng không kém câu nào, cho đến khi gian phòng khách ngọt ngào không khí chống đối nhau, mặc dầu họ vẫn làm ra

về thân nhiên nói với nhau những chuyện về thời tiết, về Trường Đại Học, về xe điện từ các nơi về Zenith.

Chàng uể oải nói:

Thưa vâng, cố nhiên, cháu chắc rồi họ phải cứ hai mươi phút cho chạy một chuyến.

(Nhưng trong thâm tâm thì chàng nghĩ: “Khỉ già, sao mãi chưa đi ngủ cho rồi? À may quá! Mẹ đan xong rồi. Ấy kia! Rõ khi! Mẹ lại lấy thêm cuộn len để đan nữa kia!”).

Bà Fox nói:

Ồ, vâng, tôi chắc thế nào họ cũng sẽ tổ chức cho khá hơn.

(Và Bà nghĩ thầm: “Này cậu, tôi chưa hiểu biết nhiều về cậu, nhưng tôi tin cậu không xứng với Madeline đâu. Dầu sao thì cũng tới giờ cậu về rồi đấy.”)

Ồ, vâng, chắc thế nào cũng phải khá hơn nhiều.

(“Vâng, con biết con ngồi lâu quá và con biết mẹ cũng biết thế, nhưng con cóc cần!”)

Hình như bà Fox khó có thể chịu đựng lâu hơn nữa cái lối lý lợm của chàng. Chàng dùng đủ cách, nào là thuật truyền giao tư tưởng, nào là thuật truyền đạt ý chí, nào là thuật thôi miên, nhưng

tất cả đều vô hiệu, khi chàng chịu thua, đứng lên, bà vẫn ngồi đó, vô cùng bình tĩnh. Hai người chào từ biệt nhau, nhưng không lấy gì làm nồng nhiệt cho lắm. Madeline tiễn chàng ra cửa, chàng được ở riêng biệt với nàng nửa phút đồng hồ vui tươi bông bột.

Anh khao khát vô cùng... Anh khao khát nói chuyện với em! Em biết. Em xin lỗi nhé! Thôi để khi khác vậy!

Chàng hôn nàng, một cái hôn vô cùng nồng nàn âu yếm.

IV

Sau đó, Madeline lao mình vào những cuộc ăn chơi, giải trí vui nhộn, nhưng vô cùng mệt mỏi – nào là tiệc trà, tiệc bánh, nào là trượt tuyết bằng giấy, bằng xe, nào là hội họp văn nghệ mà khách danh dự là một nữ ký giả giữ mục xã hội trong Zenith Thời Luận Báo. Nàng đi đâu, Martin theo đấy ngoan ngoãn, dễ bảo. Hình như nàng khó mời được đủ bạn trai, nên chiều hôm có cuộc hội họp văn nghệ, Martin phải lôi cái anh chàng điên khùng Clif Clawson đi. Clif càu nhàu: “Đây là cái chuồng cú hôi nhất đời, mình chưa có dịp đến xem ra làm sao” nhưng rồi chàng vác đi được núi

của – Chàng đã được nghe Madeline gọi Martin bằng cái tên âu yếm là Martykins. Cái tên thật là giá trị vô song. Clif bắt chước gọi chàng là Martykins và bảo mọi người gọi chàng bằng cái tên này. Pfaff Mập và Irving Watters cũng gọi chàng là Martykins. Và khi Martin sắp đi ngủ thì Clif lâu lâu nói:

Hừ, chắc thế nào bồ cũng lấy nàng thôi. Tay thiện xạ đấy, nàng có thể đứng xa chín mươi bước bắn trúng hồng tâm một Y khoa Bác sĩ trẻ tuổi, thông minh và đẹp trai. Ô, rồi anh sẽ có một thời son trẻ để mà nghiên cứu khoa học khối ra đấy, cái váy đầm ấy mà truyền cho anh phải suốt ngày cật hạch ở hai bên hông bệnh nhân thì anh chỉ có mà vâng lệnh răm rắp... Nàng cũng là một tay văn nghệ ghê gớm lắm. Về văn chương thì chẳng cái gì mà nàng không thông thạo, có lẽ chỉ trừ ra có mỗi một cái là không biết đọc ra làm sao thôi. Trông nàng bây giờ cũng chẳng lấy gì làm xấu. Nhưng chắc rồi thế nào cũng sẽ phát phì ra như Bà Má của nàng.

Martin đáp đó là điều rất cần và chàng kết luận:

Trong bọn sinh viên tốt nghiệp, chỉ có một mình nàng là có tinh thần và tài đảm. Các cô khác

thì chỉ biết ngồi nói chuyện vớ vẩn, và nàng tổ chức được các bữa tiệc ngon lành và các buổi hội hay ho nhất...

Thế có buổi hội hôn hít nào không?

Này nghe đây! Anh có biết không, tôi sẽ đau khổ là cái chắc! Anh và tôi là những thằng thô bạo, nhưng Madeline... nàng có nhiều cái cũng tương tự như Angus Duer. Những khuyết điểm của bọn mình tôi biết chứ: âm nhạc này, văn chương này, ừ phải, quần áo bánh bao nữa này... vì ăn mặc cho ra vẻ có gì hại đâu...

Đó chính là điều mà tôi muốn nói với anh đó! Nàng sẽ bắt anh ăn mặc bánh như kiểu Hoàng Tử Albert, ngực sơ mi hở bột cứng, cái gì cũng muốn cho thật sang. Sao mà anh lại có thể cảm được cái bà thích chung diện như thế... Kiểm soát của ngài đâu?

Những lời phản đối của Clif càng gọi cho chàng nảy ra lòng hám lợi khao khát muốn lấy nàng.

V

Đàn bà ít người có thể giữ một thời gian lâu mà không tìm cách “cải tiến” người yêu của mình, mà “cải tiến” có nghĩa là thay đổi con người hiện tại của người yêu, muốn biến ra thế nào cũng được, miễn là khác trước. Những thiếu nữ như Made-

line, những phụ nữ văn nghệ nhưng lại không làm văn nghệ, không thể nào nhìn lấy hai ngày liền mà không làm cái công việc gọi là cải tiến ấy. Lúc Martin tỏ ra bị sắc đẹp của nàng khêu gợi, thì nàng đã kích ngay từ quần áo của chàng... bộ đồ nhung có sọc, sơ mi cổ mềm, chiếc mũ dạ xám cũ kỹ quá... lời ăn tiếng nói của chàng cho tới những tiểu thuyết chàng thích đọc, với một giọng mới, có vẻ ân cần, bao dung, nhưng hết sức cương quyết. Nàng có lối nói lùng khùng, đại khái như: “Chứ sao, ai chẳng biết Emerson là một đại tư tưởng gia” làm cho chàng tức điên lên, nhất là lối đố trái hằn với tính kiên trì trầm mặc của Gottlieb.

Chàng hét lên với nàng: “Ồ, để yên cho anh nhờ! Trời sinh ra em là người đáng yêu nhất, nếu em chỉ nói tới những chuyện mà em thông hiểu, còn nếu em nói tới chính trị và hóa học trị liệu phép thì... Trời hỡi! Khổ cái thân anh quá! Về ẩn ngữ, anh thấy em có lý. Anh sẽ bỏ không nói những tiếng như “đớp hít”, v.v. nữa. Nhưng anh không thể nào đeo cổ cồn cứng được! Nhất định là không!”

Nếu tình cờ không có cái buổi chiều xuân đứng chơi trên sân thượng thì có lẽ chẳng bao giờ chàng hỏi nàng làm vợ.

Nàng dùng cái mái phẳng ở bên trên lầu của nàng làm một cái vườn. Nàng bày trên đó một thùng thiên trúc quý và một cái ghế dài bằng sắt, giống như những cái ghế ngày xưa người ta thường đặt ở trong nghĩa địa! Nàng treo hai chiếc đèn Nhật Bản, đèn rách nên treo không ngay ngắn. Nàng nói giọng khinh khi những người cùng ở chung nhà, họ “tầm thường quá, câu nệ quá, chẳng bao giờ đặt chân lên cái chỗ ẩn dật nên thơ này”. Nàng so sánh nơi trú ẩn của nàng với một cung điện người Mua, một cái sân Y Pha Nho, một ngôi vườn Nhật Bản, một “du viên của Tỉnh Provence bên Pháp”. Nhưng đối với Martin hình như nó chẳng khác gì những cái mái nhà phẳng khác.

Một hôm, chiều tháng Tư, chàng đến thăm nàng, nghe Bà Mẹ nàng khinh khỉnh bảo chàng lên mái nhà mà tìm nàng, chàng đã hơi nổi nóng, định gây sự cãi nhau một trận.

Vừa trèo cái thang xoáy ốc, chàng vừa lẩm bẩm: “Mấy cái đèn Nhật Bản phải gió! Thà ngắm hiển vi, xem mấy miếng gan còn hơn”.

Madeline đương ngồi trên chiếc ghế sắt khiêng ở nghĩa địa về kia, cầm tỳ lên hai bàn tay. Lần đầu nàng không vồ vập chào hỏi chàng mà chỉ đứng

dung nói một câu cộc lốc “Kìa Anh”. Tâm trí nàng hình như để đâu. Chàng thấy hối hận vì ý nghĩ nhạo báng của mình. Chàng chợt thấy có cái gì xúc cảm trong cái ý nghĩ kiêu kỳ của nàng cho rằng cái băng giấy sơn hắc ín và những bức vách loang lổ kia là một cảnh vườn huy hoàng, rực rỡ. Chàng ngồi xuống bên nàng và thủ thỉ: “Em à, cái chiếu mới em trải kia thật là đẹp”.

Nàng quay sang nói: “Đẹp gì mà đẹp! Trông bẩn cả mắt” (Rồi nàng mếu máo) “Ồ, anh Martin, chiều nay em thấy em ngán em quá. Từ trước, em vẫn cố làm cho mọi người tưởng rằng em là người tài hoa lắm. Nhưng em có tài hoa gì đâu. Em chỉ lừa dối mà thôi”.

Có chuyện gì thế, em yêu?

Ồ, đủ thứ chuyện. Cái ông Tiến sĩ Brumfit, trời tru đất diệt ông ấy... nhưng ông ấy nói có lý lắm... Ông ấy bảo em là nếu em không chịu khó học hành chăm chỉ hơn thì em sẽ bị loại ra khỏi Viện Đại Học. Ông ấy bảo em chẳng chịu làm gì cả và nếu em không đậu bằng Tiến Sĩ Triết, thì đừng có hòng kiếm được chỗ tốt dạy Anh văn trong một trường có tiếng, mà em cũng cần phải kiếm một chỗ như vậy, vì xem chừng chẳng ma nào chịu lấy cái thú Madeline khổ này đâu”.

Chàng vòng tay ôm lấy nàng và dỗ ngọt:

Anh biết đích xác có ma nào rồi...

Không, em không có thả mỗi câu ai đâu. Chiều nay, em gần như thành thực. Em không tốt đâu, anh ạ. Em bảo mọi người là em thông minh tài giỏi. Nhưng em chắc chẳng ai tin nào. Và lúc quay đi, chắc họ cười em!

Họ không cười đâu! Nếu họ cười em... Anh muốn xem đứa nào dám cười em...

Anh thực tử tế và đáng yêu lắm, nhưng em không xứng đáng với lòng tốt của anh đâu. (Nàng Madeline thơ mộng, ăn nói văn hoa!) Em chỉ là... Em chỉ là... Anh Martin ạ, em chỉ là một con người vô liêu! Anh Clif, bạn anh, nghĩ về em thế nào là đúng y như thế ấy. Ô, thôi, anh khỏi cần nói với em nữa đi. Em biết anh ấy nghĩ những gì về em rồi. Và... em phải về quê với Mẹ em; về quê, em không thể chịu được đâu, anh ơi! Em không về đâu. Cái xứ ấy! Chẳng ra cái gì! Mấy bà già thì “ngồi lê đôi mách, mấy ông già thì dơ dáy, có mấy câu truyện khôi hài cổ từ đời nào rồi mà cứ đem ra kể đi kể lại mãi. Không em chẳng về đâu!

Nàng rúc đầu vào ngực chàng, khóc nức nở; chàng khẽ vuốt tóc nàng, lúc này chàng không

còn khao khát mà chỉ tràn đầy âu yếm, chàng khẽ bảo nàng:

Em cưng ơi! Anh cảm thấy hầu như anh liễu lĩnh yêu em. Em sẽ lấy anh và... Hãy để cho anh hai năm nữa để học cho xong ban Y Khoa và hai năm nội trú ở Bệnh viện, rồi chúng mình sẽ lấy nhau và... Thực thế, có em giúp anh sẽ trèo lên đến tột bậc! Trở thành một Bác sĩ chuyên khoa giải phẫu đại tài! Rồi chúng mình sẽ có đủ mọi thứ!

Anh yêu, hãy khôn ngoan một chút. Em không muốn anh xao nhãng công việc khảo cứu khoa học của anh...

Ồ, nếu thế thì... ý anh cũng muốn nghiên cứu một cái gì đó. Nhưng khốn nỗi, anh đâu có phải là cái loại cáo già ở phòng thí nghiệm. Phải tranh đấu với đời. Phải chen vai thích cánh để mà tiến bước. Phải chiến đấu thực sự với những con người thực sự. Nếu anh không làm được việc đó và không làm được một sự nghiệp khoa học nào, thì anh là kẻ vô tích sự. Cố nhiên anh cần phải lợi dụng thời gian ở bên cạnh Giáo sư Gottlieb, nhưng sau đó...Ồ, Madeline...

Rồi chàng chẳng nói thêm gì nữa, bao nhiêu khả năng biện luận của chàng đều biến vào trong khoảng không gian mờ ảo ngáy ngất bên cạnh nàng.

VI

Martin rất sợ phải giáp mặt Bà Fox; chàng chắc thế nào bà cũng sẽ hỏi: “Này cậu, cậu tính làm thế nào để cung dưỡng con gái tôi thế, cậu? Và cậu ăn nói cục cằn thô lỗ lắm.” Nhưng bà đã cầm tay chàng và bảo chàng giọng buồn buồn: “Tôi mong cậu và con bé nhà tôi sẽ sung sướng. Nó là một con bé hiền và ngoan lắm đấy, tuy một đôi khi nó cũng hơi nhẹ dạ, và tôi biết cậu cũng hiền lành tử tế và chịu khó học hành. Tôi sẽ cầu nguyện cho hai người được sung sướng... Ô, tôi sẽ hết sức thành tâm cầu nguyện! Các Cô các Cậu trẻ người non dạ hình như không có nghĩ gì đến cầu nguyện mấy, nhưng nếu các cô các cậu biết cầu nguyện đã phù hộ cho tôi như thế nào... Ô, tôi sẽ khẩn cho hai Cô Cậu được hạnh phúc vui tươi!”

Nói xong, bà khóc, bà hôn lên trán Martin, cái hôn ngắn dịu dàng, âu yếm của một bà già, và chàng cũng suýt khóc theo bà.

Lúc chàng ra về, Madeline khẽ thì thầm “Anh à, em thì em không có ý nghĩ gì cả, nhưng Me muốn anh em mình cùng đi nhà thờ với Me. Anh liệu xem có thể đi được không, chỉ một lần thôi?”

Tất cả thiên hạ, cả anh chàng Clif Clawson hay

báng bổ thần thánh kia, đều sững sờ kinh ngạc trước cảnh tượng Martin đóng khung trong bộ quần áo là thẳng nếp, chiếc cổ áo sơ mi hồ bột cứng như cái xiềng, và chiếc cà vát thắt rất công phu, đi theo Bà Fox và Cô Madeline đồng trình lăm mồm lăm miệng đến nhà thờ Giám Lý Hội Tỉnh Mohalis để nghe Mục Sư Tiến Sĩ Myson giảng về “con đường duy nhất đi đến đạo đức”.

Họ đi qua mặt Mục sư Ira Hinkley. Mục sư Ira nhìn một cách mãn túc và kính tín cảnh thức phọc của chàng Martin trai trẻ.

VII

Tuy Martin thành thực tin ở ý tưởng bị quan của Gottlieb đối với trí thức của con người, nhưng chàng cũng tin rằng ở đời có cái mà người ta coi là tiến bộ, các biến cố cũng có một ý nghĩa gì đó, về con người ta cũng học được một cái gì; chàng tin rằng nếu đã có lần Madeline chấp nhận rằng nàng chỉ là một thiếu nữ tầm thường, một đôi khi bị thất bại, như vậy tức là nàng đã được giải thoát rồi đó. Nhưng chàng lại ngạc nhiên thấy nàng lại bắt đầu “cải tiến” chàng, mà lần này lại mạnh mẽ hơn trước. Nàng than phiền chàng là một người tầm thường, “cao vọng thấp lè tè”. Nàng bảo: “Anh

tưởng anh tự cho mình hơn người là khôn lắm đấy hử. Đôi khi em tự hỏi không biết đây có phải là bệnh làm biếng của anh không. Anh chỉ mơ mộng hảo huyền về những công việc trong phòng nghiệm cứu của anh. Vì lẽ gì anh lại tự cho là khỏi phải học môn dược khoa, không cần ghi vào đầu óc anh các đơn thuốc và thứ này thứ khác? Các sinh viên khác đều phải học cả. Không, em chẳng hôn anh nữa. Em muốn anh xử sự ra người lớn và biết nghe theo lẽ phải”.

Đã bực mình vì những lời chỉ trích, lại khao khát đôi môi và nụ cười thắm thiết của nàng, chàng bị quay cuồng cho đến cuối học kỳ.

Một tuần lễ trước ngày thi, trong khi chàng định mỗi ngày bỏ ra hai mươi bốn tiếng đồng hồ để gần gũi yêu đương nàng, hai mươi bốn tiếng để học thi, và hai mươi bốn tiếng để làm việc trong phòng thí nghiệm vi trùng, chàng hứa với Clif Clawson là tới kỳ nghỉ hè chàng sẽ đi với Clif, làm bồi trong một khách sạn ở Gia nã Đại. Đến chiều, chàng gặp Madeline và đi dạo chơi với nàng trong khu trồng anh đào của vườn thí nghiệm canh nông.

Nàng phản nài:

Anh có biết em nghĩ gì về cái anh bạn kinh

khủng Clif Clawson của anh không? Em chắc anh chả thèm nghe ý kiến của em đối với anh ấy.

Martin không thích nghe, chàng đáp khéo:

Anh đã biết ý kiến của cung rồi, cung ạ.

Đã thế thì em có thể nói thẳng với anh ngay bây giờ là anh chưa biết ý kiến của em về việc anh định đi làm bồi! Em nói thực chứ em không hiểu vì lẽ gì anh không kiếm lấy một công việc đường hoàng xứng đáng với con người quý phái trong lúc nghỉ hè, thay vì đi rửa đĩa rửa chén nhơ nhớp. Sao anh không thể làm cho một nhà báo nào, làm ở đó anh có thể ăn mặc đường hoàng và tiếp xúc với những người tử tế, có hơn không?

Đúng như vậy. Anh có thể làm giám đốc, chủ bút tờ báo là khác. Nhưng em đã nói thế thì mùa hạ năm nay anh không làm gì cả. Có điên thì hãy đi làm. Anh sẽ đi Tân Cảng ngày thì chơi “golf” và chiều chiều mặc lễ phục.

Chơi như vậy dầu sao cũng không hại gì cho anh! Em rất trọng nghề lao công lương thiện. Đúng như Burns nói, chẳng có nghề nào xấu. Nhưng đi làm bồi bàn! Ô, anh, tại sao anh lấy làm kiêu hãnh về cái tính cộc cằn của anh nhỉ? Thôi, anh đừng cho mình là khôn nữa đi, chỉ trong một phút thôi, anh

hãy lắng nghe tiếng lặng đêm khuya, thường thức mùi hoa đào... Hay có lẽ một khoa học gia đại tài như anh, cao siêu hơn những kẻ bình phàm, đâu có thèm ngửi mùi hương anh đào cơ chứ!

Phải. Chỉ trừ có mỗi một điều là bao nhiêu hoa anh đào đã rụng hết từ mấy tuần lễ nay, còn em nói cái gì cũng đúng chết đi được.

Ồ, rụng rồi à! Có thể chỉ mới tàn thôi chứ, nhưng... Anh hãy làm ơn nói cho em biết cái đám gì lờ mờ trắng ở trên hoa thế?

Để anh nói cho mà biết. Anh thấy hình như đó là cái áo cánh trắng của một anh làm thuê làm mướn nào đó.

Này anh Martin, em nói cho mà biết chứ đừng có tưởng em chịu lấy một gã tầm thường, thô lỗ, ích kỷ, chỉ chăm chăm tìm bói vi trùng...

Và cô tưởng dễ tôi thích lấy một bà y y eo eo chỉ cha chí chóa với tôi suốt ngày sao!

Hai người làm mịch lòng nhau, họ lấy thế làm thích; rồi họ xa nhau vĩnh viễn. Đã hai lần họ xa nhau vĩnh viễn rồi, lần thứ hai thực là đau khổ, ở gần ngay một hội quán có một bọn sinh viên đương hát một bài ca mùa hạ nghe đến não lòng theo điệu đàn băng giô.

Luôn mười ngày, chàng không gặp lại nàng,

chàng cùng đi với Clif tới Bắc Lâm, lòng rầu rĩ vì mất nàng, vì nhớ tiếc làn da thịt mịn màng của nàng và mong nàng có thiện ý nghe theo lời chàng, chàng chỉ hơi bồn chồn về truyện rất có thể chàng sẽ đứng đầu lớp về môn vi trùng học, và đến năm tới giáo sư Gottlieb sẽ chỉ định chàng làm sinh viên phụ tá của ông.

CHƯƠNG: 6

HẾT THẤY CÁC chân bồi bàn tại nhà hàng Nokomis Lodge giữa rừng thông Ontario đều là sinh viên đại học. Người ta coi như là họ không được dự các cuộc khiêu vũ tại Nokomis Lodge... Họ chỉ đến bắt địa những thiếu nữ xinh đẹp nhất đám lòi đi chỗ khác, khỏi tay những ông lớn tuổi bảnh bao trong bộ đồ nỉ trắng. Mấy ông này chỉ còn nước đến tố cáo với ông chủ nhà hàng, các sinh viên phải làm việc, nhưng làm có bấy tiếng mỗi ngày. Ngoài thời giờ ấy ra, họ đi câu, bơi lội, hoặc dạo chơi trên những con đường rợp bóng mát. Martin thì trở về Mohalis, nhẹ nhàng, thoải mái và yêu Madeline như điên.

Chàng và nàng viết thư cho nhau, hối tiếc, lễ độ,

trước còn nửa tháng một lần, sau rồi mỗi ngày một lần, say mê nồng nhiệt. Suốt mùa hè, nàng bị đưa về quê nhà, gần Ohio, giáp ranh với Winne-mac, một tỉnh lớn hơn Elk Mills, quê của Martin, nhưng nóng hơn và kém đông đúc với những xưởng chế tạo bé nhỏ. Nàng những than thở trên suốt một trang giấy với dòng chữ rời rạc yếu ớt:

“Có lẽ chúng ta chẳng còn bao giờ gặp nhau nữa, nhưng em muốn nói để anh biết em rất quý tất cả những câu chuyện chúng ta đã nói với nhau về khoa học, về lý tưởng, về giáo dục, v.v. Bây giờ em lại càng hiểu rõ hơn và quý hơn, vì ở đây, mỗi khi em phải nghe mấy anh hủ lậu ba hoa toàn những chuyện sấm xe hơi hay chuyện phải trả công cho đầy tớ gái bao nhiêu, v.v. và v.v. Ô, thực khổ chết đi được. Anh đã cho em rất nhiều nhưng em cũng đã tặng anh chút ít gì đó, phải không anh? Em có thể nhầm lẫn không anh, chắc em không thể luôn luôn nhầm lẫn, anh nhỉ?”

Martin cảm xúc thở than:

“Ô, em yêu của anh, em bé bỏng của anh! Em đâu có luôn luôn nhầm lẫn! Tội nghiệp em, em bé bỏng yêu quý của anh!”

Vào khoảng giữa mùa hè, chàng nàng lại cương

quyết đính hôn lại với nhau, và, tuy chàng hơi bị bối rối vì một cô thu ngân của nhà hàng, một cô giáo trẻ trường Wisconsin có đôi mắt cá chân đẹp và nụ cười si dại, nhưng chàng nhớ Madeline vô tả, đến nỗi có đêm thao thức hàng giờ đồng hồ không ngủ, chàng tính xin nghỉ việc để về ngay với người yêu, hưởng sự chiều chuộng âu yếm của nàng.

Chuyến xe lửa đi về sao mà chậm đến thế, sốt ruột đến chết đi được, khi xuống ga Mohalis, chàng phát sốt lên vì những ảo tưởng về nàng. Hai mươi phút sau, chàng và nàng đã ôm chầm lấy nhau trong gian phòng khách tĩnh mịch ở nhà nàng, và thực thế, đúng hai mươi phút sau đó, nàng đã bắt đầu chế nhạo Clif Clawson, các cuộc đi câu cá, và tất cả các giáo sư, nhưng thấy chàng giận, nàng đành phải sụt sùi nước mắt, chịu thua chàng.

II

Niên khóa thứ ba của chàng như một con lốc. Nào là buổi sáng phải đi nghe giảng về phép chẩn đoán bệnh, về khoa giải phẫu, khoa thần kinh, khoa hộ sanh và phụ khoa y học; nào là buổi chiều thì dự lớp thực nghiệm ở bệnh viện, nào là giám thị việc chế tạo chất cấy vi trùng và khử trùng những đồ thủy tinh cho Gottlieb; nào là dạy tân sinh

cách sử dụng máy hiển vi, máy lọc, máy hấp; nào là thỉnh thoảng đọc một trang về khoa học Pháp hay Đức; nào là không ngớt hỏi thăm Madeline. Phải làm cho hết ngần ấy công việc, lúc nào chàng cũng tắt bật đến bắn loạn cả tâm thần, và trong cái lúc bận tới tấp mặt mũi nhất, chàng bắt đầu tự làm một công cuộc nghiên cứu riêng... Bước những bước đầu tiên thơ mộng lên những ngọn núi chưa có dấu chân người đi tới.

Chàng đã chích thuốc trừ bệnh thương hàn vào mấy con thỏ, và chàng tin rằng nếu đem huyết thanh rút ở mấy con vật miễn dịch ấy ra trộn với vi trùng thương hàn, thì các vi trùng này tất chết. Không may – chàng thấy – những vi trùng này vẫn sống phây phây. Chàng đâm ra lúng túng; chàng chắc rằng kỹ thuật của chàng còn vụng, nên thử đi thử lại nhiều lần, làm việc cho tới nửa đêm, thức cho tới sáng để suy nghĩ về các điều ghi chép của chàng. (Tuy trong thơ gởi cho Madeline, chữ chàng viết nguệch ngoạc, khác nhau, nhưng trong những tờ ghi chép thì hết sức rõ ràng chính xác), khi chàng biết chắc là Tạo Hóa đã nhất quyết làm một việc chẳng nên làm, chàng tìm đến Gottlieb, thú nhận sự thất bại và cãi lý:

“Mấy con vi trùng khốn nạn lẽ ra phải chết trong huyết thanh miễn dịch này, nhưng nó lại không chết. Chắc lý thuyết có chỗ nào sai”.

Gottlieb đập mấy tờ giấy đương cầm xuống bàn, nói tức:

Này cậu, có phải cậu định chống lại khoa học đấy phải không? Cậu cho rằng cậu có đủ khả năng, hừ, để công kích các định lý về thuyết miễn dịch hẳn?

Thưa giáo sư, con xin lỗi giáo sư. Con chẳng cần biết định lý là cái gì; con chỉ biết đây là những điều con tìm thấy. Thành thực mà nói, con đã thử đi thử lại, và kết quả vẫn thế, giáo sư thấy đấy. Con chỉ tin ở những điều con nhận xét thấy.

Gottlieb hớn hờ nói:

Con của ta, ta nhân danh giám mục ban phúc lành cho con! Đường lối như vậy mới đúng! Con hãy nhận xét những điều nhận xét của mình, và nếu thấy nó bẻ queo tất cả những quan điểm đẹp đẽ, chính xác của khoa học thì cứ việc quảng những quan điểm đó đi! Martin à, ta rất vui mừng về con. Nhưng bây giờ hãy đi tìm xem cái nguyên do tại sao, cái nguyên lý căn bản đi.

Bình thường, Gottlieb chỉ gọi chàng là Ar-

rowsmith hay là “anh” hay là “cậu”. Khi bực mình thì ông kêu chàng – hay bất cứ một sinh viên nào – là “Bác Sĩ”. Chỉ những lúc nghiêm trọng, ông mới cho chàng cái hân hạnh được ông kêu bằng cái tên “Martin”, và cậu bé sướng rơn lên, chấp chững đi tìm (nhưng chẳng bao giờ thấy) cái nguyên do tại sao sự vật lại sinh ra như vậy.

III

Gottlieb phái chàng đi Zenith, tới Tổng Y Viện Zenith to lớn đồ sộ, để lấy một loại vi trùng bệnh sung màng óc ở một bệnh nhân khác thường. Anh thư ký chuyên việc tiếp khách – chỉ biết có mỗi việc ghi sổ những tên tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp, và tôn giáo của bệnh nhân, và chẳng bao giờ quan tâm đến ai sống, ai chết, hoặc ai khắc nhỏ lên tấm thảm đẹp màu xanh trắng trải trên sàn nhà thương, hoặc ai tới, ai đi để lấy vi trùng bệnh sung màng óc, miễn là địa chỉ ghi cho đầy đủ rõ ràng – anh vênh vênh cái bộ mặt đáng ghét bảo chàng đi lên khu D. Qua những dãy hành lang dài, những dãy phòng không có sổ trong có mấy bà già da mặt vàng ệch, mặc áo ngủ bằng vải thô, ngồi trên giường trống mắt nhìn ra, Martin đi lảng quảng, làm ra vẻ quan trọng, để người ta tưởng mình là

một bác sĩ, nhưng kết cuộc chỉ thấy mình ngượng ngùng lúng túng vô kể.

Chàng đi qua mặt các cô điều dưỡng thật nhanh, khẽ gật đầu chào họ, theo kiểu (hay điệu bộ mà chàng cho là kiểu) của một bác sĩ giải phẫu trẻ tuổi tài cao học rộng, đương có việc vội phải đi mổ cho bệnh nhân ngay. Chàng mãi nghĩ làm ra vẻ một bác sĩ giải phẫu trẻ tuổi tài cao học rộng nên đi lạc đường, đến lúc biết ra thì thấy mình đương ở trong một khu toàn những phòng riêng. Trẻ mất rồi, chàng không còn thời giờ làm điệu bộ quan trọng nữa. Giống như các chàng trai khác, chàng ghét phải thú thật mình dốt, phải hỏi thăm đường lối, nhưng chàng cũng đành phải ngừng lại ở cửa một phòng ngủ trong có một nữ điều dưỡng tập sự đương cầm cúi lau sàn.

Nàng là một cô tập sự người bé nhỏ, mảnh mai, mặc một chiếc áo choàng vải thô xanh, đeo một chiếc yếm trắng rộng, đầu quấn một chiếc khăn buộc bằng một sợi dây thung... một bộ đồng phục trông bản như cái thùng nước lau nhà của nàng đang dùng. Nàng liếc mắt nhìn lên rất nhanh và trắng tráo như một con sóc vừa thoát hiểm.

Chàng nói:

Này cô, tôi muốn đến khu D.

Nàng đáp lửng khùng:

Ông muốn đến đó à!

Phải! Tôi muốn đến đó. Nếu tôi có thể làm cô phải ngưng công việc...

Không sao. Cái con mụ giám thị trời đánh ấy bắt tôi phải lau sàn nhà, mà công việc chúng tôi đâu có phải là lau sàn nhà, vì mụ bắt được tôi đương hút thuốc lá. Cái con mụ ấy đến kinh khùng. Nếu mụ bắt gặp một đứa bé như anh lớn vờn ở đây, mụ sẽ kéo tai anh tống cổ ra ngoài ngay.

Này cô bé này, nếu cô muốn biết...

Ồ! “Này cô bé này, nếu...” nghe thật đúng giọng ông giáo già của tụi này đi đâu về!

Cái lối nói đùa lửng khùng của nàng, cái lối nàng đối đáp chàng như thể hai người là hai đứa trẻ lè lưỡi trêu tức nhau ở một ga xe lửa, làm cho chàng trai trẻ phụ tá quan trọng của Giáo Sư Gottlieb phải bực mình.

Chàng gất lên:

Tôi là Bác Sĩ Arrowsmith, và tôi được biết: Ngay cả nhân viên tập sự cũng phải học cho biết bốn phạm thứ nhất của một nữ điều dưỡng là phải đứng lên khi nói chuyện với một bác sĩ! Tôi muốn

kiếm khu D để lấy một giống... nếu cô muốn biết thì tôi cũng nói cho mà nghe! ...một giống vi trùng rất nguy hiểm, và nếu cô vui lòng chỉ cho tôi...

Ồi chu choa! Lại chết tôi lần nữa rồi. Tôi hình như chưa quen với kỷ luật nhà banh này. Thôi cũng được. Tôi đứng lên vậy. (Rồi nàng đứng lên. Mọi cử động của nàng mềm mại uyển chuyển như dáng một con mèo đang chạy). Xin mời ông đi trở lại, quẹo về bên phải rồi rẽ về bên trái. Tôi thực vô lễ quá, xin lỗi ông nhé. Nhưng nếu ông thấy mấy cha bác sĩ già mà nữ điều dưỡng phải tỏ ra khúm núm... Nói thực chứ, thưa Bác sĩ... nếu quả ông là Bác sĩ thật...

Chàng vừa rút lui vừa giận dữ:

Tôi thiết tưởng tôi khỏi cần chứng minh với cô!

Suốt đường đi tới khu D. chàng vẫn hậm hực tức về những lời chế giễu bóng gió của nàng. Chàng là một khoa học gia siêu việt, đâu có thể chịu nhục nhã để cho một cô tập sự điều dưỡng đối xử vô lễ được... một cô tập sự quá tầm thường, một thiếu nữ gầy gò mảnh khảnh như là người ở miền Tây tới. Chàng nhắc lại lời trách mắng của chàng: “Tôi thiết tưởng tôi khỏi cần chứng minh với cô!” Chàng lấy làm tự đắc vì đã tỏ ra cao kỳ, kiêu hãnh.

Chàng tưởng tượng lúc chàng kể lại chuyện này với Madeline rồi kết luận rằng: “Anh chỉ điềm nhiên bảo nàng, “Này cô bé này, tôi biết cô không phải là người tôi cần phải giải thích rõ nhiệm vụ của tôi ở đây!” Anh bảo cô ta thế đấy, và cô ta ‘lúa’ quá.”

Nhưng sau khi chàng đã gặp người sinh viên nội trú giúp chàng lấy được chất tủy xương sống người bị sung màng óc rồi, hình ảnh cô ta vẫn không “lúa” đi trong lòng chàng một chút nào. Cô ta vẫn ở trước mặt chàng, kiên trì, khiêu khích. Chàng cần phải gặp lại nàng một lần nữa, nói cho nàng hiểu. Nhà khoa học trẻ tuổi khiêm tốn lắm bầm: “Cho dầu một người quan trọng hơn cô ấy đi nữa, một nhân vật quan trọng hơn những nhân vật quan trọng mình đã gặp từ trước tới nay, mà xúc phạm tới mình, tưởng mình sẽ dễ yên cho đi chắc!”

Chàng rào bước quay lại phòng nàng, và hai người đứng nhìn nhau chòng chọc một lúc rồi chàng mới nhớ ra rằng chàng chưa chuẩn bị sẵn những lời để mạt sát nàng một trận. Lúc này nàng đã lau xong sàn, đã cởi bỏ chiếc khăn bịt đầu, tóc nàng óng như tơ, vàng như mật, đôi mắt xanh và bộ mặt ngây thơ như con nít. Nàng chẳng có một

vẻ gì là lao công trong bệnh viện cả. Chàng tưởng chừng như nàng đang chạy xuống dốc đồi, trèo lên một bao rom.

Nàng trịnh trọng nói:

Ồ, lúc này tôi không có ý định vô lễ đâu. Tôi chỉ... bị lau nhà nên tôi tức quá. Thực ra tôi thấy anh rất hiền, và tôi xin lỗi đã làm mất lòng anh, nhưng trông anh trẻ quá chưa thể đậu bác sĩ được.

Không. Tôi không phải là bác sĩ. Tôi chỉ là một sinh viên y khoa. Lúc này tôi chỉ khoác lác mà thôi.

Tôi cũng vậy!

Tự nhiên chàng cảm ngay thấy có một tình đồng bạn nhanh chóng và trọn vẹn đối với nàng, một tình giao hữu không có một chút gì màu mè, phải giữ miết với nhau như chàng đã phải đương đầu với Madeline. Chàng nhận thấy nàng là người đồng hạng với chàng. Tuy nàng có vẻ tầm thường, hài hước, ăn nói không giữ gìn ý tứ, nhưng nàng cũng lịch thiệp, biết giấu lại những trò lừa bịp, có thể có đức tính trung trực, trung trực một cách quá tự nhiên, quá dễ dãi nên không có vẻ gì là quả cảm nữa. Giọng chàng nghe rất linh hoạt, tuy chàng nói vồn vện có một câu:

Cái nghề tập sự làm điều dưỡng này, tôi xem có vẻ cực nhọc lắm nhỉ.

Chẳng đến nỗi cực nhọc cho lắm, cũng chỉ lãng mạn như một con sen... như chúng tôi quen gọi ở Dakota mà thôi.

Cô ở Dakota tới à?

Vâng, ở một tỉnh đại đóm nhất... có những ba trăm sáu mươi hai dân số... trong toàn cõi tiểu bang North Dakota... Wheatsylvania. Anh ở y khoa đại học phải không?

Nếu có một nữ điều dưỡng khác đi qua, thì hai cô cậu lại làm ra bộ đương mãi nói chuyện với nhau về công việc của nhà thương.

Martin đứng ở cửa, nàng thì đứng cạnh thùng nước lau nhà. Nàng đã bịt lại chiếc khăn lên đầu, khăn bông lên che lấp cả làn tóc óng mượt của nàng.

Vâng, tôi là sinh viên năm thứ ba trường thuốc ở Mohalis. Nhưng chẳng hiểu sao tôi không thích học thuốc cho lắm. Tôi thích về bên phòng thí nghiệm. Chắc tôi sẽ chuyên về vi trùng học, và sẽ làm loạn lên với một vài lý thuyết lếu láo về miễn dịch. Và tôi không ưa lối làm việc ở bệnh viện.

Tôi rất mừng thấy anh không thích làm việc

ở bệnh viện. Chúng tôi làm việc ấy ở đây. Anh phải nghe mấy ông đốc, mấy ông già phì nộn đối đãi ngọt ngào nhất với bệnh nhân... song đối với điều dưỡng viên thì la lối om sòm. Còn công việc ở phòng thí nghiệm... có thể là một cái gì chân chính. Tôi chắc anh không thể nào bị được vi trùng... tiếng Anh gọi là gì nhỉ... bacteria hay bacterium nhỉ?

Không, đấy là... Thế người ta gọi cô là gì nhỉ?

Tôi ấy à? Ồ một cái tên quê mùa xấu xí Leora Tozer.

Leora thì có gì là xấu? Đẹp là khác.

Tiếng chim giao phối rạt rào, tiếng hoa xuân trong bầu không khí yên tĩnh, tiếng chó mơ màng sủa giữa canh khuya, ai là người chẳng ghi lấy những tiếng đó để không làm gì khác hơn là sáo đi sáo lại. Và câu chuyện của Martin và Leora nói với nhau cũng vậy, cũng tự nhiên, cũng thường sáo, cũng ngây thơ vụng về, cũng xác thật, cũng đẹp đẽ một cách vĩnh cửu bất diệt như những tiếng cổ sơ kia, câu chuyện của hai người mê man trong nửa tiếng đồng hồ ấy đã khiến cho người này nhận thấy ở người kia có một phần bản chất giống mình từ trước vẫn mơ hồ thiếu sót, đến bây

giờ mới vui mừng kinh ngạc tìm ra. Họ tíu tít nói chuyện với nhau như một đôi nam nữ nhân vật trong một chuyện cổ tích nhạt nhẽo, như hai công nhân phải làm việc cực nhọc, như hai kẻ quê mùa khoác lác, như một ông hoàng tử với nàng công chúa. Chuyện của họ nghe từng câu một thì thật là ngớ ngẩn, chẳng có mạch lạc gì cả, nhưng nếu đem tổng hợp lại thì thật là khôn ngoan, minh mẫn và quan trọng như sóng gầm, gió hú.

Chàng nói với nàng rằng chàng rất kính phục Gottlieb, rằng chàng đã đi ngang qua xứ North Dakota của nàng trên một chuyến xe lửa, rằng chàng là một tay chơi khúc côn cầu cừ khôi. Nàng thì nói với chàng rằng nàng rất mê lối dân ca phúng thích, rằng cha nàng là ông Andrew Jackson Tozer sinh quán ở miền đông (ý nói là ở Illinois), rằng nàng chẳng thiết gì cái nghề làm điều dưỡng nầy. Nàng chẳng có tham vọng gì riêng tư và đặc biệt, sở dĩ nàng tới đây là vì nàng ưa phiêu lưu, rằng nàng chẳng được lòng mục giám thị nữ điều dưỡng cho lắm, nàng có ý nói rằng nàng cũng cố làm ăn ngoan ngoãn, nhưng rồi cứ bị những con bán loạn lôi cuốn dây dưa với những vụ bậy bạ nửa đêm trốn đi chơi. Trong câu chuyện của nàng chẳng có gì là

dũng cảm cả, nhưng lời kể chuyện một cách bình tĩnh của nàng làm cho chàng có cảm tưởng thấy câu chuyện vui vui và có dũng khí.

Chàng ngắt lời nàng, hỏi giọng thành khẩn:

Giờ nào cô có thể chuẩn ra ngoài ăn cơm được? Chiều nay?

Nhưng...

Xin cô vui lòng nhận lời cho.

Thôi được.

Mấy giờ tôi có thể đến đón cô?

Theo ý anh, tôi có bắt buộc phải... Thôi được, bảy giờ vậy.

Suốt đường đi về Mohalis chàng cứ hết bực mình lại vui sướng. Nghĩ đến chuyện một ngày phải đi về Zenith hai lần đường xá xa xôi, chàng tự mắng mình là ngu; chàng nhớ mình hiện đương đính hôn với một thiếu nữ tên là Madeline, chàng thắc mắc về chuyện thiếu trung thành với vị hôn thê, chàng tự nhủ rằng Leora Tozer chỉ là một cô điều dưỡng giả mạo, thất học, chẳng khác gì một con sen con đỏ, và xác lác như một thằng bé bán báo; chàng quyết định, mấy lần quyết định sẽ gọi điện thoại cho nàng để hủy bỏ lời hứa hẹn đi.

Tuy nhiên chàng đã trở lại bệnh viện lúc bảy giờ thiếu mười lăm.

Chàng phải ngồi chờ mất hai mươi phút trong phòng khách chẳng khác gì phòng khách của một hãng xe đò đám ma. Chàng chợt thấy lo sợ hoảng hốt. Chàng tới đây làm cái gì? Đi với nàng chắc chẳng có gì thú vị, chàng có cảm tưởng như bữa ăn sẽ kéo dài không bao giờ xong và suốt buổi sẽ buồn đến chết đi được. Chẳng biết rồi chàng có nhận ra nàng trong bộ thường phục không nhỉ? Nhưng chàng bỗng bật đứng dậy. Nàng ở cửa phòng kia kia. Bộ đồng phục màu xanh ẩm đậm không còn nữa, nàng mảnh mai nhẹ nhàng như một cô bé con, trong bộ áo lộng lẫy như của một nàng công chúa, chạy thành một đường thẳng tắp từ chiếc cổ cao và bộ ngực trẻ trung non nớt xuống tới hai bàn chân nàng. Chàng cầm tay nàng khoác vào tay mình rất tự nhiên, và cùng nhau ra khỏi bệnh viện. Nàng đi bên cạnh chàng, chân hơi nhún nhảy như khiêu vũ, có vẻ bền lơn hơn trong lúc trang nghiêm thừa hành chức vụ, nhưng đầu ngẩng lên nhìn chàng một cách tin tưởng.

Chàng hỏi:

Thấy anh đến em có vui không?

Nàng có vẻ đắn đo suy nghĩ. Nàng có lối tinh nghịch, vờ làm ra vẻ phải suy nghĩ trịnh trọng,

trước khi trả lời một câu hỏi rõ ràng giản dị như vậy, rồi sau nàng mới trịnh trọng (nhưng là kiểu trịnh trọng của một cô bé con, chứ không phải kiểu trịnh trọng dẫn đo của một nhà chính trị hay của một ông giám đốc văn phòng nào) nàng gật đầu thú nhận:

Vâng, em vui lắm. Em sợ anh đi rồi anh giận em vì đã hỗn xược với anh, và em muốn xin lỗi anh, và... em thích thấy anh ham mê môn vi trùng học của anh như điên như dại. Em chắc em cũng hơi điên dại như anh. Bọn nội trú ở đây chúng nó quấy rầy hết sức, mà chúng nó toàn là cái thứ a... cái thứ cù lằn, với cái ống nghe bệnh mới toanh và cái nhãn hiệu tước vị cũng mới toanh. Ô... (Nàng nhắc lại, lần này trịnh trọng hơn bao giờ hết). Ô, ý, vâng, thấy anh đến em vui lắm... Nhưng không biết mình chấp nhận như vậy có phải là ngu không nhỉ?

Em có là người đáng yêu thì mới chấp nhận như thế chứ. Chàng thấy hơi ngây ngất vì nàng, và lấy cánh tay ép chặt bàn tay nàng.

Anh có tin là em không để cho bất cứ một sinh viên hay một bác sĩ nào cũng rủ em đi chơi được đấy chứ?

Và em, Leora à, em có tin là bất cứ một cô gái đẹp nào anh cũng tìm cách rũ đi chơi không? Anh muốn... anh cảm thấy bề nào rồi hai chúng mình cũng thân nhau. Có thể như vậy được không em? Có thể như vậy được không em?

Em cũng chả biết nữa. Để xem xem. Mình đi ăn ở đâu đây nhỉ?

Đến Đại Lữ Quán (Grand Hotel).

Đừng, anh ạ! Đắt chết người. Trừ phi anh giàu ghê lắm thì không kể. Mà anh đâu có giàu, phải không anh?

Không. Anh không giàu. Chỉ vừa đủ tiền để học xong trường thuốc thôi. Nhưng anh muốn...

Mình đến Bijou, anh ạ. Tiệm ấy khá mà không mắc.

Chàng nhớ Madeline thường hay nói gần nói xa rằng đến Grand Hotel, là nhà hàng huy hoàng nhất ở Zenith mà ăn thì thực là tuyệt, mà đây là lần chót chàng nghĩ tới Madeline tối hôm đó. Chàng bị Leora Tozer thu hút mất cả tâm hồn.

Chàng không ngờ con gái ông Andrew Jackson Tozer lại thiếu thận trọng, không có thiên kiến, và ngay thẳng như vậy. Nàng không có lối đòi hỏi yêu sách như các thiếu nữ khác. Nàng không bao

giờ có ý “Cải Tiến Người Yêu” biến thành một con người khác, và cũng ít khi mích lòng phật ý; không màu mè tình tứ mà cũng chẳng vô tình lãnh đạm. Từ trước tới nay, nàng là thiếu nữ đầu tiên chàng tiếp chuyện mà khỏi phải giữ gìn ý tứ. Chàng nói một thôi một hồi tất cả tâm sự của chàng, một môn đồ của Gottlieb, không còn để cho nàng có dịp nói xen vào một lời nào. Đối với Madeline thì Gottlieb là một lão già nguy hiểm, đem tánh chất thiêng liêng của Hôn Nhân và của những bông huệ cúng trong Lễ Phục Sinh ra để mà giễu cợt. Đối với Clif Clawson thì ông là một người chán ngấy, nhưng Leora đã đỏ mặt lên khi chàng đập bàn đem cái ý kiến sai lầm của chàng ra để dẫn chúng! “Cho đến bây giờ, ngay cả trong những công trình của Ehrlich, phần nhiều các công cuộc khảo cứu mới chỉ là thí nghiệm và nhầm lẫn, vì người ta chỉ căn cứ vào kinh nghiệm, mà căn cứ vào kinh nghiệm là phương pháp phản nghịch với phương pháp khoa học, nhờ phương pháp này người ta có thể tìm tòi đặt thành một luật chung chi phối một nhóm các hiện tượng khiến người ta có thể tiên đoán được những sự việc sẽ xảy ra”.

Chàng nói một cách trịnh trọng, nhìn chòng

chọc qua bàn thẳng vào mặt nàng, gần như là giận dữ. Chàng lại nhấn mạnh:

Thế em đã thấy Gottlieb so với tất cả cái bọn bác sĩ con buôn, cũng như cái bọn chuyên viên khảo cứu mà người ta sản xuất ra từng loạt một, như rập bằng máy, chuyên đi tìm bói những chi tiết nhỏ nhất, vo ve trên đồng phân, khác nhau ở chỗ nào chưa? Em đã hiểu ông ấy chưa? Em đã hiểu chưa?

Dạ, chắc em hiểu rồi. Dẫu sao đi nữa, em cũng chia sẻ nỗi lòng nhiệt thành sốt sắng của anh đối với ông ấy. Nhưng anh à, xin anh đừng có hò hét nạt nộ làm em sợ như thế nữa đi!

Anh nạt nộ à? Đâu anh có ý như vậy. Chỉ có điều khi anh nghĩ đến cái lối mà phần nhiều mấy ông giáo sư ngu si dốt nát chẳng có lấy một chút ý thức gì về công việc của ông ấy...

Thế rồi Martin lại thao thao bất tuyệt trở ngón sở trường ra, và nếu Leora có không hiểu gì cho lắm về sự liên quan giữa sự hóa hợp của các kháng thể với công việc nghiên cứu của Arrhenius, thì nàng cũng ngồi yên vui vẻ nghe chàng hùng biện, chứ không có trách khéo sửa nhẹ chàng như lối Madeline.

Mãi sau buộc lòng nàng phải nói cho chàng biết rằng mười giờ nàng phải có mặt tại bệnh viện, lúc đó chàng mới thốt ra rằng:

Chết chưa, anh ba hoa nhiều quá! Chắc anh không làm phiền lòng em đấy chứ.

Em thích nghe chuyện anh.

Nhưng anh nói về vấn đề chuyên môn nhiều quá, và nói to quá... Ô, anh thực là thô lỗ vụng về!

Em chỉ mong được anh tin em là đủ. Em chẳng có thông minh tài giỏi gì, nhưng khi bọn đàn ông ở quê em cho rằng em có đủ thông minh để nghe hiểu chuyện của họ thì em cũng thích lắm và... Thôi chào anh, về nhà!

Trong vòng nửa tháng, hai người đi ăn cơm với nhau hai lần, và cũng trong thời gian ấy, mặc dầu Madeline, vị hôn thê chân thật của chàng gọi điện thoại cho chàng nhiều lần chàng cũng chỉ đến gặp có hai lần thôi.

Dần dần chàng biết hết gốc tích của Leora. Nào bà cô của nàng bị bệnh nằm liệt giường ở Zenith, là cái có để nàng có thể đi xa đến như vậy và tới học tập ở nhà thương này. Nào thôn Wheatsylvania ở North Dakota, có mỗi một đường phố nhỏ, cuối đường có những vựa thóc vựa lúa sơn đỏ.

Nào cha nàng là ông Andrew Jackson Tozer, cũng có người kêu ông là Jackass Tozer, là chủ ngân hàng, chủ xưởng bơ sữa, và chủ một nhà máy lúa, nên thành ra người quan trọng nhất tỉnh, chăm đi lễ chiều Thứ Sáu, mỗi khi cho nàng hay mẹ nàng một xu nào là làm om sòm cả lên; nào Bert Tozer, anh nàng, răng nhọn như răng sóc, đeo kính có sợi dây vàng mắc lên tai, làm thủ quỹ, nào chuyện tất cả nhân viên trong cái ngân hàng vốn vẹn có mỗi một phòng làm việc của cha nàng. Nào những bữa ăn gà quay, sà lát, và cà phê ở Liên Hợp Huynh Đệ Giáo Hội; nào những nông gia người Đức theo giáo phái Luther hát những bài cựu thánh ca Teuton, nào những người Hòa lan, Bô hê miên, Ba lan. Nào xung quanh làng, lúa mọc bát ngát dưới vòm trời đầy đặc những đám mây vĩ đại. Và còn biết bao nhiêu là chuyện khác nữa. Chàng hình dung thấy Leora luôn luôn là một “cô bé kỳ cục”, khá ngoan ngoãn, chịu làm hết những công việc nội trợ buồn tẻ, nhưng trong thâm tâm luôn luôn tin tưởng chắc chắn rằng một ngày kia sẽ gặp được một chàng trai, dù có ở trong cảnh nghèo nàn hay nguy hiểm nào đi chăng nữa, nàng cũng sẽ được trông thấy một thế giới đầy cảnh sắc huy hoàng

rực rỡ ở bên chàng. Nghe nàng ngập ngừng cố tả cho chàng thấy cuộc đời thơ ấu của nàng xong, chàng thốt lên:

“Em yêu, em chả cần kể cho anh nghe chuyện về em, anh cũng đã hiểu biết em rồi. Dù có thế nào đi nữa, anh cũng sẽ không để cho em vượt khỏi tay anh đâu. Em sẽ lấy anh...”

Họ nói chuyện với nhau, tay nắm tay, mắt nhìn mắt tỏ tình yêu đương, trong cái quán ăn ồn ào náo nhiệt ấy. Lời đầu tiên của nàng là:

Em muốn gọi anh là Sandy. Tại sao em lại gọi thế? Em cũng không biết nữa. Anh đâu có chút gì là quê mùa, nhưng dẫu sao thì Sandy có nghĩa là anh của em à... Ô, anh, em yêu anh vô ngần!

Thế là Martin ra về hứa hôn với hai thiếu nữ một lúc.

IV

Chàng đã hứa sáng hôm sau sẽ đến thăm Madeline.

Theo bất cứ một quy tắc luân thường đạo lý nào chàng cũng phải tự cảm thấy mình chó má đê tiện, chàng tự nhủ chắc chắn chàng phải cảm thấy mình chó má đê tiện, nhưng chàng không thể nào làm đúng được như vậy. Chàng nghĩ tới

lòng nhiệt thành đáng thương của Madeline, đến cái gác thượng mà nàng ví như “Hoa viên của Tỉnh Provence”, đến những tập thơ đóng bìa da mềm mà nàng lấy đầu ngón tay vuốt ve âu yếm; đến cái cà vạt nàng đã mua tặng chàng, đến lòng kiêu hãnh của nàng vì bộ tóc của chàng, khi chàng chải mượt theo kiểu các nhân vật thượng đẳng trong các hình ảnh in trong các tạp chí. Chàng đau buồn vì tội phụ bạc ăn ở hai lòng của chàng. Nhưng nỗi thất vọng của chàng đều tiêu tan hết vì lòng chàng quyến luyến Leora không rút ra được. Giao tình của Leora đã làm cho tâm hồn chàng khuây khỏa. Có nhiều khi chàng đứng hẳn về phía Madeline bên vực Madeline, viện lẽ rằng Leora là một cô gái nhẹ dạ, tầm thường, lúc có một mình dám nhai kẹo cao su, và lúc ở giữa công chúng chắc chắn không biết giữ gìn móng tay cho trang nhã, cái tính xuềnh xoàng của nàng thực quý giá đối với tính xuềnh xoàng ở chính con người chàng, nó có giá trị chẳng khác gì lòng hoài vọng hay lòng sùng kính của con người ta, nó là cái bản chất phàm tục giúp cho nàng có tính vui vẻ tự nhiên, cũng như nó giúp cho chàng có tính hiếu kỳ sôi nổi ham hiểu biết về khoa học.

Qua ngày tức mệnh hôm sau, chàng như người mất hồn. Gottlieb hai lần hỏi chàng đã làm xong cái lớp thuốc cấy mới chưa, mà tính Gottlieb thì độc đoán, nghiêm khắc đối với những sinh viên mà ông yêu hơn là đối với các sinh viên khác, ông cầu nhàu:

“Arrowsmith, anh thực là u mê ám chướng! Trời ơi, chẳng lẽ suốt đời tôi cứ gặp phải những của nợ? Chẳng lẽ cái gì tôi cũng phải làm một mình mãi. Martin, anh định hại tôi đấy à? Hai, ba ngày hôm nay anh làm việc cầu thả quá!”

Martin vừa lảng đi chỗ khác vừa lẩm bầm “Mình khoái ông này quá!” Trong lúc tâm thần rối loạn, chàng nhớ lại những nét xấu của Madeline, nàng hay trách móc, tính tự phụ, ích kỷ, bản chất ngu si dốt nát. Chàng càng nghĩ càng tự đề cao mình lên, tự cho mình có một tư cách nhân phẩm nó khiến cho chàng nhận thấy một cách rõ ràng đặc ý rằng chàng phải bỏ rơi Madeline để cho nàng biết thân. Tối hôm đó, chàng tới thăm nàng, định bụng nếu nàng vừa mở miệng ra phàn nàn một câu gì đó, thì lập tức chàng sẽ làm ầm lên, cuối cùng sẽ tha lỗi cho nàng, nhưng sẽ hủy bỏ lời hứa hôn giữa đôi bên và quyết tâm làm cho cuộc đời của chàng lại bình dị như xưa.

Nhưng nàng không phản nản lấy một tiếng.

Nàng chạy ủa tới chàng: “Anh yêu, trông anh sao có vẻ mệt mỏi thế này... mắt anh trông thờ thẩn. Anh làm việc nhiều quá sức phải không? Tuần này, thấy anh không tới, em buồn hết sức. Anh à, anh đừng có tự tử bằng cách làm việc như vậy nhá. Anh hãy nhớ là anh còn biết bao nhiêu là năm tháng trong đời anh để làm những công việc đẹp đẽ kỳ diệu. Không, anh đừng nói gì hết, anh hãy nghỉ cho khỏe đi đã. Má đi xem chiếu bóng rồi. Anh ngồi xuống đây đi. Anh coi, em xếp chiếc gối này để cho anh được thoải mái. Anh ngả lưng xuống một chút... nếu anh ngủ được thì ngủ đi một giấc... để em đọc anh nghe chuyện “Cái hũ vàng” chắc anh thích lắm”.

Chàng quyết tâm sẽ không thích chuyện ấy, và chàng cũng chẳng có năng khiếu gì về hài hước cả, chàng khó có thể thưởng thức được, nhưng câu chuyện khác thường làm cho chàng phải chú ý. Tuy giọng Madeline nghe chát chúa quê mùa, so với giọng ngọt ngào uể oải của Leora, nhưng Madeline hăm hở đọc, khiến chàng thấy ngượng và xấu hổ vì có ý định làm khó nàng. Chàng thấy chính Madeline, với tính tự cao tự đại của nàng,

mới là cô gái ngây thơ trẻ con, còn Leora không biết tư lự, và sợ hãi là cái gì, Madeline mới là người đã thành thực, đã dư sức làm bá chủ một thế giới thực tại. Những lời trách móc chàng đã sắp sẵn để áp đảo Madeline đều tiêu tan đầu hết.

Nàng chợt đến bên chàng năn nỉ: “Văng anh, em thấy lẻ loi quá, suốt cả một tuần!”

Thành thử, chàng hóa ra phản bội cả hai người đàn bà. Chính Leora đã làm cho chàng bị kích động không thể nào cưỡng nổi; và chính hiện tại chàng đương tơ tưởng tới Leora, đương thực sự vuốt ve Leora; ấy thế mà chính Madeline lại là người đương được hưởng lòng khao khát yêu đương và bàn tay vuốt ve ấy của chàng.

Nghe nàng thủ thủ: “Thấy anh đến đây vui sướng, em cũng được vui sướng,” chàng không thể nói năng gì được nữa. Chàng muốn kể cho nàng nghe chuyện về Leora, muốn reo mừng hò hét lên về Leora, để tỏ ra cao hứng khoái trá về Leora, người vợ xứng đáng của chàng. Chàng thốt ra vài lời âu yếm, nhưng thiếu vẻ mặn nồng, khen Madeline đẹp và có học thức rộng về văn chương, rồi trong lúc nàng còn ngơ ngác thấy vẻ lãnh đạm của chàng, thì chàng đã bỏ ra về, lúc đó mới mười

giờ. Nói tóm lại chàng đã hoàn toàn ‘thành công’ để có thể tự cảm thấy mình đê tiện một cách chó má, khốn nạn.

Chàng vội vã đi tìm Clif Clawson.

Chàng không nói gì với bạn về Leora cả. Chàng sợ bạn cười và lấy làm tự phụ đã giữ được thái độ bình tĩnh khi bước vào phòng.

Clif Clawson đương ngồi tựa vai vào thành ghế, hai chân không mang giày dép gì, gác lên mặt bàn học, đọc chuyện Sherlock Holmes đặt trên cuốn sách to tướng về Y khoa của Osler mà chàng cho rằng chàng cần phải học.

Clif! Mình muốn uống một cái gì quá. Mệt ghê lên được. Xuống quán Barney xem có gì uống chơi đi.

Ồ, anh nói nghe được quá, từ xưa đến nay bây giờ tôi mới nghe cậu thốt ra được một câu đáng tán thưởng, chẳng khác gì...

Ồ, thôi im cái mồm đi cậu. Tớ đương bận mình đây.

Á, chắc cậu Cả con bà Hai lại có chuyện gì xích mích với cô Chiêu nồn nường Madeline rồi! Nàng đã đối xử ác nghiệt với Martykins bé bỏng rồi, có phải không? Thôi được. Không đùa nữa. Nào đi.

Làm một hộp vậy.

Đi đường, Clif kể ba câu chuyện mới về giáo sư Robersshaw, cả ba câu đều tục tĩu, và hai câu thì bịa, ấy thế mà cũng làm cho Martin vui lên được một chút.

Quán Barney là một nơi chứa gá cờ bạc, một tiệm thuốc lá, và từ khi dân chúng địa phương bỏ phiếu quyết định cấm rượu ở Mohalis thì đó là một nơi bán rượu lậu tuyệt hảo. Clif và bàn tay lông lá của Barney chào nhau hết sức trịnh trọng:

Ông Barney, tôi cầu xin Thượng đế sẽ giáng những phước lành của chiều hôm xuống cho ông, cho huyết dịch của ông tuần hoàn một cách tự do đều đặn, nhất là cho bối oản quan tiết của xích cốt động mạch của ông, do mối liên quan đó, ông bạn tôi là giáo sư Tiến sĩ Arrowsmith và chính tôi đây sẵn sàng vui lòng đùa chơi với một chai, cái thứ Hà Lan Môi Hương Tân Tửu trứ danh ấy.

Thiên địa ơi! Clif Clawson, công tử quả thực là có một giọng du dương tao nhã. Và sau này khi công tử đã đậu Bác sĩ danh chiễm bảng vàng, nếu kẻ hèn này có cần phải cưa bớt một cánh tay đi, chắc chắn thế nào cũng phải chạy đến bác sĩ và cứ nghe bác sĩ nói tự nó cũng đã phải rụng rời ra. Thế bây giờ quý vị dùng Hà Lan Môi Hương Tân Tửu?

Phòng ngoài của quán Barney trông rất ấn tượng, trong bày một cái bàn đánh bài, từng chồng thuốc lá, thỏi xô cô la, cỗ bài cào, và báo thể thao in giấy màu hường xếp đồng bừa bãi. Phòng trong giản dị hơn; chỉ có những thùng sô đa ngọt pha chút mùi thơm, một thùng đá lạnh lớn, và hai chiếc bàn nhỏ với mấy chiếc ghế khập khiễng. Barney đổ ở một cái chai mang nhãn hiệu rõ ràng là “Bia Gừng” ra hai ly huyết ky nguyên chất mạnh kinh khủng, Clif và Martin bung ly ra chiếc bàn ở góc phòng. Hơi rượu ngấm rất nhanh. Những nỗi buồn vơ vẩn của Martin đã biến thành lạc quan. Chàng nói với Clif rằng chàng sắp viết một cuốn sách để trình bày lý tưởng của chàng, nhưng thực ra thì trong lòng chàng tính sẽ tìm cách giải quyết khéo léo vụ đính hôn với hai thiếu nữ kia đi. Chàng đã có cách rồi! Chàng sẽ mời Leora và Madeline cùng đi ăn cơm trưa với chàng, rồi chàng sẽ nói cho hai nàng biết sự thật để xem nàng nào thực sự yêu chàng. Chàng reo lên và gọi thêm một ly huyết ky nữa; chàng khen Clif là một người bạn tốt; Barney là một nhà phúc thiện, ân nhân của mọi người, rồi chàng lão đảo bước lại phòng điện thoại đóng kín cửa lại, không để cho ai có thể nghe được chuyện chàng nói.

Gọi đến Tổng Y Viện Zenith chàng gặp phải viên giám thị thường trực về đêm, mà viên giám thị này lại là người lạnh lùng và đa nghi. “Giờ này đâu có phải là giờ gọi điện thoại cho một nữ điều dưỡng tập sự! Mười một giờ rưỡi khuya! Mà ông là ai kia chứ?”

Martin cố giữ cho khỏi thốt ra câu “Đ. M. để ông nói cho mà nghe ông là ai?” là câu phản ứng tự nhiên của chàng, và chàng giải thích rằng chàng thay lời bà cô bệnh hoạn của Leora, rằng bà già đáng thương này đương chán đời, và nếu viên giám thị chịu nhận lấy trách nhiệm giết một người đàn bà vô tội...

Khi Leora tới nghe điện thoại, chàng nói rất nhanh và rất bình tĩnh, cảm thấy tựa hồ như nhờ có nàng tới giúp chàng thoát khỏi vòng vây nguy hiểm của một đám người lạ mặt bu quanh chàng.

Leora hả? Sandy đây. Mai mười hai rưỡi, chờ anh ở Đại Lữ Quán nhé. Phải đến đấy. Cần lắm. Liệu thu xếp... bà cô ốm chẳng hạn.

Thôi được, anh. Ngủ ngon nhé.

Nàng chỉ nói được có vậy.

Gọi về nhà Madeline, chàng phải đợi một lúc lâu mới được trả lời, giọng bà Fox ngái ngủ, rung rung nói:

Dạ, dạ?

Martin đây ạ.

Ai đó ạ? Ai đó ạ? Có chuyện gì thế ạ? Có phải ông muốn gọi nhà bà Fox không ạ?

Dạ, phải! Thưa bà, con là Martin đây ạ.

Ồ, ồ, trời ơi, cậu! Tôi đương ngủ say thì chuông điện thoại kêu dậy, và tôi không nghe rõ cậu nói gì. Tôi sợ quá. Tôi tưởng có điện tín hay chuyện gì cơ chứ. Tôi ngỡ có chuyện gì xảy ra cho anh của Madeline. Thế, có chuyện gì thế, cậu?Ồ, lạy Trời không có chuyện gì xảy ra nhớ!

Lòng tin tưởng của bà đối với chàng, tình thương của một bà già mất gốc, bỏ ngõ ở nơi tha hương, làm cho chàng xúc cảm, chàng mất hết hơi men huyết ky nó đã làm cho chàng tưởng mình là một tay lanh lợi, hoạt bát, bao nhiêu gánh nặng đời lại đè trĩu lên chàng, và chàng thờ dãi rầu rĩ đáp rằng không, không có chuyện gì xảy ra cả, mà chàng chỉ quên nói với Madeline một việc... chàng rất lấy làm tiếc đã phải gọi điện thoại khuya như vậy... và xin được nói chuyện với Madeline một phút thôi...

Rồi đến lượt Madeline lắp bắp:

Sao, Martin, anh yêu, chuyện gì thế? Em mong

không có chuyện gì xảy ra cả! Sao, anh, anh vừa ở đây về...

Em cung à, anh quên không bảo em. Anh có... có một người bạn rất thân ở Zenith anh muốn giới thiệu với em...

Anh nào thế?

Mai em sẽ biết. Ngày em, anh muốn em vào trong đó để gặp... ăn cơm trưa với nhau. Em vào, (giọng chàng bỗng vui hẳn lên) em vào, anh sẽ thết em một bữa linh đình ở Đại Lữ Quán...

Ồ, thế thì thích quá!

... Vậy anh muốn em gặp anh lúc mười hai giờ thiếu hai mươi ở trạm xe điện, ngã tư Đại học. Được không?

Nàng đáp hồ đồ:

Ồ, thế thì em thích lắm... nhưng em lại có cái hẹn mười một giờ, và em không muốn thất hẹn, em hứa đi phố với May Harmon... nó muốn chọn một đôi giày đi với chiếc áo “kép đồ xin” cho nó hợp... và tụi em tính có lẽ đi ăn trưa với nhau ở Ye Kollege Karavanserai... và em cũng có ý đi coi xi nê với nó hay với một con bạn nào đó. Mẹ bảo phim mới Alaska hay lắm, Mẹ vừa đi coi hồi chiều, và em muốn đi coi không có hết mắt, nhưng chả

biết thế nào được, có khi em về thẳng ngay nhà để học và chả đi đâu cả...

Này em hãy nghe đây! Việc quan trọng lắm. Em có tin anh không? Em có tới hay không, có hay không?

Sao, cố nhiên là em tin anh chứ còn gì nữa, anh yêu của em. Thôi được, em sẽ cố tới đó. Mười hai giờ thiếu hai mươi, phải không?

Phải.

Ở Ngã Tư Đại học! Hay ở tiệm sách Bluthman?

Ở Ngã Tư Đại học!

Khi chàng rời phòng điện thoại ngộp hơi ngột thở, trở ra với Clif, câu “em tin anh” ngọt ngào và câu “em sẽ có” hồ đồ vẫn còn chọi nhau chát chúa trong tai chàng.

Clif hỏi:

Có gì buồn thế? Vợ chết rồi sao? Hay là tụi Giants lại thắng bàn thứ chín nữa rồi? Barney coi cậu bé phiêu lưu nhà ta rầu như xác không hồn. Mau mau rót cho cậu ấy một ly rượu dâu khác đi. Này, thua Bác sĩ, nếu cứ thế này mãi, Bác sĩ nên mời một y sĩ thì hơn.

Ồ, cảm miệng đi. Martin chỉ nói có vậy, và không có ý bắt lỗi bạn chút nào. Trước khi gọi dây

nói, sao mà chàng hăng hái khoái hoạt thế; chàng khen Clif cò bạc giỏi, và gọi Barney là lão Old Cimetex lectularius, thế mà bây giờ thì mặc cho Clif cố làm đủ mọi cách cho chàng vui, chàng cũng cứ ngồi thừ người ra suy nghĩ một hồi, rồi mới cần nhần bạn (trong lòng hơi có ý tự mãn):

Nếu mày biết được hết nỗi khổ tâm của tao... tất cả những chuyện rắc rối to một thằng con trai mắc vướng phải... chắc mày không có ba hoa mãi cái miệng như vậy!

Clif hoảng hồn:

Này, khi già, nếu mày có mang công mắc nợ, thì để thằng này đi xoay tiền cho. Còn nếu... hay là mày với Madeline lại đi quá đà rồi?

Mày làm tao phát tởm! Đầu óc mày bấn thiêu quá lắm. Tao không đáng rờ đến bàn tay Madeline. Đối với nàng, tao chỉ có mỗi nước là kính phục nàng thôi.

Cái gì mà dùng những chữ to lớn như vậy! Nhưng nếu mày đã nói vậy thì cũng chẳng sao. Tao mong tao có thể giúp nàng được việc gì. Ô! Làm một châu nữa đây! Barney! Cho một ly nữa đây!

Hơi men bốc lên làm Martin lơ mơ bất cần, chàng đòi đánh ba sinh viên năm thứ hai to lớn,

làm Clif đâm lo, phải kéo chàng về nhà. Sáng tỉnh dậy, đầu nhức như búa bổ, và nhớ ra rằng chàng sắp phải dẫn Madeline đến chạm trán với Leora vào bữa cơm trưa.

V

Quãng đường nửa tiếng đồng hồ chàng phải đi với Madeline vào Zenith chẳng khác gì một đám mây đen trong cơn bão tố, một vật hiển nhiên làm cho chàng ngộp thở. Không phải chàng chỉ lo làm sao cho qua đi từng phút một, mà luôn cả một lúc ba mươi phút hải hùng lo lắng hiện ra trong đầu óc chàng. Trong lúc chàng lo sửa soạn những lời lẽ khôn ngoan khéo léo chàng sắp phải đưa ra trong hai phút sắp tới, thì tai chàng còn nghe văng vẳng thấy những lời vụng về đại dột chàng vừa nói xong hai phút vừa qua. Chàng tìm hết cách để làm cho nàng không để ý tới “người bạn rất thân của chàng” mà nàng sắp gặp. Chàng hớn hỏ tưởng mình khôn ngoan tả cho nàng nghe một đêm ở quán Barney; chàng cố tỏ ra mình kỳ quặc mà không được, và khi Madeline thuyết cho một chập về những cái hại của rượu chè, và những cái hại đàn đú với những kẻ vô hạnh, chàng thấy yên tâm được phần nào; nhưng chàng vẫn không

đánh lạc được ý nghĩ của nàng về việc nàng đang quan tâm đến.

Mình sắp gặp ai thế hở anh? Sao mà anh bí mật thế? Ô, anh Martin, chắc anh định giỡn em phải không? Có thực mình đi để gặp người ta không? Hay anh chỉ muốn trốn Má đi ăn uống với nhau một lúc ở Đại Lữ Quán? Ô, hay quá! Em vẫn cứ thèm đến ăn uống một bữa ở Đại Lữ Quán, cố nhiên em biết như vậy là lỗ bịch, nhưng vẫn thấy hấp dẫn và... Em đoán như vậy có đúng không cung?

Không. Có người ta thực mà... ô, mình đi để gặp người ta thực mà!

Vậy sao anh không nói ngay cho em biết người ta là ai? Nói thực với anh chứ, anh làm cho em sốt cả ruột.

Thôi được, để anh nói cho mà biết. Người ta không phải là đàn ông, mà là đàn bà.

Ồ!

Chả là... Em đã biết rồi đó, công việc buộc anh phải đến các bệnh viện, và có mấy cô điều dưỡng ở Zenith giúp được nhiều việc cho anh ghê lắm. (Lòng chàng hồi hộp; mắt đau nhức. Thấy không thể nào tránh được nỗi đau khổ của bữa ăn sắp

tới, chàng tự nhủ tại sao lại cứ cố chống cự lại hình phạt ấy). Đặc biệt là trong số có một cô kể ra thực là dị thường. Cô ấy học được rất nhiều về phương pháp điều dưỡng bệnh nhân, và đã chỉ dẫn cho anh thấy rất nhiều bệnh trạng đáng chú ý, cô ấy có vẻ dễ thương... tên cô ấy là Leora – hình như họ Leo gì đó... Và cô ấy rất... Ba cô ấy là một trong những người có danh vọng lớn ở North Dakota... giàu kinh khủng... chủ ngân hàng lớn... Anh đoán cô ấy có đi học điều dưỡng chẳng qua chỉ để tham dự một phần vào công việc thế giới. (Chàng đã dùng giọng nói thi vị của chính Madeline). Anh cho rằng em và cô ấy có thể cũng thích quen biết nhau. Em vẫn thường bảo ở Mohalis sao mà hiếm các cô thật sự biết thưởng thức... thưởng thức lý tưởng mà, em có nhớ không?

Co ó. (Madeline vừa đáp vừa chăm chú ngó ra một vật gì ở đằng xa, ngó thì ngó đấy thôi chứ bất luận là vật gì đi chăng nữa, nàng có thiết tha gì đâu). Cố nhiên là em thích gặp lắm. Bất luận một người nào của anh... Ô, anh Martin! Mong rằng anh không có tán tỉnh, không có bắt bạn quá thân mật với tất cả các cô điều dưỡng ấy. Riêng em, cố nhiên là em không biết chút gì về chuyện đó,

nhưng em nghe người ta nói có một vài nữ điều dưỡng làm điểm hân hời.

Nói vậy, để anh nói cho em biết ngay, Leora không phải là hạng người đó.

Em tin chắc là như vậy, nhưng... Ô, Martykins, chắc anh không đến nỗi ngốc để các cô điều dưỡng ấy lấy anh làm trò đùa? Em nói như vậy là vì anh. Họ có cái lợi ghê gớm. Còn như Madeline khốn khổ này đâu có được phép đi phát phơ vào các phòng đàn ông để... này nọ, và anh tự cho là giỏi tâm lý lắm, anh Mart à, nhưng nói thực chứ, một người đàn bà nào hơi khôn ngoan một tý cũng có thể xỏ dây vào lỗ mũi anh dễ như chơi.

Anh chắc anh biết giữ mình, em đừng lo!

Ồ, ý em muốn nói... không, em không có ý nói như vậy... Nhưng em mong rằng cái cô Leora ấy... nếu anh mến cô ấy thì chắc em cũng sẽ mến cô ấy, nhưng... em là người yêu duy nhất của anh, mãi mãi... lúc nào em cũng vẫn là người yêu của anh, có phải không, anh?

Madeline, một cô gái đoan trang mà lúc đó cũng quên cả những người qua đường, nàng nắm lấy bàn tay chàng. Giọng nàng nghe có vẻ bàng hoàng sợ hãi, đến nỗi chàng đương giận nàng có ý nghĩ

không đẹp đối với Leora, bỗng đâm ra đau khổ. Vô tình, ngón tay cái nàng bấm mạnh vào mu bàn tay chàng rất đau.

Chàng cố làm ra vẻ âu yếm, nói:

Sao lại không... hử đi chứ lại... chết chưa, em coi kia, cái mũ hàng ghế bên kia đường nhìn mình kia kia.

Dẫu sao này chàng có phạm những tội bất trung thất tín thế nào đi nữa thì bây giờ trước khi đi tới Đại Lữ Quán chàng cũng đã bị trừng phạt xứng đáng quá rồi.

Đại Lữ Quán, năm 1907, là lữ quán tốt nhất ở Zenith. Các khách thương thường so sánh nó với nhà hàng Parker House, nhà hàng Palmer House và khách sạn West Hotel. Nhưng từ khi có lữ quán Thornleigh với cái vẻ đơn giản một cách ngạo nghễ của nó, thì Đại Lữ Quán mới ngày một lụi đi; bây giờ sàn nhà cẩm thạch thì bẩn thỉu, những nơi thếp vàng thì hoen ố và những bộ ghế bành đồ sộ bọc toàn da thì sút chỉ, đầy tàn thuốc lá, chỉ để cho bọn lái ngựa ngồi. Nhưng trong thời kỳ hưng thịnh thì đó là một tửu quán tráng lệ vào bậc nhất giữa Chicago và Pittsburgh; một cung điện Á đông, lối ra vào là một dãy cổng tò vò toàn bằng cẩm thạch,

hội khách sảnh xây cao ngất từ một nền cẩm thạch trắng và đen, vượt trên những lan can bằng sắt luyện, mạ vàng, lên tới bảy tầng lầu, lấp kiếng màu lục, màu hương, màu trân châu, và hổ phách.

Họ thấy Leora trong Hội Khách Sảnh, người bé xíu ngồi trên chiếc ghế có bọc đệm xây quanh một chiếc cột tròn. Nàng chăm chú nhìn Madeline và im lặng, chờ đợi. Martin thấy Leora ăn mặc bê bối khác thường – bê bối là chữ của chính chàng. Chàng không quan tâm đến bộ tóc màu mật ong của nàng bù xù chụp dưới chiếc mũ đen, trông như chiếc nấm chẳng có vẻ gì cả, nhưng chàng nhận thấy và phát tức lên về sự tương phản của cái áo mất chiếc khuy thứ ba của nàng, chiếc váy kẻ ô vuông, và chiếc áo dắc kết “mặt vện” màu nâu lợt, đối với bộ áo sọc xanh thanh lịch của Madeline. Tuy vậy không phải chàng phát tức lên với Leora. Chàng ngắm kỹ hai nàng một lượt (ngắm một cách bắn khoăn khao khát, chứ không phải ngắm một cách cao kỳ của một chàng trai tự phụ kén chọn), chàng thấy giận Madeline hơn bao giờ hết. Nàng ăn mặc đẹp hơn như vậy là một điều lãng nhục khinh người, và lòng thương yêu của chàng dồn cả về Leora để che chở nàng, đùm bọc nàng.

Trong khi đó, chàng ấp úng:

... thiết tưởng hai cô cần biết nhau... Xin giới thiệu cô Madeline với cô Leora.... Khao một bữa... kẻ số hên này có những hai nàng công chúa Sheba...

Miệng thì nói như vậy mà trong lòng chàng thì nghĩ thầm: “Ôi! Đau khổ?”

Hai nàng chưa kịp nói được với nhau một lời nào, thì chàng đã lừa cả vào gian phòng ăn khét tiếng của Đại Lữ Quán, đầy những chúc đài mạ vàng, ghế bọc nhung đỏ, dao nĩa bạc và những lão già da đen hầu bàn, mặc đồng phục màu lục viền kim tuyến. Quanh tường treo một dãy những bức tranh cảnh đẹp ở Pompeii, Venice, Lake Como, và Versailles.

Leora thỏ thẻ:

Phòng đẹp quá!

Madeline cũng có vẻ như định nói một câu tương tự nhưng dài hơn, song nàng lại ngấm những bức tranh một lần nữa và nói:

Vâng, phòng thật là rộng...

Chàng gọi món ăn, lòng phập phồng lo sợ muốn chết đi được. Chàng đi vay được bốn đô la để trả tiền ăn bữa đó, kể cả tiền cho bồi nữa, nhưng

xem chừng chỉ nội mấy món ăn ngon mà chàng chọn cũng đã hết hẳn cả bốn đô la rồi. Trong khi chàng còn tự hỏi không biết “Purée St. Germain” là cái món gì và anh hầu bàn đứng ngó ở đằng sau lưng chàng trông đến khả ố, thì Madeline mở đầu câu chuyện giọng lễ phép nghe mà phát sợ.

Chị... Leora. Thưa chị, ông Arrowsmith có nói cho em biết rằng chị là một nữ điều dưỡng.

Vâng, một thứ điều dưỡng.

Thưa chị, chị thích nghề đó?

Dạ... vâng... vâng, tôi thấy cũng thích.

Làm giảm bớt nỗi đau khổ của nhân loại, em chắc phải là một công việc tuyệt diệu. Cố nhiên, công việc của em... em đương chuẩn bị lấy bằng Tiến sĩ Văn chương Anh... (Nàng làm tựa hồ như nàng sắp sửa lãnh hàm Bá tước...) kể ra cũng không khan và lẻ loi. Em phải thông hiểu hết mọi sự tiến triển của ngôn ngữ này, và đủ thứ này thứ khác. Với chị, học theo lối thực hành, em chắc chị thấy cái học của em ngớ ngẩn lắm nhỉ?

Dạ, chắc thế... dạ, không; chắc là thích thú lắm.

Chị... Leora, chị quê ở Zenith?

Không ạ, em quê ở... một tỉnh nhỏ. Dạ, không đáng gọi là một tỉnh... North Dakota.

Thưa, thế ạ... về miền Tây.

Ồ, vâng... Thưa thế chị có định ở miền Đông lâu không ạ?

Đúng là câu một người anh họ của Madeline ở New York đã hỏi nàng và nàng giận lắm.¹

Dạ, em không... vâng, em nghĩ có lẽ em sẽ ở đây một thời gian.

Thưa thế chị, hự, chị có thấy thích ở đây không ạ?

Ồ, thưa có, thích lắm ạ. Những thành phố lớn như thế này... Được xem biết bao nhiêu thứ.

Lớn? Vâng, em cho tất cả đều tùy theo quan niệm của mỗi người, thưa có phải như thế không ạ? Em vẫn cứ cho Nữ Uớc là lớn nhưng... Cố nhiên... Chị có thấy sự tương phản với North Dakota là thích thú không ạ?

Dạ, cố nhiên là có khác.

Chị cho biết North Dakota như thế nào. Em vẫn muốn biết mấy cái xứ miền Tây ấy ra sao. (Madeline lại ăn cắp lời văn của ông anh họ nàng một lần nữa). Đại khái chị có ấn tượng gì về cái tỉnh ấy?

Em thấy có lẽ em chưa hiểu rõ ý chị muốn biết như thế nào?

¹ Người miền Đông vẫn thường coi người miền Tây là lạc hậu.

Em muốn biết cái cảm tưởng tổng quát, cái...
ấn tượng?

Dạ, nó có nhiều lúa và nhiều dân Thụy Điển.

Nhưng ý em muốn... Em chắc người ở đó, cương
cường, hùng dũng ghê gớm lắm, so với người miền
Đông này.

Em không... Dạ, vâng, có lẽ thế.

Chị có quen biết nhiều người ở Zenith không?
Không lấy gì làm nhiều lắm.

Ồ, chị có quen Bác sĩ Birchall coi về giải phẫu
ở bệnh viện chị không? Ông ấy rất tử tế, không
những là một nhà giải phẫu giỏi mà tài hoa ghê
lắm. Ông ấy hát thực là tuyệt, gia đình ông ấy thực
là tốt ghê lắm.

Không. Chắc em chưa gặp ông ấy lần nào.

Ồ, chị phải gặp mới được. Và ông ấy chơi ten nít
thực là cừ khôi, tuyệt diệu. Kỳ nào ông ấy cũng đi
dự tiệc của những nhà tỷ phú ở Royal Ridge. Khôn
ghê lên được!

Đến mãi bây giờ Martin mới xen vào câu chuyện:

Khôn! Ông ấy mà khôn? Ông ấy chả có một chút
gì gọi là thông minh.

Ồ, cái chú bé này, tôi đâu có dùng tiếng “khôn”
với cái ý nghĩa ấy!

Thế là chàng lại ngồi trơ ra một mình, chẳng biết nói gì nữa, và nàng lại quay sang Leora hăm hờ hỏi Leora có biết cái cậu con trai ấy của ông luật sư cố vấn của một công ty kia không, có biết cô hoa khôi mới nổi danh ấy, cái tiệm mũ ấy, câu lạc bộ ấy không. Nàng nói một cách rất là thông thạo những nhân vật vẫn được coi là trọng yếu của Xã Hội Zenith, tên tuổi thường ngày vẫn được người ta nhắc tới trong mục Hoạt Động Xã Hội của tờ *Thời Luận*. Martin phải ngạc nhiên về sự thông thạo ấy của nàng, chàng nhớ một lần nàng có đi dự một dạ hội từ thiện ở Zenith nhưng chàng không ngờ rằng nàng lại thân với giới thượng lưu ở đây. Chắc chắn là Leora chưa bao giờ nghe đến tên những nhân vật quan trọng ấy, mà cũng chưa bao giờ đi dự thính những buổi hòa nhạc, diễn thuyết, độc tấu, mà Madeline hình như chiều nào cũng tham dự.

Madeline khẽ nhún vai nói:

Dạ... cố nhiên là với những vị bác sĩ và những người khéo quyến rũ mà chị gặp ở bệnh viện, em chắc chị thấy những buổi diễn thuyết nhạt nhẽo ghê lắm... (Rồi bỏ Leora, nàng quay sang nhìn Martin với vẻ ân cần khích lệ), anh có định nghiên cứu gì thêm với mấy con thỏ không?

Chàng đã đến lúc cần phải tàn nhẫn. Chàng có trở mặt ngay thì việc mới có thể xong được:

Madeline! Anh để cho hai người gặp nhau vì... Chẳng biết hai người có cảm tình với nhau không, nhưng anh mong là có, vì anh đã... Ô, anh khỏi cần phải tự bào chữa là gì. Anh không thể tự bào chữa được. Anh đã... hứa hôn với cả hai, và anh muốn biết...

Madeline đứng phắt ngay lên. Trông nàng chưa bao giờ kiêu hãnh và đẹp như bấy giờ. Nàng nhìn hai người, rồi bước đi, không nói năng gì cả. Nhưng rồi nàng quay lại, quàng vai Leora và cúi xuống hôn nàng: “Chị, em lấy làm buồn cho chị. Chị mua nợ vào thân! Chị bé bỏng đáng thương”. Nói xong nàng đi luôn, mặt vênh lên.

Martin lo sợ cúi gằm mặt xuống, không dám nhìn Leora.

Chàng thấy tay nàng đặt lên tay mình. Chàng nhìn lên. Nàng mỉm cười, sẽ sàng, hơi trào lộng.

Sandy, em nói để anh biết không bao giờ em chịu từ bỏ anh đâu. Cứ cho là anh tệ như chị ấy nói đi; em thấy em cũng điên thật... trâng tráo thật. Nhưng anh là của em! Và em nói để anh biết là anh đừng có hứa hôn với ai nữa, vô ích. Em thì móc mắt nó ra! Mà bây giờ anh cũng đừng tưởng

là mình ghê gớm lắm! Xem chừng cũng ích kỷ lắm đấy. Nhưng em không cần. Anh là của em!

Chàng nói lung tung chuyện nọ xọ chuyện kia, nhạt nhẽo, nhưng đối với họ thì là hay.

Nàng ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

Em thấy chúng mình gần nhau hơn là anh với chị ấy. Có lẽ anh thích em hơn vì anh có thể bắt nạt em được... vì em thì đeo đuổi anh mà chị ấy thì chẳng bao giờ đeo đuổi anh cả. Và em biết là công việc của anh đối với anh quan trọng hơn, so với em, mà có lẽ so với chính anh cũng quan trọng hơn nữa. Nhưng em thì đàn độn và tầm thường. Chứ không như chị ấy. Có điều, em thì em mê anh kinh khủng (có trời biết vì lẽ gì, nhưng em mê thực), còn chị ấy thì có đủ khôn ngoan để làm cho anh mê chị ấy và đeo đuổi chị ấy.

Không! Anh thể không phải là tại anh có thể bắt nạt em, Leora em ạ... anh thể như vậy... Anh không nghĩ như vậy. Em yêu, em đừng có... nhất định là đừng có nghĩ rằng Madeline hơn em. Nàng chỉ có bề ngoài còn... Ô, thôi đừng nói đến nữa! Anh đã tìm thấy em! Đời anh bây giờ mới bắt đầu.

CHƯƠNG 7

SỰ KHÁC BIỆT giữa mối tình của Martin và Madeline với mối tình của chàng và Leora Toz-er chẳng khác gì sự khác biệt giữa một cuộc đấu guom quyết liệt với một cuộc giao hữu êm đềm thanh lãng. Ngay từ buổi đầu, Leora với Martin, người nọ đã tin ở lòng trung thành và tình yêu của người kia và trong cuộc đời của chàng có một vài việc đã được giải quyết một cách vĩnh viễn.

Tuy nhiên lòng chàng đắm say nàng không phải là không tiến triển. Luôn luôn chàng khám phá thêm được vài điều về quan niệm về đời sống mà nàng ấp ủ trong đầu óc bé nhỏ và bí mật của nàng, trong những lúc nàng ngồi hút thuốc, thở khói ra thành những vòng tròn và lặng lẽ mỉm cười. Chàng

khao khát cô gái Leora, nàng kêu gọi chàng và đáp lại lòng ham muốn của chàng một cách nồng nhiệt, vui vẻ và thẳng thắn; nhưng với một Leora khác, không có biệt tính nam nữ, chàng có thể nói chuyện một cách thành thực hơn là nói chuyện với bác sĩ Gottlieb hay với chính lòng bản khoăn bối rối của chàng, trong những lúc nàng gật gật cái đầu trông như đầu con trai, hay những lúc nàng thốt ra một câu ngẫu nhiên khích lệ chàng tâm sự với nàng về những điều chàng hoài bão hoặc khinh khi.

II

Liên Nghị Hội Digamma Pi tổ chức một dạ hội khiêu vũ. Có tin là bọn sinh viên y khoa lo lắng xì xào bàn tán rất nhiều về vấn đề Viện Đại Học Winnemac gần đây đã trở nên quốc tế hóa và người ta đương chờ xem họ mang những “biểu hiệu của sự tôn nghiêm”, nghĩa là “mặc lễ phục” ra sao. Vào cái dịp hiếm hoi khổ sở cần phải mặc lễ phục này, Martin vẫn thuê ở tiệm Đại Học Trang Phục, nhưng bây giờ thì chàng cần sắm riêng một bộ, vì chàng còn phải giới thiệu với thiên hạ Leora, bông hoa tươi đẹp của chàng, sự kiêu hãnh của chàng. Như một đôi vợ chồng già bé nhỏ, say mê

nhau, rụt rè đi thám hiểm những đường phố mới, những đường phố không có vẻ gì là ân cần đón khách lạ của thị xã mà con cháu họ đã di cư đến ở đây, Martin và Leora len lén đi trong những gian hàng bẽ bộn đầy những hàng lông lầy của Benson, Hanley, Koch's, nhà hàng sang nhất ở Zenith. Nàng ngỡ ngàng trước những quầy tủ đóng bằng gỗ đào hoa tâm bóng lộn, những tấm kiếng lớn sáng loáng, những chiếc mũ cao lòng, khăn quàng cổ lông lầy và những chiếc quần đi ngựa màu kem. Khi chàng mặc thử xong một bộ lễ phục, ở trong phòng bước ra cho nàng ngắm, chàng vẫn còn đeo chiếc “cà vạt” nâu dài và mặc chiếc sơ mi cổ mềm hơi có vẻ nhà quê bên trong chiếc áo gi lê hở nhiều ngực, và khi người bán hàng chạy đi lấy cổ áo cứng, nàng than van:

Chết cha, anh đóng bộ vào so với em đậm sang trọng quá. Em không thể nào ăn mặc chải chuốt thế mà anh thì trông lịch sự hợp thời trang thế này thì đi với anh, em lụi mất.

Chàng muốn ôm lấy nàng hôn một cái.

Người bán hàng trở lại, nói lúng túng: “Thưa bà, tui chắc bà sẽ thấy ông nhà đeo cái cổ bẻ cánh chim này đẹp lắm”.

Rồi, trong lúc người bán hàng quay đi lấy “nơ”, chàng hôn nàng. Nàng thở dài nói: “Ồ, Sandy, anh là hạng người sau này có nhiều triển vọng. Chưa bao giờ em nghĩ em sẽ được chung sống với một người chồng mặc lễ phục và sơ mi cổ cứng “cao vút từng mây” thế kia.Ồ, thôi được, em đành theo anh vậy!”

III

Phòng võ khí của viện được trang hoàng rực rỡ để tổ chức dạ vũ của Hội Digamma Pi. Tường gạch phủ lụa là, điểm hoa cúc giấy, sọ người bằng thạch cao và dao giải phẫu bằng gỗ dài hai ba thước.

Trong sáu năm ở Mohalis, Martin đi dự không tới hai chục buổi khiêu vũ, mặc dầu cái thú chính của những đại học hỗn hợp là nam nữ sinh viên được công khai ôm nhau vui đùa nhã nhặn. Chàng tới Phòng Võ khí với Leora, nàng rụt rè nhưng trang nhã trong chiếc áo “kép đồ xin” xanh cắt chẳng ai hiểu là kiểu gì; chàng chẳng quan tâm mình có được nhảy một bài theo điệu two step hay không, nhưng... nhưng chàng mong đến sót cả ruột có đông bọn con trai tới bu quanh Leora, hỏi han nàng, ngắm nghía nàng và tán dương nàng, nhưng tính kiêu hãnh, chàng không thể dẫn nàng đi giới

thiệu với mọi người, có vẻ như đi van lơn các bạn trai khiêu vũ với nàng. Thế là hai người đứng ủ rũ một mình ở một góc hành lang trước cái sàn nhà rộng thênh thang, trong khi từng cặp, từng cặp nam nữ ôm nhau khiêu vũ cuộn cuộn như sóng nước, trông thật là vui là đẹp, thấy mà thèm, cả Leora và chàng đều đã quả quyết rằng trong một dạ hội sinh viên, mặc bộ lễ phục đen với gi lê đen là điều rất thích hợp, theo đúng sách của Benson, Hanley, và Koch về phép ăn mặc của người lịch sự, nhưng khi thấy mọi người mặc gi lê trắng hoa mỹ thì chàng đâm ngượng và nghi ngờ lối ăn mặc của mình chả biết có thanh lịch không, nhất là khi thấy nhà giải phẫu tập sự khét tiếng là gã Angus Duer đi qua, vênh vang như loại chó săn, vuốt đôi găng tay trắng (trắng tinh, trắng nhất trần đời), Martin càng thấy mình què kệch.

Rồi, tựa hồ như muốn thách đố hết thảy những chàng như Angus Duer, chàng bảo nàng: “Em lại đây nhảy một bài”.

Thâm tâm chàng chỉ muốn chuồn về.

Chàng nhảy không thấy hứng thú, mặc dầu nàng đi nhẹ nhàng, và chàng cũng không dỏ lắm. Đến ôm nàng ở trong tay, chàng cũng không thấy

khoái, hình như không tin là đương ôm nàng nữa. Lúc nhảy, chàng thấy Angus Duer đương xán lại một đám thiếu nữ xinh tươi và các bà sang trọng vây quanh bác sĩ Silva Khoa trưởng trường Y khoa. Angus Duer có vẻ tự nhiên như ở nhà, kéo một thiếu nữ đẹp nhất ra valse nhẹ nhàng lả lướt. Martin cố tình coi thường gã như một “thằng khùng”, nhưng sau chợt nhớ ra rằng bữa hôm trước Angus vừa được bầu làm danh dự hội viên Hội Sigma Xi.

Leora và chàng lại len lén đi về chỗ cũ đứng, chỗ ấy chẳng khác gì cái hang, cái hố trú ẩn duy nhất của họ. Bề ngoài chàng làm ra vẻ tự nhiên để cho xứng với bộ lễ phục mới của mình, nhưng thâm tâm chàng rửa thắm mấy thằng đi ngang qua chỗ chàng cười nói với các cô khác mà không để ý gì tới Leora của chàng.

Chàng ân cần nói:

Chưa có nhiều người, chỉ một lát nữa họ tới đây, lúc bấy giờ thì em tha hồ nhảy.

Ồ, em đâu có để ý đến chuyện đó.

Chàng nghĩ thầm: “Trời ơi! Sao mãi chẳng có đứa nào đến hỏi han gì con bé!”

Chàng tự giận mình là không quen biết nhiều tay biết khiêu vũ ở Trường Y Khoa. Chàng cầu cho có

mặt Clif Clawson... bất kỳ cuộc hội họp nào Clif cũng khoái tham dự, nhưng khổ nỗi kỳ này chàng không xoay được quần áo. Chợt như bắt gặp được người bạn thân nhất đời, chàng mừng thấy Irving Watters, anh chàng xoàng xĩnh có tiếng, đương phát phơ đi tới, nhưng khi đi qua mặt bọn này, chàng chỉ gật đầu chào suông một cái. Đã ba lần, Martin tưởng có hy vọng, nhưng rốt cuộc thất vọng cả ba, đến bây giờ thì chàng hết cả kiêu hãnh. Làm sao cho Leora vui sướng...

Chàng nghĩ bụng: “Cho dầu nàng có gặp phải thằng băng nhắng nhất trường và lờ mình đi suốt buổi, mình cũng cóc cần, miễn làm sao cho nàng vui! Hay mình tán khéo một câu... Ồ, không. Muốn gì thì gì muốn chứ chuyện đó là mình không có chịu rồi; hạ mình van xin cái thằng hám lợi bản thủ ấy đâu có được...”

Anh chàng Pfaff Mập bỗng từ đâu ỳ ạch bước tới. Martin thân mật chào: “Kìa! Chú Mập! Đêm nay đi có một mình thôi à? Giới thiệu bạn tôi, cô Leora”.

Pfaff Mập trở đôi mắt ốc nhồi ra nhìn có vẻ khen ngợi đôi má và làn tóc vàng óng của nàng. Chàng thở dài: “Hân hạnh... khiêu vũ bắt đầu... cô cho

phép?” Chàng nói nịnh rất khéo, khiến Martin muốn ôm lấy hôn thưởng cho một cái.

Suốt bản nhạc, Martin không một phút nào thấy mình lẻ loi. Chàng đứng tựa vào một chiếc cột coi họ nhảy, và tự nhận thấy mình hết sức quảng đại, không ích kỷ một chút nào... còn biết bao nhiêu cô ngồi gần chàng, thiếu kếp, chỉ đợi có người mời là nhảy, chàng cũng chẳng thiết.

Chàng thấy anh chàng Mập giới thiệu Leora với hai chàng bảnh trai của Hội Digamma Pi, một trong hai chàng mời nàng nhảy bài sau. Tiếp đó, nàng được người ta mời nhảy được nhiều đến nỗi nàng không thể nhận lời nữa. Lòng hân hoan của Martin nguội dần. Chàng thấy hình như nàng ôm sát kếp cùng nhảy với nàng quá, nàng hăm hở theo các bước chân họ. Sau bài thứ năm, chàng đã thấy bức mình. “Thực thế! Cô ả vui thú lắm! Không có thời giờ để nhận thấy mình đứng chôn chân ở đây một mình... thực thế... và giữ hầu cô ấy cái khăn quàng! Sung sướng cho cô ả! Chứ lại gì! Sự thực mình cũng ham nhảy chứ có không đâu... Trông cái điệu cô ả cười toe toét với cái thằng khùng Brindle Morgan, cái thằng... cái thằng... cái thằng mất dạy hơn ai hết... Ô, cô với tôi thế nào

cũng phải nói với nhau cho ra lẽ. Và mấy cái thằng chó chết kia muốn phổng cô ả của mình đi... của vưu vật mình quý nhất đời! Chỉ vì một lẽ chúng nó nhót khá hơn mình, và giỏi đấu hót bậy bạ... cả cái ban nhạc trời đánh kia nữa chơi cái bài dã man khốn nạn ấy... Và cô ả cũng khoái những lời phỉnh phờ thô bỉ của chúng nó và... Cô với tôi thế nào cũng phải nói với nhau cho ra lẽ mới được!”

Khi nàng trở về chỗ chàng, có ba y sinh nhún nhảy theo sau, chàng cần nhần với nàng: “Ồ, tôi thì cần gì!”

“Anh có thích nhảy bài này không? Cố nhiên là anh thích chứ nhỉ!”

Nàng hoàn toàn chú trọng tới chàng, nàng không giống tính Madeline chỉ quan tâm tới người ngoài phê phán. Trong lúc chàng nóng lòng chờ đợi và lườm nguýt nàng, nàng nhỏ nhẹ nói với chàng về chuyện cái sàn nhảy, kích thước ngang dọc của gian phòng, và mấy kếp tài hoa son trẻ nhảy với nàng. Nghe tiếng nhạc vừa nổi lên, chàng gio tay ra mời nàng, thì nàng nói: “Không. Em muốn nói chuyện với anh”. Nàng dắt chàng ra một góc và “xi vả”:

Sandy, đây là lần chót em chịu đựng sự ghen

tương của anh. Ô, em biết mà! Anh nghe đây! Nếu chúng mình định gắn bó với nhau... mà hiện đương gắn bó rồi đó!... thì em có quyền muốn nhảy với bao nhiêu người thì nhảy, muốn giỡn với người ta thế nào thì giỡn, tùy thích ở em. Đi ăn uống hay làm gì khác, chắc em sẽ chiều theo ý anh. Em không nói gì cả. Nhưng em thích nhảy, và trong lúc nhảy, trong những cuộc khiêu vũ, em thích làm gì là em làm, đúng theo ý em, và nếu anh có chút ý thức, anh hẳn phải biết là em cóc có để ý đến ai khác, mà chỉ yêu có mình anh thôi. Em là của anh! Hoàn toàn thuộc về anh! Dù anh có làm những truyện điên rồ bậy bạ gì đi nữa... mà chắc chắn là anh sẽ làm nhiều lắm, em cũng vẫn là của anh. Vậy từ nay trở đi, nếu anh có thấy máu ghen nổi lên, thì anh hãy dẹp ngay nó đi. Anh không tự thấy xấu hổ à!

Anh đâu có ghen... à, mà có. Ô... anh chả biết làm thế nào! Anh yêu em quá. Nếu không ghen thì chắc anh là một người yêu tốt lắm, mà bây giờ anh chẳng tốt là gì!

Thôi được. Anh muốn ghen cũng được, có điều anh phải giấu kín đi, đừng có để lộ ra ngoài là được rồi. Thôi, bây giờ mình nhảy cho hết bài này đi.

Chàng đã thành nô lệ nàng.

IV

Ở Đại Học Winnemac, người ta cho khiêu vũ quá nửa đêm là thiếu đạo đức, và đến giờ ấy khách kéo nhau vào tiệm Imperial Cafeteria chật ních. Tiệm thường đóng cửa vào lúc tám giờ, nhưng đêm nay mở tới một giờ, và gây ra một bầu không khí dâm ô vui nhộn. Pfaff Mập nhảy một điệu giật gân; một sinh viên khác làm trò hề, vắt một chiếc khăn ăn ở cánh tay, giả làm anh hầu bàn, và một cô thì hút thuốc lá... nhưng chẳng ai hoan nghênh cô ấy cả.

Clif Clawson đứng cửa chờ đón Martin và Leora. Chàng vẫn mặc bộ áo xám hàng ngày, với chiếc sơ mi nỉ xanh.

Clif vẫn tự cho mình có thẩm quyền xét đoán tất cả bạn hữu của Martin. Từ trước chàng chưa gặp Leora lần nào. Martin đã tâm sự với Clif về chuyện chàng hứa hôn với hai cô một lúc; chàng giải thích rằng Leora là cô gái đẹp nhất trần đời; nhưng vì trước chàng đã đem hết các hình dung từ tốt đẹp ra tán dương Madeline, nên bây giờ Clif hết cả kiên nhẫn nghe chàng tán dương Leora và trong lòng nuôi sẵn ác cảm đối với nàng mà chàng có ấn tượng là một cô gái cũng thích lên mặt đạo đức như Madeline mà thôi.

Clif nhìn nàng với con mắt ác cảm và trịch thượng, rồi khẽ thì thầm sau lưng Martin, “Cô bé trông kháu đây, tao có lời khen... có gì đáng chê đâu?”

Khi họ đi lấy bánh xăng đuych, cà phê, và bánh ngọt ở quầy về ngồi chung bàn với Clif, thì Clif lại nói móc: “Chà, thực là quý hóa được hai vị bận lễ phục sang trọng như thế mà dám hạ cố đến ngồi với kẻ hèn này, giữa đồng người ngòm quý phái, hào huê phong nhã, thượng lưu xã hội. Trời! Nghĩ mà hận mình đã bỏ lỡ mất dịp hưởng những thú vui hảo hạng của một dạ hội với Angus Duer và các vị đại sinh viên đồng hội, và đã ở nhà đánh xì phé bần tiện... để cho Cha Hinkley, cha ấy nặng mất sáu tờ ruồi ngon ơ đi của cái bọn lười như quý này. Dạ, thế thua mí chị Leory, em chắc chị với anh Martykins đây bây giờ đã suy luận kỹ với nhau tất cả mọi vấn đề tao nhả của trò mã cầu và Monte Carlo, vân vân và vân vân”.

Leora có tài chịu đựng bất cứ người tính tình thế nào. Trong lúc Clif liếc mắt chờ đợi xem phản ứng của Leora thế nào, thì nàng mở miếng bánh mì kẹp gà ra xem ở bên trong và chỉ “ừ hử”, một tiếng ra vẻ đồng ý.

“Khá quá! Tôi cứ tưởng thế nào cô cũng đập cho một câu: ‘Nếu anh là một kẻ lố mãng, tôi không hiểu sao anh lại khoác lác đem khoe cái tính ấy ra’ câu mà Martin thường xỉ vả tôi!”

Và Clif tỏ ra là một người bạn vui vẻ và ít nói khác thường... Nguyên chàng làm phu nông trại, đại lý bán sách, thợ máy, có rất ít tiền, ấy thế mà lại cứ hay “le”, nên thường lấy cái nghèo làm tự kiêu, cái xỉ vả người làm tự đại, để che đậy cái nhược điểm của mình. Bây giờ thấy Leora hình như trông thấu cái tính khoác lác của mình, chàng đâm mến nàng ngay, cũng như Martin buổi đầu gặp nàng đã yêu ngay, và họ vui vẻ đấu hót với nhau. Martin khoái chí, tự nhiên thấy nổi lòng nhân với hết thầy mọi người, kể cả Angus Duer lúc đó đương ngồi ở cuối phòng với khoa trưởng Silva và một bọn các bà các cô xinh như mộng. Chẳng suy nghĩ gì cả, chàng đứng phắt ngay dậy, bước nhanh tới cuối phòng, vừa giơ tay, vừa lớn tiếng nói:

Angus, mừng bồ được bầu vào Sigma Xi nhá. Khá lắm.

Angus ngẩng lên nhìn bàn tay của Martin coi như nó là một dụng cụ hần đã có lần thấy qua nhưng không nhớ rõ nó dùng để làm gì. Hần ngập

ngừng nắm lấy nó và lắc lắc. Chàng không quay mặt lờ đi, nhưng tệ hơn là mắt dáy... có vẻ như nể nang lắm mới bắt tay Martin.

Martin giận run người lên, lạnh lùng nói:

Ê, may mắn nhờ.

Angus đáp:

Bồ tử tế quá. Cảm ơn.

Martin quay về kể cho Leora và Clif nghe câu chuyện như một đại bi kịch. Họ đều đồng ý rằng Angus Duer đáng đem ra xử bắn. Vừa lúc đó thì Duer đi qua, theo đuôi bọn Khoa trưởng Silva, và hất cằm chào Martin, tưởng mình cao quý và thành thực lắm. Martin trừng mắt lên nhìn hắn.

Lúc ra về, Clif cầm tay Leora ân cần nói: “Tôi quý Martin hết sức đấy, bồ ạ, và đã một lần tôi lo cho cậu ấy kết với... với những đám nó có thể biến cậu ấy ra thành một người gặp bất kỳ ai cũng giao tay ra bắt một cách dễ dàng. Chính tôi cũng đã hỏng như vậy. Về y học tôi hiểu biết không bằng bác sĩ Robert Shaw nhưng cái cậu này, cậu ấy có chút lương tâm, và tôi rất mừng thấy cậu ấy bắt bồ với một cô thực là bằng vai phải lứa với nhau và... ồ, chị xem tôi ăn nói thực là vụng về, thô lỗ! Nhưng thực tình, tôi chỉ muốn nói tôi mong rằng

chị nghe chú Clif nói chú ấy không ngờ lại mền chị như vậy, mà chị không giận!”

Đua Leora về Zenith xong, Martin quay về nhà thì đã gần bốn giờ sáng, chàng chui ngay vào giường nằm, nhưng không thể nào ngủ được. Cái vẻ khinh người của Angus Duer làm cho chàng tức lắm, y như chửi vào mặt chàng, và như vậy khác gì chửi cả vào mặt Leora, nhưng nổi tức bực một cách con nít ấy của chàng lại biến ra thành nỗi lo lắng buồn phiền. Duer, tuy có tính tham tiền và nông nổi, nhưng phải chăng nó có một cái gì mà chàng không có? Và Clif, với cái tính đứ đờn như chó con, cái giọng nói trào phúng kiểu thợ cày, và cái tính hay đa nghi, cho những cử chỉ lịch sự, những câu nói xã giao là màu mè, thì lại có một nếp sống quá dễ dàng coi trời bằng vung như vậy? Phải chăng Duer biết cách kiểm soát và điều khiển cái trí óc hẹp hòi thô thiển của nó? Có kỹ thuật xã giao như có kỹ thuật thí nghiệm khoa học không nhỉ?... Cái kỹ thuật nhanh nhẹn khéo léo của giáo sư Gottlieb khác hẳn với bàn tay mập vụng về cứng nhắc của mục sư Ira Hinkley... Hay tất cả những điều khảo sát này toàn là giả dối, chỉ đưa ra để rồi mà chịu thua và chấp nhận cái quan niệm quá lỗ của Duer?

Chàng mệt hết sức, đến nỗi mắt nhắm lại mà còn thấy đồ hào quang. Trong đầu óc quay cuồng của chàng vang lên tất cả những lời chàng đã nói hay đã nghe nói hồi đêm, cho đến khi khắp thân mình vật vã của chàng nổi cơn hăm hấp sốt.

V

Hôm sau, đương đi trong sân trường Đại Học, bất ngờ chàng đụng đầu ngay với Angus và tự nhiên cảm thấy như người tội lỗi và bối rối như người gặp con nợ của mình và biết chắc không bao giờ nó trả mình cả. Chàng bật ra tiếng “Hê lô” như cái máy, nhưng rồi chàng hăm ngay miệng lại, cau mày một cái và đi luôn.

Nhưng Angus gọi chàng lại, giọng hần hết sức bình thản:

Kìa, Mart. Nhớ đêm qua nói chuyện với mình không? Lúc mình về thấy cậu có vẻ cáu giận, mình ngạc nhiên quá, không hiểu có phải cậu cho mình là vô lễ không? Nếu đúng như vậy thì xin lỗi cậu nhé. Sự thực, đêm qua mình nhức đầu quá. À này, mình có bốn vé đi coi “As It Listeth” ở Zenith, chiều thứ sáu tới – đúng nguyên bản và đào kép như ở Nữu Ước! Đi coi nhé? Mình để ý thấy hôm qua cậu đi khiêu vũ với một đào xinh ghê. Nếu

nàng thích đi với tụi mình, và kéo thêm một cô bạn nào nữa?

Chu choa... Trời ơi!... để mình điện thoại cho nàng... cảm ơn cậu có lòng tốt mời bọn này...

Cho mãi tới chiều, lúc mặt trời lặn u buồn, và Leora đã nhận lời và hứa sẽ dẫn theo một nữ điều dưỡng tập sự nữa tên là Nelly Byers cùng đi, lúc bấy giờ Martin mới bắt đầu nghi ngờ vợ vắn:

“Lạ, không hiểu đêm qua nó có nhúc đầu thực không?

“Lạ, không biết mấy cái vé của ai cho nó?

“Sao nó không mời con gái ba Silva cùng đi với bọn này? Hay nó tưởng Leora là một con bò lạc mình bắt được ở đâu?

“Hắn thế, thực sự có bao giờ nó gây sự với ai đâu... nó muốn giữ tình thân với bọn này, để về sau, nếu bọn này làm y sĩ nội thương ở nhà quê nhà mùa và nó thì làm Tay Tổ Duy Nhất, Đại Tài, bọn này sẽ gọi các bệnh nhân cần giải phẫu tới cho nó, chứ gì!

“Tại sao mình lại tự hạ mình trước mặt nó quá dễ dãi như vậy?

“Mình cóc cần! Miễn là Leora vui thích... còn riêng mình, đi chơi như vậy mình chẳng cần một

ly ông cụ... Cố nhiên, dầu sao thì ngắm gái đẹp ăn mặc sang, và cũng được diện oách như ai, thì mấy ai mà chẳng ham... Ô! Trời ơi! Mình chẳng hiểu sao cả!”

VI

Ở Zenith, một thị xã ở gần giữa miền Tây, việc trình diễn một vở tuồng có “đào kép chính cống từ Nữ Uớc” tới là một truyện đặc biệt. Còn diễn vở gì thì không quan trọng cho lắm. Rạp Dodsworth có đông giới thượng lưu ở khu hoàng thành đến coi, nên trông tấp nập huy hoàng hẳn lên. Leora Tozer và Nelly Byers ngắm nghía và tấm tắc khen bọn trí thức... nào là tiến sĩ, thạc sĩ tốt nghiệp Đại Học Yale, Harvard, Princeton, nào là luật sư, nào là chủ ngân hàng, nào là kỹ nghệ gia sản xuất xe hơi, nào là người thừa kế những di sản vĩ đại, nào là những tay quán quân golf, những tay đi lại quen thuộc Nữ Uớc... cùng đi với những bà những cô ăn mặc lộng lẫy, chiếm những hàng ghế đầu. Cô Byers chỉ cho Leora thấy gia đình Dodsworth, thường được người ta nói đến trong mục Thời Sự Tỉnh Nhà.

Leora và Byers trầm trồ khen vai nam chính trong tuồng khi vai này từ chối chức thống đốc;

Martin thì bực mình vì vai nữ chính đẹp hơn Leora; còn Angus Duer làm ra vẻ biết hết các vớ tuông, tuy cả đời chàng từ trước đến giờ chưa xem quá sáu vở, và chịu nhận rằng lối bài trí của mấy cảnh dinh trại dưới ánh Hoàng Hôn và ánh Bình Minh thật là đẹp.

Martin hôm đó động lòng hiếu khách. Chàng mời mọi người đi ăn cơm chiều.

Cô Byers từ chối nói mười một giờ mười lăm đã phải có mặt ở bệnh viện, nhưng Leora uể oải nói: “Ồ, tôi chả cần. Tôi sẽ chuồn qua cửa sổ vào. Miễn sáng sớm mình đã có mặt rồi là Mụ Cáo Già chẳng thể bảo mình về trễ được”. Cô Byers lắc đầu không chịu liều lĩnh nói dối như vậy, và chạy tuốt ngay lên xe điện, còn Leora, Duer và Martin thì đi thẳng đến quán cà phê Epstein’s uống bia, bánh mì kẹp pho mát, gia vị thêm bằng những câu thơ văn về nhậu nhẹt và những hộp giấy hoa mỹ.

Angus Duer ngồi ngắm nghía Leora hết đưa mắt nhìn nàng lại đưa mắt nhìn Martin xem họ âu yếm nhìn nhau. Hắn không thể tin rằng một thanh niên khôn ngoan minh mẫn có thể kết thân với một thiếu nữ không thể giúp mình tiến thân trong xã hội, và giữa Martin với Leora cũng không

thể có được cái chuyện trai gái tha thiết yêu nhau chỉ vì tình được. Hấn nhất quyết cho nàng là một cô gái nhu nhược dễ quyến rũ. Hấn lưu manh nháy Martin một cái, rồi bắt đầu tấn công để chiếm đoạt nàng chơi riêng một mình.

Hấn ân cần hỏi:

Mong rằng cô thích vỏ tuồng này.

Dạ, vâng.

Chà, tôi ghen cả với hai anh chị. Cố nhiên, tôi hiểu vì lẽ gì các cô dễ cảm Martin thế, đôi mắt lẳng mạn quá trời, còn một thằng học gạo như tôi đây cứ phải cúi mũi vào làm việc, chẳng có lấy một mống nào thương mình cả. Ô, tại mình cứ nhút nhát đối với đàn bà. Kể cũng đáng đời!

Leora đấu lại táo bạo một cách bất ngờ:

Người nào nói như vậy, tức là người ấy không có nhút nhát tí nào, họ không coi đàn bà ra gì thì có.

Không coi họ ra gì? Đâu có! Trái lại, thành thật mà nói, tôi chỉ ao ước được làm một tay “phong lưu đẳng tử” như Don Juan. Nhưng chẳng biết làm cách nào cả. Hay cô dạy tôi nhé?

Angus giọng vốn khô khan, đổi ra mon trớn; hấn dồn hết tâm trí vào Leora, như hàng ngày hấn đã dồn hết vào con chuột bạch mà hấn giải phẫu.

Nàng thỉnh thoảng lại nhìn Martin cười như có ý bảo: “Đồ ngốc, đừng có ghen. Em chẳng thèm để ý gì đến cái thằng thôi miên dóc tổ này đâu”. Nhưng thực ra nàng cũng đỏ mặt lên vì lời tán tỉnh bóng gió ngon ngọt, khen nàng có đôi mắt đẹp, có trí thông minh, và thận trọng.

Martin uất người lên vì ghen. Chàng xì ra đến giờ phải về... mà đến giờ Leora phải về thật... sau mười hai giờ đêm xe điện chạy ít lắm, ba người phải đi bộ về bệnh viện, qua những phố vắng tanh, vang lên những bước chân của họ. Angus và Leora vẫn tiếp tục đấu hót ra gì, còn Martin ngạo nghễ đi bên họ, im lặng, hờn giỗi, tự kiêu có thái độ hờn giỗi. Họ đi tắt qua một lối nhà để xe, tới trước cửa Tổng Y Viện Zenith, một tòa nhà đồ sộ, một dãy dài năm tầng lầu với những khung cửa sổ ảm đạm, loáng thoáng điểm một vài ánh đèn mờ. Không có lấy một bóng người. Tầng lầu thứ nhất cao cách xa mặt đất có một thước rưỡi, hai chàng đỡ Leora trèo lên cái bờ tường bằng đá vôi ở một chiếc cửa sổ hé mở vào một cái hành lang. Nàng vừa lên vào, vừa thì thầm: “Chào hai anh! Cảm ơn nhé!”

Martin cảm thấy lòng trống trải, bất mãn. Đêm

khuya u buồn lạnh lẽo. Chợt một cửa sổ trên lầu bật sáng, và một tiếng đàn bà rú lên và kéo dài thành một tiếng rên rỉ. Chàng cảm thấy nỗi chia ly buồn thảm... trong đời người ngắn ngủi, sao chàng lại có thể bỏ lỡ đi một phút quý giá bên cạnh người yêu.

Chàng nói: “Để tôi theo vào xem nàng có được vô sự không”.

Gờ đá sắc cửa vào tay chàng, nhưng chàng cứ vúi lấy, ấn mạnh đầu gối, bò nhanh vào bên trong cửa sổ. Trước mặt chàng, trong dãy hành lang sàn lót bằng gỗ bắc, chỉ có mỗi một ngọn đèn điện nhỏ chiếu sáng, Leora đang rón rén bước lên cầu thang. Chàng nhón gót chạy theo. Nàng khẽ rú lên khi chàng nắm lấy cánh tay nàng.

Chàng khẽ nói:

Mình phải từ biệt nhau thế nào khác hơn chứ! Có cái thằng khốn nạn Angus Duer ấy...

Ssssssh! Nếu người ta bắt được anh ở đây, thì người ta giết ngay em chứ không còn chần chừ gì nữa. Anh muốn người ta tống cổ em đi sao?

Nếu vì anh mà em bị đuổi, thì em có ngại không?

Sao lại không... à mà không... Nhưng người ta có thể đuổi anh ra khỏi trường thuốc. Nếu...

Bàn tay chàng vuốt ve nàng, thấy nàng sợ run lên. Nàng đưa mắt nhìn suốt hành lang, và bộ óc tưởng tượng của chàng thấy có những bóng người nham hiểm, những cặp mắt rình mò sau những cánh cửa.

Nàng thở dài rồi quả quyết nói:

Mình không thể nói chuyện ở đây được. Vào hẳn trong phòng em đi... Chị bạn ở chung phòng nghỉ, vắng mặt tuần này. Anh hãy đứng đây, ẩn trong bóng tối. Nếu không có ai trên lầu, em sẽ xuống gọi anh.

Chàng theo nàng lên lầu trên, đến một chiếc cửa sơn trắng, thở hỗn hà hỗn hển, rồi lén vào trong phòng. Đóng cửa xong, chàng xúc động về chỗ ẩn nấp chật hẹp này, có hai chiếc giường gỗ, mấy tấm hình chụp cảnh xứ nhà, và mấy thứ quần áo lót mình hơi nhàu nát. Chàng định ôm lấy nàng thì nàng đưa tay lên ngực chàng, đẩy ra, và trách móc:

Anh lại ghen nữa rồi! Tại sao anh lại không tin em như vậy? Với cái thằng khùng ấy! Đàn bà ai mà ưa nó! Đi với nó thì chỉ có mà chết! Nó tự ái quá. Thế mà anh cũng ghen được!

Anh đâu có ghen... Vâng, thì anh có ghen vậy, nhưng anh cóc cần. Cứ ngồi im đấy, cười như kẻ

đê hên, và nó ngồi giữa em với anh, lúc anh muốn chuyện trò với em, hôn em! Thôi được! Chắc anh chẳng bao giờ hết ghen đâu. Vậy chính em lại là người phải tin tưởng ở anh. Anh không dễ tính đâu, chẳng bao giờ dễ tính đâu. Ô, em hãy tin tưởng ở như anh...

Họ ôm lấy nhau hôn đắm say, đắm thắm, càng nhớ đến cái thời gian vô vị bên cạnh Angus, cái hôn càng nồng nàn đắm đuối. Họ quên rằng bà giám thị nữ điều dưỡng có thể bất ngờ tung cửa vào, họ quên rằng Angus còn đứng chờ ở ngoài sân lạnh. Martin chỉ nghĩ có một điều: “Ồ, cái thằng khỉ ấy... có cút về đi cho rảnh!” và mắt chàng nhắm lại, nỗi cô đơn dằng dặc tiêu tan đi hết.

Chàng thì thầm: “Thôi, chào em yêu,... em yêu muôn thuở của anh”.

Đi trong dãy hành lang đầy ma quái, yên lặng, vắng vẻ, chàng mỉm cười khoái trá nghĩ đến Angus chắc hẳn phải đi bộ về một mình cẩu lăm. Nhưng khi ngó qua cửa sổ, chàng thấy hán ngồi trên thềm đá, gục xuống đầu gối ngủ. Vừa đặt chân xuống mặt đất, chàng huyết gió gọi hán, nhưng vội ngưng lại. Chàng thấy từ bóng tối hiện ra một bóng người to lớn, hình như mặc chế phục

gác cổng, thét hỏi:

“Tôi tóm được rồi nhá! Quay trở vào bệnh viện đi để xét xem anh định làm trò gì đấy!”

Hai người vật lộn nhau. Martin tuy khỏe, nhưng bị người gác cổng ôm chặt, chàng nghẹt thở. Người gác cổng hôi quá, mùi quần áo bẩn và hơi người lâu ngày không tắm. Martin đá vào ống chân hắn, đâm vào lưng quyền tron nhẫn của hắn, và cố bẻ tay hắn. Chàng vùng gỡ ra được, định chạy, nhưng lại đứng lại. Cuộc vật lộn khác hẳn với cuộc ôm ấp âu yếm của Leora làm cho chàng nổi khùng lên. Chàng hầm hầm nhìn thẳng vào mặt người gác cổng.

Angus tỉnh ngủ, chợt đến bên chàng, khẽ nói một cách chán chường:

Ồ, thôi đi đi! Ra khỏi đây đi thôi. Giây vào với quân khốn nạn ấy làm gì cho bẩn cả tay!

Người gác cổng thét lên:

À, quân khốn nạn, tao mà khốn nạn à? Tao thì cho mày biết tay! Rồi hắn tóm lấy cổ Angus và tát chàng.

Dưới ngọn đèn phố lơ mờ, Martin thấy một người đương nổi cơn điên. Nhìn trùng trùng vào người gác cổng, không phải là một tên Angus vô

tri giác nữa, mà là một tên sát nhân, đôi mắt nó là đôi mắt khủng khiếp của tên sát nhân, không cần biết xem tướng người ta cũng phải bảo đó là một bản cáo phó. Angus thở hổn hển: “À, nó dám đụng vào mình!” Bề nào thì tay chàng cũng đã cầm một con dao ca níp, chàng xông vào người gác cổng, hăm hở tìm cách đâm vào cổ họng hắn.

Trong lúc Martin đương cố can hai người, thì chàng nghe tiếng gậy của một cảnh binh nện xuống vỉa hè. Tuy người mảnh khảnh, nhưng chàng đã đi vác cỏ khô và mắc dây điện thoại, nên cũng có gân cốt. Chàng ngấm thật kỹ, đâm người gác cổng một cái vào mang tai bên trái, túm lấy cổ tay Angus lôi đi. Hai chàng chạy ngược lên một con đường, băng qua sân trường, ra tới đường thì vừa gặp một chuyến xe điện đến, đèn sáng rực, đương chạy vòng góc đường. Hai chàng chạy theo, nhảy lên bậc xe, thế là thoát.

Angus đứng ở sàen sau xe, tấm tức nói:

Trời! Tôi định giết nó! Tay nó bản như chó ấy mà đụng vào người tôi! Martin, giữ tôi ở trên xe này nhớ. Chắc tôi đã qua cái con ấy rồi. Hồi nhỏ, có một lần tôi suýt giết một thằng bạn... Trời, sao tôi không đâm trúng vào họng cái con heo

ấy một nhát!

Khi xe điện chạy đến trung tâm thành phố, Martin dỗ ngọt:

Ở đường Oberlin có một tiệm ăn mở suốt đêm, mình có thể tới kiếm chút rượu trắng uống cho nó lại sức. Đi đi!

Angus vốn tính rất câu nệ, đi đứng lấy giáng điệu đường hoàng, thế mà bây giờ run rẩy, kiệt lực. Martin dẫn hẩn vào trong tiệm uống huyết ky nguyên chất đựng trong những chiếc chén màu đục như đá hoa cương người ta thường dùng để uống cà phê, xếp lẫn lộn với những chai nước cà chua.

Angus gục đầu xuống cánh tay, khóc nức nở, bất cần xung quanh người ta nhìn chòng chọc, cho đến khi say bí tỉ không còn biết gì nữa, và Martin phải vực hẩn về tận nhà. Còn Martin trở về phòng mình, thấy Clif đang ngủ say, ngáy âm ỹ; những chuyện xảy ra hồi chiều, thực là lạ, và chẳng còn gì lạ hơn là thái độ của Angus.

“Cũng hay, từ nay nó sẽ trở thành một thằng bạn tốt của mình mãi mãi. Được lắm!”

Sáng hôm sau, thấy Angus ở trong hành lang khu giải phẫu, chàng vội chạy tới thì bị Angus

mắng ngay cho một câu: “Đêm qua cậu say ghê quá. Martin, nếu cậu không uống được rượu thì nên bỏ hẳn đi”. Nói xong, hắn bỏ đi, mắt trong sáng, nét mặt bình tĩnh.

CHƯƠNG 8

NGÀY NÀO CŨNG VẬY, Martin làm việc không ngừng, trong suốt mười sáu tiếng đồng hồ, phụ tá Giáo sư Max Gottlieb, dạy sinh viên về vi trùng học, dự những lớp giảng huấn và thực nghiệm ở bệnh viện. Gặp dịp chàng lại ăn gian mấy giờ chiều để khảo cứu riêng, hoặc để ngó vào cái thế giới náo động về vi trùng học trong những sách vở báo chí Pháp, Đức. Thỉnh thoảng chàng hãnh diện đến thăm Gottlieb tại nhà riêng, một kiểu nhà nhỏ ở miền quê, tường dán giấy màu nâu hoen ố nước mưa, có treo những bức vẽ của Brake và một bức hình có chữ đề tặng của Kock; kỳ du đều làm cho chàng nhão hết thần kinh. Nào là khoa thần kinh, O.B., nội dụng được, bài học luôn luôn sót lại mấy

trang chàng chưa học hết, thì đã quá mệt và gục xuống ngủ thiếp đi trên chiếc bàn làm việc lung lay khắp khiêng.

Chàng học phụ nhân y khoa và nhãn y khoa, đến nỗi đầu óc phát cuồng nhiệt lên.

Rồi lại còn những giờ học thực nghiệm buổi trưa dài dằng dặc, sinh viên mệt quá làm việc lùng khùng đến nỗi giáo sư phải thúc giục... mà chính giáo sư cũng mệt... là người đi.

Rồi lại còn những kỳ thi bắt buộc phải giải phẫu những con chó, và môn này Angus Duer luôn luôn cố gắng làm thật hoàn hảo, nên hấn lên mặt với anh em lắm.

Martin rất phục giáo sư nội dụng dược, bác sĩ T.J.H. Silva, mà các sinh viên đều gọi là “Ba” Silva; ông còn là khoa trưởng Trường Đại Học Y Khoa. Bác sĩ người thấp, béo tròn, để ria ngắn hình lưỡi liềm. Thần tượng của ông là Cụ William Osler, tôn giáo của ông là “giao cảm y thuật”, dùng cảm tình để chữa bệnh, và lòng ái quốc của ông là trước hết phải chấn mạch thân thể cho chính xác. Ông thuộc hạng người như bác sĩ Vickerson ở Elk Mills, nhưng thông thái hơn, ít rượu hơn, và đáng tin cậy hơn. Nhưng Martin kính phục ông khoa

trưởng Silva bao nhiêu, thì chàng lại ghét bác sĩ Roscoe Geake, giáo sư dạy về bệnh tai họng bấy nhiêu.

Ông này có óc con buôn. Giá ông đầu cơ về thị trường dầu hỏa thì giỏi lắm. Là một bác sĩ chuyên khoa về tai họng, ông tin rằng tạo hóa sinh ra cái hạch ở hai bên cuống họng con người ta là chỉ có mục đích dành riêng cho những nhà chuyên môn có xe hơi lịch sự dùng.

Ông cho rằng một bác sĩ mà cứ để nguyên những cái hạch ấy ở cổ họng bệnh nhân thì ngu dốt khốn nạn không thể tả được, vì như vậy là không biết chăm nom săn sóc tới sức khỏe và hạnh phúc sau này của mình... sức khỏe và hạnh phúc sau này của chính bản thân bác sĩ. Ông lại còn nhất định cho rằng cái trung cách trong mũi có thể cắt bỏ đi một phần mà không hề có hại cho bệnh nhân; và khi khám bệnh nhân tuy thấy mũi hay họng người ta chẳng có bệnh tật gì, ngoại trừ có cái bệnh hút thuốc lá hơi nhiều, có thể chữa khỏi dễ dàng, ông cũng mổ mũi, họng người ta và bắt người ta phải nằm dưỡng bệnh cho khỏe, ông bài bác thuyết cho rằng có bệnh cứ để mặc tự nhiên khỏi, ông bảo bọn giàu có bọc trung thích

được săn sóc! Nếu các chuyên gia chữa bệnh cho họ thỉnh thoảng không đem họ ra mổ xẻ – mổ xẻ tý tý thôi và đừng đau quá – thì họ không phục lắm đâu, ông có một bài diễn văn kiểu mẫu hàng năm đem ra đọc, trong đó ông đi rất xa ra ngoài vấn đề của nhĩ hầu y khoa, đánh giá hết thầy y nghiệp, và giải thích cho các y sĩ tương lai, hạng Irving Watters, rất khoái biết phương pháp lấy tiền thù lao như thế nào cho thích đáng:

“Kiến thức trong y giới là điều tối quan trọng, nhưng nếu quý vị có thể đem bán nó đi được thì nó mới có ích. Muốn thế thì quý vị trước hết phải gây cho những người có tiền bạc có cảm tưởng tốt đẹp đối với nhân cách của quý vị. Dù bệnh nhân là một người bạn mới hay cũ của quý vị, quý vị cũng luôn luôn dùng chính sách buôn bán đối với họ. Quý vị phải làm cho họ và cho cả gia đình đau khổ lo lắng của họ, hiểu biết những công lao khó nhọc và bao nhiêu tâm trí của quý vị phải đem ra để chữa trị cho họ, như vậy, quý vị sẽ làm cho họ nhận thấy cái hảo tâm của quý vị đối xử với họ hoặc có ý định đem ra đối xử với họ, còn to lớn hơn số tiền thù lao mà quý vị định đòi họ. Như vậy, khi họ nhận được giấy thầu ngân của quý vị, họ sẽ không còn hiểu lắm hoặc phàn nàn gì nữa”.

II

Tư tưởng của Martin cho đến nay vẫn chưa có gì tỏ ra là khoáng đạt một cách thanh lãng. Cố nhiên chàng là một thanh niên hoạt động, khá minh mẫn. Chưa có lúc nào chàng thấy có tinh thần hướng thượng, đề cao sự liên hệ của con người chàng với toàn thể vũ trụ... mặc dầu chàng cũng nhận thấy ngoài chàng ra còn có cả một vũ trụ bao la vô bờ bến.

Clif bạn của chàng thì thô lỗ, Leora người yêu của chàng thì quê mùa, mặc dù nàng cũng xinh đẹp ưa nhìn, còn chính chàng thì tiêu hao nghị lực vào những công việc vớ vẩn, luôn luôn bở ngỡ, kinh dị trước những chuyện đời buồn thiu. Nhưng nếu chàng già dặn kinh nghiệm, thì cũng đã va chạm với thế giới nhân loại, chàng ghét tính tự phụ vô ích, biết sử dụng đôi tay của mình, và không ngớt tò mò tìm hiểu những hiện trạng kiên cố vững bền như sắt đá.

Một đôi khi chàng cũng nhận thấy trò đời thật là buồn cười và chàng được hưởng một vài giờ thoải mái, thoát khỏi sự căng thẳng mệt mỏi quá sức, mệt mỏi cho ngay cả những người hâm mộ chàng, chẳng hạn như trong cái buổi trước lễ

Giáng Sinh, bác sĩ Roscoe Geake được bước lên đài danh vọng.

Chả là trên tờ *Winnemac Nhật Báo* có loan tin bác sĩ Roscoe từ chức giáo sư nhĩ hầu y khoa, được cử làm phó chủ tịch một công ty rất có thế lực ở thị xã Jersey tức là Tân thức Y Khoa Dụng cụ và Thiết Bị Công Ty – New Idea Medical Instrument and Furniture Company. Để khao mừng, ông tổ chức một buổi diễn thuyết cuối cùng cho toàn thể Đại Học Viện Y Khoa nghe về đề tài “Nghệ thuật và Khoa học Bài Trí Phòng Mạch Bác sĩ”.

Ông diện bảnh hết sức, đeo kính trắng, ân cần hỏi han hết thảy mọi người, ông tươi cười hơn hớn với sinh viên và cao giọng nói:

“Thưa quý vị, có rất nhiều bác sĩ ngay cả đến các chiến mã tiền phong lão thành đã từng dãi gió dầm mưa, trải qua những tháng đông giá lạnh và những tháng hè nóng nực, để đem lại sự an ủi và khương kiện cho những người bản hàn nhất ở trên đời này, và ngay cả đến các bậc lão nhân hiền tài, thường hay bó mình trong những lễ xưa nếp cũ và không bao giờ chịu vùng thoát ra khỏi. Hôm nay, nhân dịp tôi sắp rời xa nơi đây, nơi mà tôi đã cần cù làm việc bấy lâu rất là sung sướng, tôi muốn

nhấn nhủ hết thầy các bạn thuộc đủ mọi ngành chuyên môn, trước khi bắt tay hành nghề y sĩ, hãy đọc, không những các sách của Rosenau, Hovell và Gray, mà cả cuốn thủ sách bé nhỏ có giá trị nhất về tâm lý hiện đại là cuốn “Làm cách nào để thành công trên thương trường” của Grosvenor A. Bibby, để chuẩn bị trở nên người mà bất cứ một công dân tốt nào cũng phải làm, nói rõ ra là trở nên người thực tế. Vì thưa các bạn, xin các bạn đừng quên rằng – mà đây cũng là lời tối hậu của tôi nhấn nhủ các bạn rằng con người xứng đáng làm người không những chỉ là người chấp nhận các sự việc với một nụ cười tươi mà còn là người đã được huấn luyện về triết học, thực tiễn triết học, để thay vì có tính cách không tưởng, thay vì lúc nào cũng nói đến “đạo đức”, mặc dầu đạo đức đẹp đẽ thực, và “nhân ái” mặc dầu nhân ái là một đức tính vinh diệu thật, người đó đừng bao giờ quên cái điều bất hạnh là thiên hạ chỉ đánh giá con người ta ở cái số hiện kim ngạch tẻ con người ta có thể dành dụm được. Những người tốt nghiệp “Đại Học Khổ Chiến Vị Mưu Sinh” xét đoán một y sĩ như xét đoán một nhà kinh doanh, không những ở những lý tưởng cao siêu người đó chủ trương,

mà còn ở cái “mã lực” người đó có thể đem ra để thực hiện lý tưởng của mình – và làm cho lý tưởng của mình có giá trị trên thương trường khiến thiên hạ phải trả giá cao! Và đứng trên quan điểm khoa học, xin các bạn đừng bỏ qua sự kiện này, đó là cái ấn tượng các bạn cần gây cho bệnh nhân thấy họ phải trả công cho xứng đáng với tài năng của các bạn, trong thời buổi tâm lý mới mẻ này, cái ấn tượng ấy cũng quan trọng như những thứ thuốc các bạn kê cho họ uống hoặc những cuộc giải phẫu họ chịu để cho các bạn làm. Cái phút mà họ thấy người khác khen ngợi và đền đáp tài năng khéo léo của các bạn, chính là cái phút họ cảm thấy tài năng của các bạn có ảnh hưởng tới họ và bệnh tật của họ cũng thuyên giảm luôn.

“Và để gây cho họ có cái ấn tượng ấy, không gì quan trọng cho bằng có một phòng khám bệnh khéo bài trí, khiến cho bệnh nhân thoát bước chân vào đã được các bạn “bán” cho họ cái ý tưởng họ sẽ được trị bệnh một cách chính đáng. Họ chẳng quan tâm đến điều bác sĩ đã theo học ở Germany, Munich, Baltimore hay Rochester. Họ cũng chẳng quan tâm đến điều bác sĩ tài giỏi đến mức nào, có thể chẩn mạch gọi ngay ra đúng cái bệnh bí ẩn nhất

của họ hay không, bác sĩ giải phẫu theo kỹ thuật của Mayo, Crile, Blake, Ochsner, hay Cushing, họ chẳng quan tâm một chút nào; nhưng nếu bác sĩ có một phòng khám bệnh bản thủ, bàn ghế cũ nát, thì bệnh nhân sẽ không tin tưởng ở bác sĩ; họ chống lại lối điều trị – và bác sĩ sẽ gặp khó khăn khi tính tiền và khi thu tiền thù lao thích đáng.

“Đi sâu hơn nữa xuống dưới bình diện của vấn đề này, vào cơ bản triết học và thẩm mỹ học của sự bài trí phòng khám bệnh của bác sĩ, ngày nay chúng ta có hai phái đối nghịch nhau. Phái Phòng Hủ (Aseptic) và Phái Thảm Hoa (Tapestry) nếu tôi có thể liêu lĩnh mệnh danh hai phái như vậy để phân biệt cho tiện. Mỗi phái có một giá trị riêng của nó. Phái Thảm Hoa cho rằng những ghế sang trọng cho bệnh nhân ngồi đợi, những họa phẩm đẹp vẽ tay, một tủ chứa đầy những sách hay nhất thế giới đóng bìa da mạ chữ vàng đắt tiền, với lại những bình hoa bằng pha lê mài và cây cọ trong chậu men, gây cho bệnh nhân có ấn tượng rằng sự giàu sang ấy chỉ do khoa học và tài trí mới có thể có được. Còn Phái Phòng Hủ thì chủ trương rằng cái mà bệnh nhân đòi hỏi trước nhất là cái bề mặt phải vệ sinh sạch sẽ chu đáo, cái vẻ đó chỉ có

thể có được bằng cách bài trí phòng ngồi đợi bên ngoài và những phòng khám bệnh bên trong bằng những bàn ghế sơn toàn một màu trắng tinh với một tấm họa Nhật Bản duy nhất treo trên tường quét vôi màu xám.

“Nhưng, thưa quý vị, đối với tôi thì hình như tôi thấy rõ ràng – rõ ràng đến nỗi tôi lấy làm lạ là từ xưa đến nay không thấy ai nghĩ tới – rằng phòng tiếp khách lý tưởng là phòng phối hợp cả hai phái này! Quý vị hãy trưng bày những chậu cây cọ, những bức họa đẹp – mấy thứ này cũng cần cho bác sĩ hành nghề như một phần dụng cụ cần thiết chẳng kém gì cái máy khử trùng hay cái baumanometer còn tất cả những thứ khác nếu có thể trắng chùng nào hay chùng ấy – trắng cái màu trắng của các dụng cụ vệ sinh – và quý vị hoặc quý phu nhân, nếu quý vị có một bà vợ hiền, trời phú cho có cái óc thẩm mỹ, sẽ liệu tìm các màu sắc khác mà dùng cho hòa hợp với cái màu sắc căn bản ấy! Chẳng hạn như dùng những nệm màu đỏ hay màu vàng lộng lẫy đặt vào chiếc ghế kiểu Morris sơn men trắng tinh, sàn nhà lát gạch men trắng, xung quanh viền một hàng gạch men màu huồng đơn giản! Tạp chí mắc tiền, số mới xuất bản không có

vết bản lem nhem, bìa đóng mỹ thuật, bày trên một chiếc bàn sơn trắng. Thừa quý vị, đó là quan niệm của nghệ thuật buôn bán giấu tuồng tượng mà tôi muốn lưu lại hầu quý vị; đó là cuốn “phúc âm” mà tôi hy vọng sẽ đem ra truyền bá trong lãnh vực hoạt động mới của tôi là Tân Thức Dụng Cụ Công Ty của thị xã Jersey, nơi mà bất kỳ lúc nào tôi cũng lấy làm vinh hạnh được bắt tay đón tiếp bất cứ Quý vị nào hoặc nếu có thể, tất cả Quý vị có mặt hôm nay ở đây”.

III

Trong cơn bão tố của kỳ thi trong mùa giáng sinh, Martin thấy nhớ Leora như điên. Nàng bị gọi về nhà ở Dakota, có lẽ ở đến hàng tháng, vì có mẹ nàng không được khỏe, và Martin cần phải, hoặc cho rằng chàng cần phải gặp nàng hàng ngày. Đêm nào chàng cũng không ngủ quá bốn tiếng đồng hồ. Trong lúc vừa ngồi xe điện, vừa học riết để thi, chàng thường nhớ tới nàng, và ngẩng đầu nhìn lên nhẩn nhó nghĩ tới bọn sinh viên nội trú dạn gái và bọn nam bệnh nhân nàng gặp ở nhà thương, chàng tự chê mình là quá chất phác, và lòng không ngớt băn khoăn thêm. Chàng phải đứng đợi hàng mấy tiếng đồng hồ ở hành lang, để

được gặp nàng, hoặc đi đi lại lại đếm bước trên mặt tuyết cho tới khi nàng có thể trèo qua cửa sổ lên ra được với chàng một chốc một lát. Đến khi gặp nhau, ở bên nhau rồi thì họ chuyên chú hết tâm thần vào nhau, không còn biết xung quanh có gì khác nữa. Trong mối tình tha thiết đối với chàng, nàng thành thực và khéo léo hết sức; nàng trêu chọc chàng, khiêu khích chàng, nhưng chỉ khiêu khích thể thôi, không sợ hãi mà dịu dàng âu yếm.

Khi tiễn nàng ở Nhà Ga Thống Nhất đi rồi, chàng thấy mình lẻ loi cô độc.

Các bài thi chàng làm đều khá cả, ngoại trừ môn vi trùng và nội dung được, làm một cách sơ lược. Trong kỳ nghỉ hè, chàng trở lại phòng thí nghiệm, lòng trống trải.

Từ trước đến giờ trong công việc khảo cứu riêng, chàng chỉ mới thấy xúc cảm nhiều hơn là thành tựu. Bác sĩ Gottlieb tính kiên nhẫn, ông bảo: “Phương pháp giáo dục này thực là tốt. Tất cả những thứ ta nhồi vào sọ sinh viên, đến Koch học cũng không nổi. Về việc khảo cứu thì đừng có lo. Dầu sao trước sau mình cũng sẽ làm mà!”

Nhưng ông cũng hy vọng rằng trong nửa tháng

nghỉ ấy, Martin có thể làm được một hay hai kỳ công; nhưng Martin chẳng có bụng dạ nào nghĩ đến vi trùng cả. Chàng chơi phát phơ trong phòng thí nghiệm; suốt ngày ngồi cọ rửa chai lọ, ống thủy tinh; và khi lấy thuốc cấy ở thỏ ra trồng nơi khác, thì chẳng bao giờ ghi chép công việc cho đầy đủ.

Gottlieb phải phát câu lên: “Thế này thì hỏng! Thế này mà anh gọi là ghi chép à? Bao giờ cũng vậy, mình cứ khen người nào là người ấy hết làm việc? Anh tưởng anh là Theobald Smith hay Novy nên cứ ngồi ỳ ra đây để mà trầm tư mặc tưởng? Cái tài của anh chẳng khác gì cái tài của thằng Pfaff Mập vậy!”

Lần đầu tiên Martin không biết hối hận là gì. Gottlieb vừa giậm chân bước mạnh ra khỏi phòng oai như một ông hoàng, thì chàng lăm bắm một mình: “Vô lý chưa! Cũng phải cho mình được quyền nghỉ ngơi một tý chứ. Chả bù với những đứa khác, phần đông chúng nó téch thẳng về nhà nằm nghỉ, ăn chơi, nhảy nhót, chẳng thiếu một thứ gì. Nếu có Leora đây, thì chiều nay mình rộng đi xi nê cho biết tay!”

Rồi tự nhiên nổi tính xấu lên, chàng chụp lấy mũ (một vật bản thủ đáng nghi không biết có thể

gọi là mũ được không?) và đi tìm Clif Clawson đương nghỉ hè ở nhà Barney, suốt ngày hết xì phê lại lăn ra ngủ và hai người bàn với nhau xuống phố nhậu. Trò nhậu nhẹt này thực là thành công khiến trong suốt kỳ nghỉ hè ấy mỗi khi nghĩ đến những công việc đau khổ mất hứng sắp phải làm, hay mỗi khi nhận thấy chỉ có Gottlieb hay Leora là cầm chân chàng ở đây, thì chàng lại đi tìm thú nhậu nhẹt. Vào khoảng cuối tháng Giêng, sau kỳ nghỉ hè, chàng khám phá ra rằng rượu huyết ky chỉ làm cho chàng đỡ khổ vì công việc chán nản hay cảnh quạnh hiu khủng khiếp, để rồi lại phản bội chàng và làm cho chàng mệt mỏi hơn, cô độc hơn. Chàng chợt thấy mình già hẳn đi; chàng nhớ ra rằng mình đã hai mươi bốn tuổi đầu, mà vẫn còn là một học sinh, sự nghiệp của chàng thực sự chưa có gì cả. Clif là nguồn an ủi của chàng; Clif hâm mộ Leora và chịu nghe chàng kể lể tâm sự về nàng.

Nhưng đến ngày lễ Kỷ Niệm Vị Sáng Lập Trường Y Khoa thì Clif và Martin gặp chuyện bất hạnh không thể ngờ được.

IV

Nguyên ngày Ba mươi tháng Giêng là sinh nhật

của cố Bác sĩ Waburton Stonedge, sáng lập viên của trường Đại Học Y Khoa Winnemac, hàng năm cứ đến ngày này trường lại tổ chức một bữa có rất nhiều món “huynh đệ thân hữu và thuyết trình và diễn văn” nhưng rất hiếm món “xâm banh rượu chát”. Toàn thể giáo sư của trường đều dành những lời phê bình luận lý vững chắc nhứt để đưa ra nói vào dịp này, và toàn thể sinh viên y khoa đều phải có mặt. Năm nay, buổi lễ được tổ chức trong đại thánh sảnh của Hội Thanh Niên Công Giáo, một gian phòng rộng lớn có bầu không khí trang nghiêm đạo đức, tường dán giấy đỏ, treo hình những cựu sinh viên râu ria đạo mạo đã ra ngoài làm giáo sĩ, và những cái rường nhà bằng gỗ thông dài mỏng mảnh để giả làm cây sồi dài dầu mưa nắng, các nhân viên và giáo sư của đại học đứng xúm lại quanh các quan khách danh tiếng, như bác sĩ Rouncefield, nhà giải phẫu trú danh ở Chicago, một bác sĩ chuyên môn về bệnh đái đường ở Omaha, một bác sĩ nội trú ở Pittsburgh.

Người nào cũng cố làm ra vẻ vui mừng hơn hở, nhưng người nào cũng không giấu được nét mệt mỏi và nóng nẩy sau bốn tháng dạy học. Trán thì nhăn nheo, mắt thì lơ dờ. Tất cả đều

bạn thường phục, phần nhiều nhàu nát. Họ làm bộ thông thái và quan tâm đến vấn đề khoa học, dùng những danh từ như phlebarteriectasia và hepatocholangioenterostomy, và họ hỏi các quan khách: “Vậy ra bác sĩ vừa ở Rochester? Thế... à... thế Charley và Will đương làm gì về thuật chỉnh hình?”. Nhưng thực ra mọi người đương đói và rầu rầu. Đã bảy giờ rưỡi rồi, mà những người thường ngày không hay ăn vào lúc đúng bảy giờ, lại quen ăn vào lúc sáu rưỡi.

Đương cái cảnh vui gương ấy, chợt lóe ra một ánh sáng huy hoàng, một nhân vật hiện ra râu đen rậm, áo sơ mi ngực là cứng trắng bong, cặp lông mày rậm, cặp mắt man rợ lộ vẻ kỳ tài hoặc vẻ điên khùng. Giọng sang sảng, pha âm Đức, ông hỏi thăm bác sĩ Silva và tiến về đám ông Khoa trưởng đứng, như một chiếc chiến hạm trong đám thuyền chài.

Martin hỏi: “Tay tổ nào thế kia?”

Clif đáp: “Minh lại gần xem ai”. Và hai người tiến lại đám người bu mỗi lúc một đông thêm, quanh ông Khoa trưởng Silva và con người huyền bí kia, mà ông Khoa trưởng giới thiệu là bác sĩ Benoni Carr, nhà dược vật học trứ danh.

Trước sự thán phục và kinh dị đến thất sắc của các giáo sư phụ tá thuộc Trường Y khoa, bác sĩ Benoni Carr sang sảng kể lại một cách tài ba lỗi lạc những công cuộc khảo cứu của ông ở bên Đức với Schmiedeberg, nào là về sự tách riêng chất dihydroxy pentamethyl endiamin, nào là về những khả năng hóa học trị liệu, về sự chữa khỏi tức khắc bệnh thị miên, nào là về kỷ nguyên của y thuật trị liệu bằng khoa học. Ông nói: “Tuy là dân Mỹ, nhưng tôi có cái lợi là biết nói tiếng Đức từ khi còn nhỏ, và có lẽ nhờ vậy mà tôi có thể hiểu được những công việc của ông bạn thân của tôi là bác sĩ Ehrlich. Tôi được chứng kiến Hoàng Đế Đức Quốc ban huy chương cho bác sĩ. Ô, ông bạn già Ehrlich của tôi hôm đó thực chẳng khác gì một đứa con nít!”

Hồi đó trong Trường có một nhóm thân Đức rất hoạt động (những năm 1914 và 1915 tình trạng này đã thay đổi một cách kỳ dị). Tất cả trường đều cúi đầu trước con “bão táp bác học” ấy. Angus quên hẳn mình là Angus, Martin thì nghe một cách say sưa ngây ngất. Benoni Carr có tất cả cái tư cách của Gottlieb, tất cả cái tâm địa miệt thị loại giáo sư được đào luyện một cách máy móc,

tất cả cái phong độ của giới thượng lưu xã hội tương phản hẳn với cái vẻ quê mùa của Mohalis, và không có một chút tính tình nóng nảy dễ giận nào của Gottlieb. Martin thậm chí mong Gottlieb cũng có mặt ở đây lúc bấy giờ, để xem hai tay cự phách chạm trán nhau có nảy lửa không.

Người ta xếp bác sĩ Carr ngồi ở bàn các diễn giả, gần ông Khoa trưởng. Martin ngạc nhiên thấy nhà du học vật học trú danh, sau khi đưa mắt quan sát một cách rất chu đáo món gà có mùi chua và món xà lách trộn không khéo là hai món ăn chính trong bữa tiệc, móc ở trong túi áo ra một cái bình bạc lớn, đổ một chất gì vào một chiếc ly, và chốc chốc ông lại đổ thêm cái chất ấy vào ly. Dần dần ông đâm ra âm ỉ. Ông rướn mình với tay qua đầu hai người để vỗ lên vai ông Khoa trưởng đương bức mình về ông. Mấy người ngồi bên nói câu gì, ông cãi lại câu ấy; ông hát vang lên một đoạn trong bài “Tôi đi tới xứ Missouri man dại”.

Trong bữa tiệc, ít có những hiện tượng kỳ quặc được sinh viên chú ý quan sát bằng thái độ và cử chỉ của bác sĩ Benoni Carr.

Sau một tiếng đồng hồ vui gượng ăn uống, khi ông Khoa trưởng Silva đứng lên xưng danh các

vị diễn giả, thì bác sĩ Carr cũng khệnh khang đứng lên kêu: “Xin miễn có diễn thuyết. Chỉ có kẻ ngu mới diễn thuyết; còn người khôn thì ca hát. Húp pi! Ô! Tỳ tỳ ty, Ô! tỳ tỳ ty, Ô! tỳ tỳ ty một bà đi! Quý vị giáo sư nhảm hết! Nhảm hết!”

Người ta thấy ông Khoa trưởng Silva van nài năn nỉ ông quý khách rồi nhờ hai vị giáo sư giúp sức dùng lối chặn banh dìu ông ra khỏi phòng và trong bầu không khí im lặng đầy nỗi kinh hoàng hoan hỉ, Clif khẽ nói với Martin:

Thế là bỏ đời mình rồi! Vậy mà lão khi đã hứa là không say sưa gì cả!

Cái gì hả?

Mình đâu có ngờ lão lại say túy lúy đến thế. Ô, chắc thế nào ông Khoa trưởng cũng cho mình một trận nên thân!

Rồi chàng giải thích: Bác sĩ Benoni Carr sinh ra tên thật là Benno Karkowski, tốt nghiệp ở một trường thuốc sinh viên chỉ học có hai năm là được cấp bằng rồi. Ông học rất rộng, nhưng chưa từng ở Âu Châu bao giờ. Ông đã lần lượt làm nghề diễn thuyết trong các cuộc triển lãm y học, chữa bệnh về tay chân, làm đồng cốt, giáo sư khoa học bí truyền, giám đốc những dưỡng trí viện cho phụ

nữ. Clif đã gặp ông một hôm ở Zenith trong khi cả hai cùng say bí tỷ. Chính chàng đã nói với ông Khoa trưởng Silva rằng nhà du học vật học trứ danh vừa ở Âu Châu về, hiện đương ở Zenith mấy hôm và chắc có thể nhận lời mời tới dự tiệc này được.

Ông Khoa trưởng vừa nghe nói đã cảm ơn chàng rồi rít cả lên.

Tiệc tan sớm, bài diễn văn rất có giá trị của bác sĩ Rouncefield về vấn đề khử trùng chỉ ruột mèo đã không được mọi người chú ý cho lắm.

Clif ngồi buồn rầu lo lắng, và nhận những lời chỉ trích của Martin là đúng. Hôm sau, chàng dò truyện cô thư ký của ông Khoa trưởng – chàng vốn có tài tán gái nếu chàng chịu khó một tý – và được biết số phận mình. Một ủy ban giáo sư đã họp; tất cả trách nhiệm về vụ Benoni Carr lắng nhục đều đổ lên đầu Clif, và tất cả những điều chàng lo sợ, ông Khoa trưởng đã nói ra hết, ông còn nói nhiều điều mà chàng chưa có đủ tài để nghĩ ra nổi. Nhưng ông Khoa trưởng chưa hỏi đến chàng ngay, ông để cho chàng phải giẫy vò khổ sở vì chờ đợi, rồi mới đưa chàng ra xử tội trước công chúng.

Chàng nói với Martin: “Thôi thế là đi đòi cái

học vị Y khoa Bác sĩ! Vô lý quá! Thực ra mình cũng chẳng bao giờ chú trọng đến cái nghề làm bác sĩ. Xem chừng số mình chỉ để làm nghề bán hàng thì đúng hơn!”

Rồi chàng tự ý đi tìm ông Khoa trưởng và nói:

“Ồ, thưa ông Khoa trưởng, tôi tới đây cốt ý nói để ông biết là tôi đã quyết tâm xin ra khỏi trường thuốc này. Tôi được người ta cho làm một việc lớn ở, a... Chicago, và thực tình tôi cũng không thích cái lối điều khiển trường thuốc này của ông. Nhồi sọ nhiều quá, mà tinh thần khoa học thực sự thì ít quá. Thôi xin chào Bác sĩ và chúc Bác sĩ nhiều may mắn”.

Ông Khoa trưởng Silva đáp:

“G g g g g...”

Clif dọn đến ở Zenith bỏ Martin ở lại một mình. Martin phải trả lại gian phòng hai giường đương ở mé trước nhà trọ, để thuê một gian phòng nhỏ ở mé sau, và một mình ngồi trong cái phòng chật hẹp lụp xụp này, chàng rầu rĩ xót thương cho cảnh lẻ loi hiu quạnh của mình. Nhìn ra mảnh đất trống trước cửa sổ, có dựng một tấm bảng xiêu vẹo dán một tờ giấy rách tả tơi quảng cáo thịt heo nấu đậu đóng hộp, chàng trông thấy cặp mắt của Leora và

nghe thấy giọng giễu cợt làm cho chàng rất khuấy
khỏa của Clif và chàng không thể nào chịu đựng
được cái cảnh quá yên tĩnh, quá lặng lẽ này.

CHƯƠNG 9

MỘT BUỔI CHIỀU tháng Hai, một tiếng còi xe hơi kêu liên hồi đã lôi Martin chạy ra cửa sổ phòng thí nghiệm. Chàng nhìn xuống thấy một chiếc xe du lịch đẹp kinh hồn, hình lưu tuyến, sơn màu kem, đèn đằng trước rất đồ sộ. Dần dần chàng nhận ra người lái xe, một thanh niên mặc chiếc áo choàng rộng màu cà phê, đội một chiếc mũ lưỡi trai bằng da kẻ ô vuông và quấn một chiếc khăn len lớn ở cổ, là Clif Clawson, và Clif đang vẫy tay gọi chàng.

Chàng vội chạy ngay xuống, Clif kêu: “Kìa bô! Coi chiếc xe này thế nào! Và thử đoán bộ áo này xem bao nhiêu? Da Scotch chính cống đấy nhá... cam đoan đúng một trăm phần trăm! Chú

Clif của bồ bán xe hơi, lãnh hai mươi lăm đôn một tuần, chưa kể tiền hoa hồng. Bồ xem, tớ bị lạc lõng trong cái trường thuốc cổ lỗ sĩ này của bồ. Bây giờ tớ có thể bán bất cứ cái gì, cho bất cứ ai. Chỉ một năm nữa là tớ sẽ được lãnh tám mươi đôn một tuần. Trèo lên đây đi, bồ. Tớ sẽ đưa cậu tới Đại Lữ Quán cho cậu đón một bữa linh đình nhất mà cậu chưa nhồi vào trong cái cơ thể ốm tong teo của cậu bao giờ!”.

Tốc độ sáu mươi cây số một giờ mà Clif cho xe chạy vào Zenith, năm 1908, là một tốc độ khủng khiếp. Martin khám phá ra một anh chàng Clif mới, khác hẳn ngày xưa, tuy vẫn ồn ào như hồi nào, nhưng tự tin hơn, và phây phây ra với những kế hoạch có thể làm ngay được những món tiền lớn. Tóc chàng, hồi xưa, ở đằng trước thì rối bù và nhòn, còn ở đằng sau thì cứ muốn dựng đứng lên, đến bây giờ thì láng trơn, và mặt thì hồng hào như có thoa bóp. Chàng ngừng xe ở trước Đại Lữ Quán thần kỳ, tiếng hãm xe rít lên một tiếng thật mạnh; trước khi xuống, chàng tháo đôi găng lái xe màu vàng nghệ ra, thay vào một đôi màu xám có mấy đường chỉ máy đen, mà chàng lại tháo ra ngay khi đi diều qua hành lang. Chàng gọi cô giữ

phòng treo áo là “cung”, tới cửa phòng ăn chàng nói với người cai bồi:

A, Gút, thế nào, chiều nay khá không? Ngài quản gia trứ danh có mạnh không, Ngài? Đây Gút này, tôi muốn giới thiệu cho anh biết bác sĩ Arrowsmith. Bất cứ lúc nào bác sĩ tới đây, tôi cũng muốn anh phải nhanh nhẩu tiếp đãi Bác sĩ những thứ sang nhất ở đây, và nếu bác sĩ lỡ thiếu tiền thì anh cứ ghi vào sổ của tôi. Còn bây giờ thì anh cho tôi một chiếc bàn hai người ăn, một nhà để xe, nước nóng và nước lạnh, và anh Gút, việc này thì phải nhờ anh giúp ý kiến cho mới được, tức là về món sò và tất cả những món gì để cho xứng với một bữa tiệc kiểu Maecenas.

Viên cai bồi vội đáp:

Thưa Ngài, vâng, xin mời Ngài Clawson đi lối này.

Clif Clawson quay sang khẽ nói với Marin:

Tao mua nó trong có hai tuần lễ? Mà xem tao có khá không!

Trong khi Clif đặt món ăn, có một người đến đứng bên cạnh bàn, trông người thực thà giống như một người đi ngược xuôi buôn bán, và mọi chiều thú Bầy ông ta lại ưa thú trở về sống trong

biệt thự ở vùng ngoại ô. Người ông ta bắt đầu hơi mập, và trán bắt đầu hơi sồi. Đôi mắt kính không có vành đeo giữa khuôn mặt tròn và nhẵn, làm cho ông ta có vẻ ngay thật. Ông ta nhìn xung quanh tựa hồ như muốn tìm một người để cùng ngồi ăn với ông ta. Clif đứng bật lên vỗ vai ông ta, hoan hỉ nói:

A, kìa, ông Babbitt. Đi ăn với ai thế? Nếu không xin mời ông tới đây ăn với tụi thanh niên thể thao này.

Rất vui lòng. Nhà tôi đi xa vắng.

Tôi xin giới thiệu Bác sĩ Arrowsmith Mart, để Bác sĩ bắt tay ông George F. Babbitt, ông vua áp phe bất động sản ở Zenith. Ông Babbitt vừa mua của kẻ hèn rất trung thành và mãi mãi trung thành này, chiếc xe “đầu tay” để kỷ niệm sinh nhật thứ ba mươi tư của ông.

Cuộc gặp gỡ này đối với Clif và ông Babbitt là một sự khoái hoạt, và khi Martin đã đưa theo họ uống đủ thứ cốc tay, bia Xanh lu y và Huýt ky sô đa, thì chàng thấy Clif là một người hào phóng nhất đời, còn ông George F. Babbitt là một ông khách có duyên.

Clif nói chàng tin chắc rằng chàng sẽ làm chủ

tịch một công ty sản xuất xe hơi... có lẽ cũng nhờ ở chỗ chàng đã được học về y khoa đặc biệt hơn người, ông Babbitt thì tâm sự:

Các ông thanh niên, các ông hãy còn trẻ hơn tôi nhiều, đến chín mươi tuổi, và các ông chưa có kinh nghiệm bằng tôi, chưa biết niềm vui thú của con người ta ở chỗ nào. Nó ở nơi lý tưởng, ở nơi Phụng Sự Nhân Quần Xã Hội, ở nơi Công Vụ. Hôm nay chỉ có hai ông với tôi với cái cánh cổng kia thôi, tôi mới nói, không phải nhờ ở các bất động sản, mà nhờ ở tài hùng biện, tôi mới có tiếng tăm như bây giờ. Sự thực, đã có lần tôi định học luật và đi luôn vào chính giới. Xin nói riêng để hai ông biết... chứ tôi không thích cho câu chuyện truyền ra ngoài, tôi mới giao thiệp được mấy chỗ tốt lắm... Gặp mấy tay chính trị trẻ tuổi của đảng Cộng Hòa. Cố nhiên người mới xuất thân phải khiêm nhượng, nhưng tôi cũng có thể nói, nói khe khẽ với nhau ở đây thôi, là đến mùa thu này tôi sẽ ra ứng cử Nghị viên Hội đồng Thị Xã. Trên thực tế đó chỉ là một bước để tiến tới chức Thị Trưởng và sau đó chức Thống Đốc Tiểu Bang, và nếu tôi thấy nghề nghiệp thích hợp với tôi, thì không có lý gì trong mười, mười hai năm nữa, cứ cho là vào 1918

hay 1920 gì đó, tôi chẳng có cái vinh hạnh đại diện cho Tiểu Bang Winnemac này ở Hoa Thịnh Đốn!

Trước mặt một Napoleon như Clif và một Gladstone như George F. Babbitt, Martin nhận thấy mình thiếu thế lực và tài kinh doanh, và khi trở về Mohalis lòng chàng băn khoăn vô cùng.

Từ trước tới nay, chàng ít khi nghĩ tới cảnh nghèo của mình, nhưng bây giờ trái với sự giàu sang thanh thản của Clif, bộ áo tro khổ tải và gian phòng chật hẹp của chàng hình như làm cho chàng hổ thẹn.

II

Một bức thư dài của Leora Tozer nói bóng gió rằng có lẽ nàng không thể trở lại Zenith được nữa, càng làm cho chàng cô quạnh thêm. Chàng chẳng thiết làm gì cả, lúc nào cũng thần thần – thờ thờ. Một hôm trong giờ chứng minh môn vi trùng sơ đẳng, Giáo sư Gottlieb sai chàng xuống hầm lấy sáu con thỏ đực để chích độc. Gottlieb có mấy công cuộc khảo cứu mới phải làm việc mười tám tiếng một ngày nên đâm ra nóng nảy dễ cáu kỉnh và sai bảo ai thì như mắng chửi người ta. Lúc Martin vừa đi vừa mơ mộng đem về sáu con thỏ cái thay vì thỏ đực; Gottlieb gắt lên với chàng: “Ồ

phòng thí nghiệm này chưa có ai mà lại ngu si đàn độn như anh!”

Bọn sinh viên năm thứ hai không phải là không để tâm những lời Martin một đôi khi mắng mỏ chúng nên được dịp chúng rúc ra rúc rích cười làm cho chàng tức điên lên, cãi lại Gottlieb:

Tại Bác sĩ nói tôi không nghe ra và đây là lần thứ nhất tôi lầm lẫn. Tôi không thể chịu được cái lối Bác sĩ nói với tôi như vậy!

Tôi nói gì anh cũng phải chịu hết! Đồ thô bỉ! Nếu anh không chịu được thì anh có thể xách mũ ra khỏi đây luôn!

Có phải Bác sĩ định cất chức phụ tá của tôi không?

Tôi rất lấy làm sung sướng thấy anh cũng có khá đủ thông minh để nghe ra lời tôi nói lần này đấy, mặc dầu tôi nói rất khó nghe!

Martin vùng vằng đi ra. Gottlieb sùng sốt, bước một bước theo lưng chàng. Nhưng cả lớp như một lũ chuột rúc ra rúc rích, lấy thế làm vui và mong cho câu truyện xé ra to hơn nữa, song Gottlieb nhún vai, trừng mắt lên nhìn làm cho cả lũ hoảng hồn và sai anh sinh viên ít đàn độn hơn hết đi lấy sáu con thỏ khác, rồi tiếp tục dạy, bình tĩnh một

cách lạ lùng.

Còn Martin chạy đến quán rượu bản thủ của Barney, uống một hơi cạn ngay ly huyết ky thứ nhất, rồi liên tiếp hết ly này đến ly khác, say nói lảm nhảm một mình suốt đêm. Cứ hết một ly, chàng lại tự cho mình có cái may vô tả là đã trở thành tay bợm rượu, và hết một ly lại khoác lác là không cần gì cả.

Giả thử Leora không ở Wheatsylvania xa một ngàn hai trăm dặm, thì chàng đã bay vù tới kiếm nàng cứu nạn cho chàng rồi. Sáng hôm sau hãy còn lảo đảo, chàng đã uống thêm một ly để lấy sức sống cho qua buổi sáng, vừa uống xong thì nhận được một mảnh giấy của ông Khoa trưởng Silva gọi chàng tới trình diện tại văn phòng ông.

Ông Khoa trưởng nói:

Arrowsmith, gần đây Ủy ban Giáo sư đã thảo luận nhiều về anh. Ngoại trừ có một hay hai môn – về môn của tôi dạy tôi không thấy anh có lỗi gì cả – còn trong các môn khác anh rất đáng trí. Điểm của anh đều khá, nhưng anh còn có thể làm việc khá hơn nhiều nữa. Gần đây anh cũng hay uống rượu.

Người ta đã thấy anh ra vào những nơi có tiếng

là rất xấu, và anh lại kết thân với một người đã dám cả gan nhục mạ tôi, sỉ nhục Vị Sáng Lập Trường, các quan khách và Viện Đại Học của ta. Nhiều giáo sư đã phàn nàn về thái độ kiêu kỳ của anh... khinh thị các môn học ngay ở trong lớp! Nhưng Bác sĩ Gottlieb luôn luôn bênh vực anh một cách nhiệt liệt. Ông tin chắc rằng anh thực có khiếu khảo cứu khoa học hơn người. Ấy thế mà chiều hôm qua chính ông ấy phải nhận rằng anh đã xác láo với ông. Nếu bây giờ anh không chịu thay đổi ngay tính nết, thì tôi phải ngưng chúc anh cho đến cuối năm, và nếu như vậy cũng không xong thì buộc lòng tôi sẽ phải yêu cầu anh từ chức. Tôi cho như vậy là một điều tốt cho anh học cho biết thế nào là nhún nhường... vì hình như anh có tính kiêu ngạo kinh khủng lắm... và tôi nghĩ anh cũng nên đến gặp Bác sĩ Gottlieb và bắt đầu công việc sửa đổi lại tính nết anh bằng cách xin lỗi Bác sĩ...

Thà chết chứ không đòi nào tôi lại đi xin lỗi ông ấy! Mặc ông ấy! Tôi hy sinh đời tôi cho ông ấy, thế mà ông ấy nói với tôi những lời như vậy...

Đó không phải là Martin mà là huyết ky nói.

Như vậy thực là không đẹp đối với Bác sĩ Gottlieb một chút nào. Ông ấy chỉ...

Vâng. Ông ấy chỉ đánh cho tôi quy, sau khi tôi

đã làm việc cho ông ấy đến như vậy. Đợi ông ấy xuống địa ngục rồi tôi sẽ xin lỗi ông ấy. Còn về việc Clif Clawson mà ông vừa nói bóng nói gió tới... Anh ấy mà lại cố tình nhục mạ ai! Anh ấy chỉ đùa chơi một chút, ấy thế mà ông lại thẳng tay trách cứ anh ấy. Anh ấy làm như vậy tôi rất thích!

Nói xong Martin đứng chờ nghe những lời có thể cắt đứt cuộc đời khoa học của chàng.

Nhưng con người bé nhỏ, hồng hào, lùn mập và hiền lành kia, lại nhìn chàng, áp úng mấy tiếng trong miệng và nhẹ nhàng nói:

Arrowsmith, tôi có thể đuổi anh ngay bây giờ, cố nhiên là như vậy, nhưng tôi tin rằng căn bản con người anh cũng tốt, cho nên tôi không muốn để anh đi. Đương nhiên là anh bị cắt chúc, ít nhất cho đến khi anh tỉnh ngộ lại, biết xin lỗi tôi và Bác sĩ Gottlieb. (Giọng ông thân thiết như một người cha nói với con, đã làm cho Martin mỉm lòng gần ăn năn hối lỗi; nhưng ông kết luận).

Còn Clawson, cách “đùa chơi” của hắn về cái ông Benoni Carr ấy... mà không hiểu sao hôm đó tôi cũng không đoán ra được thâm ý của hắn, có lẽ là tại tôi bận nhiều việc quá... cách “đùa chơi” của hắn như anh vừa nói, là hành động nếu không

phải của một đứa đề tiện thì cũng là của một đứa ngu xuẩn, và hỏi nào anh vẫn còn chưa nhận thức được điều đó thì tôi chắc anh cũng chưa thể trở về ở gần chúng tôi được.

Xin vâng.

Martin nói xong đi ra.

Chàng tự cảm thương cho cái thân mình. Chàng nhận thấy có điều thực bi thảm là mặc dầu Gottlieb đã phản bội chàng, làm tan vỡ sự nghiệp của chàng, làm cho chàng mất hy vọng theo đuổi khoa học cho tinh thông và cưới Leora, chàng vẫn thấy Gottlieb là thần tượng của chàng. Trừ có bà chủ nhà trọ, ngoài ra chàng không từ biệt một ai cả. Chàng đóng hành lý, có mỗi một gói loàng xoàng chứ có gì đâu. Chàng nhét tất cả sách vở, một bộ đồ cũ nát, mấy chiếc quần áo lót mình tòi tàn, và bộ đồ sang nhất là bộ lễ phục, vào trong chiếc va ly làm bằng thú vại giả da, rất khó xách. Nghĩ tới lúc mua bộ lễ phục mà chàng ứa nước mắt buồn như người say rượu.

Tiền chi dụng của Martin là do lợi tức của sản nghiệp bé nhỏ cha chàng để lại, mọi tháng chàng nhận được hai lần ngân phiếu từ ngân hàng Elk Milks gửi tới. Bây giờ chàng còn có sáu đô la.

Đến Zenith, chàng để túi hành lý ở ga xe điện

liên đô thị rồi đi tìm Clif; chàng thấy bạn đương trở tài hùng biện nói về một chiếc xe hơi dùng để chở áo quan màu ngọc trai xám mà một ông chủ xe đòn đám ma, bụng bự la ve, có vẻ khoái muốn mua. Chàng ngồi đợi co đầu gối lại trên bậc lên xuống một chiếc xe li mu din. Một người bán hàng và mấy cô tóc ký nhìn chàng chòng chọc, nhưng vì mãi nghĩ chuyện khác nên chàng biết mà cũng chẳng bận tâm tới.

Clif mừng rỡ chạy tới hỏi chàng:

Sao? Cậu? Lại đây nhậu một cái đã.

Tao có thể uống được một ly.

Martin biết Clif nhìn mình dửng dưng. Khi vào tới “Ba” trong Đại Lữ Quán tường treo đầy gương và bức họa những phụ nữ rất xinh đẹp nhưng có vẻ đăng trí và xa vời, và chiếc quây rượu dài bằng gỗ đào hoa tâm, mặt bằng đá hoa cương dầy, chàng nói ngay:

Này, tao cũng đi rồi. Ba ba Silva đã đút tao vì chuyện vợ vẩn. Tao định đi lang thang ít lâu rồi kiếm việc gì làm. Trời! Tao mệt mỏi và bức dọc quá! Này, có thể cho tao mượn ít tiền không?

Sao lại không? Cửa tao là cửa mày! Cần bao nhiêu?

Chừng độ một bách... để có thể đi loanh quanh

đây đó một ít lâu.

Trời! Tao không có đủ, nhưng chắc có thể vào sở xoay được. Cứ ngồi đây đợi tao một lát nhé.

Clif làm cách nào để xoay được một trăm Mỹ kim, chẳng bao giờ chàng giải thích cho Martin biết, nhưng chàng đi độ mười lăm phút thì đem về đưa cho Martin. Hai người lại ăn cơm với nhau, và Martin uống khá nhiều huyết ky. Clif đưa bạn về nhà trọ của mình... cố nhiên là không sang bằng những bộ quần áo mới của chàng... bắt Martin tắm nước lạnh cho tỉnh rượu, rồi dìu tới giường bắt ngủ. Sáng hôm sau, chàng đề nghị kiếm việc làm cho Martin, nhưng Martin từ chối và đến chiều thì từ già Zenith lên xe lửa đi về miền Bắc.

Ở Hoa kỳ, từ ngày khai thác lập quốc vẫn còn lại một lớp thanh niên vui vẻ không nhà cửa, đi lang thang chẳng có lý do gì cả, họ đi hết tiểu bang này sang tiểu bang kia, hết đoàn người này sang đoàn người kia, mặc theo tiếng gọi của thú phiêu lưu. Họ mặc sơ mi sa tinh đen, vai mang tay xách hành lý. Không phải quanh năm suốt tháng họ đi như vậy. Họ cũng có quê quán để về, lảng lạng vào xưởng hay nhập bọn với đám thợ thuyền làm việc một năm... hay một tuần... rồi lại lảng lạng biến đi. Đêm đến

họ kéo lên chạt các toa xe lửa dành cho khách hút thuốc lá, họ ngồi im lặng trên ghế dài trong những nhà ga bẩn thỉu, chỗ nào họ cũng biết mà chẳng biết rõ chỗ nào cả, vì trong cả trăm đô thị họ đi qua, họ chỉ đến các sở tìm hộ việc, các quán ăn mở suốt ngày đêm, quán rượu lậu, và nhà trọ lậu. Đó là cái thế giới mà Martin đã hòa mình vào. Uống thật khỏe, và chỉ lơ mơ biết mình đi về đâu, định làm gì, bị hình ảnh Leora, Clif Clawson và đôi bàn tay khéo léo của Gottlieb ám ảnh xấu hổ, chàng đi từ Zenith tới Sparta, ngang qua Ohio, lên Michigan, quẹo phía tây tới Illinois. Đầu óc chàng rối như mớ bòng bong. Chẳng bao giờ chàng nhớ lại được đích xác nơi đã đi qua. Chỉ có một lần là rõ ràng, chàng đi làm nhân công một tuần lễ đứng bán đồ uống cho một tiệm dược phẩm ở Minnemagantic; và một lần đi rửa bát chén ở một góc nhà hôi thối trong một tiệm ăn rẻ tiền nào đó, chắc là như vậy. Chàng đi phiêu lưu như vậy bằng những chuyến xe lửa chở hàng hóa, xe hơi, xe ngựa chở hành lý, hoặc đi bộ. Đối với bạn đồng hành, người ta gọi chàng là Slim, anh chàng dễ cáu giận nhất đám, hiếu động ít ngủ nhất đám.

Sau khi đi phiêu lãng điên cuồng như vậy một

thời gian, một hôm óc chàng bỗng nảy ra có định hướng. Do bản năng, chàng tiến về miền Tây, miền đồng bằng mênh mông mờ mịt, có Leora đợi chàng, có một hay hai ngày gì đó, chàng nghỉ rượu rồi buổi sáng hôm sau chàng ngủ dậy, không còn cảm thấy mình giống anh chàng du đãng tinh thần bạc nhược tên là Slim nữa, mà giống anh chàng Martin Arrowsmith, đầu óc minh mẫn, chàng suy nghĩ: “Tại sao mình lại không quay về? Có lẽ cuộc phiêu du này cũng không đến nỗi làm cho mình hu hoại quá lắm. Mình đã làm việc quá sức. Tinh thần đâm ra căng thẳng. Nó bùng lên. Giống như, à... Không biết mấy con thỏ của mình ra sao? Người ta có để cho mình tiếp tục công việc khảo cứu nữa không?”

Nhưng quay về Đại Học trước khi gặp Leora thì không thể được. Chàng cần phải có nàng, không có không xong, điều đó ám ảnh chàng, ngoài nàng ra, toàn thể thế giới đều không có nghĩa lý, không có giá trị gì cả. Chàng đã khôn khéo dành dụm phần lớn số tiền một trăm Mỹ kim vay của Clif; chàng đã sống kham khổ – ăn toàn thịt hầm lều bều mỡ, với bánh hồi sặc mùi “xút” – với những tiền kiếm được ở dọc đường. Bất chợt một hôm

chàng không hề định trước, trong một tỉnh chàng không hề chọn trước ở Wisconsin, chàng ngao nghể tới nhà ga, mua vé đi Wheatsylvania, North Dakota và gọi điện tín cho Leora: “Mai Thứ Tư 2g43 tới. Sandy”.

III

Chàng đi qua sông Mississippi rộng lớn vào Minnesota, đến St. Paul đổi xe, chạy giữa những vùng tuyết phủ mênh mông phân chia ra bằng những hàng rào dây kẽm mỏng mảnh. Chàng cảm thấy được tự do thoát khỏi những cánh đồng bé nhỏ ở Winnemac và Ohio, được nghỉ ngơi thoải mái, thoát khỏi những cảnh nửa đêm học hành hay say sưa đến căng thần kinh. Chàng nhớ lại những ngày đi mắc dây điện thoại ở Montana và cảm thấy tâm hồn bình tĩnh vô ưu như những ngày đó. Trời hoàng hôn trông như những đợt bọt biển đỏ ngẫu. Đêm đến, chàng bước ra ngoài toa xe lửa ngộp hơi, đi tản bộ trên sân ga Sauk Center, khoan khoái hít khí trời giá lạnh và ngắm những vì sao lớn và lẻ loi mùa đông. Vùng Bắc Cực Quang đêm nay, làm tăng vẻ hải hùng của bầu trời thăm thẳm đen ngòm. Chàng quay về toa xe lửa lòng tràn đầy nghị lực của cái xứ dửng

mãnh này. Chàng ngủ gà ngủ gật, ngáy khò khè, chốc chốc nghẹt thở lại choàng tỉnh dậy. Chàng nằm dài ra trên ghế, thân mật nói chuyện với mấy người bạn đồng hành nay đây mai đó. Tới trạm xe ngừng, chàng xuống quán nước uống một tách cà phê đen đắng và ăn mấy chiếc bánh lúa mạch lớn. Chàng cứ đi như vậy, đổi xe này sang xe khác, trong những tỉnh chàng chẳng biết tên là gì, cuối cùng tới những nơi có những nhà kho thấp lùn, hai máy kéo lúa, chuồng bò lớn, kho chứa dầu, và cái nhà ga bé nhỏ trông như một chiếc hộp vuông sơn đỏ giữa một cái sân bùn lầy, tất cả những thứ hợp thành vùng ngoại ô Wheatsylvania và Leora đứng tựa ở cửa ga, mình khoác một chiếc áo lông hoán hùnh xù xù trông đến buồn cười. Chàng đứng ở đầu toa ngó nàng, gió rét run, trông chàng chắc có vẻ khùng khùng. Nàng đưa cao hai bàn tay ra đón chàng, hai bàn tay đeo găng mít tôn đỏ xòe ra trông như trẻ con. Chàng nhảy bổ xuống, bỏ rơi phịch bao hành lý xấu xí xuống sân ga, chàng và nàng ôm lấy nhau hôn say sưa đắm đuối, chẳng còn biết gì đến những người làm nông trại đương đứng há hốc miệng ra nhìn hai người.

Bao năm sau, trong những buổi trưa miền nhiệt

đổi, chàng vẫn còn nhớ làn da mát rượi của đôi má nàng dưới làn gió bắc hôm đó.

Tàu đã đi khỏi, tiếng máy xình xịch vang âm nhà ga bé nhỏ. Con tàu vừa đứng đó, bên sân ga, như một bức tường thành đen xám, che chở họ, nhưng bây giờ đã phơi họ ra ánh sáng của những cánh đồng tuyết chiếu hắt vào họ, làm cho họ nhớ đến những con mắt tò mò ở xung quanh.

Nàng lúnh quýnh nói:

Sao... có chuyện gì thế anh? Bật hẳn thư từ tin tức làm em sợ quá.

Anh vừa đi lung tung một chuyến. Ông Khoa trưởng cất chúc anh... vì vô lễ với giáo sư. Em có lấy thế làm quan tâm không?

Cố nhiên là không, nếu anh muốn...

Anh muốn đến đây để cưới em.

Em chưa biết làm cách nào mình có thể cưới nhau được, anh yêu à, nhưng... Được rồi. Thế nào cũng bị một trận kịch liệt vui thật là vui với ba em. (Nàng cười). Ba em có tính, bao giờ có việc gì xảy ra mà không phải là do ba em định đoạt thì thế nào ba em cũng lấy làm ngạc nhiên và phật ý. Có anh ở bên em để cùng chịu cơn thịnh nộ thực là thú vị, vì anh chưa biết tính ba em chỉ muốn định

đoạt hết thảy mọi việc cho hết thảy mọi người và... Ô, Sandy, không có anh, em thấy lẻ loi buồn quá! Má thực tình chẳng đau ốm gì cả, chẳng đau một ly một tý nào cả, nhưng ba má cứ giữ em ở nhà. Em chắc có kẻ nào lại nói gần nói xa với ba em rằng người ta đồn ba em bị vỡ nợ nên mới phải để cho cô con gái quý đi xa và học nghề điều dưỡng, và cho đến giờ ba em vẫn chưa hết băn khoăn về chuyện ấy... Andrew Jackson Tozer mà buồn về chuyện gì thì kéo dài đến một năm cũng chưa hết buồn.

Ồ, Sandy! Có anh ở đây em sướng quá!

Sau khi chuyển xe lửa ồn ào nhộn nhịp qua rồi, quang cảnh làng hình như vắng lặng hẳn đi. Chàng có thể đi bộ quanh làng độ mười phút thì hết. Đối với Leora Tozer thì chắc chắn là ngôi nhà này khác ngôi nhà kia... nàng hình như có thể phân biệt được cửa hàng Norblon với cửa hàng Frazier & Lamb... nhưng đối với Martin thì tất cả mấy cái nhà gỗ hai tầng nằm vô dụng trên con đường lớn Đại Mã Lộ, trông chẳng có đặc điểm và giá trị gì cả. Rồi lúc hai người đi tới góc đường có cửa hàng thực phẩm và gia cụ, rẽ sang đường khác thì Leora Tozer chỉ tay nói:

“Kia nhà em, ở cuối dãy sắp tới đó”. Tự nhiên chàng thấy bối rối muốn đứng lại, không đi nữa. Chàng cảm thấy một trận vũ bão sắp xảy ra: ông Andrew Jackson Tozer tố cáo chàng là kẻ vô tài, định làm hại đời Leora, bà Tozer thì khóc lóc.

Chàng lắp bắp hỏi:

Này... này... này... em đã nói gì với mọi người ở nhà... về anh chưa?

Em nói rồi. Sơ sơ. Em bảo anh là một tay kỳ tài ở trường thuốc, và có thể chúng mình sẽ cưới khi anh hết hạn lưu trú, thế rồi khi điện tín của anh tới, thì ở nhà muốn biết vì lẽ gì anh lại đến đây, và vì lẽ gì anh lại gọi điện tín từ Wisconsin và khi anh gọi điện tín thì anh đeo cà vạt màu gì, và em không làm sao nói cho ở nhà hiểu là em không biết vì lẽ gì. Mọi người bàn tán mãi với nhau. Bàn tán đủ chuyện. Suốt bữa ăn. Một cách nghiêm trọng.Ồ, Sandy, bữa ăn, anh phải xỉ vả một vài người, mắng cho một trận nên thân mới được.

Chàng sợ quá. Cứ như câu chuyện trước kia Leora kể cho chàng nghe, thì cha mẹ nàng chỉ là những nhân vật vui vui, buồn cười, bây giờ trở thành những người bằng xương bằng thịt thật sự, mắt chàng trông thấy rõ ràng trong ngôi nhà

rộng lớn có cổng có ngõ hắt hoi. Một chiếc cửa sổ lồng kính trắng xung quanh viền kính màu mới trở thêm ra ở tường để chúng tỏ ra rằng trong nhà làm ăn hưng thịnh, và cái nhà để xe hơi mới toanh trông rất hách.

Chàng đứng sau nàng, đón cơn bão táp. Bà Tozer ra mở cửa, nhìn chàng soi mói... Bà người mảnh khảnh, khô khan, duyên sắc tàn phai. Bà cúi chào tựa hồ như coi chàng là một người khách đến chơi một cách bất ngờ, khả nghi, không biết có mục đích gì, chứ cũng không đến nỗi lạnh đậm quá.

Bà nói líu ríu:

Ory, con dẫn cậu Arrowsmith lên phòng, hay để mẹ dẫn lên?

Nhà thuộc vào cái loại có một cái máy hát thật lớn, nhưng không có một cuốn sách nào, và nếu có bức tranh bức họa nào... mà chắc là phải có... thì Martin cũng chẳng bao giờ nhớ cả. Cái giường trong phòng chàng thì cục mịch, nệm gỗ ghê chỗ cao chỗ thấp, như một chiếc khăn có những hình tinh khiết; và chậu rửa mặt với bình nước có vẽ hoa thì đặt trên một chiếc khăn thêu hình những con trầu, ếch nhái, hoa sen và một câu răn đời

sùng đạo.

Chàng mở hành lý ra, hết sức chùng chình để kéo dài thời giờ, lấy những món đồ không cần thiết, và ngần ngại bước xuống nhà dưới. Trong phòng khách sặc hơi nóng lò sưởi và mùi gối ướp dầu thơm, không có một ai cả. Rồi bà Tozer từ đâu hiện ra không biết, có vẻ lo ngại về chàng và tìm câu lễ phép nói với chàng.

Thưa ông đi tàu có dễ chịu không?

Ồ, dạ, vâng... Dạ, tàu khá đông.

Ồ, tàu đông à?

Vâng, có nhiều người đi du lịch lắm ạ.

Thế ạ? Tôi chắc... Vâng. Đôi khi tôi không hiểu những người đó đi đâu mà cứ đi hoài. Ông có... ở các đô thị có lạnh lắm không... ở Minneapolis và St. Paul ra sao?

Dạ, cũng khá lạnh.

Ồ, lạnh lắm sao?

Bà Tozer ngồi thật yên, không nhúc nhích, và chỉ lo giữ cho thật lễ độ. Chàng cảm thấy mình như một thằng ăn trộm mà người ta nhầm tưởng là một vị khách, và chàng bắn khoả hết sức không biết Leora đâu. Mãi sau nàng mới ở ngoài đi vào, ung dung thanh mỹ, đem cà phê, một chiếc bánh

vòng Sweden lớn có nhỏ và đường đen óng ánh trông rất ngon, và nàng đã làm cho mấy người nói chuyện với nhau dễ dàng về cái lạnh mùa Đông và giá trị xe hơi hiệu Ford và trong lúc câu chuyện đương vui vẻ tự nhiên thì ông Andrew Jackson Tozer bước vào, thế là mọi người lại trở lại lễ phép kiểu cách.

Ông Tozer người cũng gầy, không có nét gì đặc biệt và rám nắng như bà vợ; và ông cũng như bà ngồi im, nhìn soi mói và bắn khoản bút rút. Ở đời tất cả việc gì không dính dáng tới nhà máy kéo lúa, nhà máy kem, nhà ngân hàng xinh xắn của ông, tới Liên Hiệp Huynh Đệ Giáo Hội, và việc cần lái cẩn thận một chiếc xe Overland, ông đều lấy làm lạ lắm. Ông không chấp nhận những cái trái với thiên nhiên và không tiện lợi cho ông, cho nên thấy ông trở nên khá giả, người ta cũng không lấy làm lạ.

Ông nói bóng nói gió để hỏi xem Martin có “hay rượu” không, giàu nghèo ra làm sao, và tại sao chàng lại có thể đi từ cái tỉnh Winnemac xa xôi đến đây. “Gia đình ông Tozer sinh quán ở Illinois, nhưng ở Dakota từ thuở bé, và có cảm tưởng như Wisconsin là một nơi xa nhất và hiểm trở nhất ở

phía trời ông”. Hai ông bà chẳng hiểu biết gì cả, và lễ phép quá đáng, nên Martin tránh khỏi phải nói tới những vấn đề gai góc như chuyện bị cắt chức chẳng hạn. Chàng khéo léo khiến hai ông bà có ấn tượng rằng chàng là một y sinh trẻ tuổi ưu tú, chẳng bao lâu nữa sẽ làm ra được những món tiền lớn thừa đủ để cấp dưỡng Leora, nhưng khi chàng vừa bắt đầu ngồi tựa lưng vào chiếc ghế bành thì bị ông anh của Leora lù lù ở đầu hiên ra phá ngang câu chuyện của chàng.

Bert Tozer, Albert R. Tozer, thủ quỹ kiêm phó chủ tịch Ngân Hàng Tiểu Bang Wheatsylvania, thanh tra kiêm phó chủ tịch Công ty Thóc Lúa và Kho Lúa Tozer, thủ quỹ kiêm phó Chủ tịch Công ty Bơ Sữa Kim Tinh, thấy cha mẹ nghe chuyện mập mờ như vậy mà cũng tin, Bertie không bức mình một chút nào. Bertie là một tay kinh doanh sành sỏi và tân tiến. Chàng có bộ răng khểnh, mang đôi mắt kiếng có một sợi dây vàng đeo lưng lẳng vào một cái móc xinh xinh ở sau vành tai bên trái. Chàng chủ trương đề cao tỉnh nhà, tổ chức những cuộc du lịch bằng xe hơi, tổ chức đội Hướng đạo, đội dã cầu, phô trương tổ chức Thế giới Sản Nghiệp Công Hội, và điều chàng ân hận

nhút là Wheatsylvania còn nhỏ quá chưa có được một Hội Thanh Niên Công Giáo hay một câu lạc bộ thương nghiệp. Cùng đi với chàng là vị hôn thê của chàng, cô Ada Quist, con ông chủ hiệu bán thực phẩm và gia cụ, mũi cô nhọn và cao, nhưng không cao bằng cái giọng chất chúa hay là bộ điệu nghi ngờ của cô khi giáp mặt Martin.

Bert hỏi:

Arrowsmith đây hả? Hú! Đến cái đất của Chúa thương này chắc anh vui lắm nhỉ?

Vâng, đẹp lắm...

Ở những xứ miền Đông, có điều phiền là không có cái thế, hay là cái đất để bành trướng. Anh phải thấy tận mắt một vụ gặt thực sự ở Dakota này thì mới thấy rõ. À này, làm sao anh lại có thể bỏ trường đi vào lúc giữa niên khóa này nhỉ?

Dạ...

Tôi biết rõ các học kỳ mà. Tôi đã học ở Trường Thương Mại Grand Forks. Anh làm cách nào mà có thể bỏ trường đi vào lúc này!

Tôi nghỉ ít lâu.

Leora nói anh và cô ấy định làm lễ cưới?

Chúng tôi...

Ngoài tiền ăn học ra, anh có tiền nào khác không?

Không!

Biết ngay mà! Anh tính lấy gì mà nuôi vợ?

Rồi có ngày tôi sẽ hành nghề y khoa.

Rồi có ngày! Thế sao không đợi tới ngày ấy có thể nuôi được vợ rồi hãy đính hôn có được không? Nói chuyện đính hôn bây giờ thì có ích lợi gì? Cô Quist, người đẹp của Bert xen vào:

Đó, chính tôi cũng nói như thế đó, ông ạ! (Hình như nàng nói cả bằng cái miệng chum chúm, cả bằng cái mũi nhọn hoắt của nàng). Anh Bert với tôi có thể đợi được, thì tôi tưởng người khác cũng có thể đợi được.

Bà Tozer khề nói:

Bert đừng có khắt khe quá như vậy với cậu Arrowsmith. Mà chắc cậu ấy có muốn làm gì thì cũng chỉ làm điều phải mà thôi.

Con không có khắt khe với ai cả! Con chỉ biết có lẽ phải. Nếu ba và má biết lo các công chuyện thay vì chỉ đứng đó làm rối lên, thì con chẳng can thiệp vào làm gì. Tính con không thích xen vào công việc của người khác, mà cũng không thích người khác xen vào công việc của con. Mình hãy lo phần mình sống cho yên phận, và mặc người khác sống yên phận họ, đó là câu châm ngôn của con,

và đó là câu con đã nói với anh Lach hôm con đến cạo mặt ở tiệm anh ta và anh ta định giấu mình về chuyện cầm đồ thế nợ nhiều quá, nhưng thiên hạ người ta sẽ mắng con để cho một gã mình chả biết cha căng chú kiết ra làm sao đến tự do sục sạo xung quanh em gái mình; ít ra con cũng phải tìm hiểu xem ý định của anh ta ra làm sao chứ!

Leora khẽ nói:

Bertie, anh cung à, cái cà vạt của anh lại leo lên cổ áo rồi đấy. Bert lớn tiếng:

Vâng, còn cô nữa, Ory à, nếu không có tôi thì cô đã lấy Sam Petcheck hai năm trước đây rồi!

Bert lại vừa giải thích vừa chứng minh rằng nàng còn nhẹ dạ lắm, lại còn chuyên đi học làm nữ điều dưỡng nữa... Nữ điều dưỡng!

Nàng nói tính Bert bao giờ cũng như bao giờ, và cố giải thích cho Martin hiểu về truyện Sam Petcheck. (Thực ra câu chuyện chẳng bao giờ được giải thích rõ ràng cả).

Ada Quist bảo Leora giá có làm cho cha mẹ khổ tâm hay gây phương hại cho sự nghiệp của Bert, Leora cũng chẳng quan tâm.

Martin nói:

Này, tôi... (nhưng rồi chàng không tiếp thêm

nữa).

Ông Bà Tozer bảo mọi người phải bình tĩnh, và cố nhiên là Bert không có ý định... Nhưng sự thực quả như vậy, mọi người cần hiểu lẽ phải, và ông Arrowsmith tính cách nào để nuôi vợ... câu chuyện kéo dài cho đến chín giờ rưỡi, nghĩa là, theo lời ông Tozer, giờ đi ngủ của mọi người, ấy là không kể cuộc bàn cãi mất năm phút xem cô Ada Quist có nên ở lại ăn cơm hay không, và cuộc biện luận về món thịt bò muối mặn hay nhạt, cho tới giờ đó họ vẫn còn chăm chăm xúm lại dò xét xem Martin và Leora đã đính hôn với nhau hay chưa. Tất cả mọi người có liên quan, đương nhiên là không kể Martin và Leora, đều quả quyết rằng chưa. Bert đi kèm Martin lên đến hết cầu thang. Bert coi chừng cẩn thận khiến cho chàng và nàng không có dịp hôn từ biệt nhau một cái trước khi đi ngủ. Rồi cho tới lúc mười giờ bảy phút, ông Tozer đứng bên dưới hành lang gọi lên: “Bert à, con định ở trên đó để mà lái nhái suốt đêm hay sao thế?” Lúc đó Bert mới chịu làm ra bộ tử tế đối với Martin, ngồi lên giường chàng; nhìn bao hành lý tồi tàn của chàng, cười mĩa mai, rồi hỏi chàng tỷ mỉ về gia thế, tôn giáo, chính kiến và quan niệm

của chàng đối với những trò khùng khiếp là đánh bạc và khiêu vũ.

Sáng hôm sau, ăn điểm tâm, mọi người đều tỏ ý mong Martin sẽ ở lại chơi thêm một đêm nữa... nhà rộng mà.

Bert bảo chàng mười giờ xuống phố để Bert dẫn đi xem ngân hàng, xuống làm bơ sữa, và nhà máy kéo lúa.

Nhưng lúc mười giờ thì Martin và Leora đang ngồi trên một chuyến tàu đi về hướng đông. Họ xuống Tỉnh lỵ Leopolis, một tỉnh lớn có tới bốn ngàn dân số, với một tòa nhà ba tầng, và đến một giờ trưa, họ đã được một Mục Sư dòng Luther Đức làm phép cưới cho, trong một căn phòng trống của Mục Sư, quanh một chiếc lò đốt củi lớn, han rỉ, có vợ mục sư và một ông lão người Đức đương xúc đất ở ngoài đường được mời vào làm chứng, họ ngồi trên một chiếc thùng gỗ, trông thờ thần như người buồn ngủ. Cho mãi tới khi lên ngồi trên chuyến tàu trưa trở về Wheatsylvania, chàng và nàng mới thấy thoát khỏi cái cảm giác quỷ quái nó theo đuổi hai người suốt ngày. Họ ngồi trong toa tàu hơi hám, chen chúc chật chội, tay nắm tay như khóa vào nhau, không bị những nghi lễ long trọng

phiền phức của đám cưới làm rối loạn tâm thần của hai người yêu nhau khiến họ mất cả tình thắm thiết, cả hai cùng thở dài hỏi nhau, “Bây giờ mình làm gì?... Mình phải làm sao đây?”

Về tới ga Wheatsylvania, chàng và nàng thấy cả nhà chờ đón, bồn chồn nóng nảy.

Bert đã nghi hai người đi trốn. Chàng gọi điện thoại viễn thông tới năm sáu tỉnh để tìm kiếm, đến khi tiếp xúc được với viên Lục Sự của Tỉnh lý thì ông ấy vừa cấp tờ hôn thú xong và những lời nhận xét của ông ấy không đủ làm cho Bert nguôi giận. Ông ấy bảo nếu Martin và Leora đã đủ tuổi trưởng thành thì ông ấy chẳng có thể hủy bỏ hôn thú đi được và ông ấy “cũng cóc cần biết là đương điện thoại với ai... và lại tôi mới là Chủ sự điều khiển cái phòng hôn thú này”. Ông ấy bảo Bert như vậy.

Bert ra ga đón có ý định làm cho Martin phải ăn ở cho ra người hoàn toàn... hoàn toàn y như Bert, và phải làm ngay tức thời.

Chiều hôm đó, trong gia đình Tozer thực là kinh khủng.

Ông Tozer nói rất nhiều, bảo Martin đã mua lấy trách nhiệm lớn vào mình.

Bà Tozer thì khóc lóc bảo bà mong rằng Leora cưới vội như vậy không phải vì một vài “lý do nào” đó...

Bert bảo nếu vì “lý do ấy” thì chàng sẽ giết Martin.

Nàng Quist thì bảo có thể Ory mới sáng mắt ra và hết tự kiêu, hết khoác lác về việc bỏ nhà đến ở cái tỉnh Zenith cổ hủ ấy.

Ông Tozer lại nói dầu sao thì cũng là một điều hay: Leora bây giờ có thể tự hiểu là gia đình không thể nào để nàng trở lại trường học làm nữ điều dưỡng và mua thêm cái khó vào mình nữa...

Còn Martin thì thỉnh thoảng lại cố xen vào một câu để nói cho mọi người biết chàng là một người tốt, một nhà vi trùng học có tài, và có đủ khả năng để trông nom săn sóc vợ của chàng, nhưng trừ Leora ra, chẳng ai thèm nghe chàng cả. Và Bert, mặc dầu cha chàng đã bảo, “Thôi con ơi, đừng có quá nặng lời với thằng bé nữa”, nhưng chàng vẫn nói thêm rằng chàng muốn biết Martin có một phút nào nghĩ mình có thể lấy được một đồng xu nhỏ ra khỏi cái gia đình nhà Tozer này không, vì chàng đã tự dẫn thân đến và đâm đầu vào chỗ mà chẳng ai mời chàng vào cả, Bert muốn biết điều

đó, có thể thôi, nhất định phải cho Bert biết điều đó!

Còn Leora thì chỉ ngồi nghe, hết quay đầu nhìn người này lại ngó người kia. Có một lần nàng tới cầm tay Martin và bóp chặt. Rồi trong lúc cơn giông tố nổi lên mạnh nhất, và Martin bắt đầu nóng mặt, nàng rút ở một cái túi bí mật ra một hộp thuốc lá hạng rất xấu, đốt lên một điếu. Từ trước, cả nhà không ai biết nàng hút thuốc. Mọi người có thể nghĩ nàng hư thân mất nết, nàng không trung thành với Liên hiệp Huynh đệ Giáo hội, hay nàng bị thác loạn thần kinh ra sao thì nghĩ, nhưng mọi người đều không ngờ nàng lại có thể phạm cái tội thô bỉ ghê gớm là hút thuốc như thế được. Cả nhà xúm lại mắng nhiếc nàng, và Martin thì tắt thở đến đỏ mặt tía tai lên.

Trong khi mọi người đương xỉ vả nàng, thì ông Tozer đã định xong ở trong đầu một kế hoạch. Thường ngày, cũng có khi ông tranh được quyền chỉ huy trong tay Bert mà ông cho là hữu dụng, nhưng Bert hơi trống miệng, và chưa đủ khả năng để định được “giá trị trọn vẹn của đồng đô la”.

(Ông Tozer đánh giá nó là một đô la chín mươi, còn cậu con cấp tiến của ông thì ít khi

đánh giá được trên một đồng ruồi). Ông từ tốn truyền lệnh:

Mọi người hãy im lặng, không được cãi lộn bừa bãi nữa. Chẳng ai có bằng chứng rằng Martin quả thực không xứng đáng với Ory. Nên chờ xem. Martin phải trở về trường thuốc ngay lập tức, phải ăn ở cho ngoan ngoãn và cố học cho chóng tốt nghiệp chừng nào hay chừng ấy, rồi lo mà kiếm tiền đi. Ory thì phải ở nhà, lo ăn ở cho có nếp na... và nhất định là không được cư xử ra người “ác phụ” nữa, không được hút thuốc lá nữa. Trong khi ấy thì Martin và Ory không được, ư – a ... giao du với nhau. (Bà Tozer có vẻ nguơng, còn cô Quist nghe rất chăm chú, cô làm ra vẻ then đỏ mặt lên). Hai cô cậu có thể thư từ với nhau mỗi tuần một lần, thế thôi; không có được, ư – a... cư xử với nhau như vợ như chồng cho đến khi ông cho phép. Nói xong kế hoạch ông hỏi, “Thế nào?”

Thực tình Martin chẳng coi họ vào đâu, và định khoác tay vợ mới cưới đi luôn đêm hôm đó, nhưng thấy ngày thi ra và bắt đầu hành nghề chẳng còn bao lâu, và Leora dầu sao cũng đã thuộc về chàng, vĩnh viễn rồi. Chàng phải vì nàng, tỏ ra là người biết điều. Chàng hãy về làm việc trở lại, và phải

THỰC TẾ. Lý tưởng khoa học của Gottlieb ư? Phòng thí nghiệm ư? Công cuộc khảo cứu ư? Vứt đi hết!

Chàng nói: “Xin vâng”.

Thoạt tiên, chàng cũng không nghĩ ngay ra là chàng và nàng phải ‘nhịn’ yêu nhau ngay từ đêm hôm đó, cho mãi tới lúc chàng vừa giơ tay ra để cầm tay Leora, vừa cười cười làm ra bộ vui vẻ giữ lời hứa là sẽ thận trọng, thì nghe thấy ông Tozer hắng giọng nói, Ory, lên đi ngủ ngay đi... trong phòng riêng của con ấy! Tối lúc đó chàng mới ngã ngửa người ra!

Đêm tân hôn của chàng là như vậy! Thao thức trở mình trên giường, xa nàng có mười thước.

Có một lúc, nghe thấy tiếng mở cửa chàng hồi hộp tưởng nàng mò tới. Chàng chờ đợi, thần kinh căng thẳng. Nhưng nàng không tới. Chàng hé cửa nhìn trộm ra ngoài, định tìm đến phòng nàng. Nhưng cảm tưởng sâu đậm của chàng đối với người anh vợ chột tăng mạnh thêm, Bert đương đi đi lại lại ở hành lang nhà dưới để canh chừng. Nếu Bert làm quá, chàng có thể giết Bert, nhưng chàng không thể đối diện cái thằng răng hô ấy và nói chuyện phải trái với nó được. Chàng nằm suy

tính và quyết định sáng hôm sau cho cả lũ một trận rồi đem Leora đi; nhưng vào khoảng ba giờ sáng, tinh thần bị mệt mỏi và chán nản, chàng nhận thấy rằng nếu nàng đi theo chàng thì chắc nàng sẽ chết đói mất, chàng thì hu đốn, và không chắc chàng có thoát khỏi rượu chè be bét không.

“Tội nghiệp cho Leora, anh không thể hại đời em được! Anh sẽ trở về trường, ra sức làm việc... chẳng biết anh có chịu đựng được cảnh này không?”

Đêm tân hôn của chàng là như thế, và cảnh rạng đông sao mà quạnh hiu trống trải!

Ba hôm sau, chàng tới văn phòng của Bác sĩ Silva, Khoa trưởng Đại Học Y Khoa Winnemac.

CHƯƠNG 10

CÔ THU KÝ của ông Khoa trưởng Silva tươi cười nhìn lên, sẵn sàng để nghe Martin tâm sự, nhưng chàng chỉ hiền lành nói: “Thưa Cô có thể cho tôi yết kiến ông Khoa trưởng được không?” rồi chàng hiền lành ngồi đợi trên hàng ghế sồi, kê dưới cuốn lịch quảng cáo các môn thuốc của hãng Dawson Hunziker.

Khi chàng trịnh trọng bước qua khuôn cửa kính, vào văn phòng ông Khoa trưởng, chàng thấy ông mặt mày hớn hỏ... ông đương ngồi, người bé nhỏ, nhưng vì cái đầu tròn to như cái mái vòm, và bộ ria rậm rì, nên trông ông có vẻ đồ sộ.

Sao, Ngài?

Martin năn nỉ:

Nếu thầy cho phép thì con trở lại học. Thành thực, con xin lỗi thầy, và con sẽ đến xin lỗi Bác sĩ Gottlieb... tuy nhiên con cũng xin thành thực thua với thầy rằng con không thể chịu phục về truyện Clif Clawson...

Bác sĩ Silva chồm đứng dậy, râu tóc tựa hồ như dựng đứng lên. Martin cương ngạnh ưỡn ngực ra. Chàng không được hoan nghinh chăng? Đâu đâu chàng cũng không kiếm được chốn nương thân nữa chăng? Chàng không thể tranh đấu được. Chàng không còn dũng khí nữa. Sau cuộc hành trình buồn năn, sau khi cố hết sức nhịn để cho khỏi sinh chuyện cãi cọ với gia đình ông Tozer, chàng đã quá mệt mỏi rồi! Người chàng rã rời! Chàng ủ rũ nhìn ông Khoa trưởng, hy vọng mong manh.

Ông mỉm cười nói:

Không sao đâu, đừng lo. Đâu có đó. Thấy anh về, chúng tôi cũng mừng. Xin lỗi xin liếc mà làm gì? Tôi chỉ mong anh làm sao cho phấn khởi tinh thần lên thôi, có anh trở về là tốt lắm. Trước tôi vẫn tin ở anh, và tôi tưởng có lẽ đã mất anh. Cái ông già đến vụng!

Martin bật lên khóc nức nở, chàng yếu quá không tự kiểm chế được, chàng cô đơn quá và yếu đuối quá. Bác sĩ Silva an ủi:

Ta hãy thử xét qua lại mọi sự để tìm xem câu truyện lôi thôi từ đâu mà ra. Tôi có thể giúp anh được việc gì không? Martin, anh nên hiểu rằng việc mà tôi mong làm được nhất ở đời là giúp cho thế gian có nhiều thầy thuốc giỏi, nhiều y sĩ đại tài chừng nào, tôi cố gắng chừng ấy. Chuyện gì làm cho anh khổ não như vậy? Anh đi đâu từ hôm ấy đến nay?

Khi Martin kể đến chuyện Leora và cuộc hôn nhân của chàng, bác sĩ Silva cười khì khì:

Tôi rất vui mừng! Nghe nói cô ấy đẹp lắm. Nếu vậy thì tôi phải cố thu xếp cho anh làm nội trú ở bệnh viện Zenith mới được, trong vòng một năm kể từ nay mà đi, và giúp cho anh có đủ khả năng chu cấp cho cô ấy đường hoàng.

Martin nhớ lại đã bao lần Giáo sư Gottlieb chế nhạo một cách chua cay độc địa “chả biết đó những đám cưới vui vẻ hay chỉ là những tiếng chuông vang lên từ địa ngục”. Từ đây chàng trở thành môn đồ của Silva, từ đây chàng làm việc như điên, và cũng từ đây chàng mất dần tin tưởng

vào thiên tài chói lọi nhưng điên khùng của Max Gottlieb.

II

Leora viết thư kể rằng nàng đã bị đuổi ra khỏi Trường Nữ Điều Dưỡng vì nghỉ học quá lâu và đã có chồng. Nàng ngờ chính Cha nàng đã báo cho những người có thẩm quyền ở bệnh viện biết chuyện nàng lấy chồng. Rồi hình như nàng đã lén gọi mua một cuốn sách dạy tốc ký, và lấy cớ giúp việc cho Bert để được sử dụng chiếc máy chữ ở ngân hàng, và hy vọng sang mùa thu tới, nàng có thể đi theo Martin và đi làm tốc ký để tự mưu sinh.

Có một lần chàng ngó ý muốn bỏ học y khoa, đi làm bất cứ nghề gì cũng được và đón nàng về ở với chàng; nhưng nàng không chịu.

Vì bạn “phụng sự” Leora và vị thần tượng mới của chàng là ông Khoa Trưởng Silva, chàng đã trở nên khắc khổ, bỏ hẳn rượu, hăng hái học từng trang, từng trang sách y khoa; nhưng nhớ nàng, chàng cảm thấy vô cùng trống trải, và mỗi khi đi đâu về, còn cách nhà một dãy phố, chàng cũng chạy thật nhanh về xem có thư từ tin tức gì của nàng không. Rồi chợt một hôm chàng nảy ra một kế hoạch. Chàng đã nếm nhiều mùi tủi nhục... thì

có ném thêm một lần nữa cũng chẳng sao. Chàng sẽ bay đến với nàng vào dịp lễ Phục sinh; chàng sẽ buộc Tozer cấp dưỡng nàng trong lúc nàng học tốc ký ở Zenith, chàng sẽ được ở gần nàng trọn năm học cuối cùng. Khi nhận được ngân phiếu gửi từ Elk Mills tới mỗi tháng hai kỳ, chàng trả Clif số trăm bạc tiền nợ, và tính toán tiền tiêu chi lý từng xu một. Chàng rất cần có thêm một bộ quần áo, cần ghê gớm, nhưng chàng cố nhịn không mua để có thể thực hiện kế hoạch. Rồi trong hơn một tháng, chàng chỉ ăn mỗi ngày hai bữa, mà một bữa chỉ ăn có bánh mì với bơ và cà phê, chàng giặt lấy quần áo trong bồn tắm, và thỉnh thoảng chỉ khi nào thấy thật cao hứng và thèm quá chàng mới hút một điếu thuốc, còn không thì cũng nhịn luôn.

Chàng trở lại Wheatsylvania này cũng như lần trước, có điều khác là chàng ít nói chuyện với bọn phiêu lưu lãng tử. Suốt dọc đường, ngồi trên chiếc ghế bọc vải đỏ, nếu không ngủ gà ngủ gật thì chàng lại học trong mấy cuốn sách đồ sộ về phụ khoa và nội khoa. Chàng đã viết thư báo cho Leora và dặn dò trước mấy điều, nên chàng gặp nàng ở đầu xóm, nói chuyện với nhau một lúc và hôn nhau một cái thật là táo tợn.

Tin tức đồn đi ở Wheatsylvania đâu có chậm. Người ta hay chú ý đến truyện người khác, và cặp mắt cú vọ của những người mà Martin chẳng thấy bao giờ, đã theo dõi chàng từ lúc chàng mới tới. Khi hai kẻ tội phạm về tới cái “lâu đài ngổn ngang xương cốt của những con yêu quái họ Tozer”, thì đã thấy ông bố và ông anh của Leora hăm hăm đứng chờ ở cửa rồi. Ông già Andrew Jackson quát mắng om sòm. Ông bảo Martin “bỏ trường” đi một lần ông còn có thể hiểu mà không cho là phi lý, nhưng bây giờ lại lên đến đây lần thứ hai nữa thì thực là điên rồ hết chỗ nói”.

Nghe ông mắng suốt từ đầu đến cuối, Martin và Leora chỉ cười, có vẻ vững tâm lắm.

Bert thì kêu:

Trời ơi là Trời! Thưa Ngài, như thế này thì thực là quá lắm! (Bert có đọc nhiều tiểu thuyết, nói tiếp). Tôi vốn phản đối lối dùng những lời xúc phạm bất kính, nhưng thấy Ngài trở lại quấy rầy em gái tôi lần thứ hai thì tôi chỉ còn có thể nói, Trời ơi là Trời! Thưa Ngài, thế này thì thật là quá lắm đi thôi!

Martin trầm ngâm nhìn ra ngoài cửa sổ, chàng nhận thấy có ba người đi lớn vòn trên đường lầy

lợi. Người nào cũng chú mục nhìn vào nhà Tozer, chờ xem có chuyện gì xảy ra không.

Chàng nói, giọng cương quyết:

Thưa ông, tôi đã hết sức học hành chăm chỉ. Mọi việc đều tốt đẹp cả. Nhưng tôi đã quyết định là không sống xa vợ tôi nữa. Tôi đến đây để đón vợ tôi đi. Trên Pháp lý, ông không thể ngăn cản tôi. Tôi không biện luận gì cả và tôi nhìn nhận rằng nếu tôi cứ tiếp tục ở lại Đại Học như hiện nay thì tôi chưa thể cấp dưỡng được cho vợ tôi. Vợ tôi đương học tốc ký và trong năm bảy tháng nữa có thể tự lo sống lấy một mình, vậy trong thời gian đó tôi mong ông cũng hiểu lẽ hơn thiệt, gởi tiền cho vợ tôi.

Ông Tozer kêu:

Thằng cha này làm hại con gái nhà người ta chưa đủ, còn đến bắt người ta chu cấp thay nó nữa!

Thôi được. Các người muốn sao được vậy! Nếu muốn tính chuyện về lâu về dài có lợi cho Leora, cho tôi, và cho cả các người nữa, thì tôi sẽ học cho xong y khoa, rồi ra hành nghề, còn nếu các người không chịu trông nom lo lắng cho Leora thì tôi sẽ bỏ học để đi kiếm việc làm ngay. Ô, tôi sẽ chu cấp cho Leora. Thế cũng được! Có

điều là từ nay các người sẽ chẳng bao giờ thấy mặt Leora nữa. Nếu các người còn tiếp tục cư xử một cách ngu muội như vậy, thì Leora với tôi sẽ rời khỏi đây ngay chuyến tàu đêm nay ra miền Biển, và như vậy là hết!

Đây là lần đầu tiên tranh luận với gia đình ông Tozer, chàng có bộ điệu như đóng kịch. Chàng khua nắm tay vào trước mũi Bert nạt nộ:

Và nếu anh mà cản trở, không để chúng tôi đi, thì lúc ấy chỉ có Trời bênh anh! Và cả tỉnh người ta sẽ cười anh như thế nào!... Em nghĩ sao, Leora? Em có sẵn sàng đi với anh không... đi luôn không bao giờ trở lại nữa?

Nàng đáp:

– Có. Em rất sẵn sàng.

Họ bàn cãi với nhau lung lăm. Tozer và Bert giữ thái độ phòng thủ. Họ nói họ không thể để cho ai hăm dọa được. Hơn nữa, Martin là một tên lãng tử, và Leora có chắc rằng nó không có mưu toan sống bằng tiền họ gởi cho nàng không? Cuối cùng, họ đành cúi đầu chịu lép. Họ nhận định là cái thằng Martin đợt sống mới và trưởng thành này, với cái con Leora tân thời rắn mắt kia, đứa nọ đã vì đứa kia, sẵn sàng từ bỏ hết mọi thứ.

Ông Tozer than thở một hồi lâu rồi hứa sẽ gọi cho nàng mỗi tháng bảy chục đồng cho đến khi nàng đủ sức đi làm việc được ở văn phòng.

Ở nhà ga Wheatsylvania, đứng ở cửa sổ xe lửa nhìn ra, Martin mới thấy rõ rằng cái ông Tozer có cặp mắt lo buồn và đôi môi hay mím chặt lại ấy, rất thương yêu con gái và rất đau khổ thấy nàng ra đi...

III

Chàng kiếm được cho Leora một căn phòng trong một xóm nghèo, men biên thành phố Zenith về phía Bắc, đối với bệnh viện của nàng trước thì nó ở gần Mohalis và Trường Đại Học hơn đến mấy cây số. Căn phòng vuông, quét vôi trắng và xanh, có mấy chiếc ghế tuy đã rỗ sơn, nhưng rộng ngang vai...

Phòng trông ra một vùng đất hoang đầy gốc rạ và lộng gió, chạy dài tuốt ra tận quãng đường xe lửa bóng loáng ở đằng xa. Chủ nhà là một bà người Đức, tròn như quả mít, có cặp mắt mơ mộng. Chắc bà ta chẳng bao giờ tin rằng hai người là vợ chồng thực. Dầu sao bà ta cũng tử tế.

Rương hành lý của Leore đã tới. Mấy cuốn tóc ký của nàng được bày hết sức ngay ngắn trên chiếc

bàn nhỏ, còn đôi giấy bằng ni màu hồng dùng để đi ở trong nhà thì xếp bên dưới cái giường sắt trắng. Martin sánh vai nàng đứng bên cửa sổ, say sưa kiêu hãnh có nhà cửa riêng. Bất chợt chàng thấy yếu quá, mệt mỏi quá, tựa hồ như chất keo dính liền tế bào nọ với tế bào kia tan rã ra, và chàng tưởng mình sắp quy xuống. Nhưng chàng duỗi chân cho hai đầu gối cứng ngắc ra, hất đầu lên, bặm chặt môi vào giữa hai hàm răng, chàng trấn tĩnh lại được, và thốt kêu “Tổ ấm đầu tiên của chúng mình!”

Thấy mình sẽ sống với nàng, êm đềm, yên tĩnh, không một ai quấy rầy, lòng chàng ngây ngất.

Căn phòng tầm thường hùng sáng lên một ánh hào quang kỳ lạ; trên vùng đất đầy cỏ hoang, lau dại, ánh mặt trời tháng Tư soi rục rỡ, và bấy se se riu rít bản tình ca.

“Vâng, tổ ấm đầu tiên của chúng mình”, Leora đáp lại bằng lời nói và bằng cả đôi môi thêm khát của nàng...

IV

Leora theo học Trường Đại Học Tài Chính Kinh Doanh Thương Mại ở Zenith. Cứ nghe cái tên cũng đủ biết đây là một cái trường lớn, khá gọi là

tốt để dạy bọn Tốc ký viên, kế toán viên, và những hạng như con cháu mấy nhà nấu rượu và mấy nhà chính trị ở Zenith không đủ sức thi vào nổi mấy trường Quốc Gia Đại Học. Ngày ngày nàng cấp sách và bút chì vót nhọn, chạy le te ra bến xe buýt, dáng điệu trẻ con, linh lợi, lẫn lộn vào đám sinh viên đông đảo. Nàng phải đi học như thế đến nửa năm mới đủ sức tốc ký để xin được một chỗ làm trong một hãng bảo hiểm.

Họ giữ cái phòng ấy – cái tổ ấm mỗi ngày một thân yêu thêm của họ – cho tới khi Martin tốt nghiệp. Không ai mà lại thích sống quanh quẩn ở trong nhà như đôi chim độ điệu này. Mỗi tuần ít ra là hai lần, Martin bay vù từ Mohalis về học đêm ở đây. Nàng có biệt tài lẩn tránh, không bắt chàng phải bận tâm chú ý tới nàng, khiến chàng trong khi vui đầu vào sách học – hồi còn ở chung với Clif, anh chàng lúc nào cũng ngồi đứng không yên, luôn miệng lẩm bẩm và nhổ vệt – chưa bao giờ chàng học chăm như vậy. Chàng cảm thấy như có, như không có nàng ở bên cạnh và lòng chàng ấm áp vô cùng. Đôi khi, vào nửa đêm, đang lúc chàng bắt đầu thấy đói bụng, thì có một đĩa bánh mì kẹp lạng lẽ hiện ra như ảo thuật ở khuỷu tay

chàng. Chàng chẳng khen lấy một câu, nhưng cũng không vì thế mà bị mất đi chút tình âu yếm nào của nàng. Nàng làm cho chàng yên tâm vững dạ. Nàng lôi chàng ra khỏi cái thế giới trước kia vẫn áp đảo chàng.

Trong những lúc đi tản bộ, trong bữa ăn, và trong cái thời gian một khắc phóng đăng và phao phi một cách khoái lạc, hai người ngồi ở đầu giường, chần trùn kín lên đến tận vai, vô cớ hút một điều thuốc bất thường trước bữa điểm tâm, chàng giải thích cho nàng hiểu những công việc của chàng làm. Khi đã học xong bài rồi, nàng thường cố đọc bất kỳ một cuốn sách nào của chàng mà lúc đó chàng không cần đến. Tuy chẳng hiểu biết, mà cũng chẳng bao giờ học nhiều những chi tiết thực tại của Y khoa, nhưng nàng hiểu – có lẽ còn hơn cả Angus Duer – căn bản và triết lý dân sinh của những công việc chàng làm. Mặc dầu chàng đã bỏ không còn tôn sùng Gottlieb như một ông thần, và không còn ham mê phòng thí nghiệm như một điện thờ nữa, mặc dầu chàng đã quyết tâm làm một y sĩ giàu kinh nghiệm thực tế và tiền bạc, nhưng một cái gì của tinh thần Gottlieb vẫn còn lưu lại ở như chàng. Chàng muốn tìm ở đằng sau

những chi tiết và những bản liệt kê danh từ chuyên môn nghe rất kêu, những nguyên nhân của sự vật, những định luật khái quát có thể làm cho những bệnh triệu khác biệt nhau và trái nghịch nhau hết hỗn độn và biến thành có trật tự như những định luật về hóa học.

Chiều thứ bảy, hai người trịnh trọng đi coi chiếu bóng – một hay hai cuốn phim của anh chàng cao bồi Billy Anderson đóng với một Cô đào sau nổi tiếng là Mary Pickford – rồi khi về, họ lại trịnh trọng bàn cãi với nhau về những tình tiết vô lý trong truyện phim, không có trong thực tại, chẳng để ý gì đến những người đi đường cả. Nhưng đến chủ nhật, họ đi chơi về miền quê (đem theo bốn miếng bánh xăng đuyt và một chai bia gừng, bỏ trong mấy cái túi sờn rách của chàng), chàng đuổi nàng chạy lên hết ngọn đồi lại xuống khe núi, mất hết cả trang nghiêm, và chỉ còn là hai đứa trẻ đùa nghịch vui vẻ. Chàng định chiều về qua phòng nàng xong sẽ đáp chuyến xe đêm về Mohalis, để sáng dậy cho gần chỗ đi làm. Lần nào cũng như lần nào, chàng đều quyết tâm làm như vậy, và nàng rất khen lòng hăng hái của chàng, nhưng chẳng lần nào chàng ra kịp chuyến

xe đêm ấy cả. Và nhân viên làm trên chuyến xe liên tỉnh chạy sáu giờ sáng đã thành ra quen mặt một chàng trai trẻ xanh xao, cử chỉ lạnh lợi, ngồi cong lưng trên một chiếc ghế đằng cuối xe, vừa ngón những cuốn sách lớn bìa đỏ, vừa lơ là gặm một miếng bánh nấu đường mỡ trông không có gì là ngon cả. Nhưng ở chàng trai trẻ này không có chút dáng điệu nặng nề nào của những công nhân bị lôi ra khỏi giường từ lúc mới sáng tinh sương, để đi làm lao lực thêm một ngày ảm đạm vô liêu nữa của đời mình. Trông chàng có vẻ quả quyết một cách lạ lùng, thỏa mãn một cách lạ lùng.

Tất cả thực là quá thanh thần, bây giờ chàng đã gần thoát khỏi cái tính thanh liêm chính trực quá cực đoan của chủ nghĩa Gottliebism, gần thoát khỏi cái tính hăng say tìm tòi cho bằng được những nguyên nhân căn bản mà người ta khi càng đi sâu hết từng lớp này xuống từng lớp kia, hình như càng thấy xa thêm cái nguyên lý tận cùng mà người ta muốn đạt tới, và cũng gần thoát khỏi cái mặc cảm không thể tha thứ được là ngày ngày càng học bao nhiêu càng nhận thấy mình dốt bấy nhiêu. Chàng thấy ấm lòng đã trốn ra khỏi cái cảnh cô đơn giá lạnh của Gottlieb, để gia nhập vào

cái thế giới có tình giao hảo thân mật giữa người này, người nọ của ông Khoa trưởng Silva.

Thình thoảng chàng cũng gặp Gottlieb ở sân trường. Hai người chào nhau ngượng ngùng rồi rảo bước đi luôn.

V

Hình như không có sự phân chia thời hạn giữa hai niên khóa chót của chàng, vì chàng đã để mất nhiều thời giờ, nên phải ở lại Mohalis suốt mấy tháng hè. Từ lúc chàng cưới vợ cho đến lúc tốt nghiệp, một năm rưỡi trời trôi qua như một cơn gió lốc khủng khiếp, không còn có ngày tháng hay thời tiết gì cả.

Khi chàng đã “rút con điên và cắm cúi làm việc”, như người ta nói, chàng đã được Bác sĩ Silva và tất cả các sinh viên giỏi nhất, như Angus Duer và Mục Sư Ira Hinkley, mến phục. Trước kia, Martin lúc nào cũng tuyên bố là chàng cóc cần họ tán thưởng, cóc cần những tiếng khen của bọn tôi tớ tầm thường, nhưng bây giờ được ai khen phục, chàng lấy làm tự đắc lắm. Tuy ngoài mặt chỉ cười nhạt làm ra bộ không cần, nhưng trong lòng chàng rất thỏa mãn được Angus đối đãi ngang hàng... Angus trong mấy tháng hè được làm ngoại trú ở

Tổng Y Viện Zenith và đã có phẩm cách độc nhất vô nhị của một bác sĩ giải phẫu trẻ tuổi có tiếng.

Suốt mùa hè nóng như thiêu như đốt năm ấy, Martin và Leora làm việc cực khổ, thở không ra hơi, vì khi hai người ngồi ở trong phòng, vùi đầu vào đóng sách vở bề bộn, bên cạnh một cốc bia lớn, từ quần áo đến ngôn ngữ của họ không có cái phong độ người ta cho là xứng đáng với đôi vợ chồng lãng mạn tận tụy với khoa học và có chí phấn đấu mãnh liệt. Họ không lấy gì làm khiêm nhường cho lắm. Có nhiều khi bất chợt Leora nổi hứng lên, dùng những tiếng, những chữ Nhật nhĩ man cổ, đơn âm, có thể làm cho Angus và Bert Tozer hoảng hồn. Những chiều rảnh rỗi, hai người đưa nhau đến giải trí một cách rẻ tiền ở một nơi tổ chức theo kiểu đảo Coney, cạnh một cái hồ nước đầy váng bắn tanh hôi, rồi vừa ngồi chơi trên đoàn xe điện nhỏ, chạy qua những cảnh trí giả tạo, vừa ăn bánh mì kẹp xúc xích nóng rất ngon lành vui vẻ.

“Chiếc đầu tàu” dẫn họ đi ăn chơi là Clif Clawson. Trừ lúc ngủ, còn chẳng bao giờ Clif chịu ngồi yên hay ở một mình. Chàng thành công trong cái nghề bán ô tô, chắc chỉ vì chàng thích

nói thật nhiều những chuyện rất linh động, rất khoái hoạt, những chuyện hình như rất cần cho cái nghề này. Chàng chú ý tới Martin và Leora một phần vì tình bạn thân thiết, và một phần vì chàng sợ cảnh cô đơn, nhưng khó ai mà định được mỗi phần lớn nhỏ chừng nào; tuy nhiên có điều chắc chắn chàng đã đãi đằng họ ăn chơi, giải trí, và hình như không bao giờ nhận thấy cái nét cau có của Martin một đôi khi miễn cưỡng tiếp đón chàng.

Chàng thường đi xe hơi tới, ống buông hơi bao giờ cũng cất đi, để máy nổ âm ỹ vang lên đến tận phòng bạn, chàng đứng dưới cửa sổ gọi với lên, “Ồi! xuống đi, cậu mợ! Ra khỏi cái ổ ấy đi! Nhúc nhích cái cẳng đi một tý! Xuống làm một cuộc cho nó mát, rồi đây sẽ mua cả cái gì cho cậu mợ đóp nữa”.

Martin cần phải học, nhưng Clif chẳng bao giờ hiểu điều đó và Martin đôi khi tàn nhẫn để lộ vẻ khó chịu ra mặt, kể cũng đáng trách, chàng có biết đâu rằng bây giờ lòng chàng đã được thỏa mãn vì có Leora ở bên cạnh rồi, và chàng ích kỷ, hoàn toàn chẳng để ý gì đến nỗi lòng những người khác khao khát tình bạn của chàng; hơn nữa, bây

giờ chàng đương ở trong thời kỳ bấn lên vì học thi và toại nguyện vì tình yêu khăng khít, chàng đâm ra ngán những lời khôi hài trì độn, không thay đổi của Clif lúc nào cũng như lúc nào tuôn ra hàng tràng không rút. Chỉ có Leora là lịch sự nhã nhặn. Clif có độ năm bảy câu truyện vui, bao gồm hết thấy óc hài hước và triết lý của chàng, chàng cứ đem ra nói đi nói lại mãi, chỉ thay đổi đi một chút nội dung hay hình thể, Leora nghe đã nhàm tai, nhưng nàng vẫn có thể ngồi hàng giờ đồng hồ vui vẻ nghe chàng nói, chàng kể tài khôn khéo chàng bán xe ra làm sao, và nàng kiên quyết nhắc đi nhắc lại cho Martin biết là vợ chồng nàng chẳng bao giờ có được một người bạn trung thành hay rộng lượng hơn Clif.

Nhưng rồi Clif đi Nữ Ước, làm cho một nhà đại lý xe hơi mới, nên Martin và Leora, sống nương tựa vào nhau hoàn toàn hơn, sung sướng hơn bao giờ hết.

Và điều phiền lòng cuối cùng của chàng và nàng cũng không còn nữa, vì ông Tozer đã bắt đầu dễ tính. Trong thư nào bây giờ ông cũng tỏ ra thân mật, mặc dầu ông vẫn còn làm cho họ khó chịu vì những lời khuyên răn dạy bảo của bậc làm cha

mẹ, hoặc những lời khiển trách họ cho bỏ với tờ ngân phiếu hàng tháng ông gửi cho họ.

VI

Trong tất cả những hoạt động như điền của niên khóa chót... nào là thần kinh khoa và nhi khoa, nào là công việc thực tập về sản khoa, nào là ghi chép bệnh sử trong các nhà thương, nào làm phụ tá giải phẫu, băng bó thương tích, nào là tập cho khỏi có vẻ nguơng khi những bệnh nhân đến chữa thì gọi mình là “Bác sĩ” hay “Quan Đốc”... không có hoạt động nào thực sự quan trọng bằng vấn đề “Tốt nghiệp rồi làm gì?”.

Có cần ở nội trú hơn một năm không? Nên làm Y sĩ nội khoa suốt đời, hay nên làm Y sĩ chuyên khoa? mà chuyên về khoa nào tốt nhất – nghĩa là kiếm được nhiều tiền nhất? Nên mở phòng mạch ở quê hay ở tỉnh? Đi về miền Tây ra sao? Ngành quân y thế nào – vào ngành này thì được lính chào, đi giấy ủng, cưới ngựa, nhiều gái đẹp theo, đi du lịch chỗ này chỗ nọ?...

Vấn đề này, họ đem ra bàn cãi với nhau trong hành lang Tòa Nhà Chính Khu Y Khoa, trong Bệnh viện, trong phòng ăn; và khi Martin về nhà với Leora, chàng lại lôi tất cả vấn đề ra nói, rất

thông suốt, rất rõ ràng khúc chiết. Gần như đêm nào chàng cũng “đi tới một quyết định” để đến sáng hôm sau lại do dự chẳng đi tới đâu.

Có một lần Bác sĩ Loizeau, Giáo sư giải phẫu, làm một cuộc giải phẫu trước một lớp thực hành có cả nhiều Bác sĩ danh tiếng tập nập tới thăm trường cũng tham dự. Thấy hình ảnh vị Bác sĩ bé nhỏ mặc áo trắng mỡ xẻ dưới mắt mọi người, tranh đấu giữa sự sống và sự chết, bi tráng như một kịch sĩ đại tài ra mắt trước sự hoan hô nồng nhiệt của khán giả, Martin ra về quyết tâm sẽ theo ngành giải phẫu. Rồi chàng đồng ý với Angus Duer vừa được huy chương Loizeau về khoa giải phẫu thực nghiệm, cho rằng nhà giải phẫu chẳng khác gì một con mãnh sư, một con đại bàng, một chiến sĩ trong hàng Bác sĩ. Angus là một trong số rất ít sinh viên biết một cách chính xác, không một chút do dự, công việc mình sẽ làm: sau thời kỳ nội trú chàng sẽ đến làm việc tại Bệnh viện Chicago danh tiếng mà Giám Đốc là Bác sĩ Rouncefield, nhà giải phẫu bụng trứ danh. Chàng nói vắn tắt rằng sau năm năm, chàng sẽ kiếm mỗi năm hai chục ngàn cho mà xem.

Martin về kể tất cả lại cho Leora nghe. Giải

phẫu. Bi tráng. Gan dạ. Phụ tá kính phục. Cứu nhân độ thế. Khám phá những kỹ thuật khoa học mới. Hốt bạc... không phải với óc con buôn, cố nhiên, mà chỉ là để Leora sống được sung túc. Đi Âu Châu... cả hai cùng đi thăm Luân Đôn sương mù dày xám. Các tiệm cà phê Thành Viên. Leora vui vẻ nghe chàng hùng biện. Nàng dịu dàng tỏ ý tán thành; và sáng hôm sau, khi chàng tìm mọi lý lẽ để chứng minh rằng nghề giải phẫu là nghề đốn mạt và phần đông Bác sĩ giải phẫu chỉ là những anh thợ có tài pha thịt, thì nàng cũng tán thành nhã nhặn hơn bao giờ hết.

Sau Angus, là Y Giáo Sĩ tương lai, Mục Sư Ira Hinkley, Pfaff Mập là người đầu tiên khám phá ra tương lai của mình trước nhất. Chàng sẽ làm bác sĩ sản khoa, chuyên môn đỡ đẻ... hoặc, như các Y sinh vẫn gọi lóng với nhau là “Thầy đỡ”. Mà Pfaff Mập có tâm hồn của một cô đỡ thật; chàng rất thương những người đàn bà đau đẻ, thờ hớn hể như sắp chết, chàng thương một cách thành thật, gần muốn rót nước mắt ra. Lúc chàng ngồi im lặng, uống nước trà, chờ người ta sanh, trông chàng thật là đường bệ. Lần đầu tiên đỡ đẻ, trong lúc chàng với một sinh viên nữa lo lắng đứng ngồi

không yên bên bàn đề, trong khung cảnh vô cùng ảm đạm của gian phòng hộ sinh, anh chàng sinh viên kia chỉ có vẻ nóng nảy sốt ruột còn anh chàng Pfaff Mập ta thì sợ hãi quá, chàng mong, như chàng chưa hề bao giờ mong trong cuộc đời nhu nhược, đầy khát vọng của chàng mà chưa từng được thỏa mãn lần nào, chàng tha thiết mong có thể an ủi người đàn bà không quen biết, mặt xám ngắt, đương thờ hồng hộc, và chịu hết nỗi đau đớn thay cho người ta.

Trong khi các sinh viên khác, hoặc do tình cờ, hoặc do người thân thuộc thúc giục, đã trôi dạt vào ban nọ ban kia, hết cả rồi, riêng Martin vẫn còn do dự. Chàng rất lưu tâm đến lời thúc giục của ông Khoa trưởng Silva khuyên chàng nên ra hành nghề ngay để giúp ích cho nhân loại, nhưng chàng vẫn không thể quên được những giờ lạnh lẽo khắc khổ trong phòng thí nghiệm. Đến hạn cuối năm, chàng bắt buộc phải có quyết định và sự tình cờ đã giúp chàng. Chàng đã xúc động vì một bài diễn văn của Ông Khoa trưởng Silva kết tội tính cách chuyên môn quá đáng, và đưa ra một hình ảnh một Bác sĩ già, cao minh ở nhà quê, chẳng khác gì một vị Mục Sư, một người Cha của dân làng, sống

lành mạnh dưới vùng trời đất bao la, và thung dung thanh lãng trong việc tự chế phục mình. Hơn nữa lại có nhiều bức thư khẩn của Ông Tozer năn nỉ Martin về lập nghiệp ở Wheatsylvania.

Ông Tozer hiển nhiên là thương yêu con gái, và cũng mến Martin chẳng ít thì nhiều, nên muốn hai người ở gần ông. Ông bảo Wheatsylvania là một “chỗ tốt”: các nông dân người Sĩ căn đi nao, người Hòa lan, người Đức, và người Bô hê miêng thực thà, chất phác và tiền nong sòng phẳng. Bác sĩ ở gần nhất là Ông Hesselink ở Groningen, cách xa đến chín dặm rưỡi tức là mười ba cây số ngàn, và ông có nhiều việc làm không xuể. Nếu hai vợ chồng chịu về, ông sẽ giúp Martin mua dụng cụ, và ông còn hứa là trong hai năm chàng nội trú ở Bệnh viện, thỉnh thoảng ông còn gởi cho ít tiền nữa. Lung vốn của Martin kể ra cũng đã cạn. Thế mà Angus Duerv và chàng đã được chỉ định làm việc ở Tổng Y Viện Zenith, ở đây chàng sẽ được huấn luyện tốt không đâu bằng, nhưng ở đây người ta chỉ cấp cho Bác sĩ nội trú có ăn và ở trong năm đầu, ngoài ra không có gì cả, nên chàng lo không thể nhận sự chỉ định này được: Lời đề nghị của ông Tozer làm cho chàng phẩn chí. Leora với chàng

thức suốt đêm hăng hái bàn với nhau về nền tự do của miền Tây, về lòng tốt hay giúp đỡ của những người đi tiên khu khai thác, về tính cách anh hùng và hữu ích của những Bác sĩ thôn quê, và lần này hai người đi tới một quyết định chắc chắn mà họ quyết tâm không thay đổi nữa.

Họ sẽ lập nghiệp ở Wheatsylvania.

Tuy chàng hơi buồn vì phải bỏ những công cuộc nghiên cứu, bỏ tính tò mò cao quý của Gottlieb... nhưng, chàng vẫn có thể làm một Bác sĩ thôn quê như Robert Koch. Ít ra chàng cũng không đến nỗi đổ đốn đi đánh bài đánh bạc, hay đi săn vịt trời biếng nhác. Chàng sẽ lập một phòng thí nghiệm riêng nho nhỏ. Thế rồi tới cuối năm chàng tốt nghiệp và trong hơi ngượng ngịu đỏ mặt trong chiếc mũ và chiếc áo lễ phục đen. Angus đậu thủ khoa, còn Martin đậu thứ bảy. Chàng cùng thầy bạn từ biệt nhau, nói với nhau nhiều lời nhớ tiếc và uống với nhau cũng khá nhiều rượu. Chàng muốn cho Leora một cái phòng gần bệnh viện hơn, và nghiêm nhiên thành Martin L. Arrowsmith, Y khoa Bác sĩ, Bác sĩ nội trú tại Tổng Y Viện Zenith.

CHƯƠNG 11

XUÔNG ĐÓNG THÙNG BOARDMAN phát hỏa. Tất cả Khu phía Nam Zenith nhốn nháo lên vì ánh lửa đỏ rực chiếu lên những đám mây thấp, mùi gỗ cháy khét, tiếng chuông inh ỏi của xe cứu hỏa. Hàng dặm nhà nho nhỏ bằng gỗ cất ở phía Tây xưởng bị ngọn lửa đe dọa. Đàn bà vai choàng khăn len, đàn ông đầu tóc rối bù lúi thối lếch thếch, áo ngủ giắt vào trong quần tây, nhảy ra khỏi giường, ba chân bốn cẳng chạy rầm rập trên đường khuya gió lạnh.

Lính cứu hỏa, đầu đội nón đồng, đương lấp vòi rồng vào máy nước chảy nhỏ giọt. Cảnh binh chen lên trước mặt dân chúng đương chèn ép nhau, khua chiếc dùi khui lên, quát: “Mọi người hãy lùi

lại đằng kia!” Chỉ trừ chủ xưởng và phóng viên, còn không một ai được đến gần đám cháy, một người thợ mắt đỏ ngầu như điên bị cảnh binh chặn lại. Anh ta kêu: “Đồ nghề của tôi để cả trong ấy!”

Viên cảnh binh ưỡn ngực ra đáp: “Cái gì thì cũng mặc! Không một ai được bước qua đây!”

Nhưng một người đã bước qua. Mọi người nghe tiếng bờ leng, bờ leng, bờ leng của một chiếc xe cứu thương đang chạy như bay tới, tiếng chuông kêu liên hồi, cuồn cuộn, thách đố không coi ai ra gì. Chẳng ai ra lệnh mà đám đông cũng vội giãn ra hai bên, và chiếc xe hơi khổng lồ màu xám lướt qua, gần quệt cả vào đám đông... Ngồi điềm nhiên trên chiếc ghế hẹp ở phía sau xe, kiêu hãnh trong bộ chế phục màu trắng là bác sĩ... Martin Arrowsmith.

Đám đông trầm trồ khen chàng, viên cảnh binh chạy tới đón chàng. Chàng hỏi:

– Người lính cứu hỏa bị thương đâu?

Viên đội cảnh binh vừa chạy theo bên hông xe, vừa đáp:

– Thưa ở đằng kia, trong mái hiên.

Martin bảo tài xế:

– Lại gần đó, khói cũng mặc!

Viên trung úy đội cứu hỏa dẫn chàng tới một đồng mật cửa trên có một thanh niên nằm co quắp, bất tỉnh, mặt tái mét không còn hạt máu, và xâm xấp mồ hôi lạnh.

Viên Trung Úy nói: “Anh ấy bị ngạt khói đồng gỗ tươi tuôn ra và ngã quay ra. Tội nghiệp thằng bé hiền lành. Liệu có sống không?”

Martin quỳ xuống bên cạnh người bị nạn, bắt mạch, nghe hơi thở, rồi mở vội một chiếc túi đen, chích dưới da nạn nhân một ống mã tiền tinh và đưa một lọ “nước đái quỷ” vào mũi cho ngủi. “Một lát anh ấy sẽ tỉnh. Bây giờ hai người khiêng anh ta lên xe cứu thương... Mau!”

Viên Đội Cảnh binh và một anh lính mới tò te tập sự tuần cảnh cùng nhảy tới, cùng nói: “Thưa Bác sĩ, vâng!”

Viên Thông tấn trưởng của tờ *Thời Luận* lại gần Martin. Kể tuổi thì người này mới hai mươi chín, nhưng có lẽ ông ta là người già nhất và hay chỉ trích gay gắt nhất đời. Ông ta đã phỏng vấn các Thượng nghị sĩ; ông ta đã khám phá ra được những vụ gian lận trong các Hội Từ thiện và cả trong các cuộc đấu quyền tranh giải. Đuôi mắt ông có những nét nhăn nho nhỏ, ông luôn tay quần thuốc lá Bull

Durham, và ông coi thường danh dự của đàn ông và danh tiết của đàn bà. Ấy thế mà đối với Martin, hay ít ra đối với ông Bác sĩ, ông đã tỏ ra có lễ độ.

Ông nói giọng mũi: “Liệu anh ta có thể qua khỏi được không, Bác sĩ? “Tôi chắc khỏi. Bị ngạt hơi. Tim vẫn đập”.

Martin thốt ra tiếng cuối cùng từ trên bậc bước lên xe cứu thương, trong lúc chiếc xe nhồi lắc, chạy trên sân xường, qua làn khói cay xè, tiến về phía đám đông đương dẹp lối nhường cho xe chạy. Chàng làm chủ và chỉ huy thành phố, chàng với bác tài bất chấp luật đi đường, coi thường dân chúng từ các rạp hát, rạp chiếu bóng ra về, đương đi rải rác trên đường, phải vội vàng chạy giạt ra tránh lối cho chiếc xe mũi xám phóng như bay. Tránh cho xe đi! Viên Cảnh sát giao thông ở ngã tư đường Chickasaw và đường Hai Mươi, nghe thấy xe lao tới, nhanh như chuyển tàu tốc hành nửa đêm... Urrrrr... bờ leng, bờ leng, bờ leng... vội đẹp quang cái ngã tư huyền ảo. Dân chúng bị dồn cả lên vỉa hè, dám bị ngựa lồng hay xe hơi lùi đụng phải, và chiếc xe cứu thương chạy vụt qua rú lên, bờ leng, bờ leng, với ông Bác sĩ ngồi, tay nắm chiếc dây da, lắc la lắc lư trên chiếc ghế cheo leo nguy hiểm.

Xe vừa tới nhà thương, đã thấy người gác gian kêu, “Thưa Bác sĩ, có người bị bắn ở xóm Ả Bơ”.

Martin thần nhiên đáp: “Được đợi tôi uống ngụm nước đã”.

Lúc đi về phòng, chàng đi qua phòng thí nghiệm của Bệnh viện, cửa để ngỏ, với chiếc giá gỗ và những hàng chai lọ và ống thí nghiệm vô tri vô giác.

“Hừ! Đồ bỏ! Giam mình trong phòng thí nghiệm! Đời thế này mới thực là đời chứ!” Chàng mừng thầm, và không dám cho phép mình nghĩ tới ảo cảnh Gottlieb ngồi đợi ở đó, người gầy đầu mà gầy đến thế, bơ phờ đầu mà bơ phờ đến thế, kiên nhẫn đầu mà kiên nhẫn đến thế.

II

Sáu Bác sĩ nội trú tại Tổng Y Viện Zenith trong số có Martin và Angus Duer ở chung trong một cái phòng dài, tối tăm, có sáu chiếc giường gỗ và sáu chiếc bàn kỳ quái bề bộn nào hình ảnh, nào cà vạt, nào bí tất rách. Họ ngồi hàng giờ trên giường, cãi lý với nhau rằng giải phẫu chống lại nội khoa, bàn tính những bữa ăn nhậu mà họ mong được vui hưởng vào những đêm đi phép, và nói cho Martin người duy nhất trong bọn đã có vợ, về những cái

hay cái đẹp của các cô điều dưỡng mà họ đã lần lượt phải lòng.

Martin thấy công việc hàng ngày trong Bệnh viện hơi buồn. Tuy chàng đã tập quen “Bộ Điều Nội Trú”, cái kiểu bước nhanh trong hành lang, với cái ống thính chẩn để ở trong túi, thoáng nhìn ai cũng biết ngay, nhưng chàng chưa tập quen, không thể nào tập quen “Bộ Điều Bên Giường Bệnh”. Chàng thương những bệnh nhân mặt mày thâm tím, vàng vọt, đau đớn, luôn luôn thay đổi, hết người này ra người kia vào, nhưng bao giờ cũng vẫn là một đám ưu phiền khổ não, nhưng khi phải sờ sờ bằng bó một vết thương đến lần thứ ba, là chàng đâm chán rồi; chàng muốn có những kinh nghiệm mới lạ hơn. Dầu sao, công việc đi cứu thương bên ngoài Bệnh viện vẫn khích động lòng tự ái của chàng mãi mãi.

Ông Bác sĩ, và chỉ có một mình ông Bác sĩ thôi, ban đêm được đi yên ổn trong xóm nghèo gọi là “Xóm Ả Bơ”. Chiếc túi đen của bác sĩ là một giấy thông hành. Cảnh sát giờ tay lên chào bác sĩ, cúi đầu kính cẩn chào bác sĩ, không có một vẻ gì gọi là lả lơi; chủ quán ăn quán nhậu mời to, “Thưa chào Bác sĩ”, bọn cướp bóc len vào ngõ,

tránh lối cho Bác sĩ đi. Martin có uy quyền, một uy quyền rõ ràng xác thực lần đầu tiên trong đời chàng nắm trong tay. Và chàng cũng luôn luôn gặp những chuyện bất ngờ.

Chàng cứu một ông Giám Đốc Ngân Hàng ra khỏi một vụ lộn xộn; giúp gia đình ông ta giấu được chuyện ô danh; và nhất định không chịu nhận tiền lễ tạ mà còn tỏ ý giận dữ là khác; rồi sau đó, khi nghĩ rằng chàng có thể lấy tiền đó đưa Leora đi ăn một bữa ngon lành, thì chàng lại tiếc là đã từ chối không nhận. Chàng phá cửa xông vào phòng khách sạn mù mịt hơi gas để cứu sống những người vờ (would be) tự tử. Chàng uống Rum Trinidad với một ông nghị vẫn bênh vực luật cấm rượu. Chàng săn sóc một cảnh binh bị thợ đình công đánh trọng thương. Chàng dự cuộc giải phẫu bụng cấp cứu vào lúc ba giờ sáng. Trong phòng giải phẫu, tường lát gạch men trắng, sàn lát gạch men trắng, trần lát kính mờ, có ánh sáng mặt trời soi vào long lanh, làm cho cả phòng tựa hồ như lát bằng nước đá có hỏa quang, và tất cả luồng ánh sáng lớn và trắng rực ấy chiếu lên những chiếc hộp thủy tinh đựng dụng cụ giải phẫu, những con dao nhỏ vô tình ác nghiệt. Bác

sĩ giải phẫu, áo bờ lu trắng, mũ trắng, găng cao su màu cam lợt, nhanh nhẹn rạch một đường vào trong khoảng thịt vuông vàng ệch, lộ ra giữa mấy tấm khăn trắng tinh, cắt sâu vào những lớp mỡ và Martin thản nhiên nhìn, không một chút xúc động, dòng máu thú nhát ứa ra theo vết cắt trông rất nguy hiểm. Và một tháng sau đó, trong cảnh nước lụt của con sông Claloosa, chàng làm việc luôn một mạch bảy mươi sáu tiếng, chỉ ngủ có ba, bốn giấc nửa tiếng đồng hồ trên xe cứu thương hoặc trên bàn của Ty Cảnh sát.

Chàng ở thuyền trèo lên một nơi trước kia là tầng lầu thứ hai của một ngôi nhà, cứu được một đứa bé, ẵm nó lên tầng lầu trên, băng bó đầu và tay cho cả một dãy người bị thương; nhưng hành động làm cho chàng vẻ vang nhất là chàng đã liều lĩnh – liều lĩnh một cách điên rồ – nhảy xuống dòng nước lũ, bơi đi cứu năm đứa trẻ bị bỏ đầy ải kinh hồn hoảng vía, trên một chiếc ghế dài của nhà thờ, nước cuốn trôi đi bập bênh. Tất cả báo chí đều dành cho chàng những hàng tiêu đề chữ lớn trên trang đầu, và khi về nhà chàng hôn Leora xong lăn ra ngủ luôn một mạch mười hai tiếng đồng hồ, nằm nghĩ tới những cuộc nghiên cứu

trong phòng thí nghiệm, lòng chàng coi khinh một cách chua chát và ngượng ngùng.

“Ông Bác sĩ Martin” cười nhạo “chàng sinh viên Martin”: “A! Gottlieb cái ông già cầu kỳ thiếu thực tế đáng thương! Ta muốn xem ông bơi trong dòng nước lũ ấy!”

Nhưng trong những đêm gác một mình, chàng phải đối diện với cái tôi của chàng mà chàng rất sợ để lộ ra, rồi chàng đâm ra nhớ phòng thí nghiệm, nhớ những lúc sượng run lên vì những công cuộc khám phá ra những điều chưa ai công bố, vì những công cuộc khảo sát vượt qua những biểu diện xuống những tầng lớp sâu bên dưới, và vượt qua cả thời gian hiện tại, vì những công cuộc tìm tòi ra những định luật căn bản mà nhà khoa học (cho dẫu có mô tả một cách mạo muội và sống sượng thế nào đi nữa) họ cũng ca ngợi tâng bốc quá đáng môn thuốc bất quá chỉ mới có thể chữa lành bệnh tạm thời, chẳng khác gì nhà tu hành ca ngợi tâng bốc quá đáng bản tính và sự vinh quang phi thường của Chúa và Chúa bất quá hàng ngày cũng chỉ có những đức tính dễ thương hơn mọi người thường một chút thôi chứ có gì là lạ đâu. Ngoài cái buồn ấy, còn lẫn có nỗi lo sợ bị gạt bỏ ra ngoài những

sự việc khác, bị người khác vượt trên mình, vững chắc nhiều hơn mình về kỹ thuật, hiểu biết nhiều hơn mình sinh hóa học, sâu sắc nhiều hơn mình về sự giải thích những định luật mà những nhà tiên khu chỉ mới phỏng đoán hay hiểu biết lơ mơ.

Trong năm lưu trú thứ hai, khi những xúc cảm trước những đám cháy, cảnh ngập lụt, và giết người đã thành những công việc quen thuộc hàng ngày hiển nhiên như công việc giữ sổ sách kế toán, khi chàng đã thấy một vài lối kỳ lạ người ta có thể bày đặt ra để tự làm tổn thương và tàn sát lẫn nhau, khi chàng thấy lối sống tự kiêu tự thị “Ta đây Bác sĩ!” thật là mệt mỏi vô vị, Martin tìm cách để thỏa mãn và có lẽ để giết lòng “tà dâm tội lỗi” đối với khoa học của mình bằng cách tình nguyện đến “sờ soạn cái này cái kia” ở trong phòng thí nghiệm của Bệnh viện, phân tích sự tương quan giữa những huyết cầu trong bệnh bản huyết áp cấp. Nhưng lối nghịch ngợm tẩy máy các chất thuốc dùng để nghiên cứu khoa học như vậy, rất nguy hiểm. Giữa cảnh hoạt động hấp tấp vội vàng của các cuộc giải phẫu, chàng thấy tiếc cảnh yên tĩnh của phòng thí nghiệm. Chàng bảo Leora: “Anh phải bỏ hẳn những công việc khảo cứu mới

được, nếu anh còn muốn về sinh cơ lập nghiệp ở Wheatsylvania... mà đó là cái chắc rồi!”

Ông Khoa trưởng Silva thường đến nhà thương thăm bệnh nhân. Một tối đi ngang qua buồng khách đợi, ông gặp Leora đến đón Martin đi ăn cơm. Martin giới thiệu hai người với nhau. Ông Khoa trưởng bé nhỏ cầm tay nàng, cười khi khi: “Nhân dịp tôi xin mời anh chị đi ăn cơm với tôi nhé? Vợ tôi bỏ rơi tôi. Có một thân một mình, tôi thấy chán đời quá!”

Ông thấp bé, tròn như hạt mít, hớn hỏ chạy lúp xúp giữa hai người. Martin với ông không còn là trò với thầy nữa, mà là hai Bác sĩ với nhau, vì ông Khoa trưởng Silva là một nhà giáo, vẫn có thể lưu tâm quan sát một người bây giờ không còn ngồi ở dưới chân ông nữa. Ông dẫn hai người đương đói khát tới một tiệm ăn bình dân, ngồi vào một góc vắng người, ông khéo mời hai người ăn ngỗng quay và uống rượu bia no say.

Ông để ý tới Leora, nhưng câu truyện của ông đều hướng về Martin:

– Chồng chị phải là một Lương y Tài hoa, chứ không phải là một người thích những chuyện hão huyền như mấy cái ông ở trong phòng thí nghiệm.

Martin cãi:

– Nhưng giáo sư Gottlieb đâu có thích chuyện hão huyền!

– Cố nhiên là không. Nhưng với ông ấy... Mỗi người có một ông Thần ông Thánh khác nhau. Ông Thần ông Thánh của Gottlieb là những kẻ coi khinh thú vui vật chất, những kẻ phá hoại... phá đám, người tâm thường gọi họ là Diderot, là Voltaire, là Elser, là Vĩ nhân, người có phép lạ làm được những kỳ tích, ấy vậy mà họ là những người thích đả phá lý thuyết của người khác hơn là tạo lập ra được những lý thuyết riêng của mình. Còn các ông Thần ông Thánh của tôi bây giờ, là những người đem những phát minh của các ông Thần ông Thánh của Gottlieb ra biến chế thành những nhu cầu hữu ích cho nhân loại... làm cho những phát minh ấy thành linh diệu! Tất cả công trạng là của những người đã phát minh ra sơn và vải, nhưng những người có nhiều công trạng hơn, phải kể là, hả? những Raphaels, những Holbeins tức là những người đã biết lợi dụng những phát minh ấy! Laennec và Asler, đấy những người ấy! Làm những công cuộc khảo cứu thuần túy, hay lắm: tìm tòi sự thật, không quan tâm tới danh và

lợi. Khảo cứu cho đến nơi đến chốn. Không nghĩ gì tới hậu quả và sự áp dụng thực tế, nhưng anh có nhận thấy rằng nếu đưa cái ý tưởng ấy đi xa hơn nữa người ta có thể tự bào chữa bảo mình không làm việc gì cả ngoại trừ việc đếm đá cuội trên Đường Nhà Kho... đúng thế, và tự bào chữa, bảo rằng mình hành hạ dân chúng để coi họ la hét chơi... thế rồi cười vào mũi người đã làm cho hàng triệu dân chúng khỏe mạnh và sung sướng.

Không, không! Bà Arrowsmith ạ, cái anh chàng Martin này là một gã nhiệt tình, chứ không phải là một gã lao công tôi mọi đâu. Anh ấy nhiệt tình, anh ấy đam mê là vì nhân loại. Anh ấy đã chọn cái nghề cao quý nhất đời, nhưng anh ấy lại là một gã nhu nhược chỉ thích thực nghiệm. Chị phải giữ anh ấy, đừng để cho thế gian thiệt thòi, không được hưởng lợi gì về sự đam mê đầy nhiệt tình của anh ấy.

Sau khi đã long trọng tuyên bố như vậy, Ba Silva dẫn hai người đi xem một vở ca nhạc kịch và ngồi giữa hai người, vỗ vai Martin, vỗ cánh tay Leora, thích trí cười ngặt nghèo khi diễn viên dậm chân vào thùng nước vôi. Đêm khuya Leora và Martin rói rít bày tỏ lòng cảm mến đối với Ba Silva và thấy

việc về lập nghiệp ở Wheatsylvania là vinh diệu và cứu nhân độ thế.

Nhưng mấy ngày trước khi Martin mãn nhiệm kỳ nội trú, và sửa soạn đi North Dakota, thì hai người gặp Gottlieb ở ngoài đường.

Đã hơn một năm Martin không gặp ông, còn Leora thì chưa bao giờ gặp cả. Trông ông có vẻ lo buồn và ốm yếu. Trong khi Martin đương khổ tâm không biết có nên chào ông một cái rồi đi luôn không, thì ông đã đứng lại thân mật hỏi:

– Công việc ra sao, Martin?

Nhưng mắt ông nói: “Sao anh chẳng bao giờ quay lại với tôi thế?”

Chàng lắp bắp nói một câu gì đó, chẳng ai hiểu cả, và khi Gottlieb đi rồi, cái lưng còng còng thất tha thất thểu như người ốm, chàng muốn chạy theo ông.

Leora hỏi:

– Có phải đấy là Giáo sư Gottlieb anh vẫn nói tới luôn đấy không?

– Vâng, này, Em thấy ông ấy ra làm sao?

– Em không biết..., ông ấy là một nhân tài xuất chúng nhất từ trước em chưa gặp bao giờ! Em không hiểu tại sao em lại biết, nhưng chắc chắn

là như vậy! Bác sĩ Silva là một người đáng mến, nhưng Giáo sư Gottlieb là một Vĩ nhân! Ước gì... ước gì mình lại được gặp lại ông ấy. Đó là người thứ nhất em để ý đến và em có thể bỏ anh để đi theo ông ấy, nếu ông ấy cần đến em. Ông ấy sao mà... Ô, ông ấy chẳng khác gì một thanh kiếm... à không, ông ấy chẳng khác gì một bộ óc biết đi... Ô, anh Sandy, trông ông ấy sao mà thương hại thế! Em muốn khóc lên được. Em sẵn sàng đánh giầy cho ông ấy!

– Trời! Anh cũng thế!

Nhưng trong lúc bận rộn thu xếp để rời khỏi Zenith, lòng rộn ràng về cuộc hành trình đi Wheatsylvania, trong cuộc tranh đua để chiếm lấy tấm văn bằng chót, trong lúc lòng kiêu hãnh đã trở nên Bác sĩ Nội khoa Thực hành, chàng quên hẳn Gottlieb và trong cảnh đồng cỏ rực rỡ ánh mặt trời tháng sáu với từng đôi, từng đôi sơn ca riu rít trên khắp các cọc hàng rào ở Dakota, chàng bắt đầu làm việc.

CHƯƠNG 12

HỒI MARTIN GẶP Gottlieb ở ngoài đường là hồi ông đương cùng quần.

Max Gottlieb là dân Do Thái lai Đức, sinh ở Saxony năm 1850. Tuy đậu Bác sĩ Y khoa ở Heidelberg, nhưng không bao giờ ông nghĩ tới chuyện cho thuốc chữa bệnh cả. Ông là môn đồ của Helmholtz, những công cuộc nghiên cứu của ông lúc thiếu thời về Vật lý thanh học làm ông thấy cần phải áp dụng phương pháp định lượng vào y khoa. Rồi những khám phá của KOCH đưa ông vào con đường sinh vật học. Lúc nào ông cũng làm việc cẩn thận kỹ lưỡng, lập ra hàng tràng chữ số dài dằng dặc, luôn luôn nhận thức có những sự biến chuyển không thể kiểm soát được, luôn

luôn nặng lời công kích bừa bãi những điều ông cho là lừa dối, là dối trá hoặc huênh hoang phù phiếm, không bao giờ tha thứ cho ngu dại, mặc dầu là cố tình ngu dại; ông làm việc trong những phòng thí nghiệm của Koch, của Pasteur; ông theo dõi những bản thuyết trình từ lúc sơ khởi của Pearson về sinh trắc định pháp, ông uống rượu bia và viết những bức thư như là tát át xít vào mặt người ta; ông du lịch qua các nước Anh, Ý, Thụy điển, Na uy, Đan mạch, và ngẫu nhiên trong có hai ngày, lấy vợ (như mua một cái áo hay mượn một con ở) con gái một thương gia không phải người Do Thái, tính tình nhẫn nại và trầm mặc.

Rồi ông bắt tay vào làm một loạt các cuộc thí nghiệm rất quan trọng, không “khoa trương và xúc động nhân tâm”. Đi du lịch trở về vào năm 1881, ông xác nhận kết quả những cuộc thí nghiệm của Pasteur về sự miễn dịch của bệnh dịch gà, rồi vừa để dưỡng sức vừa để qua thời giờ, ông thí nghiệm lấy một chất phân hóa tố ra khỏi chất men. Mấy năm sau, sống bằng cái gia tài bé nhỏ của cha, sinh thời là một ông Chủ Ngân Hàng tầm thường, ông tiêu hết gia tài ấy một cách hoàn toàn vui vẻ và vô ưu, vào việc phân tích một cách

tin mật, nguy hiểm, lý thuyết thi độc của các bệnh, vào việc nghiên cứu về cơ thể của sự suy giảm sinh bệnh lực của các vi sinh vật. Do đó, ông chỉ có chút ít tiếng tăm. Có lẽ là tại ông quá cẩn thận và ghét những người liều lĩnh chưa chuẩn bị kỹ lưỡng đã công bố ầm lên, ông ghét hơn cả yêu quái ác nghiệt, hơn cả cảnh đói khát bản cùng.

Tuy rất ít dính vào chính trị, coi chính trị là một hoạt động của nhân loại thiếu khoa học nhất, hay lập đi lập lại nhất, nhưng ông là một người Đức yêu nước nên rất ghét bọn thanh niên quý tộc Đức. Khi còn trẻ, ông có đánh nhau một hay hai lần với mấy sĩ quan hợm hĩnh; có một lần ông bị giam mất một tuần; ông thường tức giận vì những chính sách chia rẽ đối với người Do Thái, rồi đến năm bốn mươi tuổi, vì chán ghét chế độ đó, ông buồn rầu bỏ sang Hoa kỳ, một nước không bao giờ có thể trở thành Quân Phiệt hay bài xích Do Thái... Thoạt tiên ông vào làm việc ở phòng Thí nghiệm Hoagland tại Brooklyn rồi sau làm Giáo sư môn vi trùng học ở Đại học Queen City.

Ở đây, ông nghiên cứu lần đầu tiên về những phản ứng của độc tố kháng độc tố. Ông tuyên bố rằng các kháng thể, trừ kháng độc tố, không

có liên quan gì với trạng thái miễn dịch của một động vật; và trong khi chính ông bị cái giới khoa học bé nhỏ nhưng cuồng loạn bài bác dữ dội, thì ông rất bình tĩnh, đã kích một cách vô cùng tàn nhẫn những lý thuyết về huyết thanh của Yersin và Marmorek.

Cái mộng quý báu nhất của ông bây giờ và sau bao nhiêu năm cặm cụi khổ công nghiên cứu, là có thể sản xuất một cách nhân tạo những kháng độc tố... sản xuất chất đó trong ống thí nghiệm bằng thủy tinh. Một lần, ông đã sửa soạn công bố kết quả việc nghiên cứu này ra, nhưng thấy có một chỗ sai lầm ông cương quyết vứt bỏ hết những bút ký đi. Trong suốt thời gian ấy, ông thật là cô độc. Hiển nhiên là không có một ai ở Queen City khác hơn là một tên Do Thái quái gở bắt vi trùng bằng cái đuôi nhỏ tí của chúng và liếc nhìn chúng một cách mê say... công việc ấy đâu có phải là công việc của một người gọi là “Cao Nhân” trong lúc có bao nhiêu anh hùng đương xây dựng cầu cống, thí nghiệm những xe chạy không cần ngựa kéo, khai xướng viết những bài Thi Ca Quảng Cáo cuồn cuộn bách người ta phải mua hàng, và bán hàng hà sa số vải trúc bầu và xì gà.

Năm 1899 ông được mời tới Viện Đại Học Winnemac làm Giáo sư môn vi trùng học Ban Y Khoa, và ông làm thân trâu ngựa ở đây luôn mười hai năm. Không một lần nào ông nói tới kết quả thuộc về loại gọi là “thực dụng”, không một lần nào ông ngưng bác bỏ những lối kết luận “sau cái này vì cái này” (Post hoc propter hoc) mà ngày ngày người ta vẫn áp dụng vào phần lớn trong Y học; không một lần nào ông không bị đồng nghiệp ghét vì lúc nào họ cũng nôm nớp sợ sợ cái giọng châm biếm kinh khủng của ông, trước mặt thì họ tỏ ra kính trọng ông, nhưng sau lưng thì họ khoái gọi ông là đồ Ác Quỷ, đồ Ma Quái, đồ Phá Đám, đồ Bi Quan, đồ Phê Bình Phá Hoại, đồ Đanh Đá Cá Cây, Nhà Khoa Học Bịp Bợm Vô Tư Cách, Bất Nghiêm Chính, đồ Trí Thức Rởm, Ông Hòa Bình, đồ Vô Chính Phủ, đồ Vô Thần, quân Do Thái. Họ bảo – mà không phải là không có lý – ông chỉ tận tụy cho khoa học thuần túy, chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật, ông có thể để cho người ta chết vì trị liệu theo chính pháp hơn là khỏi bệnh vì dùng tà phép. Ông xây lên một thánh thất cho nhân loại, nhưng ông lại muốn đá tất cả mọi người ra khỏi đấy.

Trong cái giới khoa học mẫn tiệp, những người có thực tài mỗi năm thường xuất bản năm bài khảo cứu, thế mà tổng số bài của ông trong ba mươi năm trời, không hơn con số hai mươi lăm; tuy nhiên đó toàn là những bài hoàn hảo mà các nhà phê bình đa nghi nhất có thể đem tất cả ra trùng phức và kiểm soát lại từng điểm dễ dàng.

Ở Mohalis ông rất hài lòng vì có sẵn nhiều phương tiện để làm việc, nhiều phụ tá đắc lực, vô số kẻ chai, lọ, ống thủy tinh, rất nhiều chuột bạch, và khá đủ khi để thí nghiệm; nhưng ông rất chán dạy học và buồn vì thiếu bạn hiểu biết mình. Lúc nào ông cũng muốn kiếm một người để ông có thể nói chuyện mà khỏi nghi kỵ, khỏi giữ gìn ý tứ. Mỗi khi nghĩ đến mấy ông Bác sĩ chỉ vì ngu dốt nói liều nói lĩnh, mấy ông phát minh thứ này thứ nọ, nhưng thực ra chỉ là mấy bác thợ hàn xoong hàn nồi giỏi khoác lác, nên được nổi tiếng, thì ông cũng có khá đủ nhân tính để lấy thế làm tức bực và buồn cho mình không có danh gì ở Hoa Kỳ, ngay ở cả Mohalis này nữa, và ông phàn nàn một cách không lấy gì làm cao thượng cho lắm.

Ông chưa bao giờ được dùng com với một bà công tước nào, chưa bao giờ được một giải thưởng

nào, chưa bao giờ được báo chí phỏng vấn tới, chưa bao giờ sản xuất ra được một cái gì mà công chúng có thể hiểu được, và cũng chưa bao giờ được nếm mùi những thứ mà những con người hào hoa phong nhã gọi là “lãng mạn”, ngoại trừ mấy chuyện tình ái lãng nhăng từ khi ông còn đi học, sự thực, ông là một khoa học gia chân chính, một trong những đại ân nhân của nhân loại. Bất cứ ở vào thời đại nào, sẽ không bao giờ có một sự tận tâm tận lực nào để tiêu diệt những bệnh dịch nặng hoặc những bệnh truyền nhiễm nhẹ, mà không chịu ảnh hưởng những công cuộc khảo cứu của Max Gottlieb, dầu thế nào đi chăng nữa cũng bị những công cuộc của ông chi phối ít nhiều, vì ông không phải là người đem vi khuẩn với nguyên sinh động vật cột lại làm một và xếp loại cho thật đẹp chơi. Ông thì ông tìm hóa học của mọi thứ, những định luật liên quan tới sự sinh tồn hay tiêu hủy của chúng, những định luật căn bản mà phần lớn sau cả một thế hệ gồm những sinh vật học gia chuyên cần làm việc mà chẳng hiểu biết gì.

Tuy vậy người ta gọi ông là bi quan cũng đúng, vì cái người chủ động có công nhất trong công cuộc làm cho các bệnh truyền nhiễm sau này giảm đi

gần tới con số không, chính cái người đó lại thường hay nghi ngờ giá trị công cuộc ấy của mình.

Ông tuyên bố (và đó là đề tài của một cuộc hội thảo quốc tế trong đó chỉ có một số ít người ủng hộ ông còn số đông thì nguyên rủa ông) ông tuyên bố rằng sau cái thế hệ không một ai bị mắc dịch có thể sẽ sinh ra một thế hệ thiếu tính chất miễn dịch tự nhiên ở trong người, đến nỗi khi gặp một trận dịch lớn bộc phát từ con số không ra như một đám mây bao phủ mịt mù hoàn cầu, họ không đủ sức chống lại và trận dịch có thể quét sạch toàn thể thế giới, thành thử những biện pháp mà ông đã đem hết tâm cơ tài trí tìm ra để cứu đời, lúc đó, trái lại sẽ có thể đưa đến chỗ tiêu diệt hết thảy nhân loại.

Ông lại còn trù định rằng nếu khoa học và vệ sinh công cộng tiêu trừ được bệnh lao và các bệnh dịch nguy hại khác, thì chắc chắn thế giới thế nào cũng bị nạn nhân mãn, trở thành một lò sát sinh chung, đầy nhóc nô lệ, và tất cả những cái gì gọi là đẹp, là tiện nghi, là thông tuệ của nhân loại sẽ biến đi hết trong cuộc chạy nạn đói để sinh tồn. Tuy nhiên, những điều suy luận đó không bao giờ làm ông ngưng việc nghiên cứu. Ông cho rằng nếu

hậu thế bị nạn nhân mãn, hậu thế tất phải hạn chế sinh sản hoặc làm cách gì khác để cứu lấy mình, ông nghĩ có lẽ hậu thế sẽ làm như vậy. Nhưng cuối cùng, ngay cái giọt nước lạc quan tinh khiết ấy cũng không sao làm cho lòng hoài nghi của ông tươi mát lên được, vì ông hoài nghi hết thấy mọi tiến bộ của trí tuệ và tình cảm, và điều ông hoài nghi hơn hết là không biết loài người toàn thiện, có ưu việt hơn loài chó vui tính, loài mèo duyên dáng không thể chê được, loài ngựa bất hiểu động, vô luân, vô thần, hoặc loài hải âu tính phiêu lưu đẹp dễ tuyệt vời không.

Trong khi bọn lang băm, thầy vườn chế cao đơn hoàn tán có bằng chuyên lợi, bọn buôn bán kẹo cao su, bọn “Tế Ty Trường đạo quảng cáo” có nhà cao cửa rộng, người hầu kẻ hạ, mỗi khi vác cái “thân xác bất phàm” của họ đi đâu thì có xe hơi di chuyển, trong khi ấy Gottlieb chui rúc trong một căn nhà gỗ chật hẹp, tường vôi loang lổ và đi chiếc xe đạp cũ cộc cạch cách để đến phòng Thí nghiệm làm việc. Gottlieb ít phàn nàn về cảnh ngộ mình. Bình thường ông không đến nơi không biết điều đến mức vừa đòi được tự do lại vừa muốn được hưởng cả hoa lợi của kiếp tôi đòi nô lệ. Một

lần ông bảo Martin: “Tại sao thiên hạ lại phải trả công cho tôi để làm những việc tôi thích mà thiên hạ không thích?”.

Trong nhà ông, chỉ có mỗi một chiếc ghế là ngồi được dễ chịu, nhưng trên bàn ông thì đầy những chồng thư – những bức thư dài, thân mật và cung kính – của các bậc danh tài, vĩ nhân gọi cho ông từ Pháp và Đức, Ý và Đan Mạch, của những khoa học gia mà nước Anh trọng vọng đến nỗi cho những chức tước cao chẳng kém gì những chức tước tưởng thưởng cho những nhà chế tạo rượu, thuốc lá và những chủ báo tục tĩu khiêu dâm.

Nhưng cái nghèo đã không cho ông có thể thỏa mãn lòng khao khát mùa hè đến ngồi ở dưới những cây bạch dương bên bờ sông Ranh hay sông Sen êm lặng, trước một cái bàn trải khăn vải sọc vuông, bày nào bánh, nào pho mát, nào anh đào nâu sẫm, mấy cái món ăn cổ kính và thanh đạm nhất trần đời xưa nay.

II

Bà Max Gottlieb người phục phịch đi lạch bạch chậm như vịt bầu, ít nói như là câm, sáu chục tuổi đầu rồi mà bà vẫn không học nói được những câu tiếng Anh thông dụng; tiếng Đức của bà là thứ

tiếng của bọn trưởng giả ở mấy tỉnh nhỏ nhỏ, công nợ trả sòng phẳng, ăn uống quá sức, bụng lúc nào cũng phưỡn ra và mặt mũi thì đỏ gay. Tuy ông không hay tâm sự với bà, ngồi bàn ăn nhiều khi ông mãi suy tư quên hẳn có bà trước mặt, nhưng không bao giờ ông nóng giận, đối xử không tử tế với bà, ông nhờ có bà trông nom nhà cửa bếp núc, và đêm đêm hơ áo ngủ cho ấm để ông mặc. Gần đây bà không được mạnh. Bà ăn uống khó tiêu, hay nôn ọ, nhưng vẫn lo làm mọi công việc như thường. Lúc nào cũng nghe thấy bà kéo lê đôi giày cũ khắp nhà.

Ông bà có ba người con, tất cả đều sinh ra khi ông đã ngoài ba mươi tám tuổi: Miriam, cô út, một cô bé tính vốn vãng và sôi sảng, có tài chơi dương cầm, thích nhạc Beethoven, và ghét “Ragtime” một điệu nhạc nguyên lai của dân da đen đương thịnh hành ở Hoa Kỳ; một cô chị không có gì đặc biệt, và cậu Robert Koch Gottlieb. Cậu này là một con thú dữ, một tai họa cho gia đình, ông bà phải lo lắng tốn kém để gửi cậu đến học tại một trường sang đẹp gần Zenith, ở đây cậu gặp con của mấy ông kỹ nghệ gia và khám phá ra cái thú chơi ô tô chạy nhanh và mặc quần áo kỳ dị, mà

không thấy có một chút thứ học hành nào cả. Ở nhà thì cậu kêu cha là một người “keo cú”. Đến khi Gottlieb tìm cách nói cho cậu biết rằng ông chỉ là một người nghèo, thì cậu bảo ông nghèo mà vẫn lén đem tiền để tiêu vào công việc khảo cứu... ông không có quyền làm như vậy để con ông phải xấu hổ... sao ông không để cho cái Viện Đại Học khốn nạn kia cung cấp vật liệu nghiên cứu cho có hơn không!

III

Chỉ có một số ít sinh viên của Gottlieb không coi ông và học thức của ông như những cái bờ rào chướng ngại cần phải vượt qua nhanh chóng nào hay chướng ấy. Một trong số ít sinh viên ấy là Martin Arrowsmith.

Tuy ông rất khắc nghiệt bóc lột những lỗi lầm của chàng, tuy ông hay kiêu ngạo làm như không biết gì đến sự tận tâm của chàng, nhưng thực ra ông rất hiểu chàng cũng như chàng rất hiểu ông. Ông trù tính những việc to tát. Nếu quả chàng cần ông giúp đỡ (ông có thể tự ông rất khiêm nhượng, rất vị tha, cũng như ông có thể rất tự cao, rất vị kỷ trong sự tranh đua khảo cứu khoa học), ông sẽ coi sự nghiệp của chàng như chính của ông. Hồi

Martin tự ý làm những cuộc nghiên cứu tinh tế riêng, ông rất khoái chí thấy chàng sẵn có khuynh hướng bỏ những thuyết đặt theo thông lệ – và tiện lợi – của khoa miễn dịch học, và chàng sẵn có cả tính thận trọng chịu khó kiểm soát lại những kết quả từng ly từng tý một. Đến khi thấy không biết vì lẽ gì Martin đâm ra cẩu thả, đến khi thấy rõ ràng chàng uống nhiều rượu quá, rõ ràng chàng bị lúng túng trong một chuyện riêng vô lý, thì Gottlieb vì quá khao khát có bạn bè, vì quá câu nệ muốn công việc làm phải hoàn hảo, nên đã trách mắng chàng. Về truyện Silva bắt chàng phải xin lỗi, ông không hay biết một tý gì. Nếu biết thì chắc ông đã phát điên lên...

Ông mong đợi Martin quay về với ông. Ông tự mắng mình: “Đồ điên! Nó là một đứa thông minh xuất sắc. Mình phải hiểu không ai lại đem vòng bạch kim ra mà xúc than bao giờ”. (Trong khi Martin đi rửa bát đĩa độ nhật và lang thang hết tỉnh này sang tỉnh kia trên những chuyến tàu vô định). Ông cố kéo dài lâu chừng nào hay chừng nấy, hết sức dè dặt không chỉ định ngay một nhân viên phụ tá mới. Rồi sau, tất cả những sự mong mỏi chờ đợi của ông nguội lạnh đi và đổi

thành ra bức tức phần nộ. Ông coi chàng là một tên phản bội, và không thèm nghĩ tới nữa.

IV

Rất có thể Bác sĩ Gottlieb là một bậc thiên tài. Chắc chắn là ông cũng điên như bất cứ một bậc thiên tài nào. Trong thời kỳ nội trú của Martin ở Tổng Y Viện Zenith, chính ông đã làm một chuyện vô lý hơn hết bất cứ một chuyện mê tín nào mà ông thường cười giễu cho là vô lý.

Ông định làm một nhà hành pháp và cải cách! Chính ông, con người hay đa nghi, chỉ trích, hay quật cường, gây hỗn loạn, ông lại muốn lập một Học Viện, và ông bắt tay vào việc như một cô gái già tổ chức một liên minh để giữ trẻ con khỏi học những tiếng thô tục lếu láo.

Ông tưởng rằng ở thế gian này có thể lập được một trường thuốc thuần túy khoa học, lấy sinh vật và hóa học định lượng để chi phối, bỏ hết những môn vô vị như thứ kiếng đeo mắt và một phần lớn khoa giải phẫu, và ông lại còn tưởng rằng có thể thực hiện chương trình ấy ngay tại Viện Đại Học Winnemac này! Về việc này, ông cố tỏ ra là người thực tế; ồ, ông rất thực tế và có lý lắm!

Ông nói: “Tôi công nhận rằng trong một trường

như vậy, chúng ta không thể đào tạo ra được những bác sĩ để chữa bệnh đau bụng ở trong làng, và các bác sĩ bình thường ấy rất đáng khâm phục và cũng rất cần nữa... có lẽ thế. Nhưng những bác sĩ như vậy có nhiều quá lắm rồi. Và đứng về phương diện thực tế, xin quý vị để cho tôi hai chục năm, với một chương trình vừa chính xác vừa thận trọng, tôi sẽ đào tạo hầu quý vị những nhà bác học chắc chắn chữa được khỏi bệnh đái đường, và có lẽ cả bệnh lao, bệnh ung thư, và tất cả những bệnh đau khớp xương lật vật mà các ông lang nhà ta hiện đều lắc đầu bó tay và gọi là “chứng phong thấp”. Thừa như vậy đó!

Chính ông không muốn điều khiển một trường như vậy, mà ông cũng không muốn hưởng công trạng gì vào đó cả. Ông bận nhiều việc quá lắm rồi. Nhưng khi đi dự hội nghị Hàn Lâm Khoa Học Hoa Kỳ, ông có gặp Bác sĩ Entwisle, một sinh lý học gia trẻ tuổi xuất thân ở trường Harvard, có thể làm một ông khoa trưởng giỏi, Entwisle phục tài ông và dò ý xem nếu người ta mời, ông có bằng lòng nhận lời về dạy ở Đại Học Harvard không. Khi ông phác họa cái kiểu trường thuốc mới này, Entwisle tán thành nhiệt liệt và mừng run lên nói:

“Tôi chẳng mong gì khác hơn là có cái may mắn giữ một chức vụ tại một trường như thế! Gottlieb trở về Mohalis, lòng vui mừng hơn hở, ông càng vững tâm hơn vì hồi đó ông còn được mời làm Khoa Trưởng Viện Đại Học West Chippewa (mặc dầu ông đã từ chối một cách khiếm nhã).

Thế rồi không biết vì tính ngay thật hay vì con diên nổi lên, ông đã viết cho ông Khoa trưởng Silva một bức thư rất lễ độ yêu cầu ông này rút lui và trao trường – và – có lẽ là cả sự nghiệp và sinh mệnh của người ta – cho một Giáo sư vô danh ở Harvard! Khoa Trưởng Silva là một ông già quý phái lịch sự, một môn đồ xứng đáng của Osler, nhưng bức thư phi lý kia đã làm ông mất hết đức tính kiên nhẫn. Ông trả lời rằng ông rất biết giá trị của những cuộc khảo cứu căn bản, nhưng trường thuốc này là của toàn dân trong xứ lập ra, và nhiệm vụ của trường là phải săn sóc tới sức khỏe của dân chúng một cách trực tiếp và thực tiễn. Về phần ông, ông nói bóng nói gió rằng nếu ông từ chức mà có lợi cho nhà trường thì ông sẽ từ chức ngay lập tức, nhưng cần phải có lời khuyến cáo có giá trị hơn lời thu của một người làm việc ở ngay dưới quyền ông!

Gottlieb đáp lại một cách bông bột và khinh xuất. Ông nguyên rửa dân chúng xứ Winnemac. Cái giống ngu xuẩn như thế có đáng được người ta săn sóc không? Ông đã vô lý vượt mặt Silva đưa đơn thẳng lên nhà đại hùng biện và đại ái quốc Bác sĩ Horace Greely Truscott Viện Trưởng Viện Đại Học.

Ông Viện Trưởng Truscott nói: “Thực tình tôi quá bận không thể xét những kế hoạch viển vông, dù cho kế hoạch ấy có cơ xảo thế nào đi nữa tôi cũng chịu”.

Gottlieb nói: “Vâng, ông bận quá không thể xét gì được ngoài việc bán bằng danh dự cho các nhà Tỷ phú để lấy tiền xây sân vận động”.

Ngày hôm sau người ta mời ông tới dự một cuộc hội họp bất thường của Hội Đồng Viện Đại Học. Ông là Trưởng Ban Vi Trùng học nên cũng là một nhân viên trong Hội Đồng tổng quản này. Khi bước chân vào phòng Hội đồng tráng lệ, trần thếp vàng, màn cửa bằng vải dày màu nâu, tường treo hình mấy ông tiên khu của nhà trường màu sắc trông buồn tẻ, Gottlieb tiến tới chiếc ghế ông vẫn thường ngồi, mãi nghĩ những chuyện đầu đầu, không để ý thấy tốp nhân viên đương xì xào bàn tán với nhau.

Chợt ông Viện Trưởng gọi: “Ồ, à, Giáo sư Gottlieb, mời ông hãy ngồi ở cuối bàn đằng kia”.

Lúc đó Gottlieb mới nhận thấy bầu không khí căng thẳng. Ông thấy ngoài bảy nhân viên trong Hội đồng Quản trị, có bốn người ở Zenith hay gần Zenith cũng có mặt. Ngồi bên cạnh Truscott không phải là ông Khoa Trưởng Ban Văn Khoa, mà là ông Khoa Trưởng Silva. Ông lại thấy tuy họ nói chuyện tự nhiên, nhưng thường đưa mắt nhìn ông.

Ông Viện Trưởng tuyên bố, “Thưa quý vị, Liên Nghị hội này của Hội Đồng Viện và Ban Quản Trị Viện là để cứu xét lời tố cáo Giáo sư Gottlieb của ông Khoa Trưởng Y Khoa và của chính tôi.

Gottlieb bắt chợt có vẻ già hẳn đi.

Những lời tố cáo ấy là: “Không trung thành với ông Khoa Trưởng, Viện Trưởng, Ban Quản Trị của mình. Không trung thành với Tiểu bang Winnemac. Không trung thành với nền đạo đức y khoa và học đường, tự tôn tự đại một cách điên rồ. Vô thần. Ngoan cố không chịu cộng tác với các đồng nghiệp, và thiếu khả năng hiểu biết những công việc thực tế có thể gây nguy hại nếu cứ để cho Giáo sư này tiếp tục điều khiển những phòng thí nghiệm quan trọng và những lớp mà viện đã

tín nhiệm giao phó cho ông. Thưa quý vị, bây giờ tôi xin chứng minh từng điểm kể trên, với những bức thư của chính Giáo sư Gottlieb gửi ông Khoa Trường Silva”.

Rồi ông dẫn chúng từng điểm một.

Ông Chủ tịch Ban Quản Trị đề nghị: “Gottlieb, tôi thiết tưởng chúng ta có thể giản dị hóa công việc, nếu ông đệ đơn xin từ chức cho chúng tôi, và để cho chúng ta có thể chia tay nhau với những cảm tưởng tốt đẹp, thay vì phải phiền... Gottlieb nổi cơn lôi đình, đứng phắt dậy: “Không đời nào tôi từ chức. Vì các ông đầu óc hãy còn học trò con nít, quanh co ngoắt ngoáy, các ông xuyên tạc ý kiến của tôi, những ý kiến trình bày hết sức rõ ràng, đầy tu tưởng cách mạng chính đáng, đối với cá nhân tôi hoàn toàn vô tư, bất vụ lợi, không cầu mong tăng lương thăng chức một chút nào cả. Những kẻ điên như vậy mà đòi xét xử đến danh dự người ta...” Ngón tay trỏ của ông khoằm lại như chiếc lưỡi câu muốn ngoắc vào tâm hồn ông Viện Trưởng Truscott. “Không, tôi không từ chức! Các người muốn đuổi tôi thì đuổi!”

“Nếu vậy, tôi e rằng chúng tôi phải mời ông rời khỏi phòng họp trong khi chúng tôi bỏ thăm”. Một

người to lớn khỏe mạnh như ông Viện Trưởng mà nói như vậy là ngọt ngào lắm rồi.

Gottlieb đạp chiếc xe xọc xạch đến phòng thí nghiệm. Mỗi khi nhận được cú điện thoại của một cô thư ký có giọng nói thô tục ở văn phòng ông Viện Trưởng gọi tới, ông mới biết rằng “đơn từ chức của ông đã được chấp thuận”.

Ông rên rỉ như người sắp chết: “Đuổi mình à? Đâu có được! Mình là cái vinh dự chính, cái vinh dự duy nhất, của cái trường con buôn này!” Và khi đã hiểu rõ ràng là họ đã nhất định đuổi mình rồi, ông mới thấy xấu hổ là đã để cho họ có cơ hội hất cẳng ông. Nhưng điều bức mình nhất trong việc này là nhà Khoa học muốn làm cách mạng nên bị ngưng công việc khảo cứu thiêng liêng của mình.

Ông cần được yên tĩnh và có một phòng thí nghiệm khác, ngay tức khắc.

Để chừng nào Trường Harvard mời ông, họ mới sáng mắt ra và biết là họ ngu!

Ông háo hức muốn thấy những con đường êm đẹp của Cambridge và Boston. Tại sao ông lại ở cái đất Mohalis man mọi này lâu thế? Ông viết thư cho Bác sĩ Entwisle, ngụ ý nói sẵn sàng chờ lời mời của Trường Harvard. Ông chắc sẽ nhận được điện

tín của họ. Chờ đợi mất một tuần lễ, ông mới nhận được một bức thư dài của Entwisle giải thích rằng ông ta nói chuyện về vấn đề Trường Harvard quá sớm, và viết thêm rằng Ban Giáo sư gửi lời chào ông và hy vọng sau này sẽ có ngày được hân hạnh được ông cộng tác, còn hiện tại thì...

Gottlieb lại viết thư cho Viện Đại Học West Chippewa rằng nghĩ đi nghĩ lại, ông thấy có thể nhận chức Khoa Trưởng Ban Y Khoa... và được trả lời là chỗ đó có người phụ trách rồi, và họ không lấy gì làm ưa cái giọng trong thư trước của ông, và họ “không muốn bận tâm thêm về chuyện này nữa”.

Đã sáu mươi mốt tuổi rồi, mà ông chỉ để dành được có mấy trăm đồng... nói theo nghĩa đen mấy trăm là mấy trăm không hơn không kém. Cũng như mấy chú thợ nề thất nghiệp, ông cần phải có việc làm hoặc chết đói. Ông không còn là một thiên tài có tính nóng nảy giận dữ vì công việc sáng tạo bị đình trệ nữa, mà chỉ là một ông giáo khổ, mất việc, nhục nhã.

Ông đi ra đi vào trong cái nhà gỗ nhỏ sơn nâu, hết sờ đồng giấy này lại mó đồng giấy kia, hết nhìn vọ lại ngó mấy bức tranh cũ, hay nhìn vào

chỗ không. Ông còn dạy một tháng nữa – họ đã mạo tên ông viết một cái đơn xin từ chức mà ngày tháng thì để trước cái ngày xảy ra chuyện lỗi thời – nhưng ông đã nản chí không muốn đến phòng thí nghiệm nữa. Ông tự thấy mình bị đào thải, gần như không có bảo đảm. Trước kia ông tự tin mình bao nhiêu thì bây giờ ông tự thương hại mình bấy nhiêu. Ông đợi hết kỳ thư này đến kỳ thư kia. Thế nào chẳng có người biết đến giá trị của ông, và tư tưởng của ông, sẽ giúp đỡ ông. Thư tỏ cảm tình đối với công cuộc khảo cứu của ông thì rất nhiều, thực thế, song những người ấy vẫn thường giao dịch thư từ đâu có phải là hạng người để ý đến những truyện làm nhảm ở các Trường Đại Học, và họ đâu có biết đến hoàn cảnh khốn quẫn của ông.

Sau chuyện không may đối với Trường Harvard và truyện trách móc của Trường West Chippewa, ông không thể đi tiếp xúc với các viện Đại học hay các Viện Khoa Học nữa, và ông lại quá kiêu ngạo nên không thể viết thư kêu van với những người kính phục ông. Không, ông sẽ làm giống như người đi buôn vậy! Ông viết thư cho một sở tìm giúp việc cho các giáo sư ở Chicago và nhận được thư trả lời rất văn hoa hứa sẽ lưu tâm đến việc của

ông và hỏi ông có nhận một chỗ làm Giáo sư Vật Lý Học ở một Trường Trung Học ngoại ô không.

Ông chưa kịp nguôi cơn giận để trả lời họ, thì cảnh nhà lại bị đảo điên thêm vì bà vợ bất thành linh lẫn ra ốm gần chết.

Bà đau đã mấy tháng nay rồi. Ông bảo bà đi cho bác sĩ xem bệnh, nhưng bà không chịu, mặc dầu lúc nào bà cũng lo bà bị ung thư dạ dày. Bây giờ bắt đầu thổ ra máu, bà mới kêu cứu tới ông. Nhưng phải cái Gottlieb vốn từ xưa tới nay vẫn nhạo báng những quy điều của y khoa, những ông “lang băm” và những anh thầy vườn bán cao đơn hoàn tán, nên đã quên hết những điều trước kia ông đã biết về chẩn mạch và khi ông hoặc gia đình ông đau ốm, ông cũng lo lắng cho đi mời bác sĩ chẳng khác bất cứ một người thường dân nào ở nơi rừng sâu núi thẳm lo lắng tuyệt vọng, coi bệnh tật như là sự trừng phạt quái ác của những ma quỷ thần thánh vô hình.

Ông nghĩ thơ một cách không ai có thể ngờ được, ông cho rằng việc ông bất hòa với Silva không phải là việc cá nhân, ông vẫn có thể mời Silva, và lần này ông có lý. Silva đã đến, tỏ ra hết sức sốt sắng tử tế, và lẩm bẩm nói một mình. “Gặp

chuyện bối rối, lão không chạy đi kiếm người khác, mà lại đi kiếm mình!” Ông đã mang an ủi tới căn nhà gỗ thanh bạch ấy, và Gottlieb để hết lòng tin cậy vào ông.

Bà Gottlieb đau nặng. Silva chích mọc phin cho bà, thấy Gottlieb không biết đến cả cách dùng bao nhiêu phân lượng, ông không khỏi không khoái ngẫm trong bụng. Ông khám bệnh... hai bàn tay mồm mím của ông tuy không được tinh xác như hai bàn tay khẳng khiu của Gottlieb, nhưng lại hết sức nhạy cảm. Ông nhìn khắp gian phòng ngủ thiếu không khí: những tấm màn cửa màu lục sẫm, cây thánh giá trên chiếc bàn giấy lùn tịt, bức hình màu một thiếu nữ trong trắng mỹ miều, tự nhiên ông thấy thắc mắc có cảm tưởng như gần đây đã có dịp vào qua cái phòng này rồi. Rồi ông sức nhớ lại. Nó giống y như đúc cái phòng ảm đạm của một người Đức bán tạp hóa mà ông đã được mời tới khám bệnh cách đây một tháng.

Ông nói với Gottlieb như nói với một bệnh nhân cần phải an ủi, chứ không như một đồng nghiệp hay một kẻ thù nghịch.

– Bác sĩ đừng cho là bị sung mủ. Cũng như Bác

sĩ đã biết đấy, cứ coi hai cạnh sườn phía dưới khác nhau, và cái mặt bụng lúc thở mạnh thì biết.

–Ồ, vâng.

– Tôi thấy chẳng có một chút gì đáng để ông phải lo cả. Mình nên đưa ngay bà vào Bệnh xá Đại học, để cho bà dùng một bữa ăn thí nghiệm xem ra sao, rồi chiếu quang tuyến X và tìm xem có trùng Boas Oppler không.

Người ta khiêng bà đi, lúc xuống mấy bậc thêm nhà, người bà nặng và không cử động chút nào. Gottlieb cùng đi với bà. Ông có yêu bà hay không, ông còn có thể có tình thương gia đình như thường không, không ai có thể dò biết được. Việc phải nhờ tới ông Khoa Trường Silva chữa cho vợ đã làm mất ý niệm của ông đối với trí óc thông minh sáng suốt của ông xưa nay. Đó là cái nhục cuối cùng. Nó còn thấm thía hơn, tổn thương tinh thần hơn là việc người ta mời ông dạy hóa học cho trẻ em. Ông ngồi bên cạnh giường bà, gương mặt u sầu của ông trông lợt lạt, và những nét nhăn ăn sâu xuống da mặt có thể là những nét đau buồn, mà cũng có thể là những nét lo sợ... người ta chẳng biết nữa; mà người ta cũng chẳng biết, trong những năm khang ninh an lạc, ông đã coi

cây Thánh giá của vợ ra làm sao, cây Thánh giá mà Silva đã để ý thấy trên bàn của ông... cây Thánh giá bằng thạch cao màu sắc rực rỡ đặt trên một cái hộp nạm vỏ hàu vỏ hến vàng.

Silva khám bệnh, bảo rất có thể là loét dạ dày, và bắt đầu chữa cho bà, cho ăn những món nhẹ chia làm nhiều bữa. Bệnh bà thuyên giảm, nhưng bà phải ở trong Bệnh xá bốn tuần lễ, và Gottlieb tự hỏi: Không biết mấy ông bác sĩ này có lừa dối mình không? Có phải thực là bệnh ung thư mà họ đã xảo quyết bí mật giấu mình là kẻ chẳng biết gì không?

Bà tuy ít nói, nhưng có bà ở nhà thì đêm đêm mệt mỏi ông nằm cũng yên tâm, bây giờ vắng bà, ông lấy làm băn khoăn về hai cô con gái, bực mình về những tiếng tập đàn âm ỉ của hai cô, và hai cô không biết sai bảo con ở để nó lười biếng, làm ăn cầu thả. Khi hai cô ngủ rồi, ông ngồi một mình, dưới ánh sáng lơ mờ của ngọn đèn, không nhúc nhích, không đọc sách báo gì cả. Lòng ông bối rối như tơ vò. Bản ngã kiêu ngạo của ông giống như một ông tướng cướp rơi vào tay bọn lâu la phiến loạn, cong lưng xuống vác một gánh nặng dơ bẩn; con mắt cao kỳ trước kia, bây giờ lèm nhèm đau vì

tuyệt vọng; bàn tay phải – bàn tay từ xưa vẫn múa guom hoa kiếm – bị chặt cụt, ruồi nhặng ghê tởm bò đầy cả cổ tay lở loét.

Chính hồi đó ông gặp Martin và Leora, trên đường Zenith.

Khi hai người đi khỏi, ông cũng không quay lại nhìn, nhưng cả buổi trưa hôm ấy suy nghĩ về họ: cái con bé ấy, chắc nó cướp dặt Martin của mình... của khoa học! Không! Thằng nhỏ thế mà có lý. Những đứa điên như mình hay hay dở, ai cũng thấy rõ rệt!”

Sau ngày Martin và Leora vui vẻ ca hát lên đường đi Wheatsylvania, thì Gottlieb đi Chicago đến Sở tìm việc làm cho Giáo sư.

Sở này do một viên cựu Thanh Tra mấy trường ở một tỉnh lỵ điều khiển. Hắn không lấy gì làm sốt sắng đối với công việc của Gottlieb. Ông không nhin được nói: ông có thực tâm tìm việc giúp giáo sư, hay ông chỉ gởi thông tri đi để giỡn chơi? Ông đã coi hồ sơ lý lịch của tôi chưa? Ông có biết tôi là ai không?

Viên Quản Đốc la lên: “Dạ, có, có, chúng tôi biết về ông lắm! Lúc tôi viết thư cho ông lần trước thì chưa biết, nhưng... ông hình như có lý lịch tốt,

làm ở phòng thí nghiệm, mặc dầu tôi chẳng thấy ông nghiên cứu ra được một cái gì gọi là có ích cho Y học. Chúng tôi đã tưởng có hy vọng giúp ông một dịp may mà chắc chắn là ông hay bất cứ một ai khác chưa từng gặp bao giờ. John Edtooth, ông vua dầu hỏa ở Oklahoma, đã định lập một Viện Đại Học, riêng về máy móc dụng cụ, thù lao trợ cấp và cá tính cũng sẽ đánh bật bất cứ một thứ gì mà thiên hạ đã đạt được từ trước tới nay về giáo dục... Vận động trường lớn nhất thế giới, có một tay cự vô địch đã cầu ở Nữ Uóc làm huấn luyện viên! Chúng tôi nghĩ có thể vận động để ông phụ trách về vi trùng học hay sinh lý học... và tôi xem ra ông cũng có thể thu xếp để dạy một môn nào đó, nếu ông muốn. Nhưng chúng tôi đã đi hỏi tin tức về ông, ở mấy người bạn của chúng tôi ở phía Winnemac. Và chúng tôi thấy không thể giao phó cho ông một chức vụ có trách nhiệm thực sự. Vì lẽ gì? Vì người ta đã đuổi ông vì bất tài về mọi phương diện! Nhưng bây giờ ông đã được cái bài học đó rồi... ông thử nghĩ xem ông có đủ khả năng để dạy môn vệ sinh thực hành tại Trường Đại Học ấy không?”

Gottlieb tức uất lên đến nỗi quên cả nói tiếng

Anh, ông văng một tràng tiếng tục của sinh viên Đức, giọng khô khan, rít lên ken kết, cảnh tượng khôhài đến nỗi anh thư ký kế toán và mấy cô tốc ký không nhin được cười. Ra khỏi chỗ đó, Gottlieb bước đi thông thả, lang thang không chủ định, đôi mắt rung rung những giọt lệ già nua.

CHƯƠNG 13

KHÔNG MỘT AI, ở trong y giới, lại như Gottlieb lúc nào cũng sẵn lòng mạt sát lối con buôn của mấy công ty bào chế lớn, nhất là Công ty Dawson T. Hunziker Co, Inc., ở Pittsburg. Đó là một Công ty lâu đời và đứng đắn, chỉ giao dịch với những Bác sĩ có tiếng – hay là trên thực tế chỉ giao dịch với những Bác sĩ có tiếng. Công ty này cung cấp những chất kháng độc tố tuyệt hảo để chữa bệnh bạch hầu và bệnh sài uốn ván, cùng những phương thuốc công định thuần túy nhất đựng trong những chiếc lọ thủy tinh nâu tân kỳ thanh nhả trên dán cái nhãn hiệu hết sức đơn giản càng làm tăng thêm cái vẻ chánh thức được pháp luật quy định của nó. Mặc dầu trước kia Gottlieb đã

quả quyết tuyên bố là Công ty này chế tạo những thuốc chủng đáng nghi về giá trị của nó, nhưng khi ở Chicago về, ông viết cho Hunziker một bức thư nói rằng ông không thiết dạy học nữa và sẵn lòng muốn làm việc với họ mỗi ngày một buổi còn dư bao nhiêu thì giờ thì ông làm những cuộc khảo cứu quan trọng riêng nếu ông được sử dụng phòng thí nghiệm của họ.

Thư gửi đi rồi, ông ngồi lẩm bẩm một mình. Ông chắc chắn là khi viết bức thư đó, tinh thần ông đã không được hoàn toàn vững vàng mạnh mẽ. “Giáo dục! Vận động trường lớn nhất thế giới! Không đủ khả năng làm tròn nhiệm vụ. Dạy học, mình không thể nào dạy được nữa. Chắc Hunziker sẽ cười mình đã nghĩ sao nói vậy về hắn, thì chắc chắn là mình sẽ phải... Ôi, Trời hỡi Trời! Tôi biết làm sao đây?

Trong lúc ông đương ngồi thờ thần suy nghĩ, và hai cô con gái sợ sệt đương ghé mắt qua cửa nhìn ông, không ngờ lại có một tia hy vọng len lỏi vào.

Chuông điện thoại reo, ông không buồn trả lời. Nhưng nghe đến hồi chuông thứ ba thôi thúc, ông đành phải cầm ống nghe lên lầu nhậu hỏi:

– Gì thế?

Một giọng mũi hờ hững hỏi:

– Ông Gottlieb phải không?

– Phải, đây là Bác sĩ Gottlieb!

– À, chắc người ta muốn nói chuyện với ông.
Ông giữ ống nghe nhớ. Từ tỉnh xa gọi đấy.

Rồi:

– Giáo sư Gottlieb? Thưa tôi là Dawson Hunziker đây ở Pittsburg. Thưa Giáo sư, chúng tôi rất sung sướng được giáo sư cộng tác với chúng tôi.

– Tôi... Nhưng...

– Tôi biết Giáo sư đã chỉ trích những nhà bào chế dược phẩm... Ồ, chúng tôi đã đọc kỹ những bài cắt ở báo ra!... Nhưng chúng tôi thấy nếu Giáo sư tới làm việc với chúng tôi, và hiểu Tinh Thần của công ty hơn, chắc Giáo sư sẽ có cảm tình nhiều đối với chúng tôi. Và cũng xin lỗi Giáo sư, tôi không có làm gián đoạn công việc gì của Giáo sư đấy chứ?

Thế là, cách nhau hơn mấy trăm dặm đường, Hunziker từ một phòng khách vàng son chói lộn trong biệt thự Sewickley, nói chuyện với Gottlieb đương ngồi trên chiếc ghế rách vá, buồn bã cố giữ thể diện:

– Không, không có gì cả.

– Thế thì hay quá – chúng tôi rất vui lòng biểu Giáo sư mỗi năm, năm ngàn Mỹ kim thù lao, lúc đầu, và chúng tôi không có quan tâm tới đề nghị làm việc một buổi của giáo sư. Chúng tôi xin cung cấp tất cả mọi chỗ, tất cả chuyên viên, tất cả dụng cụ mà giáo sư cần đến, và Giáo sư cứ tùy tiện tiến hành công việc, muốn làm gì tùy thích không cần biết đến chúng tôi. Chúng tôi chỉ xin có mỗi một điều là nếu Giáo sư tìm ra được chất huyết thanh nào thực có giá trị cho đời, thì chúng tôi xin được quyền ưu tiên chế tạo chất đó, và nếu chúng tôi buôn bán có thua lỗ cũng không sao hết. Chúng tôi mong làm ra tiền, nếu có thể làm một cách lương thiện, nhưng mục đích chính yếu của chúng tôi là phụng sự nhân loại. Cố nhiên nếu chất huyết thanh đó sinh lợi, thì chúng tôi không sung sướng gì hơn là trả Giáo sư một món hoa hồng to tát. Còn bây giờ, nói về chi tiết thì...

II

Gottlieb, một người điềm nhiên ghét cay ghét độc những nghi thức tôn giáo, thế mà đã có một tập quán giống tôn giáo.

Ông hay quỳ ở cạnh giường và để cho tâm hồn tự do phiêu dật, trông chẳng khác gì người cầu

nguyên, mặc dầu chắc chắn không có gì là cầu nguyên, là ý thức có một Đấng Tối Cao cả... ngoài đấng Gottlieb ra. Đêm nay, ông cũng quỳ như vậy, những vết nhăn trên gương mặt mệt mỏi dịu bớt đi, ông nghĩ thầm: “Từ trước mình cứ hay chửi bọn con buôn, thực là ngu ngốc! Cái tên con buôn này, nó có địa vị vững vàng. Một anh mại bản tồi nhất còn đáng tin hơn là những anh Giáo sư nhút nhát sợ sệt! Bọn lao công phòng thí nghiệm tuyệt quá! Tự do! Khỏi phải dạy những đồ ngu xuẩn nữa! Xin cảm ơn Thượng Đế!”

Nhưng ông không có ký hợp đồng với Dawson Hunziker.

Trong các Y học Tập San, công ty Dawson Hunziker đăng những quảng cáo chiếm cả một trang giấy, lời văn phần nhiều khéo léo và nghiêm chỉnh, báo tin rằng Giáo sư Max Gottlieb nhà miễn dịch học có lẽ danh tiếng nhất thế giới đã cộng tác với Công ty.

Ở Bệnh viện Chicago Bác sĩ Rouncefield chép miệng nói: “Những ông siêu trí thức, siêu giáo dục ấy bây giờ như thế đấy. Nếu tôi có cười thì cũng xin quý vị tha lỗi cho”.

Ở Viện Bào chế Ehrlich và Roux, Bác sĩ Sir David

Bruce buồn rầu than thở, “Sao cái lão Gottlieb lại có thể đi với cái tên bán thuốc dạo ấy? Sao không tới với bọn mình?Ồ, thôi, nếu lão không muốn tới... thế là hết đời!”

Ở làng Wheatsylvania tại North Dakota, một bác sĩ trẻ tuổi cãi lại vợ, “Một đời anh không thể nào tin lại có truyện như vậy! Max Gottlieb mà lại sa ngã vào đám bọm ấy!”

Vợ trả lời: “Em chẳng quan tâm chút nào! Nếu ông ấy có xoay sang kinh doanh chắc ông ấy cũng có lý do chứ. Em đã nói với anh rằng em có thể bỏ anh để...”

Chồng thở dài: “Ồ, thôi! Bỏ qua đi! Anh đã học được ở ông nhiều điều, và anh mang ơn ông... Trời, Leora này, anh cầu cho ông không đi lầm đường!”

Và Gottlieb cùng với ba đứa con và bà vợ xanh xao đi lết từng bước, đã tới Ga Pittsburgh, kéo lê một cái bao cói tồi tàn, một cái túi dân di cư thường dùng, và một cái rương đựng đồ trang sức mua ở Bond Street. Đứng trên

tàu, ông đã ngắm từ những ngọn núi nguy nga xuống con sông xán lạn điểm khói mờ, và lòng ông trẻ lại. Tại đây toàn những công cuộc kinh doanh náo nhiệt, chứ không có những đồng ruộng

phẳng lặng và những tâm hồn nhạt nhẽo như ở Winnemac. Ngoài cửa ga, chiếc tắc xi dơ bẩn nhất đời với ông hình như cũng bóng lộn, và ông tiến bước như một kẻ chiến thắng.

III

Trong tòa cao ốc của Dawson Hunziker, Gottlieb được xem những phòng thí nghiệm mà ông không bao giờ ngờ tới, và thay vì những sinh viên trợ tá, thì ông có hẳn một chuyên viên đã từng làm Giáo sư vi trùng học, và ba kỹ thuật viên lành lợi, trong số có một người được huấn luyện ở Đức về. Ông được người ta hoan hô đón tại văn phòng riêng của Hunziker; trông cái văn phòng như một ngôi nhà thờ nhỏ. Hunziker hỏi, cái đầu trông rõ ra là một nhà kinh doanh, nhưng mắt đeo kính gọng đôi mỗi trông đa tình lắm. Ông đương ngồi ở bàn vôi đứng lên – chiếc bàn kiểu Jacobean – mời Gottlieb một điếu xì gà Havana, và nói rằng bọn họ hồi hộp chờ ông.

Trong phòng ăn rộng mông mênh của nhân viên, Gottlieb gặp một số đông những Hóa học gia và Sinh vật học gia trẻ tuổi, người nào cũng tỏ ra kính trọng ông. Ông cũng thấy mến họ. Tuy họ nói chuyện quá nhiều về tiền bạc... nào

là chất thuốc rượu canh ky na mới phải bán giá bao nhiêu, nào là chẳng bao lâu lương bổng của họ sẽ được tăng thêm bao nhiêu nữa... nhưng dầu sao họ không có cái thói làm ra bộ kiêu ngạo của những Giáo sư Đại Học. Hồi còn nhỏ đi học, Gotlieb, mũi lưỡi trai đội lệch sang một bên, là một “cây cười”, hôm nay trong những câu bàn cãi huyền ảo, tiếng cười của hồi trẻ trung của ông lại trở lại.

Vợ ông có vẻ mạnh hơn nhiều; con gái ông, cô Miriam tìm được một Giáo sư dương cầm tuyệt giỏi, cậu Robert mùa mưa năm ấy vào đại học; họ ở một cái nhà rộng rãi nhưng cũ nát, ông sung sướng thoát được cái nạn năm nào cũng cứ đều đều hàng ngày phải vào lớp học, nhai đi nhai lại những bài cũ rích; và suốt đời chưa bao giờ ông làm việc hay như bây giờ. Ngoài cái phòng thí nghiệm và mấy rạp hát, mấy phòng hòa nhạc ra, ông không còn biết tới gì khác nữa.

Sáu tháng qua đi rồi, ông mới nhận thấy các chuyên viên kỹ thuật già trẻ tuổi mích lòng về những lời mà ông cho là châm chọc cho vui về tính cách con buôn của họ. Họ ngán cái lối quá tin quá mê vào toán học của ông, có người cho ông là

một ông già ngầy ngà, thì thăm với nhau, bảo ông là Do Thái. Ông phật ý, vì tính ông thích vui vẻ với cộng sự viên. Ông bắt đầu dò hỏi và xem xét khắp nơi trong tòa cao ốc Hunziker. Từ trước ông chưa biết chỗ nào khác ngoài phòng thí nghiệm của ông, một vài cái hành lang, phòng ăn, và văn phòng của Hunziker.

Tuy có óc trù tuợng và thiếu thực tế, nhưng ông có thể làm một tay Sherlock Holmes đại tài... Nếu người nào làm được một Sherlock Holmes đại tài thì người ấy có thể thích làm thám tử. Óc ông xuyên qua những hình thức bên ngoài thấu suốt vào đến sự thực. Ông khám phá ra rằng công ty Dawson Hunziker quả đúng như những lời ông đã nói trước kia. Họ có sản xuất những chất kháng độc tuyệt diệu và những thuốc bào chế tinh hảo thật, nhưng họ cũng sản xuất một thứ “thuốc ung thư” mới, lấy ở giống phong lan ra, họ trình trọng giới thiệu để con bệnh dùng, nhưng giá trị của nó chẳng khác gì đất bùn. Họ còn bán cho các Công ty Mỹ Dung Phẩm hàng triệu lọ kem thoa mặt, bảo đảm có thể biến một cô hướng đạo thuộc dân Mọi Ca na đa thành một nàng tiên có nước da trắng nõn như bông huệ. Cái “của báu” ấy giá vốn

có sáu xu một lọ thể mà bán ra một Mỹ kim ở các tiệm, và cái tên Dawson Hunziker không bao giờ có liên quan gì tới Mỹ dung phẩm này cả.

Chính vào lúc ấy, Gottlieb thành công với kiệt tác của ông sau hai mươi năm trời cặm cùi nghiên cứu. Ông sản xuất được chất kháng độc tố trong ống thí nghiệm, nghĩa là có thể miễn trừ một vài bệnh dịch mà không cần phải mất công chế huyết thanh bằng phương pháp chích vào thú vật như trước kia. Đó là cả một cuộc cách mạng, cuộc đại cách mạng, trong miễn dịch học... nếu ông không có điều gì sai lầm.

Ông tiết lộ sự phát minh này ra trong một bữa tiệc mà Hunziker đã mời được một ông Đại Tướng, một ông Viện Trưởng Trường Đại Học, và một phi công tiên phong tới dự. Bữa tiệc rất tốn kém, có rượu Hock ngon, thứ rượu hảo hạng của Đức mà đã lâu năm lắm Gottlieb mới được uống, ông trù mển xoay xoay chiếc ly pha lê cao màu lục; ông tỉnh giấc mơ và trở nên hăng hái ba hoa vui vẻ. Họ hoan hô vỗ tay khen ngợi ông, và trong một tiếng đồng hồ ông là một Đại Khoa Học Gia. Trong tất cả đám tiệc, Hunziker là người ca tụng ông nhiều nhất. Gottlieb tự hỏi không biết có kẻ

nào đã lừa gạt cái ông hỏi đầu tốt bụng này vào những vụ thông đồng với mấy con buôn mỹ dung phẩm không.

Hôm sau, Hunziker mời ông vào văn phòng. Cách Hunziker mời thật là khéo (ít ra cũng không như cách gọi một cô Tắc ký thường). Ông sai một viên Thư ký sáng ra ăn mặc bánh bao đem những lời chào mừng của ông Hunziker tới Bác sĩ Gottlieb ăn mặc xuềnh xoàng kém viên Thư ký xa, và lựa lời nói khéo, nhẹ như bướm, ngọt như mía, nói rằng nếu thuận tiện và không có một chút gì trở ngại cho công việc khảo cứu của Bác sĩ Gottlieb, thì xin Bác sĩ vui lòng cho ông Hunziker được hân hạnh tiếp kiến tại văn phòng ông ấy vào hồi ba giờ mười lăm.

Khi Gottlieb tới, Hunziker ra hiệu bảo viên Thư ký lui ra ngoài, và kéo một chiếc ghế Y pha nho lớn mời Gottlieb ngồi.

– Bác sĩ Gottlieb, hôm qua tôi thức đến nửa đêm suy nghĩ mãi về việc phát minh của Bác sĩ. Tôi lại vừa nói chuyện với ông Giám Đốc thương mại và chúng tôi nhận thấy bây giờ là lúc phải nắm lấy thời cơ. Chúng tôi sẽ xin Tòa Án cấp chúng thư chuyên lợi cho phương pháp tổ hợp kháng thể của

Bác sĩ và lập tức tung sản phẩm ấy ra thị trường cho thật nhiều, và làm một chiến dịch quảng cáo đại quy mô... Bác sĩ biết... tất nhiên là không có lối râm rộ như kiểu gánh xiếc... mà là lối quảng cáo đúng đắn cao đẳng. Mình sẽ bắt đầu bằng chất huyết thanh kháng bạch hầu. Nhân tiện, chúng tôi cũng xin nói để Bác sĩ biết là lần tới khi nhận được ngân phiếu, Bác sĩ sẽ thấy tiền thù lao của Bác sĩ tăng lên thành Bảy ngàn Mỹ kim một năm. (Hunziker lúc này gù gù như một con mèo lớn, còn Gottlieb thì chết cứng người ra không nói lên được nửa lời). Ông bạn quý ơi, không biết tôi có cần phải nói thêm rằng nếu thuốc tiêu thụ đúng như tôi dự liệu, thì ông bạn sẽ có thêm một món tiền hoa hồng hết sức lớn nữa không?

Rồi Hunziker ngả lưng ra ghế với cái dáng điệu như muốn nói: “So với danh vọng đảng nào hơn hử cậu cả?”

Gottlieb nóng nảy nói:

– Tôi không tán thành lối chuyên lợi những phương pháp chế tạo huyết thanh. Phải để cho bất cứ phòng thí nghiệm nào cũng dùng được. Và tôi cũng cực lực phản đối việc sản xuất quá sớm, ngay cả việc quảng cáo nữa. Tôi tin rằng tôi không

có gì sai lầm, nhưng tôi cũng cần phải kiểm soát lại kỹ thuật đã, có lẽ làm cho hoàn hảo hơn... cho thực chắc chắn. Đến lúc đó, tôi thấy không có gì phản đối việc chế tạo bán ra thị trường, nhưng chế tạo in ít thôi và cạnh tranh chính đáng với người khác, chứ không cầu chứng để chuyên lợi, hay giữ độc quyền, coi nó như một thứ đồ chơi bán trong dịp lễ Giáng Sinh!

– Ông bạn ơi, tôi hoàn toàn đồng ý với ông. Cá nhân tôi, thì tôi không muốn gì hơn là hy sinh cả đời tôi để phát minh ra được một cái gì nho nhỏ vô giá, mà không quan tâm đến một chút tư lợi gì. Nhưng chúng tôi còn có bốn phận đối với những người có cổ phần của công ty phải làm cho đồng tiền của họ bỏ ra sinh lời. Không biết Bác sĩ có thấy họ... đa số là Cô nhi quả phụ nghèo... có “Một Chút Vốn Liếng” bỏ cả vào hàng họ của công ty, và đối với việc này chúng tôi phải giữ tín nhiệm không? Tôi không biết làm sao khác; tôi chỉ là kẻ nô bộc hèn mọn của họ mà thôi. Còn về mặt khác: tôi thiết tưởng chúng tôi đối xử với Bác sĩ cũng khá hậu, thừa có phải không, Bác sĩ Gottlieb? Và chúng tôi đã để Bác sĩ hoàn toàn tự do. Và chúng tôi định tâm tiếp tục hậu đãi Bác sĩ! Sao, Bác sĩ?

Bác sĩ sẽ giàu to; Bác sĩ sẽ là một người trong bọn chúng tôi! Tôi không muốn đòi hỏi bất cứ điều gì, nhưng về điểm này thì bốn phần của tôi là yêu cầu cho bằng được, và tôi trông đợi ở Bác sĩ khởi công chế tạo sớm chừng nào hay chừng ấy...

Gottlieb đã sáu mươi hai tuổi. Việc thất bại ở Winnemac đã có ảnh hưởng phần nào tới lòng can đảm của ông... và ông không có hợp đồng nào với Hunziker bảo đảm cho chức vụ của ông.

Ông phản đối một cách yếu ớt, và khi lê bước về phòng thí nghiệm, ông thấy hình như ông không thể bỏ nơi trú ẩn này để ra đương đầu đối phó với cả một xã hội hay cái cọ gây gỗ và hăm giết người, mà ông cũng nhất định không thể nào để cho người ta chế một chất kháng độc tố rẻ tiền không công hiệu, giả mạo chất của ông. Ông liền dùng ngay một chiến lược dê hèn mà cái bản ngã kiêu kỳ xưa kia của ông chắc sẽ gọi đó là một chiến lược không thể tưởng tượng được; ông liền nói một cách mơ hồ rằng ông còn phải giải quyết một vài điểm chưa được chắc chắn, trong lúc hết tuần này sang tuần khác, Hunziker càng tỏ ý hăm dọa. Trong khi đó, ông chuẩn bị đương đầu với tai họa có thể xảy ra. Ông dọn đến ở một căn nhà nhỏ

hơn, bỏ hết mọi thứ xa xỉ, ngay cả thuốc lá ông cũng nhịn luôn.

Trong những khoản tiết kiệm có khoản cấp dưỡng cho cậu con trai.

Robert là một đứa trẻ to lớn vạm vỡ, da dẻ đen thui, tính nết ngỗ nghịch, kiêu căng xác láo không phải lỗi, được những cô gái thuộc vào hạng vô duyên, nước da bần huyết xanh lợt, say mê, mà hần thì lại kiêu ngạo, tỏ vẻ lừng khừng với các cô. Trong khi ông bố còn có lúc thì tỏ ra hãnh diện, có lúc thì nói đùa vui vẻ về cái dòng máu Do Thái của mình, thì ông con làm cho các bạn học tưởng mình là dân Đức thuần túy và có thể thuộc loại quý tộc nữa. Cậu cũng được hoan nghênh... hay là được hoan nghênh một phần nào... trong các cuộc chơi lái xe, đánh xì phé, đi cắm trại ở vùng quê, cho nên cậu càng cần có nhiều tiền hơn. Một hôm Gottlieb mất hai chục Mỹ kim để trên bàn. Ông vốn hay chế giễu cái danh dự mà tập tục đặt ra, thì chính ông lại là người có cái danh dự ấy cũng như ông có lòng tự cao tự đại của một lão thân hào địa chủ dữ tợn. Một nỗi đau khổ mới thêm vào nỗi đắng cay không lúc nào nguôi vì đã phải nói dối Hunziker. Ông đối diện Robert hỏi:

– Này con, có phải con lấy tiền của ba để trên bàn không?

Ít trẻ dám đương đầu với cái sống mũi điều hâu nhô ra và những tia mắt đỏ sâu hoắm giận điên lên của ông. Robert trước còn ấp úng, sau bật nói lớn:

– Vâng, con lấy! Và con còn cần thêm là khác! Con cần phải mua quần áo cùng mấy thứ nữa. Và đây là lỗi ở như ba. Ba nuôi con và cho con đánh bạn toàn với những con nhà giàu nút đồ đồ vách, tiền bạc như nước, ấy vậy rồi ba lại muốn con ăn mặc như một đứa vô lại!

– Đồ ăn cắp!

– Thôi đi ba! Ăn cắp là cái gì? Lúc nào ba cũng chế giễu cái bọn thầy tu chỉ thuyết về những Tội Lỗi với Sự thực với Lương thiện, những danh từ ấy người ta dùng nhiều quá, chẳng còn có nghĩa lý gì nữa và... Con không cần! Daws Hunziker, thằng con của cái ông già ấy kể với con rằng bố nó bảo ba có thể trở thành triệu phú, thế mà để chúng con như thế này, và má thì ốm đau... Để con nói cho ba biết, hồi còn ở Mohalis má cứ mỗi tuần lại giúp cho con hai đôn và... Con ngán lắm rồi! Nếu ba còn để con rách rưới, thì con bỏ học cho mà xem!

Gottlieb quát mắng con, nhưng cơn lôi đình của

ông yếu ớt quá. Ông không biết rồi nửa tháng tới đây, con trai ông sẽ làm gì, và chính ông sẽ làm gì.

Rồi vợ ông chết, bà chết một cách êm lặng quá, đến nỗi tới lúc mấy bố con ở nghĩa địa về mới nhận ra rằng bà đã qua đời; và tuần lễ sau, cô con gái lớn bỏ nhà đi theo một tên vô lại sống bằng nghề cờ bạc.

Gottlieb ngồi thui thui một mình. Ông đọc đi đọc lại cuốn *Book of Job*. Ông thờ dãi nghĩ thầm: “Có thật Thượng Đế đã gia tai họa cho mình và gia đình mình không!” Khi Robert vào áp úng nói từ nay cậu xin hối cải, thì ông ngẩng đầu lên, mặt đỏ đần như không trông thấy gì, không nghe thấy gì. Tuy ông đọc đi đọc lại những truyện thần thoại của cha ông để lại, nhưng ông không tin, mà cũng không chịu cúi đầu sợ hãi trước Thần Kịch Nộ... mà ông cũng không muốn sống phong lưu sung túc bằng cách để cho Hunziker làm uế tạp sự phát minh của ông đi.

Đúng giờ, ông đứng lên lảng lạng đi tới phòng thí nghiệm. Công việc ông vẫn làm một cách cẩn thận như thường, những người phụ tá không thấy ông có gì thay đổi, ngoại trừ việc ông không ăn với họ ở trong sở nữa. Ông đi ra phố cách mấy quãng

đường xa, đến một tiệm tồi tàn ăn cho đỡ tốn mỗi ngày ba cắc bạc.

IV

Trong cái bóng tối che mờ mọi người chung quanh ông, chỉ có mỗi một mình Miriam là lộ dạng ra thôi.

Nàng mười tám, nhỏ nhất trong bảy con của ông, người béo lùn, xấu xí, trừ có mỗi cái miệng là xinh. Nàng luôn luôn hãnh diện về cha; nàng hiểu những điều thúc bách phi lý và kỳ bí của kiến thức và khoa học của cha, nhưng cho đến ngày nay nàng vẫn còn sợ khi ông lê bước đi nặng nề và ít nói. Nàng bỏ học dương cầm, cho chị ở nghỉ việc, học trong sách dạy nấu ăn và làm những món béo dòn ông sở thích. Điều nàng hối tiếc là không bao giờ học tiếng Đức và thỉnh thoảng ông lại nói chêm một vài câu ông quen dùng khi còn nhỏ.

Ông nhìn nàng một lúc lâu rồi nói:

– Thì ra là thế! Còn lại một đứa ở với Ba. Con có thể chịu được cảnh nghèo nếu Ba đi xa không... đi dạy hóa học trong một trường Trung học?

– Có chứ, Ba. Cố nhiên là con chịu được chứ. Có lẽ con có thể đi đánh đàn trong một rạp chiếu bóng nào đó.

Nếu không có cô con gái trung thành như vậy, chắc ông không dám làm truyện này, nhưng lần sau khi Dawson Hunziker tới hỏi:

– Này ông. Chúng tôi chờ đợi đã khá lâu rồi. Chúng tôi cần phải đưa cái môn thuốc của ông ra thị trường.

Gottlieb trả lời:

– Chưa được. Nếu các ông có thể đợi tới khi tôi làm xong hết mọi việc cần thiết... có thể là một năm, có thể là ba năm chưa biết chừng... thì lúc đó các ông sẽ có môn thuốc của tôi. Nhưng phải đợi tới khi công việc khảo cứu tôi thấy thực chắc chắn đã. Bây giờ thì chưa được!

Hunziker bỏ đi ra, cáu giận hết sức, và Gottlieb chuẩn bị sẵn để nhận cái án lệnh mà ông chắc không sớm thì chầy thế nào cũng tới.

Đương lúc đó, người ta đem vào cho ông tấm danh thiếp của Bác sĩ A. Dewitt Tubbs, Giám Đốc Sinh vật học viện McGurk, ở Nữu Ước.

Gottlieb biết Tubbs. Ông chưa tới thăm McGurk bao giờ nhưng ông coi Học Viện này của Rockefeller và McCormick là một tổ chức đứng đắn và tự do nhất nước trong việc khảo cứu khoa học thuần túy, và nếu có bao giờ ông nghĩ tới một phòng thí ng-

hiệm lý tưởng như thiên đàng, trong đó các Khoa học gia tốt có thể có cái sung sướng, suốt đời, vĩnh viễn, làm đến nơi đến chốn, những công việc nghiên cứu cao siêu mà không cần bận tâm tới vấn đề phải đem ra áp dụng vào thực tế, thì chắc chắn ông phải nghĩ tới cái phòng thí nghiệm giống như của McGurk. Nay được ông Giám Đốc của Viện đó tìm tới, ông thấy khoan khoái cả người.

Bác sĩ A. Dewitt Tubbs đẩy mình lòng lá, khắp người ông, trừ có cái mũi, hai bên thái dương và hai lòng bàn tay, còn phần nào để lộ ra ngoài cũng đều đẩy ra những lông dầy và cứng, trông chẳng khác gì một con chó săn giống Tô cách lan. Tuy vậy, những lông rậm ấy không làm cho ông có vẻ buồn cười, mà lại có vẻ trang nghiêm đứng đắn; cả đôi mắt của ông cũng vậy; chân ông bước rất nhanh, và giọng ông cao vút oai nghiêm.

– Bác sĩ Gottlieb, được gặp Bác sĩ, tôi vui sướng vô cùng. Tôi đã được nghe các tài liệu của Bác sĩ ở Hàn Lâm Viện Khoa Học, thực là thiệt thòi cho tôi, cho mãi tới ngày nay mới được giới thiệu tới gặp bác sĩ.

Gottlieb cố giữ cho khỏi lộ vẻ bối rối.

Tubbs đưa mắt nhìn những nhân viên phụ tá,

rồi nói bóng nói gió như định âm mưu một trò gì về chính trị, “Chúng ta có thể nói chuyện... được không?”

Gottlieb dẫn khách vào phòng giấy riêng, cửa sổ trông xuống một cái sân rộng đầy xe ca mi ông, đường sắt lượn quanh co, toa chở hàng chạy đi chạy tới ồn ào nhộn nhịp. Tubbs khấn khoản nói:

Nhờ một sự may mắn lạ lùng, chúng tôi được biết rằng Bác sĩ sắp sửa hoàn thành công cuộc phát minh quan trọng nhất đời của Bác sĩ. Lúc mới được tin Bác sĩ bỏ nghề dạy học và quyết định bước vào giới thương mại, tất cả chúng tôi đều ngạc nhiên hết sức. Chúng tôi đều ước ao được Bác sĩ tới nhập bọn với chúng tôi.

Có thực các ông muốn đem tôi về không? Nếu thế thì tôi đâu cần ở đây?

– Cố nhiên! Nay nghe người ta nói chúng tôi mới biết Bác sĩ không quan tâm đến vấn đề thương mại, cho nên chúng tôi mới nghĩ có lẽ chúng tôi có thể đến thuyết phục Bác sĩ về với chúng tôi ở McGurk. Vì thế tôi mới đáp ngay tàu hỏa và chạy ngay xuống đây. Chúng tôi rất vui sướng nếu được Bác sĩ nhận làm Hội viên Học viện của chúng tôi, và làm Trưởng Ban Vi Trùng Học và

Miễn Dịch Học. Ông McGurk và tôi không mong gì hơn ngoài sự tiến bộ của khoa học. Bác sĩ cố nhiên là có quyền tuyệt đối tự do về những việc khảo cứu mà Bác sĩ cho là đáng theo đuổi hơn hết, và tôi chắc chúng tôi có thể cung cấp những nhân viên phụ tá và vật dụng tốt không kém bất cứ một nơi nào trên thế giới. Về vấn đề lương bổng... xin phép Bác sĩ cho tôi được nói như một người kinh doanh và có lẽ đi ngay vào vấn đề một cách ngay thẳng, vì trong có một tiếng đồng hồ nữa tôi đã phải đáp tàu trở về ngay rồi... chúng tôi biết chắc không thể trả bác sĩ số tiền thù lao lớn như bọn Hunziker, nhưng chúng tôi có thể trả tới mười ngàn Mỹ kim một năm...

“Ồ, Trời ơi! Xin bác sĩ đừng nói tới chuyện tiền nong! Trong một tuần lễ từ hôm nay trở đi, tôi sẽ đến với các ông. Bác sĩ coi, tôi không có giao kèo gì với đây mà!”

CHƯƠNG 14

SUỐT BUỔI TRƯA, hai người ngồi trên chiếc xe ngựa chạy lắc la lắc lư ngang qua cánh đồng gỗ ghê như những đợt sóng dài. Chẳng có một cái gì cản trở cuộc đi chơi lang thang vô vẩn của họ, chẳng có cái hàng rào nào, chẳng có cái hồ, cái núi nào, đến Thị trấn chom chồm nhà máy cũng không, xung quanh họ chỉ độc có gió, ngọn gió hiu hiu chứa chan ánh nắng.

Martin kêu Leora bảo: “Anh thấy như tất cả bụi Zenith và xơ vải băng nhà thương đều rũ sạch khỏi hai buồng phổi của anh. Dakota. Đây mới thực là nơi đáng cho người ta ở. Địa giới. Cơ hội. Mỹ quốc!”

Từ một đám cỏ rậm, một đàn gà đồng nhỏ nhỏ

ra. Martin nhìn chúng chạy băng qua những cây lúa mạch, tâm hồn chàng đương mê mê trong ánh nắng bỗng cảm ứng với tạo vật và hòa đồng vào lòng đất bao la, chàng không còn thấy bồn chồn như lúc mới ra đi khỏi Wheatsylvania.

“Nếu anh chị đánh xe đi chơi, đừng có quên cơm ăn đúng sáu giờ đấy nhé”, bà Tozer vừa dặn dò, vừa toét miệng ra cười như để pha đường vào lời nói cho ngọt ngào.

Trên Đại Mã Lộ, họ gặp ông Tozer, gầy tay vẩy và kêu “Sáu giờ về nhớ. Cơm ăn đúng sáu giờ đấy nhớ”.

Bert Tozer từ trong Ngân hàng chạy ra, như một ông giáo thôn quê từ trong trường có một lớp học, tông ra cửa kêu, “Này hai cô cậu khôn hồn thì đừng có quên sáu giờ về ăn cơm đấy nhá, nếu không ông cụ lại lên con cho mà xem. Ông ấy chờ cô cậu về ăn sáu giờ đúng, và khi ông ấy nói sáu giờ đúng là sáu giờ đúng, chứ không phải là sáu giờ năm phút đâu đấy!”

Leora nói: “Thấy tức cười chưa! Vì suốt hai mươi hai năm ở Wheatsylvania, em nhớ chỉ có ba lần ăn cơm chiều muộn vào lúc sáu giờ bảy phút. Anh Sandy à, mình ra ở riêng đi... Em nghĩ mình

bảo ở chung với gia đình để cho đồ tợn không biết là khôn hay dại?”

Chưa ra khỏi ngoại ô Wheatsylvania, vùng này cũng chẳng lấy gì làm rộng cho lắm, hai người gặp cô Ada Quist, tức là Bà Bert tương lai, và nghe thấy giọng cô rít lên trong bầu không khí yên tĩnh: “Nhớ về đúng sáu giờ đấy!”

Martin làm ra bộ anh hùng, bảo Leora, “Mình cứ đi cho đã, lúc nào thích về thì về!” Nhưng cả hai người đều lúc nào cũng thấy những cái giọng dồn dập dễ sợ, lạnh lạnh bên tai, và ở mỗi viễn cảnh tươi đẹp là một mệnh lệnh, “Sáu giờ đúng phải về đấy nhớ” và họ ra roi thúc ngựa nên về tới nhà lúc sáu giờ thiếu mười một phút, cùng lúc ông Tozer cũng ở xưởng sữa về, trễ hơn thường lệ những ba mươi giây.

Ông nói:

– Các con về như thế là đông đủ cả nhà, vui quá! Bây giờ lẹ lên, cho ngựa vào chuồng. Sáu giờ ăn cơm... đúng sáu giờ!”

Martin cố gắng lắm mới chịu đựng nổi câu đó và giữ được vẻ quyền thuộc. Khi ngồi ăn chàng tuyên bố:

– Lúc chiều chúng con đánh xe chạy ghê quá. Ở

đây rồi con sẽ thích đi như vậy. Thế là con đã ăn chơi không mất một ngày ruỗi rồi, và bây giờ phải bắt tay vào công việc mới được. Việc thứ nhất là con phải kiếm một chỗ làm phòng mạch. Có nhà nào cho thuê không, thưa Ba?

Bà Tozer sốt sắng nói ngay:

– Ô, má có ý kiến này hay lắm, Martin à. Tại sao lại không đặt phòng mạch cho anh ở trong chuồng ngựa? Như vậy gần nhà, tiện biết chừng nào; anh có thể về ăn cơm đúng giờ, và anh có thể trông hộ nhà được, nếu con ở đi vắng, hay ông và tôi đi chơi thăm bà con bạn bè hay đến Câu lạc bộ thêu thùa.

– Trong chuồng ngựa!

– Phải, trong phòng để yên cương cũ ấy chứ sao! Một quãng phòng đã có trần sẵn và mình có thể dán giấy dầu hắc hay đóng giấy bồi.

– Kìa má. Má nghĩ con định làm “cái con khi gì” ở đây thế? Con đâu phải đưa đi làm mướn canh chuồng ngựa, hay một đứa con nít đi kiếm chỗ giấu mấy cái trứng chim! Con tính mở một phòng mạch cho một Y khoa Bác sĩ kia mà!

Bert làm cho tình thế dị bót đi:

– Ấy, nhưng chú đã có tiếng tăm gì đâu. Chú chỉ là một y sĩ giỏi!

– Má tha lỗi cho con đã vắng tục, nhưng... Chứ sao, đêm đêm ở Bệnh viện, tôi đã nắm hàng trăm sinh mệnh ở trong tay chứ tưởng chơi à! Tôi định...

Bertie nói:

– Này, Martin hãy nghe tôi nói đã. Vì chúng tôi là người bỏ tiền ra... tôi không muốn làm một anh keo kiệt, nhưng dầu sao thì một đồng là một đồng... nếu chúng tôi cấp vốn, thì chúng tôi phải có quyền định đoạt cách sử dụng sao cho có lợi nhất!

Ông Tozer trông có vẻ trầm tư, nói góp vào một cách yếu ớt bất lực:

– Có thể. Không có lý gì lại mua lấy việc bắt trắc, với mấy anh trại chủ quý quái ấy bán thóc lúa và kem sữa bóc lột hầu bao của người ta chùng nào hay chùng nấy, rồi ung dung bỏ đi làm việc, chẳng nghĩ gì đến chuyện trả lời trả lãi tiền nong vay mượn cả. Tôi thể chứ bỏ tiền ra cầm cố, chẳng lời lãi gì nữa. Mua dây buộc mình, chẳng có nghĩa lý gì cả. Này anh Martin này, cứ lấy lý ra mà nói, anh có thể nhìn cái cổ họng đau hay cho đơn thuốc đau tai cho một bệnh nhân trong một phòng khám bệnh đơn sơ bé nhỏ, hay ở một nơi bài trí ngu xuẩn bày biện đủ thứ như một phòng khách

“Moorhead” ở đâu cũng vậy mà thôi. Để má thu xếp cho anh có một nơi tiện nghỉ trong một góc nào đó ở chuồng ngựa...

Leora xen vào:

– Ba ạ, con muốn xin Ba cho chúng con vay một ngàn Mỹ kim, ngay tức khắc, chúng con muốn dùng làm gì thì làm. (Mọi người sùng sốt cả lên). Chúng con sẽ trả Ba sáu phân... à, không, chúng con sẽ trả Ba năm phân, năm phân là phải rồi.

Bert kêu:

– Cầm đồ còn được sáu, bảy, tám phân là khác!

– Năm phân là đủ rồi. Và chúng tôi muốn nói cho dứt khoát là chúng tôi muốn dùng làm gì thì dùng... để mở phòng mạch hay bất cứ việc gì khác.

Ông Tozer nói:

– Đó là một lối xuẩn động để...

Bert ngắt lời ông:

– Ory, cô thực là điên! Giả sử nhà có cho cô vay tiền thì cô cũng phải đến lấy dần dần mỗi khi một ít, và cô cũng còn phải hỏi ý kiến chúng tôi...

Loera đứng dậy:

– Hoặc là ở nhà làm theo lời tôi, đúng y như lời tôi, hoặc là Martin và tôi đi chuyến tàu sớm nhất về Zenith, và tôi nói thật đấy! Thiếu gì chỗ mời

anh ấy, ở đó lương rất hậu, như vậy chúng tôi lại khỏi phải nhờ vả ai hết!

Mọi người bàn cãi lâu lắm, nhưng phần nhiều câu chuyện quanh quẩn cũng chỉ có vậy. Một lần Leora đã chạy lên gác thu xếp quần áo; một lần cả Martin với nàng đứng dậy khua tay vung cả khăn ăn lên, trong cảnh tượng lúc bấy giờ thật chẳng khác gì cảnh Laocoon.

Cuối cùng Leora thắng.

Lúc đó họ mới chuyển sang nói những chuyện vớ vẩn không ra đầu vào đầu. Ông Tozer hỏi:

– Anh đã đem cái rương gởi ở ga về chưa?

Bert cáu kỉnh:

– Để đấy thực là vô lý... mỗi ngày mất toi hai cắc!

Martin đáp:

– Tôi lấy về từ khuya rồi!

Bà Tozer xác nhận:

– Ô, phải, Martin đã đem về từ sáng rồi.

Ông Tozer giọng thê thảm hỏi:

– Anh đã đem về rồi à? Anh đem lấy à?

Martin đáp:

– Thưa không. Con muốn người bán gỗ cất nhà chở về cho con.

Bert kêu:

– Trời ơi là Trời! Sao chú không bỏ nó lên chiếc xe cút kít mà đẩy về lấy, có phải đỡ được hai hào rưỡi không!

Leora nói:

– Nhưng một bác sĩ phải giữ thể diện của mình.

– Thể diện cái quái gì! Cóc khô! Đẩy chiếc xe cút kít trông còn có thể diện hơn là lúc nào cũng ngậm điều thuốc bản thủ.

Ông Tozer hỏi:

– Thôi, nhưng dầu sao... anh để cái rương ở đâu?

Martin đáp:

– Ở trên buồng chúng con.

Ông Tozer bảo vợ:

– Bà tính xem cái rương dỡ đồ ra rồi thì để đâu cho gọn? Cái gác xếp thì đã chật cứng ra rồi.

–Ồ, tôi tính Martin cố xếp lên đấy vẫn được.

– Sao không để anh ấy cất vào chuồng ngựa?

Bert chen vào nói:

– Chuồng ngựa thì để làm sao? Trông rất khô ráo sạch sẽ. Bỏ phí cả một nơi tốt như vậy trong chuồng ngựa thật là mắc cỡ, một nơi mà vừa rồi ba má quyết định rằng chú ấy có thể mở được một phòng khám bệnh xinh xắn đẹp đẽ!

Leora đáp ngay:

– Nay anh Bertie, để tôi nói cho mà nghe. Chúng tôi định làm gì mặc xác chúng tôi. Trong đầu óc anh lúc nào cũng chỉ có cái chuồng ngựa. Sao anh không dọn cái nhà Bàng cổ lỗ sĩ của anh về đây, để Martin lấy cơ sở của nhà Bàng làm phòng mạch!

– Truyện ấy lại khác hẳn...

Ông Tozer phản đối:

– Ô, hai đứa chúng bây khoác lác chẳng ra nghĩa lý gì cả; đừng có làm bộ ta đây! Chúng bây có thấy Má và tao cãi cọ với nhau như thế bao giờ không?

– Martin, anh liệu bao giờ thì đỡ xong đồ trong rương ra?

Ông Tozer có thể lúc này thì tính chuyện cái chuồng ngựa, lúc khác thì tính đến chuyện cái rương, nhưng óc ông không phải là bộ óc có thể tính luôn một lúc hai chuyện rắc rối như vậy.

– Đêm nay con có thể đỡ xong, nhưng có cái gì mà cần gấp...

– Hừ. Ba nghĩ thực ra cũng không có cái gì cần gấp lắm, nhưng khi mình đã bắt tay vào làm một công việc gì...

– Ô, có cái gì cần gấp đâu nếu chú ấy...

– Nếu Martin định đi kiếm nhà để mở phòng mạch, thay vì mở ngay ở trong chuồng ngựa, thì

biết chờ đến tháng nào có toàn ngày chủ nhật để nó dỡ đồ trong rương ra và...

– Ô, khổ quá! Đêm nay thế nào con cũng làm xong mà...

– Và tôi thấy mình có thể cất nó trên gác xép...

– Tôi đã bảo bà là cái gác ấy chật cứng ra rồi... Để tôi nói cho bà biết là hôm tôi định cất cái tấm hình lên đó...

Martin nghe chuyện cố nhiên là không “khóc thét” lên, nhưng chàng thấy lòng chàng đương thầm “khóc thét” lên. Giải đất tự do và hùng tráng mà chàng vừa khen ngợi hồi chiều bây giờ hình như đã ở cách xa hàng ngàn dặm và bị lãng quên đi hàng bao nhiêu năm.

II

Tìm được một nơi mở phòng mạch phải mất hết nửa tháng trời ngoại giao và bàn cãi sôi nổi trong ba bữa ăn hàng ngày. (Không phải chỉ có chuyện tìm nơi mở phòng mạch là đầu đề duy nhất mà gia đình ông Tozer bàn tới. Nhất cử nhất động của Martin trong từng giờ từng khắc, họ cũng đem ra bàn rất kỹ; họ không ngớt phê bình việc ăn uống tiêu hóa của chàng, thư từ của chàng gửi đi hay nhận được, những cuộc đi bộ dạo chơi của chàng,

đôi giấy của chàng cần vá lại, họ bắn khoản hỏi chàng đã đem đến cho anh “thợ làm vườn – săn bẫy – sửa giấy” vá lại chưa, họ đoán xem công vá hết bao nhiêu, và bàn cả tới những quan niệm về thần học, tu tưởng về chính trị, và họ hàng nhà vợ của anh thợ giấy nữa).

Ông Tozer ngay từ lúc đầu đã tìm được một nơi mở phòng mạch hoàn hảo.

Gia đình Norblom ở căn gác bên trên cửa hàng của họ đương tính dọn đi. Sự thực thì ở Wheatsylvania chẳng có chuyện gì xảy ra hay có thể xảy ra mà ông lại không biết và không giải thích được. Bà Norblom đã chán cảnh làm bếp và muốn dọn sang ở trọ nhà Bà Beeson (tại căn phòng phía trước, nếu đi ở cầu thang lên thì nó ở bên tay mặt, tường tô hồ quét vôi, và trong phòng có một cái lò nhỏ rất đẹp Bà Beeson mua ở Otto Krag giá bảy đồng ba hào ruồi... ồ không, bảy đồng hai hào ruồi chứ!)

Họ đến thăm gia đình Norblom, và ông Tozer trong lúc nói chuyện đã khéo nói xa xôi rằng “nếu gia đình ông Norblom có ý dọn đi ở chỗ khác thì căn gác trên cửa hàng để cho Bác sĩ mở phòng khám bệnh thì hay quá...”

Vợ chồng ông Norblom đưa mắt nhìn nhau, cái nhìn thật là lâu, dè dặt, xảo quyệt, của dân Thụy na đan có đôi mắt trắng dã, rồi ấp úng nói rằng họ “không biết... cố nhiên vị trí nơi đây tốt nhất tỉnh...” Ông Norblom cũng nhìn rằng tuy chưa có gì là chắc chắn, nhưng nếu gia đình ông có tính dọn đi chỗ khác, thì ông sẽ cho thuê căn gác với giá hai mươi lăm Mỹ kim một tháng, không có đồ đạc.

Ông Tozer từ cuộc “hội nghị quốc tế” ấy ra về hý hửng vui sướng một cách xảo quyệt, chẳng khác một ông Tozer Bộ Trưởng, hay Tozer Thượng Nghị Sĩ nào ở Hoa Thịnh Đốn hay Luân Đôn:

– Hay quá! Hay quá! mình làm cho ông ấy mắc mưu rồi! Hai mươi lăm đô la, ông ấy bảo thế. Như vậy nghĩa là đến lúc đó mình sẽ trả ông ấy mười tám đồng, cho tới hai mươi mốt đồng bẩy cắc rưỡi là tốt bực. Nếu mình xử sự với ông ấy cho khéo, để ông ấy có thời gian đi gặp bà Beeson và giải quyết xong việc ở trọ với bà ấy, thì mình muốn xoay ông ấy cách nào cũng được!

Martin nói:

– Ô, nếu ông bà ấy không quyết định ngay thì mình đi kiếm chỗ nào khác, có mấy nhà bỏ không ở sau Hăng Phụng Hoàng kia kia.

– Cái gì! Sao lại đi tìm chỗ khác khi mình đã làm cho ông bà ấy tin rằng mình nói chuyện đúng đắn, và như thế lại gây thù gây oán với ông bà ấy suốt đời? Mà như vậy cũng là một lối khai trương chiêu khách, có phải không? Mà tôi cũng phải nói là tôi không trách ông bà ấy một chút nào, nếu ông bà ấy có giận vì bị anh bỏ rơi như vậy. Ở đây không phải là Zenith, muốn cái gì anh có thể chạy đi rêu rao chỗ này chỗ nọ trong hai phút là có ngay!

Suốt nửa tháng trời, trong lúc vợ chồng ông Norblom khổ sở không quyết định xong việc mà họ đã dự định làm từ lâu, Martin mỗi mắt chờ đợi, không làm được việc gì cả. Một khi chàng chưa mở được một phòng khám bệnh đường hoàng hẳn hoi, phần đông người làng không công nhận chàng là một Y sĩ có đủ tư cách, mà chỉ gọi chàng là “cái anh con rể nhà ông Tozer”. Trong nửa tháng ấy chàng chỉ được người ta mời có một lần đi chữa bệnh nhức đầu cho cô Agnes Ingleblad, cô của anh thợ cạo Alec Ingleblad và ở trông nom nhà của cơm nước cho anh ta. Chàng hoan hỉ mãi cho tới khi Bert giải thích cho biết:

– Ô, thế ra cái Bà Cô ấy đã mời tới Chú rồi đấy hả? Cái Bà Cô ấy thì chẳng trừ Bác sĩ nào cả. Mà

có ốm đau gì đâu, nhưng có ông thầy nào mới tới là Bà Cô ấy cũng mời thử. Lần trước có một thằng Cha nào ở đâu đến ngồi trên chiếc xe Ford bán cao đơn hoàn tán, Bà Cô ấy cũng mời. Lần trước nữa là một thằng điên điên khùng khùng chữa theo lối ám thị ở khu Lò Ông Đức, rồi có một hồi Bà Cô ấy theo một ông thầy nắn xương chỉnh cốt ở Leopoldis... nhưng tôi cũng nói để Chú biết là cái lối tẩm quất cũng có điều lạ, chữa được nhiều người mà các Bác sĩ Y khoa hình như chẳng hiểu là bệnh tật gì. Chú có công nhận điều đó không?

Martin đáp chàng không công nhận điều đó.

Bert nói bằng một giọng hết sức vui, vì chàng cũng có tài pha trò:

– Ô, bọn Bác sĩ các chú! Tất cả đều cùng một giuộc, nhất là khi mới chân ráo chân ướt ở trường ra, các chú tưởng như cái gì mình cũng biết, các chú chẳng chịu biết những cái hay của lối tẩm quất đâm lưng, của dây lưng điện, của mấy anh thầy nắn hay của bất cứ một cái gì, vì họ đã nắn mất của các chú không biết bao nhiêu là tiền.

Thế là người ta thấy cái Ông Bác sĩ Martin Arrowsmith xưa kia đã có một lần làm cho Angus Duer và Irving Watters phải cúi lên vì những lời

chế giễu chua cay của mình đối với những điều truyền thống của Y khoa, bây giờ đứng trước một kẻ như cái hạng anh chàng Bert miệng toe toét cười nhạo một cách hèn hạ này, chàng phải lên tiếng bênh vực lòng nhân đạo và những sự hiểu biết khoa học của tất cả các bác sĩ, và tuyên bố rằng không một bác sĩ nào (ít là những người tốt nghiệp Đại Học Winnemac) lại cho bệnh nhân dùng một thứ thuốc hoặc chịu một cuộc giải phẫu vô ích bao giờ.

Bây giờ chàng hiểu biết nhiều về Bert. Chàng thường ngồi quanh quẩn trong Ngân hàng, hy vọng có người mời đi chữa bệnh chẳng, ngón tay chàng ngứa ngáy muốn được băng bó các vết thương. Ada Quist cũng thường tới Ngân hàng luôn, và Bert hẳn thấy nàng là đẹp sở sách tính toán sang một bên, rụt rè bên lề nói chuyện với nàng:

– Quist à, khi có Ông Đốc ở đây em phải cẩn thận, giữ gìn ngay cả những ý nghĩ thầm kín của em. Ông ấy vừa kể cho anh nghe không biết bao nhiêu là chuyện về thần kinh học và cả những phép đọc được ý nghĩ người khác của ông ấy. Phải không Chú Mart? Anh đâm hoảng đến nỗi phải đổi lại bộ khóa chữ mở tủ sắt.

Ada Quist nói:

– Hừ! Chú ấy có thể đánh lừa ai chứ đừng hòng đánh lừa em. Ai cũng có thể xem sách học được. Nhưng đến khi đem ra thực hành thì khác... Ngày chú Mart để tôi nói cho mà biết, chú mà có lấy được một phần mười sự hiểu biết của Lão Đốc Winter ở Leopoldis thì họa chăng chú mới sống lâu được hơn là tôi dự đoán!

Rồi cả hai người xúm vào nói móc rằng đối với một người tự cho rằng những điều học tập được ở Zenith đã khiến cho mình “khôn ngoan xảo quyết ghê gớm đến độ vênh cái mặt lên với cái bọn nhà quê bẩn thỉu đáng thương chúng mình”, thì chắc chắn là “cái cà vạt của Martin thắt cũng vụng lắm”.

Đến bữa cơm chiều, Bert lại đem ra kể lại tất cả những câu “hóm hỉnh” của mình và cả một vài câu của Ada Quist nữa cho cả nhà nghe.

Ông Tozer khẽ cười chọc thêm:

– Anh không nên trêu thằng bé quá như vậy. Dầu sao câu nói đùa về cái cà vạt cũng nặng lắm đấy... Ba xem chừng Mart cũng thấy mình hơi đàn một tý.

Sau bữa ăn, Leora kéo Martin ra một nơi nói:

– Anh yêu, anh có thể chịu đựng được cái lối đó không? Mình phải có nhà riêng sớm chừng nào hay chừng ấy. Hay mình chuẩn đi đâu khác cho rảnh?

– Anh còn chịu đựng được mà!

– Hừ. Có thể như vậy. Anh yêu này, khi chơi lại Bertie anh phải cẩn thận đấy không thì họ treo cổ anh lên!

Chàng đứng định đi ra cổng. Chàng quyết đến xem mấy cái phòng ở sau Hăng Phụng Hoàng. Không có chỗ rút lui tránh mặt Bert, chắc chàng khó có thể chịu đựng thêm một tuần lễ nữa. Chàng không thể đợi vợ chồng Norblom quyết định được nữa, mặc dầu chàng cũng thấy ớn, họ có thể thù oán chàng, tiêu diệt chàng, đối với chàng họ đã thành những kẻ thù truyền kiếp kinh khủng, những hung thần kỳ quái ám ảnh cái đất Wheatsylvania này, cái đất ngày nay đã thành một thế giới duy nhất trong tri thức của chàng.

Chàng thấy trong bóng chiều ảm đạm, có một người đang đi bách bộ trên vỉa hè lát ván trước nhà, rụt rè nhìn chàng. Đó là một Hiền Gia, một người Do Thái lai Nga trong làng vẫn quen gọi là “Hiền Gia Ba Lan”.

Trong cửa hàng gần đường xe lửa, ông bán đồ bạc và phụ tùng xe hơi, mua và bán nhà đất, ngựa, và cả da xạ hương thừ, một giống chuột lông có mùi xạ hương. Ông ta gọi:

– Có phải Ông Bác sĩ đó không?

– Dạ.

Martin hớn hỏ. Một bệnh nhân chẳng!

– Tôi muốn mời ông đi một quãng đường với tôi. Có một hai chuyện tôi muốn nói với ông. Hay thế này, mời ông vào chơi trong nhà tôi hút thừ vài điếu xì gà mới tôi vừa mua được.

Ông ta nhấn mạnh vào hai tiếng “xì gà”, vì ở North Dakota, cũng như ở Mohalis, trên lý thuyết người ta cấm uống rượu.

Martin thích lắm. Đã từ lâu, chàng nhịn rượu và phải làm việc quá nhiều!

Cửa hàng của Hiền Gia là ngôi nhà hai tầng, cách kiến trúc cũng không đến nỗi dở, cách Đại Mã Lộ có một nửa phố, và chỉ bị ngăn có con đường sắt, còn thì trông ra cánh đồng bát ngát. Vách đóng bằng ván thông mùi thơm dễ chịu, đuộm mùi hôi của khói thuốc phun ở chiếc điếu ống cũ ra. Hiền Gia thuộc hạng người thích tâm sự nhưng không đáng tin cậy cho lắm... Ông nháy mắt và thì thầm hỏi:

– Chắc Bác sĩ có thể làm được một chút rượu bước bông Kentucky thượng hảo hạng đấy nhỉ?

– Dạ chắc chịu được, không sao.

Hiền Gia kéo những tấm màn mỏng che cửa sổ xuống, rồi mở một chiếc ngăn kéo ván cong queo ở bàn giấy, lấy ra một cái chai chuyển tay nhau tu, sau khi lấy gan bàn tay lau qua miệng chai. Rồi Hiền Gia chợt nói:

– Nay Ông Đốc, ông không giống những bọn kia, chắc ông hiểu, người ta một đôi khi vô tình bị dính líu vào những vụ gian thương. Thôi, để tóm tắt câu chuyện hơi dài, tôi đoán rằng tôi bán ra nhiều hàng mỏ quá, và chắc họ sẽ đến khám xét cửa hàng tôi. Buộc lòng tôi phải dọn đi... chớ má quá... và hy vọng lần này có thể đứng vững được một vài năm. Nghe nói ông đương kiếm một chỗ mở phòng khám bệnh. Chỗ này thì thực là lý tưởng. Lý tưởng thực đấy. Bên trong, cạnh phòng này còn hai phòng nữa. Tôi cho ông thuê đấy, cả đồ đạc, tuyệt vời, mười lăm đơn một tháng, nếu ông trả trước cho tôi một năm.Ồ, không nói dối ông đâu. Anh vợ ông biết rõ tôi là chủ nhà mà.

Martin cố làm ra vẻ con nhà kinh doanh sành sỏi. Thì chàng chẳng là một Bác sĩ trẻ tuổi sắp sửa

đem tiền bạc ra kinh doanh, một trong những Công Dân Quan Trọng tại Wheatsylvania ư? Chàng quay về nhà, dưới ngọn đèn sa lông, chao pha lê hường vẽ cúc màu lục, trước mặt gia đình vợ đương lắng tai nghe và Bert cúi xuống nhìn chàng, miệng há hốc ra.

Bert nói:

– Chú có thể thuê nhà ấy một năm, không có gì phải lo ngại cả, nhưng vấn đề không phải ở điểm đó.

Ông Tozer rên rĩ:

– Thực thế, vấn đề không phải ở chỗ đó! Gây thù oán với vợ chồng ông Norblom lúc này chắc họ cũng sắp quyết định cho anh thuê nhà của họ rồi! Đem tôi ra làm trò hề, sau bao nhiêu công lao của tôi!

Mọi người bàn đi tính lại mãi cho tới gần mười giờ đêm mà vẫn không xong, nhưng Martin đã tỏ ra cương quyết, và ngày hôm sau chàng thuê căn nhà của Hiền Gia.

Lần đầu tiên trong đời, chàng có một chỗ hoàn toàn của riêng chàng, của riêng chàng và của riêng Leora.

Lòng chàng đầy kiêu hãnh vì có của riêng tây; ngôi nhà của chàng là ngôi nhà đẹp nhất đời, mỗi

viên đá, mỗi ngọn cỏ, mỗi quả đấm cửa, đối với chàng đều đặc biệt, đều đáng yêu.

Lúc mặt trời lặn, chàng ngồi ở phía sau nhà (trên một chiếc thùng xà phòng ọp ẹp rất thú vị, chưa đến nỗi vỡ thành từng mảnh) ngắm cánh đồng mông mênh, có con đường sắt mỏng mảnh chạy tuốt từ chân trời đỏ rực đến tận chân chàng. Chợt Leora đến bên chàng, vòng tay ôm lấy cổ chàng.

Chàng ca tụng tương lai rực rỡ của chàng và nàng bằng một câu có thể ví như một câu thánh ca:

– Em có biết anh tìm được cái gì ở trong bếp không? Một cái khoan cũ đã rỉ sét lại, anh có thể lấy một cái thùng cây đem ra làm một cái giá để ống thí nghiệm... của riêng anh!

CHƯƠNG 15

MARTIN CHĂM CHÚ nghiên cứu cuốn kê các thứ hàng của Công Ty Tân Thức Dụng Cụ và Trang Bị Phẩm của Thị Xã Jersey trong lòng không có một chút tà ý nhạo báng “những kẻ bán thuốc rong” như trước kia đã nhiều lần làm cho các bạn ở Hội Digamma Pi phải bực mình khó chịu về chàng. Cuốn sách rất đẹp. Trên mặt bìa láng bóng màu lục, có in màu đỏ và đen hình ba người: Ông Chủ tịch, mặt mũi phương phi, vốn tính rất mến các Bác sĩ Y khoa trẻ tuổi, Ông Tổng Giám Đốc có vẻ một học giả gầy nhom đêm ngày sàng sào hy sinh tận tụy làm cho nền Khoa học tiến bộ; và Ông Phó Chủ tịch, Giáo sư cũ của Martin Bác sĩ Roscoe Geake vốn là người hoạt động, đeo

kính trắng, có cái vẽ tân tiến riêng biệt. Trên bìa sách lại còn một khoảng nho nhỏ làm cho người ta phải ngạc nhiên, ghi một đoạn văn đầy thi ý, và những lời hứa hẹn đầy cảm hứng:

“Bác sĩ, đừng để tính nhu nhược làm cho mình thành ra nhút nhát! Không vì một lý do nào mà Bác sĩ lại thiếu những dụng cụ gây ấn tượng mạnh cho bệnh nhân, giúp công việc trị liệu được dễ dàng, và đem lại giàu sang vinh hiển. Tất cả những đồ dùng thượng hảo hạng khả dĩ phân biệt những “Vị Lãnh Đạo trong Nghề” với những “Kẻ Ngủ Đần”, tất cả những thứ đó hiện tại bác sĩ có sẵn ngay ở tầm tay, nhờ ở Phương Pháp Tài Chánh của Hãng Tân Thúc: “Bác sĩ chỉ cần bỏ ra một chút ít, kỳ dư coi như được BIẾU KHÔNG – vì Bác sĩ chỉ phải trích ra một phần rất nhỏ ở số tiền rất lớn mà Bác sĩ, nhờ có những dụng cụ của Hãng Tân Thúc nên mọi ngày thu hoạch một tăng lên gấp bội!”

Ở bên kia, lại có một câu in chữ cái kiểu i ô ních, xếp trong một cái khung vẽ hoa nguyệt quế:

“Xin đừng ca tụng những vị quân nhân, những nhà thám hiểm, hay những chính trị gia, vì ai mà có thể sánh được với ông Y khoa Bác sĩ – nhà Hiền Triết, vị anh hùng, không bị nhiễm những tham

vọng bình phàm. Thưa quý vị Bác sĩ, chúng tôi xin kính chào quý vị và trân trọng tặng quý vị bản kê khai các thứ hàng tối tân nhất xưa nay chưa từng có một Hãng sản xuất dụng cụ Y khoa nào trình bày được”.

Bìa mặt sau, tuy màu lục và màu đỏ có kém phần rực rỡ, nhưng không kém phần kích động. Trên mặt bìa này in hình bộ đồ cắt đoạn biên đào của Bindledorf và một máy điện tử Tân Thức, với lời chú thích sau đây:

“Thưa Bác sĩ, có phải Bác sĩ định gọi bệnh nhân của Bác sĩ tới những nhà chuyên môn để cắt đoạn biên đào đi, hoặc tới những bệnh viện có máy điện, v.v... để trị liệu? Nếu vậy, Bác sĩ sẽ mất cơ hội để tỏ ra chính mình là một yếu nhân trong y giới tiến bộ tại địa phương, và mất đi cả một số lớn tiền thù lao nữa. Bác sĩ có MUỐN làm một đệ nhất danh tài toàn khoa y su không? Đây là cái CỬA NGÕ để Bác sĩ tiến tới.

“Bộ đồ nghề của Bindledorf không những chỉ có ích, mà còn đẹp tuyệt vời, nó trang hoàng và tôn giá trị của bất cứ một phòng mạch nào. Chúng tôi bảo đảm rằng nếu phòng mạch của Bác sĩ có đặt bộ Dụng Cụ của Bindledorf và một chiếc Tủ

Điện Tử Trị Bá Chúng (xem chi tiết trang 34 và 97) tiền lợi tức của Bác sĩ từ một ngàn có thể tăng lên thành mười ngàn mỗi năm, và làm cho bệnh nhân của Bác sĩ được vui lòng hơn là những lối dụng công làm việc khổ sở”.

“Khi tuổi trời đã mãn. Thừa Bác sĩ, và đây là lúc Bác sĩ nghĩ tới phần thưởng của mình, tuy đám tang mà Tương Tế Hội tổ chức chôn Bác sĩ có lớn, và lễ vật những bệnh nhân mang ơn Bác sĩ đem tới phúng viếng Bác sĩ có linh đình đến mấy đi nữa, lúc đó liệu Bác sĩ có hài lòng không, nếu Bác sĩ không để lại được chút di sản nào cho lũ con thân yêu và bà vợ trung thành của Bác sĩ là những người đã từng chia sẻ nỗi gian lao cực khổ với Bác sĩ?

“Bác sĩ có thể xông pha trong trận bão tuyết và cơn nóng thiêu đốt, đi xuống nơi thung lũng mà nước mắt đau thương đã nhuộm màu máu đỏ, tranh đấu với những Hung Thần Hắc Y dành lấy sinh mệnh cho các bệnh nhân của Bác sĩ, nhưng tất cả tấm lòng anh dũng ấy sẽ khiếm khuyết nếu không có sự Tân Tiến giúp thêm sức, và muốn được như vậy thì phải dùng tới Bộ Dụng Cụ Cắt Đoạn Biên Đào của Bindledorf và chiếc tủ điện tử trị bá chúng của Hãng Tân Thúc, mà bác sĩ có

thể mua được bằng cách trả góp rất dễ dàng chưa từng thấy trong lịch sử Y khoa!”

II

Martin không chú ý tới những lời văn hoa quyến rũ ấy, vì ý kiến của chàng đối với thi văn cũng giống như ý kiến của chàng đối với những chiếc tủ điện tử trị bá chúng, nhưng chàng đã hăm hở đặt mua một cái bàn sắt nhỏ, một máy khử trùng, chai, lọ, ống thí nghiệm, một cái ghế khám bệnh sơn men trắng có những đôn, ốc vòng răng cua chế tạo rất khéo để có thể biến thành cái bàn giải phẫu. Trong khi chàng khao khát ngắm hình chiếc máy ly tâm, thì Leora ngắm “một bộ bảy chiếc bàn ghế lộng lẫy đến choáng cả mắt để bày trong Phòng Tiếp Khách, bằng gỗ sồi màu khói, bọc bằng thú vãi giả da Barcelona, nó sẽ làm cho phòng mạch của Bác sĩ đẹp đẽ, sang trọng như bất cứ phòng mạch thượng hạng của một Bác sĩ chuyên khoa nào ở Nữ Ước”.

Martin lầu nhầu: “Ồ, để họ ngồi ghế gỗ tron cũng chẳng sao!”

Bà Tozer tìm được trên gác xép đủ ghế cũ để bày trong phòng tiếp khách, và một chiếc tủ sắt cũ mà Leora lấy giấy hồng bôi lên thành một chiếc

tủ đựng dụng cụ trông rất sang. Trong khi chờ người ta gọi cái ghế khám bệnh tới, Martin dùng tạm chiếc đi văng lồi lõm của Hiền Gia, mà Leora đã lấy vải sơn trắng bọc lại rất công phu. Đằng sau chiếc phòng mặt tiền, có hai chiếc phòng nhỏ, trước kia là phòng ngủ và bếp, nay Martin dùng làm phòng khám bệnh và phòng thí nghiệm. Rồi chàng vừa huýt gió, vừa cửa những mảnh ván ra làm mấy chiếc giá gỗ để chai lọ và ống thí nghiệm, và chữa cái bếp dầu hơi làm thành cái lò hơi nóng để khử trùng những đồ thủy tinh.

Chàng bảo vợ, ‘Này Lee, em phải hiểu anh không có đi làm cái trò khảo cứu khoa học đâu nhớ. Anh bỏ cái trò ấy đi rồi’.

Leora mỉm cười ngây thơ, bỏ chàng làm việc một mình, còn nàng đi ra ngoài ngồi bệt xuống đám cỏ dại, tay bó gối, hít mạnh hơi gió nhẹ của đồng cỏ, nhưng cứ độ mười lăm phút lại phải chạy vào trong nhà để xem chàng làm những gì.

Một hôm, vào giờ ăn cơm chiều, ông Tozer ôm về một cái gói, cả nhà xúm lại vừa mở ra coi vừa bàn tán lung tung. Cơm xong, Martin và Leora vội đem cái vật quý giá ấy tới phòng mạch và đóng lên trước cửa. Đó là một tấm biển bằng kính dày, có

hàng chữ mạ vàng, “Arrowsmith, Y Khoa Bác Sĩ”. Rồi hai người đứng quàng tay ôm lưng nhau nhìn lên ngắm nghía, ríu rít vui vẻ. Để tỏ ý niệm tôn kính, chàng lẩm bẩm, “Đó... vàng son chói lọi... oai chưa”.

Ngồi ở bậc cửa sau nhà, hai người vui mừng đã thoát khỏi cảnh ăn chung ở chạ với gia đình ông Tozer. Trên đường sắt, một con tàu chở hàng đương rưng rình chạy tới. Người thợ đốt máy đứng ở đầu tàu giơ tay vẫy họ, cả người thợ giữ thắng ngồi ngắt ghế trên toa hành lý sơn đỏ cũng vậy. Tàu chạy qua rồi, tất cả cánh đồng trở nên lặng lẽ vô cùng, ngoại trừ mấy tiếng dế và tiếng một con ếch kêu ở đằng xa xa.

Chàng khẽ nói: “Chưa bao giờ mình được sung sướng như thế này!”

III

Chàng đã đem từ Zenith về bộ đồ giải phẫu kiểu Ochsner, bây giờ chàng đem ra bày, rồi đứng ngắm từng thứ một: này con dao mổ, sắc, sáng láng; này con dao cắt gân cứng mạnh; này những chiếc kim khâu mũi cong xinh xắn. Ngoài ra còn có một cái kim nhổ răng. Ba Silva đã dặn dò sinh viên, “Các anh đừng quên Bác sĩ ở thôn quê không

những phải biết chữa bệnh, mà còn phải biết nhỏ rằng nữa, lại cần phải biết kiêm cả nghề mục sư trong các đám tang lễ hôn lễ, nghề luật sư trong các vụ ly dị, nghề thợ rèn, kỹ sư sửa cầu cống, tài xế sửa xe hơi nữa, thật đấy; và nếu các anh có bàn tay nồn nà quá không làm nổi mấy nghề ấy, thì đừng có bao giờ đi khuất xa đường xe điện và tiệm sửa sắc đẹp”.

Bệnh nhân thứ nhất Martin tiếp ở phòng khám bệnh mới này, tức là bệnh nhân thứ nhì từ ngày chàng đến ở Wheatsylvania, là Nils Krag, làm thợ mộc, kêu la ầm ĩ lên vì một chiếc răng sâu. Lúc đó là một tuần lễ trước ngày treo tấm bảng bằng kính, và Martin hơn hờ báo Leora “Đã bắt đầu rồi đó! Mai mốt em sẽ thấy họ đổ xô đến cho mà xem!”

Nhưng rồi chẳng thấy ma nào đổ xô đến. Đã mười ngày rồi, Martin hết sửa cái lò hơi nóng, lại ngồi ở bàn đọc sách báo, làm ra vẻ bận rộn. Niềm vui đầu tiên của chàng đã biến thành nỗi bức dọc và nhiều lúc ngồi không, trong cảnh cô tịch, chàng muốn hét to lên cho hả.

Buổi chiều, lúc ấy cũng đã muộn, chàng đương buồn và sửa soạn ra về, chợt có một bác nông phu,

người Thụy Điển, đẩy cửa chạy vào la: “Bác sĩ, tôi bị một cái lưỡi câu đâm vào ngón tay cái, giờ nó sưng lên đau quá”.

Đối với Arrowsmith khi còn là Bác sĩ nội trú ở Tổng Y Viện Zenith, mỗi ngày có hàng trăm bệnh nhân ở ngoài tới chữa, thì việc băng bó một bàn tay đau có quan trọng bằng việc xin một que diêm để châm thuốc hút, nhưng đối với Bác sĩ Arrowsmith của Thôn Wheatsylvania ngày nay thì lại là một công việc khẩn thiết, và bác nông phu trở thành một nhân vật dễ thương, đáng quan tâm. Martin lắc lắc mãi bàn tay trái của bác ta, và ân cần nói: “Từ nay có chuyện gì, bác cứ gọi điện thoại cho tôi... Bác cứ gọi điện thoại cho tôi”.

Chàng thấy số bệnh nhân ham mộ chàng kéo đến đã khá đủ để cho chàng và Leora có cơ thực hiện một điều – một điều duy nhất – mà hai người vẫn hằng khao khát, một điều mà đêm đến, hai người thì thảo với nhau: tậu một chiếc xe hơi để đi khám bệnh ở trong vùng khi có người mời.

Họ đã thấy chiếc xe ấy ở tiệm Frazier, một chiếc xe Ford cũ người ta dùng đã năm năm rồi, đệm đã rách, máy chạy rung cả xe, lò xo thì do một anh thợ rèn chưa từng làm lò xo bao giờ, chế tạo ra.

Wheatsylvania ngoài cái tiếng máy hơi ở xưởng làm kem làm sữa nổ điếc cả tai ra, thì cái tiếng chát chúa quen thuộc nhất ở đây là tiếng đóng cửa chiếc xe Ford của lão Frazier. Lão đóng đánh sầm một cái ở trước cửa tiệm, và thường lão phải đóng ít ra là ba lần như vậy trước khi lão về tới nhà.

Nhưng đối với Martin và Leora, khi vừa mua chiếc xe, với ba cái vỏ mới và một cái còi mới, vừa cảm động đến run cả người lên, thì đó là chiếc xe “bảnh” nhất đời. Đó là chiếc xe riêng của họ; họ muốn đi đâu thì đi, muốn đi lúc nào thì đi.

Trong dịp hè ở khách sạn “Canadian Hotel”, Martin đã học lái xe “Ford Station Wagon”, nhưng đối với Leora thì đây mới là lần thứ nhất nàng dám cầm đến tay lái xe. Nhà có chiếc Overland, nhưng vì Bert dặn dò giao hẹn nàng nhiều thứ quá, nên nàng tức nhất định không thèm mó tới chiếc xe. Nhưng lần đầu tiên ngồi vào bánh lái, đưa mấy ngón tay nhỏ nhỏ ra vặn cái nút làm cho máy nổ, và cảm thấy trong tay nàng nắm tất cả cái sức ấy, cái phép thần kỳ khiến cho nàng muốn đi nhanh thế nào thì đi – trong những giới hạn ghi trên đồng hồ tốc lực – nàng vượt hết mọi sức mạnh bình phàm, nàng cảm thấy mình có thể bay như

một con ngỗng trời – rồi trong lúc phóng xe vào một bãi cát, nòng làm chết máy.

Martin đâm thành ra là “con quỷ cầm tay lái” ở trong làng. Ngồi cùng xe với chàng, có nghĩa là ngồi hai tay giữ chặt lấy mũ, mắt nhắm nghiền lại, chờ chết. Hình như đến cái khúc quẹo, chàng lại tăng tốc độ lên cho nó thêm hứng thú. Trên đường, trước mặt xe chàng đi, bất cứ một cái gì, từ một chiếc xe hơi khác cho tới một con vàng con vện nào đó, cũng làm cho chàng giận điên lên hăm hở gia tăng tốc độ và chỉ khi nào vượt qua được mặt nó rồi, chàng mới nguôi ngoai, bình tĩnh lại. Dân làng ca tụng, “Ông Bác sĩ trẻ mới thực là một tay lái cừ khôi, chịu chơi lắm”. Và họ thường có “hào tâm” để ý chờ nghe tin chàng bị tai nạn chết. Trong số mười, mười hai bệnh nhân đầu tiên kéo đến phòng mạch chàng, có lẽ có tới một nửa đến vì phục và sợ lối lái xe của chàng... còn một nửa vì bệnh tình họ không có gì là trầm trọng, và chàng lại ở gần hơn Bác sĩ Hesselink ở Groningen.

IV

Chàng làm như vậy, có người mến phục chàng, thì cũng có người thù oán chàng.

Khi chàng gặp vợ chồng Norblom ở ngoài

đường – mà ở Wheatsylvania thì khó mà hàng ngày không gặp đủ mặt mọi người ở ngoài đường – thì vợ chồng nhà này lờm nguýt chàng. Rồi chàng lại gây chuyện bất bình với Pete Yeska nữa.

Yeska có một cửa hàng hắc gọi là “hiệu thuốc tây”, chuyên bán kẹo, nước sô đa, thuốc có bằng sáng chế, giấy bắt ruồi, tạp chí, máy giặt, đồ phụ tùng xe Ford, nhưng nếu hắc không làm thêm nghề giám thu bưu điện thì cũng đến đói meo ra. Hắc tự nhận là có bằng bào chế thuốc nhưng hắc pha thuốc theo toa của Martin rất bậy bạ, khiến một hôm chàng phải chạy tới cửa hàng của hắc, báo cho hắc biết.

Yeska nói: “Bọn Bác sĩ trẻ tuổi các ông làm tôi ngán hết sức. Tôi bào chế thuốc theo toa từ hồi các ông còn nằm trong nôi. Ông Bác sĩ già ở đây trước, đơn nào cũng đưa tới cho tôi bào chế. Lối làm việc của tôi rất hợp với tôi, tôi chẳng vì ông hay vì một anh nhãi nhép chưa ráo máu đầu nào mà phải tính tới chuyện thay đổi lối làm việc của tôi cả”.

Từ đó về sau, Martin phải mua thuốc ở St. Paul về, chứa đầy nhóc trong phòng thí nghiệm bé tí tẹo của chàng, và tự chế lấy thuốc viên và thuốc thoa, vừa nhìn một cách nuối tiếc những ống thí nghiệm

và những lớp bụi bám trên cái chuông thủy tinh đây cái kính hiển vi ít khi dùng đến của chàng, trong khi Yeska kết bè kéo cánh với vợ chồng nhà Norblom để thì thào với mọi người rằng: “Cái anh bác sĩ mới đến đây thật chẳng tốt chút nào, mình nên đến chữa ở Ông Hesselink hơn”.

V

Có một tuần lễ quá vắng khách, quá nhàn rỗi, khiến một hôm, vào khoảng ba giờ sáng, chợt có tiếng chuông tê lê phôn ở nhà ông Tozer reo lên, chàng vội vàng dậy chạy ra nghe, hăm hở y như người đương chờ một tin của người tình.

Một giọng khàn và run nói:

– Tôi muốn nói chuyện với bác sĩ.

– Dạ... dạ... chính tôi đây.

– Tôi là Henry Novak, ở cây số bảy về phía đông Bắc, trên đường Leopolis. Đứa con gái nhỏ của tôi, con Mary, bị đau cổ họng, sợ quá, tôi nghĩ nó bị bệnh bạch hầu hầu đầu, trông nó thất sắc đi và... Bác sĩ có thể tới ngay được không?

– Được chứ. Tôi đi ngay lập tức.

Bảy cây số... chàng chỉ đi mất độ tám phút. Chàng mặc vội quần áo, thắt bảy bọ chiếc cà vạt nâu cũ, trong lúc Leora rất hớn hở vì lần đầu tiên

có người mời đi chữa bệnh về đêm. Chàng hăm hở quay mạnh ma ni ven chiếc xe Ford, đóng cửa xe đánh rầm một cái, rú máy chạy qua nhà ga, phóng ra ngoài đồng lúa. Tới cổng nhà nào chàng cũng cho xe chạy chậm lại để đọc tên chủ nhà ghi trên mặt hộp thư đặt ở trước cổng, tới khi nhìn vào đồng hồ chỉ tốc lực, thấy đi đã được mười cây số, chàng mới biết là đã lạc đường. Chàng cho xe vào ngõ một cái trại, ngừng xe dưới rặng liễu, đèn xe chiếu vào một đồng lon sữa miệng cắt nham nhỏ, mấy chiếc bánh xe máy gặt gãy, và cần câu bằng tre. Từ chuồng ngựa xông ra một con chó xồm, lông xù trông rất kỳ dị, sủa âm ỉ, nhảy chồm lên chiếc xe.

Một cái đầu rối bù thò ra ngoài cửa sổ gian nhà dưới, kêu lên giọng Na Thụy Đan:

– Ai hỏi gì?

– Tôi là Bác sĩ. Nhà ông Novak ở đâu, phiền ông chỉ giúp.

– Ô! Bác sĩ! Bác sĩ Hesselink phải không?

– Không! Bác sĩ Arrowsmith.

– Ô! Bác sĩ Arrowsmith ở Wheatsylvania phải không? Ừm. Thế thì ông đã đi quá rồi.

Ông phải quay trở lại độ một cây số rưỡi, rồi rẽ

về tay mặt, dọc theo cái Trường học bằng gạch, nhà ở cạnh đường đi độ bốn chục thước... có cái hầm lúa bằng xi măng; chắc nhà Novak có ai đau?

– Vàng... vàng... con gái ông ấy bị bạch hầu hầu đầu... cảm ơn ông nhé... – Ông nhớ rẽ tay mặt thì không thể lầm đường được.

Có ai đã nghe thấy người ta dặn “Ông không thể nào lầm đường được” mà lại còn lầm đường bao giờ không?

Martin quay xe lại, va phải một khúc cây dùng làm thốt cắt cỏ trên mặt đầy vết dao băm. Chàng phóng xe chạy lóc xọc trên đường cái queo góc đường, phía có Trường học, chứ không queo về phía kia, đi độ một cây số dọc theo con đường nhỏ lầy lội giữa hai bãi cỏ nuôi gia súc, và ngừng lại ở một cái trại. Bốn bề thực là tịch mịch, nên chàng nghe rõ tiếng bò đương nhai cỏ, một con ngựa bạch đứng trong bóng tối giật mình thấy chàng tới gần, ngẩng đầu lên, giương mắt ngơ ngác nhìn chàng. Chàng bóp còi inh ỏi làm cả nhà thức giấc, và một nông dân phát cáu, hét lên, “Ai thế? Đây có sẵn khẩu súng đây!” Chàng vội quay xe ra đường cái.

Từ lúc nhận được cú té lê phôn tới lúc chàng đi

vào một con đường đất bị soi thành luống, thì đã mất bốn mươi phút rồi, chàng thấy ở một bậc cửa nhà, dưới ánh đèn một người đàn ông đang cúi xuống gọi, “Bác sĩ đó phải không? Novak đây”.

Chàng thấy đứa trẻ trong một cái phòng ngủ mới cất xong, bằng gỗ không sơn bóng, tường quét vôi trắng. Trong phòng chỉ có một chiếc giường sắt, một chiếc ghế lưng thẳng, một tấm hình Thánh An in màu, và chiếc đèn xách tay, không có chao, đặt trên một chiếc giá khập khiễng, ánh sáng lơ mờ làm giảm cả cái vẻ bóng lộn của căn phòng mới cất, nối thêm vào ngôi nhà cũ. Một người đàn bà vai u quỳ bên giường. Khi bà ngẩng mặt lên, cái mặt đỏ, đầm đìa nước mắt, thì Novak an ủi:

“Thôi, đừng khóc nữa; Bác sĩ đã tới đây rồi!” và ông nói với Martin: “Cháu đau lắm, nhưng chúng tôi đã hết lòng chạy chữa cho cháu. Đêm qua và đêm nay, chúng tôi phải xông hơi vào cổ cháu, và cho cháu nằm trong phòng ngủ của chính chúng tôi!”

Mary là một bé gái độ bảy, tám tuổi. Martin thấy môi và đầu ngón tay nó tím, mà mặt thì không thấy máu bốc lên. Nó phải oằn oại từng cơn mới thở được, rồi ho, phun ra những bãi nước bọt lấm chấm những đốm xám. Martin lôi ống nhiệt kế ra

coi, chàng có vẻ lo lắng và lắc đầu một cái trông rất điệu nghệ.

Chàng đoán chắc là bệnh bạch hầu hầu đầu viêm hoặc bệnh hạch hầu. Bệnh bạch hầu thì chắc hơn. Không kịp thời giờ để thử vi trùng, cấy vi trùng và để chuẩn định một cách ung dung xem cho thật đích xác bệnh gì nữa. Lúc này là lúc Silva, vị Y sĩ chữa bệnh phải độc chiếm lấy căn phòng, không thể dành một chỗ nào cho Gottlieb nhà luận giả chí thiện vô tình, chỉ đi tìm cái gì thật hoàn hảo, thật viên mãn nữa. Martin mất cả bình tĩnh, cúi xuống nhìn đứa bé nằm trên chiếc giường chần nệm xô lệch, lơ đãng bắt đi bắt lại mạch đứa bé. Chàng thấy mình bất lực vì không có đủ dụng cụ, thuốc men và điều dưỡng viên như ở Tổng Y Viện Zenith, chàng thiếu cả ý kiến vững chắc của Angus Duer. Chợt chàng thấy kính trọng vị Y sĩ cô đơn nơi thôn dã.

Chàng cần phải quyết định, quyết định một cách chắc chắn, và có lẽ nguy hiểm. Chàng sẽ dùng kháng bạch hầu độc tố. Nhưng chắc chắn là không thể mua được kháng độc tố ấy ở tiệm Yeska tại Wheatsylvania.

Leopolis chẳng biết có hay không?

Chàng cố giữ vẻ bình tĩnh bảo Novak: “Ông mau gọi điện thoại cho Blassner, Dược sĩ ở Leopolis”.

Chàng tưởng tượng Blassner đang lái xe trong đêm tối, kính chắn mang kháng độc tố tới ông bác sĩ. Trong lúc Novak hò hét trong tê lê phôn, trong phòng ăn, Martin chờ đợi... chờ đợi... mắt nhắm chiêu không ngớt nhìn đứa bé. Bà Novak đợi chàng làm phép lạ; đứa bé thì vắn vẹo người, khô khè hấp hối đến kinh khủng. Màu tường trắng lóa, đường gỗ thông vàng lọt bóng láng như thôi miên chàng, làm cho chàng buồn ngủ. Chậm quá rồi, nếu không có kháng độc tố hay cất tổng khí quản, thì chẳng còn cách nào khác, có nên giải phẫu, cất tổng khí quản cho nó thở không? Chàng lo lắng đứng lên, chàng buồn ngủ quá, phải lắc lắc cái đầu cho tỉnh. Chàng phải làm một cái gì mới được; kìa trông người mẹ vẫn quỳ kia, há hốc miệng ra nhìn chàng, bắt đầu có vẻ nghi ngờ.

Chàng bảo “lấy ít quần áo ấm... khăn tắm, khăn bàn gì đó cũng được... quấn quanh cổ nó. Cầu trời ông ấy có thể gọi được điện thoại!”

Vừa lúc bà ta rón rén đi đôi giày vải, đem quần áo ấm vào, thì Novak hiện ra, vẻ bối rối: “Chẳng có ai ngủ ở nhà thuốc cả, còn đường dây nói ở nhà

riêng của Blassner thì hỏng”.

“Thế thì ông bà hãy nghe tôi nhớ. Tôi e bệnh cháu có thể trầm trọng lắm đấy. Tôi phải đi kiếm cho ra kháng độc tố. Lái xe đi Leopolis kiếm vậy. Ông bà đắp chăn quần áo cho cháu ấm và... có cái bình xịt nước thì hay quá: cần phải giữ cho cái phòng ấm. Ông có đèn cồn không? Đem vào đây đun một ấm nước sôi, đợi tôi về. Đừng cho nó uống thuốc gì hết. Tôi về ngay”.

Chàng phóng xe đi bốn mươi cây số đến Leopolis mất có ba mươi phút. Đến những ngã tư chẳng lần nào chàng hạ tốc lực xuống cả. Chàng bất chấp những chỗ quẹo, những rễ cây mọc nhô ra ngoài đường. Tuy lúc nào trong đầu óc chàng vẫn có một điểm đen lo lạt xe hay nổ bánh. Xe chạy nhanh, bất chấp nguy hiểm, chàng thấy hào hứng vô cùng, nhất là được ở một mình ngoài gió lạnh, thoát khỏi đôi mắt nhìn chòng chọc của bé Novak, chàng thấy hết sức sảng khoái dễ chịu. Trong trí chàng lúc ấy chỉ nghĩ tới trang sách của Osler nói về bệnh bạch hầu hầu đầu viêm chàng hãy còn nhớ rõ như in từng chữ: “Trong trường hợp bệnh nặng, liều thuốc đầu tiên phải cho từ 8.000...” à không ồ, phải rồi: “... từ 10.000 đến

15.000 đơn vị”.

Chàng lại thấy tự tin. Chàng cảm ơn Thần Khoa Học đã sinh ra kháng độc tố và xe hơi. Chàng quyết cho đây là một “Cuộc Chạy Đua với Tử Thần.”

Chàng hứng chí nghĩ, “mình đua cuộc này... và mình sẽ thắng, cứu được con bé !”

Chàng đến gần một đường xe lửa, cú phóng xe tới, chẳng để ý đến việc có thể có xe lửa chạy qua. Chàng chợt nghe thấy một tiếng còi xé tai, trông thấy một ánh đèn lướt trên đường sắt, chàng vội hãm nhanh xe lại. Chuyến tàu hỏa tốc hành Seattle vụt qua như một núi lửa bay, cách mũi xe chàng độ ba thước tây. Người thợ máy đương xúc than vào lò, tuy trời đã tờ mờ sáng, thế mà ánh lửa trong lò tỏa ra dưới làn khói bốc lên cuộn cuộn, trông vẫn thấy sợ. Con tàu vụt hiện ra rồi biến đi ngay. Martin rùng mình, hai bàn tay đặt trên bánh lái run lên, bàn chân đặt trên chiếc thắng cũng run lên như điệu vũ St. Vitus! Chàng lẩm bẩm, “Thật là chỉ trong đường tơ kẽ tóc, sợ thực!” và chàng nghĩ tới Leora góa bụa, cô đơn trong gia đình Tozer. Nhưng hình ảnh con bé của Novak mỗi lần phải quần quai mới thở được một cái, xóa nhòa hết mọi thứ khác. “Bỏ đời chưa! Mình làm

chết máy rồi!” chàng vừa càu nhàu vừa nhảy qua cửa xe, quay máy cho xe chạy, phóng về Leopolis.

Đối với Quận Crynssen, Leopolis với bốn ngàn dân số, là một đô thị chủ yếu, nhưng trong cái cảnh tang täng sáng im lìm chật chội trông nó chẳng khác gì một bãi tha ma: Đại Mã Lộ thì giống như một bãi cát, và những cửa hàng thì như những chiếc lều vắng. Chàng thấy một chỗ có bóng người thấp thoáng, trong văn phòng lạnh lẽo và trống trải của Hotel Dakota, người thư ký làm đêm đương chơi xì phé với người tài xế xe buýt và viên cảnh binh.

Họ sừng sốt thấy chàng chạy xông xộc vào như điên.

“Tôi là Bác sĩ Arrowsmith ở Wheatsylvania tới. Có đứa trẻ bị bạch hầu sắp chết. Ông Blassner ở đâu? Xin một ông ra xe dẫn tôi đi”.

Viên cảnh binh là một ông già gầy khảnh kheo, chiếc áo ngoài banh ra, để hở chiếc sơ mi không cổ, ống quần nhàu như chiếc đèn xếp, nhưng đôi mắt trông rất cương quyết. Lão dẫn Martin đến nhà ông dược sĩ, đá vào cánh cửa, rồi đứng trong ánh sáng lạnh buổi sớm mai, ngửa cái mặt hom hem, râu ria lởm chồm lên, kêu, “Ed ơi! Ed! Đây

dậy đi! Mau lên!

Ed tức là Dược sĩ Blassner đứng trên cửa sổ cầu nhàu. Đối với lão, truyện chết chóc hay bác sĩ tức giận chỉ là những tin vặt. Vừa mặc quần áo, lão vừa nói chuyện với người vợ đương mơ mơ màng màng, về những cái kho của những anh dược sĩ, và ý định của lão muốn dọn về Los Angeles làm điền địa còn hơn. Nhưng lão có kháng bạch hầu độc tố ở cửa tiệm, và mười sáu phút sau khi thoát bị xe lửa cán chết, Martin lại phóng xe trở về nhà Novak.

VI

Khi chàng hối hả chạy vào thì con bé vẫn còn sống. Trên đường về, lúc nào chàng cũng thấy hình ảnh nó chết cứng ra rồi. Chàng lẩm bẩm: “Cám ơn Thượng Đế!” và sẵn giọng gọi lấy nước nóng. Chàng không còn là một Bác sĩ tay mơ lúng túng nữa mà đã là một lương y lão luyện và quả cảm đã thắng “Cuộc Đua với Tử Thần.” Và cứ nhìn vào đôi mắt què mùa của bà Novak và sự phục tùng sốt sắng của chính Novak, chàng cũng đủ thấy uy quyền của chàng rồi.

Chàng chích kháng độc tố vào mạch máu cho con bé, dáng điệu chàng nhanh nhẹn, vững chắc;

rồi chàng đứng chờ xem kết quả.

Thoạt tiên hơi thở của con bé không có gì thay đổi, nó vẫn bị nghẹt hơi, phải cố gắng lắm mới thở ra được. Rồi trong cổ họng nó có tiếng ọc ọc, nó cố vùng vẫy, trong lúc ấy mặt nó xám ngoét, rồi nó nằm im. Martin chăm chú nhìn, nghi ngờ. Hai vợ chồng Novak dần dần đắm hoảng, tay run run đưa lên miệng. Họ lần lần biết đứa bé bỏ rồi.

Ở nhà thương, chết đã thành chuyện thường, chuyện tự nhiên không quan trọng đối với Martin. Đã bao lần chàng nói với Angus Duer, hay chàng nghe các cô điều dưỡng nói với nhau, hoàn toàn vui vẻ, vô ưu: “Này, số năm mươi bảy vừa đi đong rồi!” Nhưng bây giờ thì chàng điên người lên, muốn làm cho bằng được cái việc chàng không thể làm nổi. Đứa bé không thể nào chết được. Chàng muốn làm một việc gì – chàng không ngót than thở: “Lẽ ra mình phải mổ – Lẽ ra mình phải mổ”.

Chàng mãi nghĩ như vậy, nên một lúc lâu, chàng không nghe thấy tiếng gào khóc của bà Novak: “Con tôi chết rồi à? Chết rồi à?”

Chàng gạt đầu, sợ không dám nhìn vào mặt bà ta.

“Ông giết con tôi, bằng chiếc kim ấy! Mà cũng

không bảo cho chúng tôi biết để đi mời mục sư!”

Trước những tiếng khóc than của bà ta và nỗi đau buồn của người chồng, chàng lùi ra ngoài, lái xe về nhà, lòng trống trải.

Chàng nghĩ: Từ nay mình bỏ, không làm cái nghề y sĩ này nữa”.

Chàng bảo Leora: “Anh hết thời rồi. Anh thực là vô dụng, vô tích sự. Đáng lẽ ra anh phải giải phẫu. Truyện này tung ra, anh chẳng dám nhìn mặt ai nữa. Anh hết thời rồi! Hết thời rồi! Anh đi kiếm việc làm ở phòng thí nghiệm – Dawson Hunziker hay đầu đó”.

Nàng bẻ lại một câu rất chua chát – nhưng thuốc đắng dã tật: “Anh là người kiêu ngạo nhất trần đời! Anh tưởng xưa nay chỉ có mình anh là bác sĩ làm chết bệnh nhân hay sao? Em biết là anh đã làm hết sức anh”.

Nhưng suốt ngày hôm sau, chàng vẫn tự giày vò mình, nhất là ông Tozer lại phàn nàn trong bữa ăn chiều: “Novak và vợ hấn lên phố hôm nay. Họ nói lẽ ra anh phải cứu con gái họ. Sao anh không lưu tâm và tìm cách này cách nọ chữa cho nó? Anh phải thử hết mọi cách chứ! Thực là dở quá, vì vợ chồng Novak có nhiều ảnh hưởng trong giới nông gia Ba

Lan và bọn công nhân ở ngoại quốc về”.

Sau một đêm không ngủ được vì mệt quá, Martin bỗng lái xe đi Leopolis.

Chàng nghe gia đình ông Tozer nói tới Bác sĩ Adam Winter và khen ngợi một cách thành kính. Bác sĩ này đã gần bảy mươi tuổi, là vị bác sĩ thứ nhất ở Quận Crynssen; chàng chạy đi tìm vị hiền tài này. Vừa lái xe, chàng vừa nhạo báng chua chát cái “Cuộc Thi Đua với Tử Thần” quá ư bi lạc của mình và chàng uể oải cho xe chạy vào Đại Mã Lộ bụi bay mù mịt. Phòng mạch của Bác sĩ Winter đặt trên lầu một tiệm tạp hóa, trong một dãy phố dài xây gạch đỏ tươi, bờ tường bằng tôn gò theo kiểu Ai cập. Sau khi đi ngoài cánh đồng nắng cháy, trong cái hành lang rộng rãi mát mẻ, thật là dễ chịu. Martin phải đợi Bác sĩ Winter một vị lão đại tóc hoa râm, giọng trầm trầm ấm áp dễ gây cảm tình, tiếp ba bệnh nhân vẻ người đáng kính xong đầu đấy, chàng mới được mời vào trong phòng khám bệnh.

Cái ghế khám bệnh trông chẳng khác gì mấy cái ghế trước kia Bác sĩ Vickerson ở Elk Mills dùng, và hình như việc sát trùng làm trong một cái bát lớn, nhưng trong một góc phòng có một cái máy điện

tử trị bệnh có nhiều điện cực và nùi đệm chàng chưa từng thấy bao giờ.

Chàng kể cho bác sĩ Winter nghe truyện Novak, thì ông kêu: “Kìa Bác sĩ, việc gì có thể làm được thì Bác sĩ đã làm đủ cả, Bác sĩ đã làm hết sức mình, quá sức mình là đằng khác. Chỉ có một điều là, bận sau, gặp trường hợp quan trọng, Bác sĩ nên mời thêm một bác sĩ lớn tuổi hơn làm cố vấn – không phải bác sĩ cần ý kiến của ông ấy, nhưng để đánh một đòn tâm lý vào gia đình bệnh nhân, chia sẻ bớt trách nhiệm với mình, và giữ cho người ta không trách mình vào chỗ nào được. Tôi, hừ, tôi thường được cái hân hạnh các đồng nghiệp trẻ tuổi mời đi làm công việc ấy. Bác sĩ đợi một chút. Tôi gọi đây nói cho ông chủ bút tờ Tân Văn Nhật Báo để cho ông ấy biết về trường hợp của bác sĩ”.

Gọi điện thoại xong, ông bắt tay Martin hết sức nồng nhiệt. Ông chỉ chiếc máy điện tử nói: “Bác sĩ có một chiếc loại này chưa? Cần phải có mới được, cậu ạ. Đừng tưởng tôi dùng tới nó luôn, không đâu, trừ khi gặp những người kỳ cục, chẳng đâu ốm bệnh tật gì cả, nhưng này, cậu sẽ ngạc nhiên thấy nó có ấn tượng đối với người ta hay đáo để. Rất hoan nghênh Bác sĩ đến thăm chúng tôi. Có

vợ chưa? Hôm chủ nhật nào đó, mời Bác sĩ và Bà tới dùng cơm trưa với chúng tôi nhé. Nhà tôi gặp ông bà chắc vui lắm. Và nếu có dịp nào tôi có thể giúp đỡ Bác sĩ, làm cố vấn – tôi chỉ tính đắt hơn giá thường một chút thôi, và Bác sĩ sẽ thấy bàn cãi về một ‘ca’ với một người lớn tuổi hơn mình, đối với bệnh nhân và gia đình bệnh nhân có ảnh hưởng như thế nào.

Trên đường về, Martin đâm ra huênh hoang kiêu hãnh một cách ngược đời: “Ông tưởng tôi sẽ ham lắm sao! Đợi đấy! Có tẻ đi chẳng nữa, mình cũng chẳng đến nỗi tồi như cái lão già khịt mũi đòi chia tiền thù lao với mình ấy!”

Hai tuần sau, tờ Wheatsylvania Eagle, một tờ lá cải bốn trang bản thủ, đăng tin dưới đây:

“Bạn đồng nghiệp bạo mồm bạo miệng” của chúng tôi, tờ Leopolis Tân Văn Nhật Báo, tuần trước đã nói tới một nhân vật mới đây chúng ta rất hoan nghênh đến nhập tịch Thị xã chúng ta, như sau này: Bác sĩ Hinter, vị lương y lão thành danh vọng ở địa phương vừa cho bản báo biết tin là Bác sĩ M. Arrowsmith ở Wheatsylvania được tất cả Y sĩ Đoàn suốt Lưu Vực Sông Pony ngợi khen vì lòng can đảm và quả cảm mà Bác sĩ Arrowsmith

đã chứng tỏ ra cùng với tài năng tinh tiến của ông về khoa học. Ta cũng nên nhớ rằng trong mọi giới chức nghiệp, không có giới nào mà lại chịu công nhận và tán thưởng đức tính lẫn nhau một cách vô tư, không vụ lợi riêng như Y giới.

“Được mời tới chữa cho đứa con gái nhỏ của ông Novak, một nông gia có tiếng ở gần Delft, và thấy con bé đương hấp hối chết vì bệnh bạch hầu hầu đầu viêm, Bác sĩ Arrowsmith đã cố gắng làm một việc phi thường để cứu đứa bé, tự mình đi mua kháng độc tố ở tận nhà Blassner – vị dược sư rất quen thuộc của chúng ta, có sẵn rất nhiều chất đó còn mới nguyên. Bác sĩ tự lái xe vừa đi vừa về tất cả bảy mươi hai cây số, trong bảy mươi chín phút.

“Rất may là viên cảnh binh luôn luôn mẫn cán của chúng ta là ông Joe Colby đương phiên gác đã giúp Bác sĩ Arrowsmith tìm thấy nhà riêng của ông dược sư ở Đại Lộ Hồng Hà. Ông dược sư đương ngon giấc, vội vàng dậy giao vị thuốc cần dùng kia cho Bác sĩ, nhưng không may đứa bé đã quá hư nhược, không thể cứu sống được nữa; nhưng chính lòng quả cảm và sự nhanh trí và hiểu biết ở trong những trường hợp như thế đã làm cho

nghề Y sĩ là một trong những nghề cao quý nhất, đem lại hạnh phúc cho chúng ta?”

Báo phát hành chưa đầy hai tiếng đồng hồ thì cô Agnes Ingleblad đã đến để hỏi Martin về một bệnh tướng khác của cô, và hai ngày sau thì Novak ở đâu đến nói một cách kiêu hãnh rằng: “Bác sĩ, tất cả những cái gì có thể làm được để chữa cho cháu, chúng tôi đã làm hết sức mình, nhưng tôi đoán là tôi để chậm quá rồi mới mời Bác sĩ. Vợ tôi buồn lắm. Hai chúng tôi đã đọc cái bài trong báo Eagle về vụ này. Chúng tôi đưa cả cho Mục sư coi. À, tôi muốn nhờ Bác sĩ xem hộ tôi bàn chân, tôi bị phong thấp gì đó ở mắt cá đau lắm”.

CHƯƠNG 16

SAU KHOẢNG MỘT NĂM hành nghề y khoa ở Wheatsylvania, Martin không nổi tiếng gì cả, nhưng chàng không vì thế mà ngã lòng.

Mùa hè, chàng lái xe đưa Leora đến sông Pony cắm trại, ăn cơm ngoài trời, bơi lội, rất ồn ào, đập nước tung tóe lên rất khiếm nhã. Sang mùa thu, chàng đi bắn với Bert Tozer, anh vợ chàng. Khi mặt trời lặn, đứng rình chim bay qua để bắn, chàng thấy tính người anh vợ đã kha khá dễ chịu. Và mùa Đông tới, làng xóm bị tuyết phủ cô lập như ở trên một bãi sa mạc trắng xóa, thì họ đi xe trượt tuyết chơi, đánh bài, hoặc hội họp xã giao ở Nhà Thờ.

Khi người ta đến tìm Martin để chữa bệnh,

chàng nhận thấy bệnh nhân, vì nhu cầu, trở nên phục tòng và tử tế. Một vài lần, chàng nổi nóng lên với mấy người dân làng vui tính, thì họ tỏ ra dễ dãi, không bắt lỗi chàng, và giải thích cho chàng hiểu là chàng còn trẻ hơn chàng tưởng, cũng một vài lần, đánh bài ở gian phòng sau cửa hàng Hợp Tác Xã, chàng đã uống quá nhiều rượu huyết ky; nhưng chàng được tiếng là người đáng tin cậy, khéo léo, và thực thà – và nói chung thì không được người ta nể bằng Alec Ingleblad, anh thợ húi, không giàu bằng Nils Krag, anh thợ mộc, và không được xóm giềng chú ý tới bằng anh chủ Ga ra người Phần Lan.

Rồi một tai nạn và một sự lầm lỡ đã làm cho chàng nổi tiếng quanh cả một vùng đến hai chục cây số.

Mùa xuân năm ấy, chàng đi câu. Khi chàng đi ngang qua một cái trại, chợt một người đàn bà chạy ra gọi chàng kêu rằng con bà ta nuốt phải cái đê khâu và đương nghẹt thở, sắp chết. Đồ nghề giải phẫu của chàng có mỗi một con dao nhíp. Chàng lấy hòn đá mài của người chủ trại ra mài cho sắc, rồi bỏ vào ấm đun, nấu lên để khử trùng, xong đem ra giải phẫu cổ họng đứa bé và cứu nó thoát chết.

Tất cả các nhật báo ở Lưu vực Sông Pony đều đăng tin này, và trong khi cái tin này còn đương chấn động lòng người, thì chàng lại chữa cho cô gái già Agnes Ingleblad khỏi “cái bệnh muốn được chữa khỏi bệnh” của cô.

Bà cô này bị lạnh hai bàn tay, máu lưu thông chậm, nửa đêm cho người đi mời chàng đến. Ngày hôm đó, chàng lái xe hai lần đi trên đường lầy lội ở vùng quê, nên ngủ mệt, và trong lúc còn ngái ngủ, chàng cho bà cô uống một liều mã tiền tinh hơi quá tay, làm cho bà cô ngất đi, khí lực bị kích thích, thế là bà cô nhất định cho rằng mình khỏi bệnh. Trong người thay đổi mạnh, khiến bà cô làm cho mọi người phải để ý tới bà cô nhiều hơn là khi bà cô bệnh hoạn – vì đã lâu nay, chẳng mấy ai để ý tới triệu chứng bệnh tật của bà cô nữa. Bà cô đi khắp mọi nơi khen tài Martin, và hết thầy mọi người đều nói: “Tôi nghe từ trước chỉ có mỗi một mình cái ông Bác sĩ Arrowsmith ấy là chữa cho bà cô ấy khá được một tý”.

Dần dần chàng có một số thân chủ nho nhỏ, sòng phẳng, và không có chút gì là đặc biệt cả. Leora và chàng dọn từ nhà Tozer tới một cái nhà gỗ nhỏ ở riêng, có một chiếc phòng vừa dùng làm

chỗ tiếp khách, vừa dùng làm chỗ ăn uống, trong bày một chiếc lò mạ kền đốt dầu tân tạo, vừa sáng vừa thơm, và một cái tủ ly chén bằng gỗ sồi vàng tươi, trên bày một cái ống đựng que diêm kỷ niệm mua ở Hồ Minnetonka. Chàng mua một chiếc máy chụp quang tuyến X và được giữ một chức quản đốc tại Ngân hàng Tozer. Chàng bận đến nỗi chẳng còn thời giờ để mà nghĩ tới những ngày khảo cứu khoa học chàng thường mong ước mà chưa bao giờ có cả. Leora thở dài than: “Có chồng thực đến chán. Trước kia em tưởng lấy anh thì em sẽ theo anh đi lang thang đây đó như một kẻ giang hồ, chứ thực em không bao giờ ngờ rằng em lại thành một Cột Trụ của Công Xã như thế này... Em lười lắm nên không có đi kiếm một anh chồng mới đâu. Em chỉ cảnh cáo anh một điều là: hồi nào mà anh biến thành Giám thị Trường Thánh Kinh Ngày Chủ Nhật, ngày ấy anh đừng có hòng em đánh đại phong cầm và vui cười nghe anh nói truyện hài hước ý nhị về thằng Uy Ly Uy Lý nào đó không thuộc bài “Kim Thập Tự” đâu nhớ!”

II

Cứ như vậy, dần dà Martin lọt vào đám thân hào nhân sĩ trong làng.

Mùa thu năm 1912, khi mấy ông Debs, Roosevelt, Wilson và Taft vận động ủng hộ tổng thống, lúc đó Martin đã ở Wheatsylvania được một năm rưỡi, Bert thành một tay vận động có thể lực. Bert đi dự Hội Nghị Tiểu Bang của “Hội Tiểu Phu Hiện Đại” đem theo về được một mớ tri thức chính trị. Nhiều tỉnh đã gọi phái đoàn vận động tới dự Hội Nghị này. Riêng làng Groningen tổ chức một cuộc tuần hành bằng năm chiếc xe hơi, mỗi chiếc cắm một lá cờ lớn đề:

“GRONINGEN ỦNG HỘ NGƯỜI DA TRẮNG VÀ HẮC DU NẼ “

Bert đi dự Hội Nghị về, tuyên bố là tất cả xe hơi trong tỉnh phải cắm một lá cờ Wheatsylvania. Chàng mua sẵn chục lá, đem bày bán ở Ngân hàng, giá bảy các rưỡi một lá. Bert giải thích cho tất cả những người lui tới Ngân hàng hiểu rằng giá này đúng giá vốn. Sự thực thì chỉ sai biệt có mười một xu thôi. Chàng chạy vội tới tìm Martin bảo chàng phải là người đầu tiên cắm cờ trên xe hơi. Martin phản đối:

– Tôi không thích có cái của khí ấy bay phành phạch trên xe tôi. Vội lại để làm gì kia chứ?

– Để làm gì à? Để quảng cáo cho tỉnh mình chứ còn để làm gì nữa!

– Quảng cáo cái khi gì? Anh tưởng cứ treo cái mảnh giẻ rách bụi bặm ấy sau chiếc xe cà khổ mua cũ lại của người ta, là thiên hạ tin rằng Wheatsylvania cũng là một thủ phủ như Nữu Ước, như Thành dương hay sao?

– Chú chẳng có lòng yêu quê hương xứ sở tí nào cả! Để tôi nói cho chú nghe, nếu chú không treo cờ vào xe, tôi sẽ làm cho tất cả mọi người ở tỉnh này để ý thấy cho mà xem!

Trong khi những chiếc xe cà tịch cà tàng khác loan báo cho thế giới biết, hay ít ra cũng cho mười dặm vuông của thế giới biết rằng Wheatsylvania là một “Thành Phố Phi Thường của Trung Tâm North Dakota” thì cái xe Ford lọc xà lọc xọc của Martin đi không cờ không biển; và khi kẻ thù của chàng là Norblom tung ra lời chỉ trích: “Thiết nghĩ con người ta phải có chút tinh thần ái quốc và ít nhất cũng phải hiểu rằng mình kiếm tiền ở cái đất này, sống nhờ cái đất này chứ!” Mọi người nghe nói đều gật đầu tán thành và phỉ nhổ Martin, và họ bắt đầu nghi ngờ cái danh tiếng “thần y” của chàng.

III

Chàng có mấy người bạn thân – ông thợ cạo, ông

chủ bút báo Eagle, ông chủ ga ra – là những người chàng có thể nói chuyện tự do về săn bắn, về mùa màng, và đánh xì phé với họ. Có lẽ chàng quá thân đối với họ. Ở cái Quận Crynssen này, người ta cho rằng một người làm nghề tự do, thỉnh thoảng có thể uống chút rượu không sao, miễn là phải kín đáo, và để bù lại cái lỗi ấy phải đi xưng tội với ông Mục sư ở vùng lân cận. Nhưng Martin lại rất ít lời với mục sư, và chẳng bao giờ giấu giếm mình uống rượu với đánh bạc cả.

Nếu những bài giảng của ông Mục sư Hội Liên Hiệp Huynh Đệ về giáo lý, về ảnh hưởng tai hại của chiếu bóng, về lương bổng thất thế diện của các mục sư, làm cho chàng phát ngán, không phải vì chàng trẻ tuổi ngạo mạn, có những cảm xúc khác người, mà là vì chàng thấy những điều nhận xét của ông chủ ga ra về nghệ thuật “đi tiền” khi đánh xì phé còn đậm đà ý vị hơn.

Khắp tiểu bang, chỗ nào cũng có những tay đánh xì phé nổi tiếng, trông “quê một cục”, mặt lạnh như tiền, những tay mặc áo sơ mi trần, ngồi nhai thuốc lá; những tay nói câu dài nhất là “pha”, “bỏ”, và khoái “làm thật” những nhà buôn ở nơi khác tới, giấu tiền và cả nể. Hễ nghe tin có “canh

bạc lớn” ở đâu là các “tay tổ” lảng lạng kéo tới “làm ăn” – nào là ông đại lý máy may ở Leopolis, nào là ông chủ xe đò đấm ma ở Nghĩa địa Vanderheide; nào là anh buôn rượu lậu ở St. Luke; nào là lão mập mặt đỏ ở Melody chẳng có nghề nghiệp gì nhất định...

Có một lần (hiện nay suốt Lưu Vực người ta vẫn còn khoái kể lại câu chuyện này) họ chơi luôn một “mách” bảy mươi hai tiếng đồng hồ, trong văn phòng ga ra Wheatsylvania, nguyên trước là cái chuồng ngựa, hiện vẫn còn bừa bãi những áo lót yên, những chiếc roi dài, và mùi hôi ngựa lẫn với mùi hôi ét săng.

Con bạc thay đổi nhau, thỉnh thoảng lẫn ra sàn nhà ngửi một hai tiếng đồng hồ, nhưng lúc nào cũng đủ bốn “chân” trên chiếu bạc. Mùi hôi thuốc lá nhẹ rẻ tiền với mùi xì gà nặng rẻ tiền, lúc nào cũng phảng phất quanh bàn như hồn ma; sàn nhà thì bừa bãi những mẫu thuốc lá, que diêm, lá bài cũ và vỏ chai huýt ky. Trong đám những “tay chiến” ấy có Martin, Alec bác thợ cạo, và một viên cán sự lục lọi, tất cả đều mặc có mỗi chiếc áo thung; ngồi hết giờ này sang giờ khác không nhúc nhích, trang bài, mắt lo đăm nhìn ngang liếc dọc.

Khi Bert biết truyện, lo cho cái thanh danh của Wheatsylvania, chàng đi rêu rao với mọi người về những tật hu thói xấu của Martin và sức nhẫn nại của chính chàng đối với người em rể hư hỏng. Thế là trong khi Martin đương ở thời kỳ cực thịnh, nổi tiếng là một lương y, thì suốt dọc Lưu Vực Sông Pony, chỗ nào người ta cũng đồn âm lên rằng Martin là một người bê tha cờ bạc, rượu chè, không bao giờ đi lễ Nhà Thờ, và mấy ông mấy bà mộ đạo, trong lòng thì lấy thế làm vui thích, nhưng ngoài mặt thì làm ra vẻ buồn rầu than thở “Thấy một người trẻ tuổi hào hoa phong nhã như vậy mà đổ đốn ra thực là đáng tiếc!”

Martin tính vốn đã thiếu nhẫn nại, lại còn búong bình. Chàng bực mình nghe những lời chào hỏi rất thực tâm của người làng: “Bác sĩ phải dành cho chúng tôi vài giọt uống chơi với chứ”, hoặc “Chắc Bác sĩ bận chơi xì phé chẳng còn đâu thời giờ lái xe đến thăm bệnh cho bà nó nhà tôi một chút nhỉ!”

Một hôm chàng đã phạm vào một lỗi kém xã giao một cách vô lý và trẻ con, chả là chàng nghe Norblom nói với viên chủ sự Bưu điện, bảo: “Một thằng ranh con tự xưng là bác sĩ, chỉ vì may tay

chữa được bệnh cho con mụ Agnes dở người, lẽ ra nó không nên rượu chè và làm điều ô nhục...”

Martin liền đứng lại hỏi: “Norblom, anh nói tôi đấy phải không?”

Anh bán hàng kia đứng đĩnh quay lại cười một cách đều giả, đáp: “Tôi còn nhiều chuyện quan trọng đáng nói hơn là nói chuyện anh!”

Khi Martin quay đi, chàng nghe thấy họ cười khúc khích với nhau. Chàng tự nhủ thầm rằng dân làng này bản tính rất rộng lượng, việc họ ngồi lê đôi mách, xoi bói tới chuyện mình, một phần cũng do họ có lòng mến mình, và những chuyện như thế, không thể tránh được trong một cái làng mà cả năm chỉ có mỗi một việc quan trọng nhất là cuộc đi chơi cắm trại, ăn uống ở ngoài trời của Lớp Thánh Kinh Chủ Nhật của Hội Liên Hiệp Huynh Đệ tổ chức vào ngày Mồng Bốn Tháng Bảy. Nhưng chàng không thể nào nhịn mà không khó chịu bực mình mỗi khi thấy họ bất cứ chuyện gì cũng đem ra nói, bàn đi tán lại như điên, mãi không rút từng chi tiết một. Chàng thấy hình như tất cả những lời chàng nói trong phòng khám bệnh, dù là những lời hết sức nhỏ nhặt đi nữa cũng được thấu thanh và truyền

từ tai người này sang tai người khác, lan ra khắp các ngã đường làng.

Chàng có thể thích nói chuyện về câu cá với bác thợ cạo, mà cũng có thể hạ mình bắt chước mọi người nói chuyện về thời tiết nắng mưa, nhưng ngoài Leora ra, chàng chẳng còn ai để có thể nói chuyện về công việc cả. Angus Duer thì lạnh lùng, nhưng hơi có điều gì thay đổi mới lạ về kỹ thuật giải phẫu, Angus đều biết hết, và đem ra tranh luận rất sôi nổi.

Martin thấy nếu cứ sống mãi trong cái không khí này, nếu chàng không chịu tranh đấu mãnh liệt, thì dưới cái áp lực của người làng, không những tinh thần chàng sẽ thành ra nhút nhát, mà chàng còn bị trói gò vào một công việc thường ngày là cấp đơn thuốc với băng bó cho bệnh nhân mà thôi.

Chàng phải đến Bác sĩ Hesselink ở Gronningen may ra có thể kiếm được thứ gì kích thích khiến chàng có thể hăng hái làm việc được chăng.

Chàng mới gặp Bác sĩ này có một lần, nhưng đi đến đâu chàng cũng nghe người ta khen ông là người thầy thuốc liêm khiết nhất Lưu Vực. Bụng nghĩ như vậy, chàng lái ngay xe đi thăm ông ấy.

Bác sĩ Hesselink trạc độ bốn mươi, người hồng hào, to lớn, vai rộng. Thoạt nhìn, ai cũng biết ngay ông là người cẩn thận, không sợ một cái gì cả: nhưng lại rất kém óc tưởng tượng. Ông tiếp chàng không lấy gì làm niềm nở cho lắm, đôi mắt nhìn như có ý nói: “Thế nào, ông hỏi gì? Tôi bận lắm đây”.

Chàng nói:

– Thưa Bác sĩ, Bác sĩ có thấy khó theo dõi cho kịp những sự tiến bộ của y khoa không?

– Không. Mình đọc báo chí y khoa chứ.

– Dạ. Thưa thế – khi quá – tôi không có ý muốn để tình cảm trong việc này, nhưng thưa Bác sĩ có nhận thấy là nếu mình không giữ liên lạc, tiếp xúc luôn với những “Tay Đầu Sỏ” thì về phương diện tinh thần mình sẽ đâm ra lười biếng không – chẳng hạn như mất nguồn cảm hứng không?

– Tôi không thấy như vậy! Dem hết tâm trí ra để giúp đỡ bệnh nhân đối với tôi cũng đủ là một nguồn cảm hứng rồi.

Chàng phản đối thắm trong bụng: “Được rồi, nếu anh không muốn thân thiện, thì tôi cũng cóc cần anh!” nhưng chàng cũng cố thử một lần nữa:

– Vâng, tôi hiểu. Nhưng để có được cái vui trong

công việc, cái thú học hỏi thêm để cho tri thức mình về y khoa được tăng tiến lên, Bác sĩ có thể làm cách nào để theo dõi cho kịp nếu không có cái gì khác hơn là hàng ngày hành nghề giữa đám đông dân quê?

– Arrowsmith, tôi nói thế này khi không phải, nhưng phần nhiều những bác sĩ trẻ tuổi các ông cho mình là hơn người nhà quê, thực ra công việc họ làm còn hay hơn các ông. Ông tưởng cứ ở những nơi thành thị có thật nhiều thư viện, nhiều hội nghị y khoa và mọi thứ các ông mới có thể tiến bộ hay sao? Tôi thì tôi thấy chẳng có cái gì cản trở ông học thêm ở nhà! Ông tưởng ông có giáo dục hơn những người nhà quê, thế mà tôi thấy ông cũng nói những tiếng “khỉ” với lại “đầu sỏ” gì đó. Ông có đọc nhiều sách báo không? Riêng tôi, tôi rất hài lòng. Dân chúng ở đây trả tôi rất hậu, họ rất phục công việc của tôi, họ kính trọng tôi, bầu tôi vào Ban Quản Trị Học Đường. Tôi thấy rất nhiều người nhà quê ở đây biết suy nghĩ chín chắn và thẳng thắn hơn những ông trí thức tôi gặp ở nơi thành thị. Không. Tôi chẳng có lý gì để tự cho mình là ưu việt hơn người, hay là thấy mình lẻ loi cả!

Martin lầu bầu trong miệng: “Nào ai có thấy lý gì đâu!”

Trong khi lái xe quay về, chàng nghĩ giận cái lối Hesselink “làm bộ ta đây, không cho mình là ưu việt hơn người”, và chàng đâm ra nghĩ ngợi khó chịu. Chàng tốt nghiệp đại học, nhưng chẳng biết một tý gì về Kinh tế, Lịch sử, Âm nhạc hay Hội họa, trừ ra trong lúc hồi hả học thi, chàng không đọc thơ của ai khác ngoài thơ của Robert Service, còn về văn thì ngoài những bài báo về y học chàng thường đọc, còn có những tin tức về bóng cầu, về những vụ giết người trong các nhật báo Minneapolis và tiểu thuyết phóng đăng Miền Tây trong các tạp chí.

Bơ vơ trong sa mạc Wheatsylvania, chàng kiểm điểm lại những “câu truyện tình ranh” mà chàng cho là chính chàng đã hướng dẫn ở Mohalis. Chàng nhớ rằng đối với Clif Clawson, ai mà dùng những câu không có cái giọng thân mật và thô tục như giọng của những anh tài xế ca mi ông, tức là người ấy có tính phô trương, còn lời ăn tiếng nói của chính chàng chỉ khác với lời ăn tiếng nói của Clif ở chỗ không lập dị bằng và không độc đáo bằng. Chàng không thể nhớ được gì khác ngoài cái

triết lý của Gottlieb, những lời gắt gỏng một đôi khi Angus Duer thốt ra, những câu nói ra ngoài đề của Madeline, mười câu chàng chỉ nhớ một, và những lời khuyên bảo của Ba Silva thì quá cao siêu vượt hẳn trình độ những câu chuyện ở trong tiệm hớt tóc của Alec Ingleblad.

Về nhà, chàng thấy ghét Hesselink, nhưng cũng chẳng tự thấy yêu mình bằng cách nào được, chàng tóm được Leora, thấy nàng bình tĩnh ung thuận, chàng bảo hai vợ chồng sẽ “đóng cửa học hỏi thêm, dù có chết cũng cam”. Thế rồi chàng thực hành ngay, y như khi chàng còn đi học khoa vi trùng.

Chàng đem Lịch Sử Âu Châu đọc to lên cho Leora nghe, trông nàng có vẻ chú ý hay ít nhất cũng không bắt lỗi chàng; chàng mở xẻ những câu trong cuốn “Cái Chén Vàng” một ông giáo vô phước nào bỏ quên ở nhà Tozer. Chàng mượn của một ông chủ báo trong làng một cuốn tiểu thuyết của Conrad, và sau đó, mỗi khi lái xe trên những con đường ngoài đồng cỏ, chàng lại tưởng chừng như đương tiến vào những làng xóm trong rừng rậm – thấy nào những chiếc mũ li e đầy đội nắng, nào những bông phong lan, những ngôi đền

hoang thờ những dâm thần, mình người mặt chó, nào những dòng sông huyền bí, không bao giờ có ánh mặt trời chiếu tới. Chàng tự biết lời ăn tiếng nói của chàng kém cỏi. Không thể nói rằng chàng tiến bộ ăn nói hoạt bát ngay, nhưng rất có thể là trong những đêm dài đọc sách dữ dội như vậy với Leora, chàng đã tiến thêm một hay hai bước tới những nơi mê hồn bí hiểm của cái thế giới của Gottlieb – chỉ một đôi khi mê hồn thôi, còn bí hiểm thì luôn luôn không lúc nào ngớt.

Tuy trở lại làm một học sinh như vậy, chàng vẫn không được thỏa mãn như Bác sĩ Hesselink.

IV

Gustaf Sondelius đã trở về Mỹ.

Khi còn ở trường thuốc, Martin đã đọc những bài báo nói về Sondelius, người chiến sĩ của khoa học. Ông có nhiều văn bằng, giàu và tính khí kỳ quặc, đã chẳng chịu giam mình trong phòng thí nghiệm, mà cũng không thích có một phòng khám bệnh cho tử tế, một cái nhà ở riêng cho lịch sự, hay một bà vợ cho duyên dáng, ông đi chu du thiên hạ, chiến đấu với các bệnh dịch, lập các học viện, đọc những bài diễn văn không hợp thời, và nếm các thứ rượu mới. Ông vốn người Thụy điển,

theo học ở Đức, mỗi thứ tiếng biết một ít, có câu lạc bộ ở Luân đôn, Ba lê, Hoa thịnh đốn, Nữ ươc. Người ta đã nghe nói tới ông từ Batoum, và Phúc châu, từ Milan và Bechuanaland, từ Antofagasta và Cape Romanzoff. Manson, trong cuốn “Những Bệnh ở Nhiệt Đới” có nói tới phương pháp giết chuột rất hiệu nghiệm của Sondelius bằng hơi a cit hy drô cy a nic, và tờ *The Sketch* một lần nói tới lối chơi ác của ông để được bạc.

Bất cứ ở chỗ sang hay hèn, ông luôn luôn tuyên bố rằng hầu hết các bệnh đều có thể diệt trừ và cần phải diệt trừ; những bệnh lao, ung thư, thương hàn, dịch hạch, cảm cúm, là một đạo quân xâm lăng mà thế giới cần phải “động viên” – nói theo nghĩa đen của nó – để chống lại, và những nhà cầm quyền y tế phải thay thế cho các ông tướng lãnh và vua dầu hỏa. Ông đã đi diễn thuyết khắp nước Mỹ, và những lời tuyên bố vững chắc và cấp bách của ông đều được các báo đăng tải.

Martin phần nhiều không thích đọc những bài nhật báo nói về khoa học hay vệ sinh, nhưng lòng nhiệt thành hăng hái của Sondelius đã làm cho chàng phải chú ý, và con người chàng bỗng cải hóa – một sự vô cùng quan trọng đối với chàng.

Chàng tự nhủ rằng mặc dầu chàng có thể làm cho bệnh nhân bớt đau khổ, nhưng điều chính yếu chàng là một nhà kinh doanh, cạnh tranh với Bác sĩ Winter ở Leopolis và Bác sĩ Hesselink ở Groningen. Tuy bọn họ có thể là người lương thiện, nhưng lương thiện và chữa bệnh chỉ là mục đích thứ yếu của bọn họ, đâu có bằng mục đích chính yếu của bọn họ là làm tiền; nếu đem diệt trừ hết những bệnh tật có thể tránh được và làm cho dân chúng khỏe mạnh vô bệnh tật, thật là việc tai hại nhất đời cho bọn họ; như vậy cần phải đem nhân viên công vụ y tế ra thay hết bọn họ đi.

Cũng như hết thảy những người nhiệt tâm tin thuyết bất khả tri luận, Martin là một người có óc tín ngưỡng. Tự khi lòng tôn thờ Gottlieb của chàng chết đi, chàng vẫn tìm một thú đam mê khác mà không biết, đến bây giờ thì chàng đã tìm thấy cái thú đó ở trong công cuộc chiến đấu với bệnh tật của Sondelius. Chàng đam ra làm cho bệnh nhân của chàng khó chịu bực mình cũng như trước kia đã một lần chàng đối xử với các bạn trong Hội Digamma Pi, làm cho họ phải bực mình vì chàng.

Chàng bảo các nông dân chủ trại ở Delft rằng họ không có quyền để cho nhiều người mắc bệnh

lao như thế. Nghe chàng nói, họ giận lắm, vì không có một quyền công dân Mỹ nào được đặt ra – hoặc thường được sử dụng bằng quyền đầu ồm. Họ cáu lên nói: “Nó tưởng nó là ông gì không biết? Mình mời nó đến để chữa bệnh, chứ có phải để chỉ huy điều khiển mình đâu! Cái gì mà cái thằng chết tiệt ấy bảo mình phải đốt nhà đi – nó bảo nếu mình để có bệnh lao ở đây tức là mình phạm một trọng tội! Không! Mình không thể để cho một đứa nào nói mình như thế được!”

Martin đã thấy mọi việc sáng tỏ – quá sáng tỏ là đằng khác – Quốc gia phải đào tạo ra những bác sĩ độc đoán tài giỏi nhất trong giới công chức, ngay lập tức. Chỉ có cách đó mới xong. Nhưng làm cách nào để các công chức biến thành những nhà hành pháp giỏi, và làm cách nào để dân chúng chịu tuân theo lời công chức, thì chàng không để xướng ra được, mà chỉ tin tưởng một cách lạc quan thôi.

Ngồi ăn sáng, chàng than phiền: “Lại một ngày vô vị ngồi viết đơn thuốc đau bụng nữa đây, một bệnh đáng lẽ không để xảy ra mới phải! Ước gì mình có thể nhảy vào cuộc “Đại Chiến Bệnh Tật”, tranh đấu bên cạnh những người như Sondelius. A! Cứ thế này mãi thì mệt quá đi thôi!”

Leora khẽ nói: “Vâng, em hứa em sẽ khỏe mạnh, không bao giờ đau bụng, đau bảo, ho lao hay đau bất cứ một bệnh tật gì, vậy xin anh đừng có thuyết em nữa!”

Nhiều lúc giận lắm, nhưng Martin vẫn phải tỏ ra ôn tồn dịu dàng, vì Leora có thai.

V

Còn năm tháng nữa thời sanh đứa bé. Martin hứa sẽ cho nó hưởng tất cả những thứ mà trước kia chàng không được hưởng.

Một buổi chiều xuân khi mặt trời đương lặn, hai người ngồi với nhau ở cổng, chàng nói giọng khao khát: “Con chúng mình sẽ được giáo dục đầy đủ hần hoi. Nó sẽ học văn chương và các môn khác. Chúng mình chẳng được học hành gì mấy, và bây giờ chôn chân suốt đời ở cái xó vển vển có hai con đường tẻo nhau với cái ngã tư này, nhưng có lẽ mình cũng có tiến hơn ông cha mình một chút, và con mình sau này sẽ tiến hơn mình chút nữa”.

Tuy náo nức và hăng hái như vậy, nhưng trong lòng chàng vẫn lo lắng. Hồi sáng, Leora bị một cơn đau bất thường. Nàng đi lê la quanh quẩn khắp nhà, mặt hốc hác xanh như tàu lá, đầu tóc rối bù, mãi tới buổi trưa mới đỡ một chút. Martin kiểm

được một con bé ở chẳng thạo một việc gì cả, dẫn về để giúp việc lật vật, lau đĩa lau chén, quét nhà quét cửa. Chiều chiều, chàng đọc sách cho nàng nghe, bây giờ chàng không đọc lịch sử và Henry James nữa mà đọc truyện “Bà Vích Vườn Cải”, cả hai người đều cho là truyện rất hay. Chàng ngồi ở dưới đất bên cạnh cái đi văng mua cũ lại của người ta, đệm đã bị nhậy cắn lung tung, những lúc mệt mỏi nàng thường nằm nghỉ trên đi văng; chàng cầm tay nàng giọng oang oang vui vẻ:

“Trời đất ơi! Chúng mình... Ồ, không, sao lại “Trời đất ơi!” Mà chẳng dùng mấy tiếng “Trời đất ơi!” ấy, thì còn biết dùng tiếng gì nữa? Dầu sao thì một ngày nào đó, chúng mình sẽ để dành tiền đủ để sang Ý Đại Ly và một vài nơi nào đó, chơi một vài tháng. Tất cả những con đường nhỏ hẹp cổ kính ấy! Những lâu đài cổ kính ấy. Chắc có những cái xưa từ vài... trăm năm về trước hay lâu hơn thế nữa! Và mình sẽ đem theo cả thằng con của mình đi... Ngay nếu nó là con gái đi nữa thì cũng mặc xác nó!... Nó sẽ học nói tiếng Ý, tiếng Pháp, đủ mọi thứ như một thổ dân thực thụ, và cha nó, mẹ nó sẽ hãnh diện vì nó! Ồ, lúc đó hai đứa mình sẽ thành một đôi chim già dữ tợn! Chúng mình chưa

bao giờ có tinh thần hơn một con thỏ, em hay anh cũng vậy, và chắc chắn là đến bảy mươi tuổi, chúng mình cùng sẽ ngày ngày ra ngồi ở bậc cửa, miệng ngậm cái điếu ống, chế giễu những người đáng kính đi qua, và kể với nhau những chuyện xấu xa bê bối của người ta, khiến người ta phát tức lên muốn bắn mình một phát cho bỏ ghét; còn thằng con trai của mình... nó sẽ đội mũ cao, có tài xế lái xe... và không dám nhìn nhận chúng mình nữa!”

Chàng đã tập quen cái lối vui vẻ giả dối của người thầy thuốc, nên khi thấy nàng bị con đau buổi sáng hành, mặt tái đi nhần nhần nhó nhó, thì chàng nói lớn: “Đó, trông bà nó nhà tôi hay chưa kia! Nếu bà nó không đau thì không có con đẹp để khỏe mạnh được đâu. Ai có bầu mà chả thế!”

Thực ra chàng đã nói dối, và chàng đương lo thảm trong bụng. Mỗi lần nghĩ nàng có thể chết, chàng thấy như mình cũng chết đi với nàng. Thiếu nàng, chắc chàng chẳng còn thiết làm gì, hay đi đâu nữa. Cho dầu có nắm cả thế giới trong tay mà không có nàng để phô cho nàng xem, thì cũng chẳng có giá trị gì cả...

Chàng oán trách Trẻ Tạo chơi khăm đánh bầy người ta, bày ra những cảnh sáng trắng huyền ảo,

những vòng tay ngà ngọc, những bộ đùi trắng nõn, những nỗi cô đơn dễ xúc động lòng người, đưa đến chỗ thụ thai, rồi làm cho sự sinh đẻ thê thảm, vô duyên, và làm hao mòn sức khỏe như thế kia. Chàng đâm ra cộc cằn, ăn nói nhăm nhẩn với những bệnh nhân mời chàng về nhà ở vùng quê thăm bệnh. Thực ra chưa bao giờ chàng lại thông cảm nỗi đau đón của họ như bây giờ, vì chàng đã sáng mắt ra, hiểu thế nào là đau đón, nhưng chàng không thể xa Leora trong lúc nàng đang cần chàng.

Cơn đau mỗi buổi sáng của nàng bây giờ biến ra chúng nồn ọe nguy cấp. Rồi một hôm, bất thành linh, nàng đau quặn người đi như sắp chết, trông không ra hồn người nữa. Chàng cho mời Bác sĩ Hesselink, rồi cái buổi trưa kinh khủng ấy, trong khi ở bên ngoài cửa sổ cánh đồng cỏ chan hòa hơi xuân, thì ở bên trong căn phòng ngột ngạt hơi thuốc mê i ô đô phóc, hai vị bác sĩ lấy đứa bé ra, nó đã chết trong bụng mẹ...

Giá như lúc khác thì chàng đã có thể hiểu được vì sao mà Hesselink thành công, chàng đã nhận thấy vẻ trang nghiêm và đáng yêu ấy, lòng thương người và lòng tự tin ấy, tất cả những cái đó đã khiến cho người ta vững tâm giao phó sinh mệnh

của mình cho Hesselink. Lúc này ông không còn lạnh lùng và gắt gỏng mà ông là một người anh lớn tuổi hơn, kinh nghiệm hơn, rất thương xót em. Nhưng lúc bấy giờ Martin không thấy gì cả. Chàng không còn là một y sĩ, mà là một đứa trẻ kinh hãi không giúp ích được cho Hesselink bằng một cô điều dưỡng kém cỏi nhất.

Khi biết chắc là Leora sẽ bình phục, chàng ngồi bên giường nàng vỗ về an ủi: “Mình phải cương quyết rằng mình không thể có con lúc này, và anh muốn... Ô, anh thực là tồi! Tính xấu quá hay quạu quọ gắt gỏng. Nhưng riêng đối với em, anh muốn làm hết thảy mọi thứ!”

Nàng thì thào nói rất khẽ, khó nghe:

“Thằng bé nếu còn thì dễ thương hết sức. Ô, em biết! Em vẫn thường thấy nó. Vì em biết nó sẽ giống hệt anh, khi anh còn bé”. Nàng gượng cười vui: “Có lẽ em thích có nó vì em có thể dạy nó, sai khiến nó theo ý em được. Em chưa bao giờ có ai chịu để em dạy, để em sai khiến theo ý em cả. Nhưng nếu em không thể có hẳn một đứa con, thì em phải nuôi anh vậy. Em sẽ làm cho anh thành một vĩ nhân, mọi người phải kính phục, như ông Sondelius của anh ấy... Anh yêu à, thấy anh lo buồn, em lo buồn hết sức...”

CHƯƠNG 17

BÁC SĨ COUGHLIN ở Leopolis có một bộ râu ngô, một tấm lòng nhiệt thành, và một chiếc xe Maxwell, chiếc xe đến tháng năm này đã được ba năm, nước sơn đã mờ ố, tuy nhiên ông tin nó là chiếc xe chạy nhanh nhất, đẹp nhất ở Dakota.

Hôm ấy về nhà lòng vui vô hạn, ông cũng đưa con bé nhất trong ba đứa, và bảo vợ:

- Tuyết Xinh này, anh có ý kiến này tuyệt thú.
- Vâng, và anh có cái hơi thở cũng tuyệt thú lắm. Em chỉ mong anh bỏ cái thói nếm mãi cái thứ rượu Phu Mạnh Tửu ở tiệm thuốc đi thì mới thực là tuyệt thú!
- Em cứ nói mãi! Nhưng thực đấy, hãy nghe anh nói đã!

– Em chẳng nghe gì hết! (rồi bà vui vẻ hôn ông)
Mùa hè này không có đi Los Angeles đâu đấy. Xa quá, lại thêm lũ trẻ la hét om sòm.

– Thì nhất định rồi. Xong rồi. Không đi đến đó nữa. Nhưng ý anh là: mình hãy xếp va ly quần áo đi một tua vòng quanh tiểu bang trong một tuần lễ chơi: Ngày, mai hay mốt là đi đấy. Hiện tại anh chẳng có gì bận cả trừ có cái bà sắp sanh kia, anh sẽ nhờ Winter săn sóc hộ.

– Đi thì đi nhân tiện thử xem mấy cái bình thủy đựng nước sôi mới mua có tốt không.

Bác sĩ Coughlin cùng với vợ và ba đứa con khởi hành lúc bốn giờ sáng, cái xe thoát kỳ thủy được thu xếp rất khéo, nên cũng không có gì đáng chú ý, nhưng ba hôm sau, khi xe chạy qua con đường tuy thẳng bằng không ngoằn ngoèo một ly một tý nào nhưng lại lồi lõm gồ ghề đến hàng ngàn cây số, qua cánh đồng lúa non xanh rờn, nếu người ta đến gần xe sẽ thấy bác sĩ mặc đồ ka ki, đeo kính gọng sừng, đội mũ bơi thuyền bằng vải trắng; bà vợ thì mặc chiếc áo bờ lu bằng nỉ xanh lục, đội chiếc mũ đăng ten mà người ta chỉ dùng ở trong phòng riêng. Ngoài ra chiếc xe hơi lộn xộn. Nếu có ai đi xe qua thì sẽ thấy bùn bám đầy bánh xe và lá

chấn, trong xe có một cái bình nước kiểu Ai cập vỏ bọc vải bố, một cái xẻng, trẻ con, hai đứa lớn thì thò đầu ra ngoài trông rất nguy hiểm, lưỡi thè lè ra trên người qua đường, tã lót của đứa bé nhất thì treo trên sợi dây căng ngang một chiếc thùng lớn, một cuốn tiểu thuyết rách nát, bảy que kẹo, một cái kích xe, một cần câu, và một lều vải cuộn lại.

Cái ấn tượng chót nữa là hai lá cờ đề: “Leopolis, ND” và “Xin lỗi: Xe Chạy Bụi Quá”.

Gia đình bác sĩ Coughlin đã gặp nhiều chuyện phiêu lưu thú vị. Một lần xe bị kẹt trong một hố bùn, ông lấy mấy thanh gỗ hàng rào làm một cái cầu cho mọi người ở trên xe bước xuống và được họ reo hò tán phục. Một lần máy không đánh lửa, phải gọi dây nói kêu một thợ sửa xe tới chữa. Trong khi chờ đợi, họ tới thăm một xưởng sửa có trang bị máy điện. Dầu sao cuộc du lịch đã làm cho họ được rộng tầm con mắt, họ khám phá thấy những kỳ quan của thế giới bao la: nào rạp tuồng và chiếu bóng ở Roundup, dàn nhạc không những có dương cầm chơi bằng tay mà cả vĩ cầm cũng chơi bằng tay, nào cái trại nuôi chồn đen ở Melody, nào cái hồ lọc nước Severance có tiếng là cao nhất Trung Tâm North Dakota.

Bác sĩ Coughlin đến đâu cũng “tạt vào thăm nói chuyện cho hết ngày” với tất cả các bác sĩ ở đó – đúng lời ông nói như vậy. Ở St. Luke ông có một người bạn thân là bác sĩ Tromp – ít nhất họ đã gặp nhau hai lần, trong kỳ Đại Hội Thường Niên của Hội Y khoa Lưu Vực Sông Pony; khi ông phàn nàn với Tromp rằng các khách sạn bẩn thỉu quá, thì Tromp có vẻ nguơng, không biết khu xử ra sao, ông thở dài nói: “Nếu vợ tôi có thể thu xếp cách nào được thì tôi xin mời ông bà và gia đình ở đây đêm nay với chúng tôi!”

Coughlin nói: “Ồ, chúng tôi đâu dám quấy quả ông bà. Nhưng có thực như vậy không có gì phiền nhiễu không?”

Sau khi bà Tromp đã nguôi giận bỏ ý định gọi chồng ra một chỗ để trách thăm cho mấy câu thậm tệ, và sau khi thằng con lớn của ông bà đã học thuộc câu “một cậu bé lịch sự mà đá những bạn nhỏ của mình từ nơi xa xôi, thật xa xôi, tới thăm mình thì không tốt chút nào”, tất cả mọi người đều hết sức vui vẻ. Hai bà Coughlin và Tromp than phiền với nhau về giá xà bông giặt, giá bơ, và trao đổi với nhau những cách thức muối đào, trong khi hai ông ngồi ở đầu ngõ, bắt chân

chữ ngữ, hùng hồn khua điệu xì gà lên, mê mải nói chuyện với nhau về công việc làm ăn:

– Này, Bác sĩ thấy việc thu tiền nông ra làm sao?

Đó là lời Coughlin nói – mà cũng có thể là Tromp nói.

– Dạ, cũng khá. Mấy người Đức trả sòng phẳng nhất. Chẳng bao giờ phải gửi giấy đòi họ cả, cứ sau khi gặt hái xong là tự họ đến hỏi “Tôi thiếu của Bác sĩ bao nhiêu”.

– Ủa, bọn Đức trả tiền nông khá lắm.

– Ừm, đó là cái chắc. Bọn Đức không mấy khi ăn quýt đâu.

– Vâng, sự thực là như vậy. À, Bác sĩ này, bệnh hoàng đả, Bác sĩ chữa ra làm sao? Bác sĩ bảo tôi với.

– Vâng, để tôi nói Bác sĩ nghe: nếu bệnh kéo dài lâu ngày thì tôi cho uống cò lo rít am mô.

– Thế à? tôi cũng cho uống cò lo rít am mô, nhưng hôm nọ xem một bài thông tri trong tờ nhật báo của Hội Y Học Hoa Kỳ, một thằng cha nào đó lại cho là không công hiệu.

– Có thực thế không! Chà! Chà! Tôi không biết đấy! Hừ! chà! Này Bác sĩ, bệnh suyễn bác sĩ xem có chữa được không?

– Bệnh suyễn ấy à? Bác sĩ này, tôi nói riêng với Bác sĩ thôi đấy nhá, tôi nói điều này chắc Bác sĩ lấy làm ngạc nhiên và buồn cười lắm, nhưng tôi tin rằng phổi con chồn chữa suyễn rất hay, cả lao nữa. Một lần tôi có nói chuyện với một tay chuyên môn về phổi ở Thị Xã Sioux thì hắn cười tôi, bảo như vậy không phải là khoa học, và tôi bảo hắn, “khoa học!” tôi bảo “cái cóc khô gì!”, tôi bảo tôi chẳng biết đó có phải là một ý tưởng ngông cuồng, một tin tốt đẹp cuối cùng trong khoa học hay không”, tôi bảo “nhưng tôi thấy có kết quả, và có kết quả là đủ rồi, tôi chỉ cần có vậy! Nói thật với Bác sĩ chứ một Y sĩ nội khoa làm việc siêng năng vất vả, có thể không có nhiều văn bằng nhưng thấy nhiều điều huyền bí mà ông ta không thể giải thích được và tôi thể với Bác sĩ là tôi tin phần nhiều những kẻ được đoán định là khoa học gia ấy còn có thể học nhiều điều ở những Y sĩ chất phác ở thôn quê, tôi nói thực với bác sĩ như thế!

– Ừa, đó là sự thực hiển nhiên. Riêng tôi thì tôi thích ở nhà quê này, thỉnh thoảng có thể đi săn bắn một chút, thung dung tự tại hơn là một nhà chuyên môn ưu hạng ở nơi thành thị. Đã có lần tôi định trở thành một nhà chuyên môn về quang

tuyển X, ở Nữ Uớc có thể học trọn khóa trong tám tuần lễ và tôi có thể đến hành nghề ở Butte hay Sioux Falls, nhưng tôi nghĩ cho dầu mình có kiếm được chín, mười ngàn một năm, cũng chẳng hơn gì kiếm được ba ngàn ở đây... Và lại con người ta cũng phải nhớ đến bốn phận đối với những bệnh nhân cũ của mình chứ.

– Đúng thế... À này, Bác sĩ, Mac Minturn ở dưới ấy là hạng người thế nào?

– “Dạ, tôi không thích nói xấu bất cứ một bạn đồng nghiệp nào, và tôi cho là hắn cũng có thiện chí, nhưng giữa chúng mình với nhau tôi mới dám nói, hắn hay chữa mò nguy hiểm lắm. Ông cứ xem ngay ông với tôi, chúng mình áp dụng khoa học để chữa bệnh, chứ có bao giờ chữa liều, chỉ trông vào kinh nghiệm súng chữa lên cò đã bắn. Nhưng Mac Minturn thì hắn không hiểu biết rộng. Và ông này, cái mụ vợ hắn đến kỳ cục... miệng lưỡi mụ đề tiện nhất bốn quận này, và các lối mụ đi hết chỗ này chỗ nọ kiếm khách cho chồng đó, tôi thấy lối làm ăn của họ như thế đó!”

– Lão Winter vẫn như thường chứ?

– “Ồ, vâng, cũng đại khái như vậy. Ông biết lão ra sao rồi đấy. Cố nhiên lão lạc hậu đến hai chục

năm, nhưng lão là một tay bá ác đại tài... giữ một mụ đàn bà dở hơi nào đó nằm chữa bệnh thêm sáu tuần lễ tuy không có gì cần thiết phải nằm thêm nữa, và mỗi ngày hai lần tới thăm và tán gẫu với mụ... hoàn toàn không cần thiết!

– Chắc Bác sĩ bị Silzer cạnh tranh dữ nhất đấy nhỉ?

– Bác sĩ không tin truyện ấy à! Hắn chưa bắt đầu trở nghề của hắn ra đấy. Điều bực mình với Silzer là hắn liều lĩnh quá... miệng hắn bạ cái gì cũng bô bô lên... y như là hắn thích nghe lời hắn nói ra. Ô, này, cũng nhân câu chuyện, ông đã gặp cái thằng nhỏ mới đến ở đây được hai năm nay không... Ở Wheatsylvania... Arrowsmith?

– Chưa, nhưng nghe nói anh ta còn trẻ và xuất sắc lắm mà.

– Vâng, người ta bảo anh ta rất thông minh lanh lợi... học hành khá lắm... và nghe nói chị vợ cũng thông minh lanh lợi lắm.

– Tôi nghe nói Arrowsmith làm ăn khá lắm... nhưng là một tay bợm rượu kinh khủng.

– Vâng, người ta nói như vậy. Thật là xấu hổ cho một anh còn trai trẻ có tài mẫn tiệp, chính tôi thỉnh thoảng cũng thích làm một vài tốp,

nhưng một người nghiện rượu...! Nói tỷ dụ anh ta đương say sưa mà có người mời đi chữa bệnh! Và một người quen tôi ở dưới đó kể với tôi rằng Arrowsmith rất ham đọc sách và học hỏi lắm, nhưng anh ta là một nhà tự do tư tưởng... không bao giờ tới nhà thờ.

– Thực thế à! Hừm! Dù trong lòng mình có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, nhưng nếu một bác sĩ mà không tỏ ra mình có gia nhập một đạo giáo vững vàng nào thì thực là một lỗi lầm lớn! Tôi nói thực với ông chứ một vị mục sư hay một nhà truyền giáo có thể đưa lại cho mình không biết bao nhiêu là công việc mà kể.

– Đó là cái chắc! Ấy thế mà cái người quen của tôi ấy còn bảo rằng Arrowsmith luôn luôn cãi lý với các vị truyền giáo giảng đạo... anh ta nói với một vị mục sư rằng ai cũng phải đọc những tài liệu của cái lão miễn dịch học gia Gottlieb ấy và cái lão Jacques Loeb ấy... Ông biết chứ... cái người quen tôi ấy, à... mà tôi cũng không nhớ rõ truyện như thế nào, nhưng anh ta bảo anh ta có thể dùng chất hóa học tạo ra cá sống được!

– Đúng! Đúng! Ông nói đúng đấy! Đó là những thứ ảo tưởng của cái bọn chỉ giúi mũi trong

phòng thí nghiệm, cái bọn ấy phải cho hành nghề cho có thực nghiệm thì mới giữ cho tinh thần họ được thẳng bằng. Phải đấy nếu Arrowsmith mà lại đi thờ cái bọn đó, thì thiên hạ không tin anh ta là phải.

– Thực thế. Hừ. Thực đáng tiếc Arrowsmith lại bê tha rượu chè, không săn sóc gì đến gia đình và bệnh nhân. Tôi xem nó đi đời nhà ma đến nơi rồi. Xấu hổ quá. Ấy – không biết bây giờ là mấy giờ đêm rồi nhỉ?

II

Bert than thở:

– Martin! Chú đã làm gì Bác sĩ Coughlin ở Leopolis thế? Người ta bảo tôi rằng ông ấy đi rêu rao khắp mọi nơi chú là tay bơm rượu và nhiều chuyện nữa.

– Ông ấy nói thế à? Ở đây người ta đến hay xoi mói lẫn nhau, phải không anh?

– Thì chú biết thừa đi rồi còn hỏi gì nữa! Và chính vì thế mà tôi bảo chú phải bỏ hẳn rượu chè cờ bạc đi. Chú không xem tôi có cần một thứ rượu nào không?

Martin thấy cả xứ rình mò xoi mói mình thì chán nản hơn bao giờ hết. Chàng không phải là

người ham được tiếng khen; giá có được tiếng khen chàng cũng sẽ cảm thấy không nhằm chỗ, chàng cũng không kiêu hãnh gì; nhưng dầu có tranh đấu mãnh liệt đến đâu, chàng thấy mình cũng chỉ ở ngoài lề hình ảnh cái đất Wheatsylvania này, và nhọc nhằn năm tháng với cái nghề thầy thuốc ở thôn quê mà thôi.

Rồi trong lúc mãi ngưỡng mộ Sondelius cùng cuộc chiến đấu cho sức khỏe chống lại các bệnh tật của ông, quên bằng lòng tự cao về những công việc trong phòng thí nghiệm, chàng bất ngờ bị lôi cuốn vào một vấn đề nghiên cứu, mà không có chuẩn bị gì cả.

III

Trong Quận Crynssen gia súc có bệnh “khí thũng thu”. Người ta đã mời viên thú y của tiểu bang về và đã chích thuốc của Dawson Hunziker cho chúng, nhưng bệnh vẫn lan mãi ra. Martin nghe các chủ trại nông dân than phiền. Chàng để ý thấy súc vật đã được chích thuốc mà không bị chúng viêm hay bị tăng nhiệt độ. Chàng đâm ra nghi ngờ thuốc của Hunziker không có đủ sinh thể, và chàng đi nói vung lên cho mọi người biết giả thuyết của chàng.

Chàng khai gian và lấy được một số thuốc chích ấy đem về thử trong cái phòng thí nghiệm bé bằng lỗ mũi không đủ hơi thở của chàng. Chàng phải dùng phương sách riêng để cấy vi khuẩn yếm khí, nhưng chàng vốn đã được Gottlieb huấn luyện dạy rằng: “Một người không có phễu lọc, khi cần đến mà không biết lấy que tăm biến chế ra, thì khi mua những dụng cụ tốt đẹp nên mua luôn cả những kết quả công cuộc thí nghiệm của mình”. Chàng lấy cái hũ nút và một cái ống hàn làm thành dụng cụ thí nghiệm.

Khi chàng đã biết chắc là thuốc chích không có sinh thể khí thũng thư, chàng khoái chí hơn là thấy ông Dawson Hunziker “tốt bộ” kia chế tạo thuốc chích một cách thực thà lương thiện.

Không trừ trừ mà cũng chẳng đợi ai khuyến khích, chàng phân khai sinh thể khí thũng thư, ở những súc vật bị bệnh ra, và tự chế ra một thứ thuốc chích nhẹ. Công việc mất rất nhiều thì giờ. Chàng không lơ là việc săn sóc bệnh nhân của chàng, nhưng có điều chắc chắn là chàng vắng mặt ở các cửa hàng và các đám xì phé. Chiều nào chàng và Leora cũng ăn bánh mì trừ bữa rồi vội vã vào phòng thí nghiệm, để sưởi ấm cho vi khuẩn

cấy trong nước tắm đựng trong một chiếc soong nấu bột củ đã dò đặt trên cái đèn cồn. Anh chàng Martin trước kia không giữ được lòng nhẫn nại đối với Hesselink bây giờ ngồi chờ xem kết quả cuộc thí nghiệm của mình một cách nhẫn nại vô cùng. Chàng huýt gió, lẩm nhẩm hát trong miệng, và quãng thời gian từ bảy giờ tối đến nửa đêm đối với chàng chỉ là một chốc một lát. Leora yên lặng cau mày, lè đầu lưỡi ra một bên mép, ngồi canh nhiệt độ như một con chó con ngồi giữ nhà. Sau hai lần thất bại một cách vô lý, đến lần thứ ba, chàng chế được chất thuốc chích đúng với ý chàng và đem chích cho súc vật đau. Bệnh khí thôn thư “chỉ” lại, đối với chàng thế là xong xuôi, thế là phần thưởng của chàng; chàng gọi những lời chú giải và thuốc cho viên thú y của tiểu bang. Nhưng đối với người khác, chưa phải là xong xuôi. Viên thú y cơ quan tố cáo chàng là xâm phạm quyền sinh sát thú vật của họ: các y sĩ thì nói gần nói xa với nhau: “Đó là trò khỉ làm hại phẩm cách của nghề nghiệp. Tôi nói để ông biết chú Arrowsmith là một thầy thuốc theo chủ nghĩa hư vô, một anh hám danh, thế thôi, ông cứ nhớ lời tôi nói, thay vì anh chàng làm nghề chữa bệnh đúng đắn như

người khác, rồi có ngày ông sẽ nghe nói anh chàng mở nhà dưỡng bệnh bán thuốc giả để kiếm tiền thiên hạ cho mà xem!”

Chàng bảo Leora: “Phẩm cách là cái mẹ gì! Nếu có phương tiện, anh sẽ làm những công việc khảo cứu, ồ, không phải những công việc thờ ơ lãnh đạm, cách biệt nhân loại của Gottlieb nhưng mà là những công việc thiết dụng thực sự... và rồi có một người nào như Sondelius đem kết quả những công việc của anh đi tống đầy vào hòng thiên hạ bắt họ và súc vật của họ, cả mấy con mèo vằn của họ nữa, dù muốn dù không cũng cứ phải khỏe mạnh, anh sẽ làm như thế đó!”

Trong lúc tâm trạng như vậy, chàng đọc tờ Nhật báo Minneappolis, giữa nửa cột đăng tin đám cưới của một nhà quán quân quyền Anh hạng trung, và ba dòng về vụ xử tử một tay phiến loạn thuộc Thế giới Sản nghiệp Công Hội chàng thấy có tin thông báo:

“Sondelius, một nhà thẩm quyền danh tiếng về chiến dịch bài trừ bệnh thổ tả, sẽ diễn thuyết về “Những Vị Anh Hùng bảo vệ Sức khỏe Công cộng” tại lớp hè của Đại Học viện vào buổi chiều ngày Thứ Sáu sắp tới”.

Chàng vội chạy vào trong nhà la: – Lee ơi! Sondelius diễn thuyết ở Minneapolis. Anh đi nghe đây! Đi với anh đi! Mình cùng nghe và nhân dịp vui chơi đủ mọi thứ nữa!

– Không, anh đi một mình. Để cho anh được cái khoái thoát khỏi cái tỉnh này, thoát khỏi cả gia đình và cả em nữa trong mấy bữa. Sang thu em sẽ đi với anh. Thực đấy. Không có em đi theo, biết đâu anh sẽ xoay xở có việc nói chuyện lâu với Bác sĩ Sondelius.

– Tưởng dễ lắm đấy! Các Bác sĩ của thành phố lớn ấy với các viên chức cao cấp về vệ sinh y tế của Tiểu bang cũng còn đứng xa xa ông ấy nữa là! Nhưng anh cũng cứ đi!

IV

Cánh đồng nắng chang chang, lúa rì rào trong hơi gió nhẹ, toa xe đầy than bụi. Ngồi hàng giờ trên xe chạy chậm, Martin thấy tê cả chân tay. Chàng ngủ gà ngủ gật hút thuốc vật và suy tư. Chàng thể “mình sẽ quên hết chuyện thuốc men chữa bệnh và mọi chuyện khác. Mình lên toa hút thuốc kiếm người nào nói chuyện chơi và bảo họ mình là một anh bán giấy!”

Nghĩ xong chàng làm liền. Không may, người chàng gặp lại là người bán giấy chính cống, họ hết

sức tò mò hỏi chàng đại lý cho hãng giấy nào, thế là chàng lại tiu nghỉu trở về toa mình ngồi. Giữa trưa tới Minneappolis chàng vội vã đến ngay trường Đại Học xin một cái vé vào nghe Sondelius diễn thuyết trước rồi mới đi kiểm ô tel nhưng đầu sao công việc đầu tiên là hãy đi kiểm một ly la ve thật lớn uống cho đã thèm từ khi còn ở cách đó mấy trăm dặm đường rồi mới đi xin vé sau.

Chàng có một chương trình tuy không hợp cách nhưng rất vừa ý chàng về việc sử dụng cái đêm đầu tiên được tự do này để chơi cho thỏa thuê. Chàng sẽ kiếm một nơi nào chàng có thể hội họp với những người xứng đáng, người ta sẽ vui cười trò truyện và uống nhiều rượu với chàng – lẽ cố nhiên là không uống nhiều quá – rồi lái xe đi thật nhanh tới Minnetonca bơi lội dưới ánh trăng. Chàng bắt đầu tìm bạn bằng cách uống cốc tay ở một quán rượu và đi ăn một cao lầu ở đường Hennepin. Nhưng chẳng một ai ngó tới chàng, chẳng một ai có vẻ muốn tìm bạn cả. Chàng thấy mình cô đơn và nhớ Leora; và tất cả cái đáng điệu tao nhã, tất cả lòng hý hứng dễ dàng sốt sắng đi chề chén của chàng đều tiêu tan hết cả và chàng đâm ra buồn ngủ.

Chàng vừa nằm xoay trở trên giường khách sạn, vừa than thở: “Và chưa biết chừng bài diễn văn của Sondelius cũng thối hoảng. Chưa biết chừng ông ta cũng lại là một gã như Roscoe Geake thì chán chết!”

V

Đêm hôm đó trời nóng nực, sinh viên lẻ tẻ từng tốp bước lên của Giảng đường, đưa mắt nhìn qua tám yết thị khiêm nhường của Sondelius, rồi quay đi chỗ khác. Martin lưỡng lự cũng muốn lĩnh đi theo họ, nhưng rồi chàng đành phải bước vào bên trong, lòng rầu rĩ. Mới độ một phần ba Giảng đường có người ngồi, toàn là sinh viên lớp hè và giáo sư, và những người có thể trước kia là Bác sĩ hay Hiệu trưởng gì đó. Chàng ngồi ở phía sau, cầm chiếc mũ rơm phe phẩy quạt, trong lòng thấy ghét cái người để ria mép ngồi cùng hàng ghế với chàng, chê bai Sondelius, và ngay chính chàng cũng không có một ý tốt nào đối với Sondelius cả. Giảng đường chợt lỏng lên một luồng sinh khí ở dưới lối đi giữa, một bọn người kiểu cách rậm rộ hướng dẫn một người có một nụ cười, một đường lông mày rậm, và một bộ tóc vàng hoe xoắn tít trông như một mớ rơm – một người làm cho

người ta thoát thấy liên tưởng ngay đến loại chó ở đảo Newfoundland. Martin ngồi thẳng người lên, chàng lấy sức để chịu đựng ngay cả cái người có ria mép trông đến buồn đến nản ngồi cạnh chàng, trong khi Sondelius cất tiếng nói, giọng Thụy điển du dương vang lớn:

“Nghề thuốc chỉ có thể có mỗi một ước vọng là: tiêu diệt chính nghề thuốc. Đối với người thường, người không có học về nghề thuốc, họ chỉ có thể chắc chắn có mỗi một điều là: chín phần mười những điều họ biết về vệ sinh sức khỏe đều không đúng như vậy, còn một phần mười kia thì họ không làm được gì cả. Cũng như Butler trình bày trong cuốn “Erewhon” – cái đồ lợn ấy đã đánh cắp cả cái ý ấy của tôi nữa, có lẽ từ ba chục năm trước khi tôi có cái ý ấy – Butler trình bày rằng cái tội phạm duy nhất đáng để chúng ta xử giáo là mắc bệnh lao”.

Thính giả đang chăm chú nghe thốt lên một tiếng: “Hú!” họ không biết là nên có thái độ như thế nào cho phải: Nên lấy thế làm vui, làm mích lòng, làm buồn hay làm gương để cảm hóa theo.

Sondelius là một người hay la lối, chọc cười giảo hoạt, nhưng ông biết phép phù chú. Martin

cùng với ông theo dõi sự nghiệp của những vị anh hùng chống bệnh hoàng nhiệt, Reed, Agramonte, Carroll, và Lazear cùng chàng đổ bộ lên hải cảng Mexican, bị bệnh dịch và bệnh đói làm tê liệt dưới ánh nắng cháy, chàng cùng ông trèo lên những con đường núi tới một thị trấn bị thương hàn tàn phá, chàng lại cùng ông giữa tiết trời tháng tám nóng như thiêu như đốt, trẻ con khát nước đến héo hắt chỉ còn xương bọc da, chiến đấu với bọn nghiệp đoàn buôn bán nước đá dưới lưỡi kiếm mạ vàng cùn nhụt của luật pháp.

Martin khao khát trong lòng: “Đó là điều ta muốn làm! Không phải chỉ chữa chạy cho một lô những thể xác suy nhược, mà tạo lập ra một thế giới mới! Trời! Dù có phải đi qua lửa để theo ông mình cũng đi! Chà! Cái lối ông tố cáo bọn phá đám chúng nó chỉ trích kết quả của những công cuộc y tế vệ sinh công cộng mới hay làm sao! Ước gì mình có thể xoay xở để được gặp nói chuyện với ông ấy lấy một vài phút...”

Sau bài diễn văn, chàng nấn ná ở lại. Có đến mười mười hai người vây quanh Sondelius ở trên bục diễn văn, người thì bắt tay, người thì chất vấn ông, một bác sĩ lo lắng hỏi: “Nhưng bác sĩ đối xử

bằng cách nào với cái nguy cơ của những bệnh viện miễn phí và những tổ chức có mục đích tiến tới xã hội chủ nghĩa”.

Martin đứng lùi lại mé sau, đợi cho những người bao vây Sondelius đi hết. Người gác gian đương đóng cửa sổ thật mạnh như có ý đuổi khách. Sondelius nhìn xung quanh, Martin dám thề rằng lúc ấy Bạc Vĩ Nhân của chàng đương thấy mình lẻ loi cô quạnh. Chàng tới bắt tay ông và nói, giọng run run xúc động:

– Thưa Ngài, nếu Ngài không bận đi đâu, tôi rất mong nếu Ngài có thể cùng đi với tôi để... để...

Sondelius mặt tươi lên như hoa, nhìn chàng nói vang như sấm:

– Để uống một ly có phải không? Được tôi thấy tôi có thể đi được. Này, nhân tiện, ông thấy câu nói đùa của tôi về con chó với mấy con bọ của nó ra làm sao? thính giả có thích không?

– Ô, chắc chắn là họ thích. Tôi dám cuộc với ngài đấy!

Người chiến sĩ ban nãy vừa nói chuyện mình đã từng nuôi hàng năm ngàn quân Tatare, đã từng tốt nghiệp tại một trường Đại Học Trung Hoa, đã từng từ chối một huy chương của một vị Hoàng

Để chính thống xứ Balkan, triu mến nhìn đám môn đồ gồm có một người duy nhất lúc bấy giờ là Martin và hỏi:

– Có hay thực không? Họ thích thực à? Đêm nay nóng quá nhỉ, thế mà mỗi tuần tôi phải diễn thuyết đến chín lần ở Des Moines, Fort Dodge, La Crosse, Elgin, Joliet và đâu nữa... quên mất cả rồi. Có hay thực không? Họ thích thực à?

– Hay không chề vào đâu được! Ô, tất cả mọi người đều há hốc miệng ra mà nghe từng câu từng tiếng một! Thú thật, trong đời tôi, tôi chưa bao giờ nghe diễn giảng thích thú như vậy!

Nhà tiên tri nói lớn:

– Nào đi! Tôi sẽ đãi ông một châu. Là một vệ sinh học gia, tôi chống việc uống rượu. Uống nhiều quá cũng hại như cà phê hoặc ngay cả kem pha sô đa. Nhưng vì tính thích nói chuyện, nên tôi thấy một ly huyết ky lớn pha sô đa ngon là một chất dung môi mạnh để làm tiêu tan những cái ngu dại của con người ta. Có chỗ nào mát sẵn rượu Pilsener ở Detroit này không... đêm nay tôi ở đâu đây nhỉ? À... Minneapolis này có không?

– Tôi nghe nói ở đây có một hoa viên bán la ve ngon lắm. Mình có thể đi xe điện tới, gần ngay đây.

Sondelius ngó chàng nói:

– Ô, tôi có tắc xi chờ ngoài kia.

Martin thấy ông chơi sang như vậy đâm bối rối. Ngồi trên xe, chàng cố nghĩ xem có câu gì xứng đáng để đem ra nói với con người danh tiếng ấy không.

– Xin Bác sĩ cho biết là ở bên Âu Châu các thành phố có vệ sinh Cuộc không?

Sondelius làm ngơ nói:

– Ông có thấy cô gái đi kia không? Hai cổ chân xinh làm sao! Hai bờ vai thon đẹp làm sao! Ở Tửu Hoa Viên, rượu bia có ngon không? Có thứ cốt nhất nào uống được không? Ông có biết thứ cốt nhất Courvoisier 1865 không? U úp! Diễn thuyết! Tôi thề là sẽ không đi diễn thuyết nữa. Đêm nóng như thế này mà phải đóng bộ lễ phục! Ông có biết không, những lời điên cuồng, gàn dở thốt ra trong lúc diễn thuyết, là tôi chủ tâm nói ra đấy chứ, nhưng thôi bây giờ mình hãy quên đi, đừng nói những chuyện nghiêm trang trọng đại nữa, mình hãy uống rượu, mình hãy ca hát bài “Der Graf Von Luxeraburg”, và hãy giục mấy cô gái đẹp khỏi tay mấy bồ của họ, mình hãy bàn tới những thú vui “Die Meistersinger”, là những cái tôi khoái nhất!

Trong Tủ Hoa Viên, ông già kinh khủng ấy ăn nói huyền thiên, nào chuyện Câu lạc bộ Cosmos, nào chuyện Bác sĩ Halle điều tra về số trẻ yếu vong, nào chuyện pha rượu thánh với rượu táo uống rất thích hợp, nào chuyện Biarritz, Lord Haldane, phương pháp phân chất sữa của Doane Buckley, nào chuyện George Gissing, chuyện Homard Thermidor.

Martin cố tìm xem có sự liên hệ nào giữa Sondelius với chàng không, y như người tìm sự liên hệ với những người có danh tiếng hay những người mình gặp ở ngoại quốc. Chàng có thể nói những câu đại khái như: “Hình như tôi đã gặp một người quen biết Bác sĩ”, hay “Tôi đã được đọc tất cả những bài báo của Bác sĩ, và tôi thích lắm”, nhưng cuối cùng chàng nói câu này:

– Thưa, có bao giờ Bác sĩ gặp hai vĩ nhân ở trường Y khoa của tôi không... ở Winnemac... ông Khoa trưởng Silva và Bác sĩ Gottlieb?

– Silva? Tôi không nhớ. Nhưng Gottlieb... ông biết ông ấy? Ô! (Sondelius khua hai cánh tay lực lưỡng lên). Bậc đệ nhất vĩ nhân! Linh hồn của khoa học! Tôi đã có hân hạnh được gặp ông ấy ở McGurk. Ông ấy chả có ngời đây mà ba hoa như

tôi đâu. Ông ấy làm tôi hóa ra một anh hề gánh xiếc! Ông ấy đem hết tất cả những điều tôi nói về dịch bệnh học ra phê bình và bày tỏ cho tôi biết rằng tôi là một thằng ngu! Ha, ha, ha!

Ông đỏ bừng mặt lên, xong rồi tiếp ngay sang chuyện chỉ trích thuế đoan đánh cao quá.

Mỗi câu chuyện lại có một thú giải lao riêng cho thích hợp, Sondelius là một cây rượu kinh khủng, một cái thùng không đáy. Ông pha Filsener, huyết ky, cà phê đen, và một thứ mà người bồi bàn cam đoan là rượu khổ ngải.

Ông than thở:

– Đáng lẽ tôi phải đi ngủ lúc mười hai giờ, nhưng câu chuyện đang vui mà dứt ra về là một tội nặng nhất, ông cảm dỗ tôi một chút! Mà tôi cũng là người dễ bị cảm dỗ! Nhưng tôi cần nghỉ năm tiếng đồng hồ. Nhất định là phải đúng năm tiếng! Chiều mai tôi phải diễn thuyết ở... ở một nơi nào đó ở Iowa... Bây giờ tôi đã ngoài năm mươi, tôi không thể chỉ ngủ có ba tiếng như ngày trước, ấy thế mà tôi lại thấy còn biết bao nhiêu điều mới mẻ tôi muốn nói ra bây giờ.

Ông hùng hồn hơn bao giờ hết, rồi ông bỗng dâm ra khó chịu. Một người trông có vẻ cau có,

ngồi ở bàn bên, để ý nghe chuyện của hai người, ngó nhìn và cười hai người. Sondelius đang nói về chất huyết thanh của Haffkine chữa bệnh thổ tả, chợt bỏ ngang câu chuyện và thốt ra giọng cáu kỉnh:

– Nếu thằng cha kia mà còn ngó tôi nữa, tôi sẽ sang bàn bên đó cho nó một trận nhừ tử! Tôi là người ôn hòa, nhất là bây giờ tôi không còn trai trẻ nữa, nhưng tôi không thích người ta ngó tôi trùng trùng. Tôi tới hỏi nó cho ra lẽ và cho nó biết tay!

Trong lúc bọn bồi bàn ủa tới, thì Sondelius xông vào người kia, dơ nắm tay to tướng ra dọa rồi chợt ngưng lại và... bắt tay người kia, lắc lẩy lắc để, rồi dẫn về bàn giới thiệu với Martin:

– Đây là một người đồng hương với tôi, cùng sinh trưởng ở Gottenborg. Ông làm thợ mộc. Ngồi xuống đi Nilsson, ngồi xuống đây uống ly rượu chơi. Ê, này bồi!

Người thợ mộc là một đảng viên Đảng Xã Hội, một tín đồ Gia Tô Tái Sinh Giáo Hội Thụy điển, một tay lý sự kinh khủng, và cũng là một tay thích loại rượu thật nặng. Anh ta chê Sondelius là dân quý phái, anh ta chê Martin dốt kinh tế học, anh ta chê bồi bàn đưa rượu không được nặng, Sondelius

và Martin và anh bồi bàn cãi lại kịch liệt, và câu chuyện đâm ra ồn ào thú vị.

Đã quá khuya rồi nên người ta phải tổng cổ ba người ta khỏi Hoa viên, thế là cả ba kéo nhau ùa lên chiếc tắc xi vẫn còn đợi ở đó, họ cãi nhau đến nỗi làm rung chuyển cả chiếc xe. Họ đi những đâu Martin không thể nào nhớ cả. Chàng còn ngờ rằng mình đã tưởng tượng ra câu chuyện cũng nên. Một lần hình như họ vào một cái nhà ở một dãy phố dài, hình như là Đường Đại Học, một lần vào một quán rượu trên Đường Hoa thịnh đốn, gặp ba tay đảng tử nằm ngủ giúi ở một góc nhà, một lần vào nhà người thợ mộc, có một người kỳ bí khó hiểu pha cà phê cho uống.

Bất kỳ đi đến đâu, trong đầu óc họ đều tưởng mình như đương cùng một lúc ở ba nơi: Moscou, Curacao và Murwillumbah. Người thợ mộc lập ra những nước cộng sản còn Sondelius thì tuyên bố dù làm việc dưới chế độ xã hội hay quân chủ ông cũng “cóc” cần, miễn là ông có thể bắt dân chúng phải khỏe mạnh, tiêu diệt bệnh ho lao và ngay từ buổi đầu làm cho bệnh ung thư phải “cao chạy xa bay”.

Họ chia tay nhau lúc bốn giờ, nước mắt như mưa, thế sẽ gặp lại nhau, ở Minnesota hay ở

Stockholm, ở Rio hay ở vùng Nam Hải. Martin trở về Wheatsylvania lòng cương quyết sẽ chấm dứt cái việc tối vô lý, thậm chí vô lý là để cho người ta tự do đau ốm.

Cũng từ đó chàng thấy rõ ông thần vĩ đại Sondelius của chàng đã giết ông Khoa trưởng Silva, cũng như Silva đã giết Gottlieb, Gottlieb đã giết Encore Edwards, nhà Hóa học vui vẻ trẻ trung, Edwards đã giết ông Đốc Vickerson và Vickerson đã giết con ông Mục sư, cậu này có một cái đu thể thao thật sự ở trong chuồng ngựa.

CHƯƠNG 18

BÁC SĨ WOESTIJNE ở Rừng Vanderheide's Grove trong những lúc rảnh việc, làm luôn cả chức vụ Ty Trưởng Ty Vệ Sinh Quận Crynssen nhưng lương không hậu nên ông không thích làm cho lắm. Khi Martin tới đề nghị xin làm hết mọi công việc mà chỉ lấy nửa số lương của ông thôi, ông thương hại bằng lòng nhưng quả quyết bảo rằng công việc sẽ có ảnh hưởng lớn tới nghề nghiệp riêng của chàng.

Quả nhiên y như thực. Nó đã làm cho chàng gần sạt nghiệp. Không bao giờ có sự bổ nhiệm chàng vào chức vụ ấy một cách chính thức. Chàng ký tên Woestijne trên giấy tờ (tùy hứng, mỗi lúc thay đổi một cách, chính tả tên ông ta), Hội Đồng Quận

chấp nhận quyền hành có giới hạn của chàng, nhưng tất cả mọi việc hoàn toàn là trái phép.

Không có gì đáng gọi là tinh thần khoa học, và cũng chẳng có một chút gì gọi là lòng anh dũng mà chỉ có lòng đầy bức tức đối với dân chúng ở trong tình thúc đẩy chàng hăng hái ra nhận cái chức vụ nhân viên Ty Vệ Sinh ấy thôi. Chàng sục sạo vào sân nhà người ta, chàng tố cáo bà Beeson để khỏi bốc ở thùng tro ra, ông Norblom đổ rác ra đường, và Ban Quản trị Học đường để lớp học thiếu không khí, và không dạy cho học sinh biết cách đánh răng. Dân chúng trước kia đã xôn xao về việc chàng là một người vô thần, thiếu phẩm cách đạo đức, không có lòng yêu thương địa phương mà mình sinh sống ở đó, nhưng khi họ bị hất ra khỏi những đồng nhơ, đồng rác họ đã quen sống dễ chịu, và rất có thể có lợi cho họ là đảng khác, thì họ nổi sùng lên, không nhịn được nữa.

Martin vốn chân thật và tận tâm hết sức, nhưng chàng ngây thơ như chim bồ câu, và không khôn ngoan dè dặt như giống rắn. Chàng không làm cho dân chúng hiểu nhiệm vụ của chàng: ít khi chàng chịu giải thích cho người ta hiểu. Chàng chẳng qua chỉ như người tâm phúc của Bác sĩ Woestijne,

quyền hành trên giấy tờ thì bảnh lắm, nhưng trên thực tế thì rất yếu, hoàn toàn bất lực đối với những sự phản kháng cứng đầu cứng cổ do chàng gây ra.

Chàng đi từ chỗ rình người ta đổ rác rưởi, đến một chuyện bi đát về bệnh truyền nhiễm.

Dân ở Delft bị dịch thương hàn, có lúc thuyên giảm, nhưng rồi lại tiếp tục xuất hiện. Dân làng tin là bệnh sinh ra vì có một bọn du mục mới tới đóng trại ở một khu đất ở phía trên dòng sông, cách đây độ mười cây số, họ định kéo nhau lên trị tội bọn ấy, vừa là một cách phản đối cho có hiệu lực, vừa là một thú tiêu khiển trong lúc mệt nhọc vì công việc đồng áng. Khi Martin quả quyết bảo: cho dầu khúc sông trên ấy có bắn đi nữa, khi tới đây đã chảy qua một khúc dài mười cây số, thì nước cũng trong ra rồi, vậy chưa chắc bọn du mục kia đã là thủ phạm gây ra bệnh dịch, chàng bị tố cáo âm ỹ. Kaes, anh lái buôn lúa ở khu làng Delft kêu: “Cái thằng cha đến kỳ, nó đi khắp nơi cùng chốn bảo chúng mình phải giữ gìn vệ sinh hơn, đến khi chúng mình bảo cho nó biết là mấy con chó khốn nạn cần phải bắn chết đi, dầu sao thì chúng cũng chỉ là bọn du mục, thì nó chẳng làm

đếch gì cả, mà lại còn tuôn ra một lô lý thuyết về những tác dụng của vi trùng nọ kia và những cái quái cái quỷ gì nữa!”

Chàng đi khắp nơi cùng chốn trong Quận, tuy chàng không xao nhãng việc săn sóc các bệnh nhân của chàng, nhưng chắc chắn là số thân chủ không tăng thêm lên được người nào, chàng ghi trên bản đồ những nơi có thương hàn mới phát hiện trong vòng năm dặm xung quanh Delft. Chàng xem xét đường lối phân phối sữa và thực phẩm, và khám phá ra rằng bệnh thường phát sinh sau khi có một cô đi khâu mướn qua thăm các bạn hàng, một cô gái già, đức hạnh tốt, chăm lo giữ gìn vệ sinh đến kinh người. Bốn năm trước, nàng có mắc bệnh thương hàn.

Chàng tuyên bố: “Chính cô ta là người mang vi trùng kinh niên. Cần phải khám cô ta ngay mới được!”

Chàng tìm thấy nàng đương khâu mướn trong nhà một ông mục sư nông gia già.

Nàng vừa thẹn vừa giận, chối nguây nguẩy không chịu đi khám bệnh, chàng bỏ đi ra thì nghe thấy nàng khóc vì tủi nhục, còn ông mục sư thì đứng ở cửa nguyên rửa chàng. Đi một lát chàng

quay lại, dẫn theo một viên cảnh sát, bắt cô khâu mướn đem về giam vào một phòng riêng trong Trại Tế bần của Quận. Trong phân của nàng, chàng tìm thấy hàng tỷ vi trùng thương hàn.

Chiếc thân liễu yếu đào tơ đoan trang phong nhã chịu sao nổi cảnh tiện nghi thiếu thốn trong gian phòng vách ván quét vôi trắng như vậy. Nàng vừa xấu hổ, vừa lo sợ, cô gái già mắt sáng, nghèo hèn, tử tế ấy luôn luôn được mọi người yêu mến, nàng thường đem quà bánh cho trẻ con, thổi cơm làm bếp giúp các bà nhà nông bận quá nhiều công việc, và ru trẻ ngủ, giọng hát của nàng nhẹ nhàng như giọng chim se sẻ. Martin hành hạ nàng, bị mọi người chửi rủa nên thân. Họ bảo, “Giá cô ấy khá giả, đồ nó dám đụng đến!” và họ bàn nhau đi “cướp ngục” giải cứu cho nàng.

Martin hết sức bối rối. Chàng đến Trại Tế bần thăm nàng, chàng cố giải thích cho nàng hiểu là không có một chỗ nào khác để cho nàng ở, và chàng mua tạp chí, mua kẹo bánh, làm quà cho nàng. Nhưng chàng cương quyết giữ nàng, không cho nàng tự do ra ngoài. Chàng tin chắc nàng là nguyên nhân của ít nhất là một trăm người bệnh thương hàn, trong số có chín người chết.

Người trong quận chế nhạo chàng. Người ta khỏi bệnh đã bốn năm trời rồi mà bây giờ còn buộc cho người ta là nguyên nhân gây ra bệnh? Đâu có chuyện kỳ như vậy. Các Hội viên Hội đồng Quận và Ty Vệ sinh Quận mời Bác sĩ Hesselink ở Quận bên sang, thì ông này cũng đồng ý với Martin về những bản đồ của chàng. Mỗi kỳ Hội đồng họp lại đem vấn đề ra thảo luận sôi nổi và không rõ là chàng sẽ bị lụn bại hay được lên đài vinh quang.

Leora đã cứu cả chàng lẫn cô khâu mũn. Nàng bảo: “Sao không mở một cuộc lạc quyền lấy tiền đưa cô ấy đến một bệnh viện lớn nào để chữa cho cô ấy, nếu không chữa khỏi thì người ta có thể giữ cô ấy luôn tại đó?”

Cô khâu mũn vào ở một đường đường – ở suốt đời trong đó và mọi người cũng quên dần nàng đi – và những kẻ thù mới của chàng bấy giờ lại khen xỏ chàng: “Nó cũng khôn lắm đấy chứ, làm như vậy là phải!”

Hesselink từ quận bên lái xe sang chủ tâm khen chàng: “Lần này ông làm việc được lắm, Arrowsmith ạ, tôi rất mừng thấy ông bắt tay vào công việc rất đẹp”.

Martin hơi có vẻ kiêu ngạo, và bắt tay luôn vào

một bệnh dịch mới khác, khá tế nhị. Chàng lấy làm may mắn gặp một người bệnh đậu mùa và có nhiều người chàng nghi mắc bệnh này. Có mấy người ở bên kia giới tuyến Quận Mencken thuộc địa phận của Hesselink ngạo chàng: “Trừ có một binh nhân của ông mắc đậu mùa, còn đều là thủy đậu. Rất ít khi có đậu mùa về mùa hè”. Nhưng Martin vẫn sùng sục đi lên đi xuống hai cái quận này, tuyên bố có thiên tai giáng, và yêu cầu dân chúng chích ngừa. Chàng la như sấm ran:

“Chỉ trong mười, mười lăm ngày nữa, tất cả vùng này sẽ biến thành địa ngục!”

Nhưng vị mục sư của Liên Hiệp Huynh Đệ Hội vẫn cai quản nhà thờ Wheatsylvania và hai làng khác, là một người rất ghét chích thuốc, nên ông khuyên giáo đồ đừng đi chích ngừa, thế là dân làng đứng về phe mục sư. Martin đi từng nhà, năn nỉ dân chúng, xin chích không cho họ, nhưng vì từ xưa chàng chưa bao giờ nói chuyện làm cho dân chúng mến chàng, tin chàng, coi chàng như một vị lãnh tụ, họ hỏi nhau, bàn cãi với nhau rất lâu trước cửa nhà, họ cười nhạo chàng, cho rằng chàng say rượu. Mặc dầu luôn mấy tuần ở thôn quê, đồ uống mạnh nhất chàng dùng chỉ là cà phê

đăng ngắt của họ, nhưng họ vẫn bảo nhau rằng đêm nào chàng cũng say sưa, đến nỗi vị mục sư Hội Liên Hiệp Huynh Đệ định đưa vấn đề rượu chè của chàng ra nói trên giảng đường nhà thờ.

Rồi mười ngày hải hùng lo sợ qua đi, rồi mười lăm ngày hải hùng lo sợ qua đi, ngoại trừ có mỗi trường hợp đầu, còn ngoài ra đều là bệnh thủy đậu. Hesselink lên mặt đắc chí, còn dân làng reo hò âm lên. Martin đâm thành cái trò cười cho thiên hạ.

Nghe họ nói xấu mình, bảo mình độc ác chàng không lấy gì làm tức cho lắm và chỉ những chiều hôm buồn nản lắm, chàng mới nghĩ tới chuyện rời xa họ, nhưng bị họ cười thì chàng giận tím mặt lại.

Leora bình tĩnh an ủi chàng. Nàng bảo: “Câu chuyện rồi qua đi hết”. Nhưng câu chuyện đã không qua đi.

Đến mùa thu năm ấy câu chuyện đã thành một “thiên anh hùng ca đại hoạt kê” loại anh hùng ca mà dân quê khắp thế giới đều mê thích. Họ vui vẻ kể cho nhau nghe rằng chàng bảo ai nuôi heo thì sẽ chết về đậu mùa, chàng say bí tỷ một tuần lễ, rồi khi khám bệnh, từ đảm thạch đến bệnh đau tim, bệnh gì cũng kêu là đậu mùa. Gặp chàng, họ

chào hỏi, tuyệt nhiên không có ý châm chọc gì: “Cầm tôi có cái mụn, bác sĩ ạ. Bệnh gì thế... có phải... đậu mùa không?”

Sự chế giễu của dân chúng còn kinh khủng hơn là sự giận dữ của họ, nó có sức lật đổ được bạo quyền, thì đến ông thánh hay hiền nhân quân tử nó cũng không từ và chẳng coi kho tàng của cải họ ra gì cả.

Khi ở vùng lân cận bất kỳ có bệnh dịch bạch hầu thật sự, Martin vừa run vừa khuyên người ta dùng kháng độc tố, thì có tới nửa số dân chúng vùng đó nhớ lại việc ngày trước chàng không cứu nổi con bé nhà Novak, còn một nửa thì kêu: “Ồ, xin ông cho chúng tôi hai chữ bình an! Trong đầu óc ông lúc sau cũng thấy có bệnh dịch!” Tuy có một số đông trẻ bị chết, họ cũng không vì thế bỏ “thiên anh hùng ca đại hoạt kê” của họ đi.

Thế rồi một hôm Martin về bình tĩnh báo Leora:

– Anh thua đau quá rồi phải chuồn khỏi đây thôi. Ở đây chẳng còn làm ăn gì được nữa: Chẳng biết bao nhiêu năm nữa, người ta mới trở lại tín nhiệm anh. Cái lối khôì hài của họ thật giết người! Anh phải đi kiếm một việc gì làm cho đảng hoàng... về Y tế Công cộng.

– Thế thì em mừng lắm! Anh đối với dân ở đây quá tốt. Mình tìm một thành phố lớn nào đó người ta biết giá trị công việc của anh.

– Không, em nói vậy không công bằng. Dầu sao anh cũng đã học được ở đây một vài điều. Anh đã làm mất lòng nhiều người; anh không biết cách đối xử với họ. Chúng mình có thể ở đây lâu, anh sẵn lòng lắm, chỉ vì đời người quá ngắn ngủi và anh nghĩ anh cũng là người chịu khó làm việc. Anh cũng thắc mắc sợ người ta cho là hèn, phải bỏ chạy “đánh trống...” thế nào nhỉ? “đánh trống bỏ dùi”. Bây giờ anh không cần nữa! Trời, anh có thể làm được những việc gì, anh biết chứ! Gottlieb biết mà! Và anh muốn làm việc. Mình phải đi. Em bằng lòng chứ?

– Lẽ dĩ nhiên!

II

Đọc tờ Hoa Kỳ Y Học Hiệp hội Nhật Báo thấy tin Sondelius đương liên tiếp diễn thuyết nhiều kỳ tại Harvard, chàng liền viết thư hỏi ông có biết ở đâu cần nhân viên y tế không. Sondelius trả lời, chữ nguệch ngoạc bản thủ rằng ông rất khoái khi nhớ lại đêm hôm nghỉ tại Minneapolis, rằng ông không đồng ý với Entwisle của Đại Học Harvard

về đặc tính của chất mêta thrombin, rằng ở Boston có một tửu quán Ý đại lợi ngon tuyệt, rằng ông sẽ hỏi bạn hữu ông trong các cơ quan Y tế xem có chỗ nào cần người làm không.

Hai hôm sau, ông lại viết thư cho chàng biết rằng Bác sĩ Almus Pickerbaugh, Giám đốc Nha Y tế Vệ sinh Công Cộng ở thị xã Nautilus tại Iowa đương tìm một Phó Giám đốc, và chắc sẽ sẵn sàng gọi các chi tiết cho chàng.

Leora và Martin vồ lấy một cuốn niên giám tìm coi: “Chu choa! Sáu mươi chín ngàn dân cư ở Nautilus! So với ba trăm và sáu mươi sáu mống ở đây... à, không ba trăm sáu mươi bảy chứ, vì thêm đứa bé mới sinh của Yeska, cái thằng chó chết ấy mời Hesselink tới đỡ đẻ. Sáu mươi chín ngàn người! Những người có thể nói chuyện được! Có nhiều rạp hát! Có lẽ có cả những cuộc hòa nhạc nữa! À, chúng mình sẽ giống như hai đứa trẻ mới ở trường ra cho mà xem!”

Chàng đánh điện tín hỏi chi tiết, làm cho anh chủ sự nhà ga phải nổi tánh tò mò, vì anh ta kiêm luôn cả chức vụ truyền tin.

Bức thư in sẵn người ta gọi cho chàng nói rằng Bác sĩ Pickerbaugh cần một người phụ tá làm việc

suốt ngày cũng như chính Bác sĩ Pickerbaugh vậy, vì các bác sĩ trông nom bệnh viện hay giảng dạy ở trường đều là bác sĩ tư, làm việc có nửa ngày. Người phụ tá phải là chuyên viên về dịch bệnh học, vi trùng học, quản đốc các nhân viên thư ký, điều dưỡng và thanh tra các xưởng sữa, xưởng đường. Lương hàng năm là hai mươi lăm ngàn đô la... so với mười lăm, mười sáu ngàn Martin đương kiếm được ở Wheatsylvania. Cần phải có thêm giấy giới thiệu nữa. Martin viết thư cho Sondelius, Ba Silva, và Max Gottlieb, bây giờ đương làm việc ở Viện McGurk tại Nữu Ước.

Bác sĩ Pickerbaugh báo tin cho chàng biết, “Tôi đã nhận được những thư giới thiệu rất nồng nhiệt của ông Khoa trưởng Silva và bác sĩ Sondelius, nhưng bức thư của bác sĩ Gottlieb thì thực là đáng chú ý. Bác sĩ nói ông có tài hiếm có của một người làm việc trong phòng thí nghiệm. Tôi rất vui mừng trao cho ông chức vụ này, xin ông vui lòng đánh điện trả lời cho”.

Cho tới lúc bấy giờ, Martin mới ý thức rõ ràng chắc chắn rằng chàng sẽ rời khỏi Wheatsylvania – nơi mà lúc nào cũng phải nghe những lời quở trách của Bert đến chán cả tai – nơi mà lúc nào

cũng bị Yeska và Norblom dòm ngó – nơi có một khúc quanh mà chàng không thể nào tránh không đi qua được biết bao nhiêu lần, mà chẳng lần nào khác lần nào, cứ đến khu Rừng Hai Dặm là chàng lại phải rẽ về phía nam con đường lớn của Leopolis, để chạy theo con đường buồn tẻ, phẳng lỳ, và thẳng băng ấy – nơi mà Bác sĩ Hesselink có ưu thế hơn chàng và Bác sĩ Coughlin có tính hiểm ác – nơi mà chàng cứ phải đi lòng vòng ở ngoài đường suốt ngày, chẳng còn thời giờ nào để làm việc trong phòng thí nghiệm bụi bặm của chàng nữa – bây giờ chàng sẽ bỏ lại tất cả để tới Nautilus, một thành phố lớn đầy đủ hoàn toàn và xán lạn.

“Leora ơi! Chúng mình đi tới nơi rồi! Đi thực rồi!”

III

Bert nói:

– Chú phải biết, thế nào cũng có người gọi chú là kẻ phụ bạc đối với tất cả những công ân của bọn này đã giúp chú, mặc dầu chú đã trả lại ngàn bạc vay hồi trước, chú để cho một anh Bác sĩ nào khác đến đây chiếm hết cả cái ảnh hưởng ấy của gia đình này!

Cô Ada Quist thì nói:

– Tôi thấy ở đây chú còn chả được dân chúng tín nhiệm, huống hồ là ở một thành phố lớn như Nautilus thì làm ăn cái gì! Chúng tôi, anh Bert và tôi, sang năm sẽ cưới, lúc bấy giờ hai người tài hoa phong nhã bị thất bại mò về, tôi chắc chúng tôi lại phải nuôi báo cô ở trong nhà, và chắc gì đã thuê lại được cái nhà ấy với cái giá hiện nay! Ô, anh Bert này, sao mình không giữ ngay lấy cái nhà ấy có phải đỡ tiền không? Ory à, tôi chả thường nói là cô khó có thể sống một cuộc đời đều hòa, yên ổn và đường hoàng, ngay từ hồi hai đứa mình còn đi học kia, có phải không?

Ông Tozer thì nói:

– Tôi đến chịu không làm sao hiểu nổi, mọi việc đương êm đẹp như thế này. Nếu anh cứ chịu khó ở lại đây, thì thế nào cũng có ngày anh sẽ kiếm được ba, bốn ngàn một năm. Nhà này chẳng đối xử tử tế với anh sao? Tôi không thích cho con gái tôi đi xa để tôi ở lại một mình, nhất là bây giờ tôi đã có tuổi rồi. Bert thì nó khó tánh đối với tôi và Má, còn Anh và Ory thì bao giờ cũng ngoan ngoãn nghe lời. Anh liệu xem có cách nào ở lại đây không? Pete Teska nói:

– Bác sĩ ạ, nghe tin Bác sĩ sắp đi mà tôi cứ bần

thần cả người! Cố nhiên là giữa Bác sĩ với tôi có truyện xích mích nhau về buôn bán thuốc men thực đấy, nhưng nói có trời biết cho, chứ tôi đương tính hôm nào đến đây rủ Bác sĩ chung phần với tôi, để Bác sĩ tùy ý trông nom cai quản, rồi mình có thể xin làm đại lý cho hãng Buick, rất có thể xin được và gây dựng một cơ nghiệp kinh doanh nho nhỏ với nhau. Tôi thực lấy làm tiếc Bác sĩ bỏ đi xa chúng tôi... Nhưng mong có ngày nào đó Bác sĩ trở lại đây, mình đi bắn vịt trời với nhau và nhắc lại câu chuyện về bệnh đậu mùa của Bác sĩ để mình cười với nhau một trận cho vui. Tôi không quên được chuyện đó! Hôm nọ tôi còn nói với một bà già kêu đau tai rằng “Bà không bị đậu mùa đấy chứ!”

Bác sĩ Hesselink nói:

– Bác sĩ, tôi nghe tin chẳng biết có đúng không? Bác sĩ không đi đâu đấy chứ? Nay Bác sĩ với tôi, chúng mình vừa bắt đầu làm cho nghề thuốc ở chốn rừng rú này lên tới cái địa vị xứng đáng của nó, Bác sĩ bỏ đi sao đành! Vì thế cho nên tôi phải tức tốc lái xe suốt đêm đến đây... Hử? Hay là tại chúng tôi chế giễu Bác sĩ đấy? Có ó, cứ kể ra chúng tôi có thể thực, nhưng như vậy không phải

là chúng tôi không kính phục Bác sĩ. Một nơi bé nhỏ như ở đây hay ở Groningen, mình phải chế giễu người này người nọ lối xóm cho có chuyện. Nay, Bác sĩ, tôi vẫn theo dõi Bác sĩ từ lúc mới chân ướt chân ráo ra trường cho đến bây giờ đã thành một Bác sĩ có căn bản vững chắc thực sự, thế mà nay lại bỏ đi... chắc Bác sĩ không thể hiểu được nỗi xúc cảm của tôi!

Novak nói:

– Sao, bác sĩ? Bác sĩ không bỏ bọn tôi đi đấy chứ? Bọn tôi sắp sinh một cháu nữa đến nơi rồi, và tôi bảo nhà tôi, vừa mới hai hôm nay, rằng: “May mà mình có một Bác sĩ có chuyện gì thì nói thật cho mình nghe, chứ không có nói những chuyện tầm phơ như cái ông Winter.

Anh lái buôn lúa ở Delft thì nói:

– Bác sĩ à, tôi nghe chuyện chả biết có đúng không? Có phải Bác sĩ sắp đi xa không? Một người bạn bảo tôi là Bác sĩ sắp đi, tôi bảo “trời sinh ra người ta nói bậy có chừng có mực, còn anh thì nói bậy quá xá đi thôi!” Nhưng tôi vẫn không yên tâm, nên vội lái xe tới đây và... Bác sĩ ạ, tôi thấy tôi thực không biết giữ mồm giữ miệng chút nào, nói năng nhiều khi lỗ măng. Trong cái hồi có bệnh

dịch thương hàn, tôi chống lại Bác sĩ bảo cái cô khâu muốn là người đem gieo rắc mầm bệnh ấy khắp mọi nơi, rồi sau tôi mới được Bác sĩ mở mắt cho mà thấy. Bác sĩ ạ, nếu Bác sĩ muốn sau này làm Thượng Nghị Sĩ, và nếu Bác sĩ ở lại đây... tôi cũng có đôi chút ảnh hưởng... Bác sĩ cứ tin tôi đi, tôi tình nguyện sẽ hết sức giúp Bác sĩ!

Alex Ingleblad thì nói:

– Bác sĩ tốt số lắm đấy nhé!

Hôm hai người khởi hành đi Nautilus, cả làng ra ga tiễn.

Suốt cả năm cây số, ngồi trên xe chạy qua những cánh đồng nắng chói mùa thu, Martin vẫn không hết buồn nhớ những người hàng xóm láng giềng. Chàng bảo Leora: “Anh thấy muốn xuống xe quay trở lại. Mình vẫn chơi bài Ngũ Bách với bọn Phan dương chả vui là gì! Anh ghét không muốn nghĩ tới chuyện dân làng lờ ra gặp phải cái anh Bác sĩ nào chẳng ra gì. Anh thề nếu sau này có anh lang băm nào tới mở phòng mạch ở đây, hay Woestijne lại xao lãng công việc vệ sinh y tế nữa, anh sẽ trở về làm cho họ phải bỏ nghề mới nghe! Và nếu có dịp ra làm Thượng Nghị sĩ cũng vui, há!”

Trong khi đó, bóng chiều mỗi lúc một đổ

xuống, trong cái thế giới mà họ đương tất tả tiến tới, hai người không còn trông thấy gì khác ngoài mấy chiếc bóng đèn vàng ệch mắc trên nóc toa xe dài trên đầu họ. Họ tưởng tượng thấy nào là thành phố Nautilus to lớn, nào là vinh quang chói lọi, sự nghiệp cao cả, nào là công cuộc tạo lập một đô thị kiểu mẫu xán lạn, nào là những lời ca ngợi của Sondelius và có lẽ ngay cả của Max Gottlieb nữa...

CHƯƠNG 19

GIỮA VÙNG ĐẤT ĐEN của đồng bằng Iowa chỉ có mỗi một con suối đã nhỏ lại nông chảy ra, thành phố Nautilus nóng như nung như nấu, ồn ào, nhộn nhịp, chói lọi, huy hoàng. Lúa ngô mọc có tới hàng trăm dặm, chạy thành những hàng thẳng tắp như những bức vách vàng cao, làm cho những khách bộ hành xa lạ, người mệt mỏi, đắm mồ hôi, thấy lạc lõng, ngọt ngạt như bị rừng cây áp đảo tàn nhẫn.

Nautilus so với Zenith chẳng khác gì Zenith với Chicago.

Với một dân số bảy mươi ngàn người, nó nhỏ hơn Zenith nhưng không kém phần náo nhiệt. Nó có mỗi khách sạn lớn, so với cả tá ở Zenith,

nhưng được cái chủ nhân chịu khó trang trí, nên khách sạn này cũng đầy đủ tiện nghi, tối tân kinh khủng, lúc nào cũng tấp nập người ra kẻ vào. Giữa hai thành phố Nautilus và Zenith chỉ có mỗi một sự khác biệt rất rõ ràng là mặc dầu ở cả hai nơi, con đường nào cũng giống con đường nào, song ở Nautilus các đường không có giống nhau nhiều đến hàng ngàn cây số như ở Zenith.

Điều khó cho người ta có thể định được đặc tính của nó là không ai có thể quả quyết nó là một làng lớn hay là một thành phố nhỏ. Có những quán rượu đông tài xế uống cốc tay Bacardi, nhưng về những chiều tháng Tám trừ một số ít các ông trưởng giả, còn tất cả mọi người đều mặc áo sơ mi trần, tay xắn lên, ra ngồi trước cửa nhà. Trước một tòa nhà mười tầng trong đặt các văn phòng – trong số các văn phòng ấy có tòa soạn của một tờ tạp chí nhỏ, tờ *Tân Văn Tạp Chí* của một thiếu phụ còn trẻ đã lẫn lộn năm năm trong các tiệm cà phê ở Montparnasse làm chủ nhiệm – có một tòa lâu đài cổ, hàng phong che mát rợp, trong sân đậu một dãy xe Ford, xe chở gỗ với những nông gia trại chủ mặc áo choàng từ quê ra tỉnh.

Iowa là tiểu bang có ruộng đất phì nhiêu nhất, tỷ

số người mù chữ thấp nhất, tỷ số thổ dân da trắng và sở hữu chủ xe hơi cao nhất, dân chúng có tinh thần đạo đức và trí tiến thủ mạnh nhất Hợp chủng Quốc, và Nautilus là thành phố có nhiều đặc tính nhất của tiểu bang Iowa. Cứ ba người ngoài sáu mươi tuổi lại có một người mùa đông đến ở California, trong số những người đó có nhà quán quân ném móng ngựa ở Pasadena, và cả cái bà đã biếu cô Marry Pickford, công chúa màn bạc, một con gà tây, cô này đem làm tiệc Giáng sinh năm 1912.

Nautilus được nổi tiếng vì nhà cửa rất lớn, xung quanh có sân cỏ rất rộng, lại có rất nhiều ga ra để xe hơi và nhiều nhà thờ gác chuông mái nhọn cao vút. Đồng ruộng phì nhiêu chạy dài tới hết địa giới thành phố, và những nhà máy thua thớt, những đường xe lửa chi chít, những căn lều nhỏ cho thợ thuyền ở, phần nhiều xây trên những cánh đồng ngô bát ngát. Nautilus sản xuất máy xay bằng thép, nông cụ kể cả máy bón phân trứ danh hiệu Daisy, và những sản phẩm bằng bắp ngô như thứ bắp Mealies được nhiều người ưa dùng ăn điểm tâm. Ở đây người ta còn nung gạch, bán buôn các thực phẩm, và ở đây cũng là đại bản doanh của Công Ty Hiệp Tác Bảo hiểm Cornbelt.

Một trong những ngành hoạt động nhỏ nhất nhưng lâu đời nhất của thành phố này là trường Công Giáo Mugford, có hai trăm bảy mươi sinh viên và mười sáu giáo sư, trong số có mười vị là mục sư của Giáo Hội Cơ Đốc. Bác sĩ trứ danh Tom Bissex vừa là huấn luyện viên túc cầu vừa là Giám đốc Y tế, vừa là giáo sư vệ sinh học, lý hóa học, Anh văn và Đức văn. Lớp tốc ký và dương cầm của Trường này có tiếng vang ra cả ngoài ranh giới Nautilus rất xa, và có một lần, mới cách đây mấy năm, Mugford thắng đội dĩa cầu của Trường Grinnell mười một bàn thua năm. Trường không bao giờ bị xáo trộn vì những cuộc tranh luận về học thuyết sinh vật tiến hóa – chẳng bao giờ Trường nghĩ đến vấn đề dạy sinh vật học cả.

II

Martin để Leora ở Nhà Hàng Sims, kiểu cổ, đứng bậc thứ hai ở Nautilus để đến trình diện với Bác sĩ Pickerbaugh, Giám đốc Nha Y Tế Vệ Sinh Công Cộng. Nha đặt ở tầng dưới trong gian nhà xây nhô ra ở sau lưng ngôi nhà đá xám của Tòa Thị Chính. Khi vào tới phòng tiếp tân, chàng được cô tốc ký và hai cô Y tá phòng tiếp rất nồng nhiệt. Họ hỏi thăm tíu tít, nào: “Bác sĩ đi đường có bình

yên không?” nào: “Bác sĩ Pickerbaugh mong Bác sĩ lắm và đoán ngày mai Bác sĩ mới tới” nào: “Bà Arrowsmith có cùng đi với Bác sĩ không?” Giữa những câu hỏi dồn dập ấy, thì Pickerbaugh ở trong chạy ra đón chào âm ỹ.

Bác sĩ Almus Pickerbaugh bốn mươi tám tuổi, ông tốt nghiệp Trường Mugford và Đại Học Y khoa Wassau, trông ông hơi giông giống Tổng Thống Roosevelt, cũng dáng vóc ấy, cũng bộ ria cứng ấy, và ông cố sửa sang cho thật giống, ông là người không bao giờ ăn nói thung dung cả: hễ mở miệng nếu không lấp bắp thì lại tuôn ra thao thao bất tuyệt như người diễn thuyết.

Ông thoát tiên đón chào Martin bằng một tràng bốn tiếng “Hay quá! Hay quá!...” kiểu hoan hô của học sinh, sinh viên, rồi hướng dẫn chàng đi khắp sở, đưa chàng vào văn phòng riêng của Giám Đốc, mời chàng một miếng xì gà, rồi mới cất tiếng phá tan sự yên lặng kỳ cục có tính chất đàn ông mà ông vẫn giữ từ lúc mới gặp chàng cho tới bây giờ.

“Thưa Bác sĩ, tôi rất vui mừng có bên cạnh một người có thiên tư về khoa học. Nói như vậy không phải tôi coi tôi là người hoàn toàn không có những thiên tư ấy. Sự thật tôi luyện cho tôi có

một tập quán mỗi ngày dành ra một ít thời giờ để làm những công việc khảo cứu khoa học, không có những công việc đó thì công cuộc vận động truyền bá phương pháp vệ sinh dù cho có mãnh liệt đến đâu cũng không đem lại được nhiều kết quả khả quan”.

Ông nói nghe như là mở đầu một bài thuyết giáo tràng giang đại hải. Martin xoay mình ngồi lại cho thoải mái. Thoạt tiên chàng có vẻ thắc mắc về điều xì gà, sau chàng mới thấy nó giúp cho chàng có vẻ chú ý đến câu chuyện của ông kia hơn.

Pickerbaugh lại tiếp: “Nhưng đối với tôi, tôi nhận rằng đó là một vấn đề tùy thuộc vào tính tình con người ta. Tôi tuyệt đối không có một chút ý muốn làm cho cá nhân mình mạnh lên, nhưng tôi thường ao ước rằng Bề Trên phú cho tôi cái thiên tài bỗng cùng một lúc vừa làm Roosevelt vừa làm Longfellow của phong trào vĩ đại mỗi ngày một bành trướng phổ thông những phương pháp vệ sinh y tế khắp quảng đại quần chúng (Điều xì gà Bác sĩ hút có nhẹ quá không?), ồ, có lẽ nên nói là một Kipling của y tế công cộng hơn là một Longfellow, bởi vì rằng nhà Hiên Triết của Cambridge tuy có những đoạn thơ rất hay và bầu

không khí đạo đức rất cao, nhưng thơ của ông vẫn thiếu cái tiết điệu nhịp nhàng và giọng châm biếm gây gắt của Kipling.

“Tôi đoán chắc Bác sĩ cũng đồng ý với tôi, hay sau này sẽ đồng ý với tôi, khi mà Bác sĩ sẽ có dịp thấy kết quả công việc của chúng tôi trong thành phố này, và sự thành công của chúng tôi trong việc truyền bá tư tưởng về vấn đề “Tăng Tiến Sức Khỏe”. Cái mà thế giới đương cần có là một lãnh tụ thật sự được truyền thông thần ý, dũng cảm, siêu việt – nói rõ ra là một Billy Sunday của phong trào – Một người biết cách làm chấn động lòng người, lôi người ta ra khỏi cái nếp sống lười biếng. Một đôi khi báo chí so sánh tôi với Billy Sunday nhà truyền giáo Gia Tô và giảng Phúc âm đại tài, tôi chỉ biết nói rằng họ tâng bốc tôi quá đáng, rồi một đôi khi họ kêu rằng tôi khích động tình cảm mạnh quá. Hừ! Nếu họ có thể hiểu được cái khổ tâm của tôi chính là tôi không đủ sức khích động cho lắm! Tuy nhiên, tôi vẫn cố gắng, cố gắng, và... Bác sĩ coi. Đây là một tấm bích chương của con gái tôi vẽ, con cháu Orchid nó vẽ, còn bài thơ là của tôi đã cố đem tài hèn làm ra, ấy thế mà, tôi xin nói để Bác sĩ biết là chỗ nào người ta cũng ngâm nga:

“Bạn đâu có thể
 “Len lén như mèo
 “Ăn trộm sức khỏe
 “Thôi bạn hãy để
 “Những ai vận động
 “Vệ sinh y tế
 “Gân cổ lên kêu
 “Hăng như gà trống.”

Còn một câu khác... đề cập đến vấn đề nhỏ nhất hơn, tuy không cố ý gieo rắc trong các gia đình những nguyên tắc đại cương trừu tượng, nhưng Bác sĩ sẽ ngạc nhiên thấy ảnh hưởng của nó đối với các bà nội trợ thiếu thận trọng, các bà ấy cố nhiên là không chủ tâm xao lãng việc trông nom sức khỏe của con cái, song cần được huấn luyện, mình chỉ cần khéo gây cho các bà ấy có chút tri thức và khi thấy một tấm thiệp như thế này, tất nhiên các bà ấy phải suy nghĩ:

Hãy đem bình sữa nấu sôi

Nếu không, mua vé châu trời sẵn đi.

“Tôi được biết rất nhiều người tán thưởng cái tài làm những việc lật vật như vậy, mà có mất gì đâu, tôi chỉ mất nhiều lắm là năm phút thì xong. Hôm nào có thời giờ rảnh rỗi, Bác sĩ hãy xem qua

cuốn sách có dán những bài cắt ở báo chí này xem... Ý tôi chỉ muốn để Bác sĩ thấy những việc mình có thể làm, nếu mình chịu sốt sắng tham gia Phong Trào một cách thật tối tân, thật khoa học. Bài diễn văn này tôi đọc ở Des Moines trong cuộc biểu tình chống rượu chè... này, Bác sĩ thử tưởng tượng mà xem, tất cả hội trường chật ních người, rào rào đứng cả lên khi tôi đem những bảng thống kê ra chứng minh rằng chín mươi ba phần trăm người mắc bệnh điên nguyên do tại nghiện rượu! Rồi cái này... Ô! Nó không có liên quan gì tới vấn đề vệ sinh y tế một cách thực tế cả, nhưng nó chứng tỏ những dịp Bác sĩ có thể tiếp xúc với hết thảy những phong trào gây hạnh phúc xã hội ở đây”.

Ông đưa một bài cắt ở báo ra, bên trên một bức hý họa vẽ hình ông, người thì bé xíu vác một cái đầu thật lớn với bộ ria cứng ngắc, có hàng tíit sau đây:

ĐỐC TỜ PICKERBAUGH VẬN ĐỘNG VIÊN
CỦA LÃNH ĐỊA EVANGELINE
LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO VĨ ĐẠI
HỒ HÀO ĐI LỄ NHÀ THỜ TẠI ĐÂY

Pickerbaugh ngắm lại bức hý họa, khẽ nói: “Ồ,

cuộc biểu tình thật là tuyệt! Chúng tôi đã làm tăng số người đi nhà thờ ở đây được mười bảy phần trăm!

Ồ, Bác sĩ đã theo học ở Winnemac, nội trú ở Zenith, có phải không ạ? Nếu vậy thì chắc Bác sĩ có thể chú ý tới việc này. Ấy là một bài ở tờ *Zenith Thời Luận Nhật Báo*, tác giả là Chum Frink, người mà tôi chắc Bác sĩ cũng đồng ý với tôi xếp vào hàng Eddie Guest và Walt Mason là những đại Thi Hào và chắc chắn là được dân chúng biết tiếng nhiều hơn hết thầy các thi sĩ khác của ta, tỏ ra rằng ta có thể luôn luôn tin vào khiếu thường thức văn chương của nhân dân ta.Ồ, cái ông họ Chum, bạn già của tôi! Đó là vào dịp tôi đi Zenith để diễn thuyết trước Hội Nghị toàn quốc của Hiệp Hội Lớp Thánh Kinh Ngày Chủ Nhật, tôi ngẫu nhiên là một hội viên của Hiệp Hội, và tôi nói về “Sức Khỏe và Đạo Đức” do đó ông Chum tặng tôi bài thơ này:

Hoan hô! Zenith hoan hô

Bạn Pickerbaugh đốc tờ thi nhân

Hai nắm tay mạnh như thần

Đấu tranh sức khỏe cho dân kiện toàn

Gây phong trào sống kiện khang

Con người thực tế, can trường, hoạt kê

Ông già ấy thế mà ghê!...

Bác sĩ Pickerbaugh chợt đỏ mặt lên, có vẻ ngượng, một lúc lâu rồi lại tiếp:

“Có lẽ tôi đem truyện ra kể với Bác sĩ như vậy cũng thiếu khiêm nhượng. Nhưng khi tôi đọc bài thơ đầy sáng tác lực và tiết điệu tuyệt mỹ như vậy, khi tôi thấy kiệt tác xinh xinh, chân thành mộc mạc như vậy, tôi nhận thấy mình chẳng phải là một thi nhân chút nào, mặc dầu những câu thơ trúc trắc của tôi có thể dùng để cổ xúy phụng sự cho lý tưởng về sức khỏe của mọi người. Những “đứa con tinh thần” của tôi có thể truyền bá vệ sinh và góp phần bé nhỏ của chúng vào công cuộc cứu sống hàng ngàn sinh mệnh quý giá, nhưng chúng không phải là văn chương như những tác phẩm của Chum Frink. Không, tôi thấy mình chỉ là một khoa học gia làm việc trong một văn phòng, không hơn không kém.

“Tuy nhiên, Bác sĩ sẽ thấy một trong những cố gắng của tôi lấy giọng trào phúng, vui cười châm biếm êm ái, lấy chất ngọt bao lên viên thuốc đắng cho những dân cầu thả uống, cho họ khỏi nhở trên vĩa hè, đưa họ ra khỏi nhà đến những nơi

quang đang hít chút không khí trong sạch của trời đất, để cho mấy lá phổi họ hít đầy dưỡng khí, lồng ngực lông lá của họ nở nang, cho họ sống một cách lành mạnh. Về việc này có lẽ Bác sĩ cũng nên đọc số ra mắt của tờ bán niên san tôi vừa phát hành... Tôi biết chắc là sẽ có một số chủ bút các nhật báo đem trích đăng, như vậy vừa để hoàn thành một công việc ích chung, vừa để cổ động cho tờ tập san của tôi”.

Ông trao cho Martin một cuốn nhan đề là “Tuyển Tập Thơ Pickerbaugh” trong có những bài thơ và những câu cách ngôn, khuyên người ta gìn giữ sức khỏe tốt, đường sá tốt, công việc làm ăn buôn bán tốt, và đạo đức luân lý tốt. Bác sĩ Pickerbaugh chứng minh lời khuyên của mình bằng những bản thống kê kích động lòng người như của mục sư Ira Hinkley trước kia đã có lần dùng ở Hội Digamma Pi. Martin chú ý tới một điều chúng dẫn rằng trong số những gia đình ly hôn ở Ontario, Tennessee và Nam Wyoming năm 1912, có tới năm mươi ba phần trăm người chồng uống ít nhất mỗi ngày một ly rượu.

Chàng vừa đọc xong điều đó, chưa kịp có phản ứng gì, thì Pickerbaugh đã giăng lại tập báo, vui

cười như con nít: “Ồ! Chắc Bác sĩ chả thích đọc cái tờ lá cải này của tôi nữa đâu. Để sau này, có dịp, Bác sĩ sẽ đọc tiếp, còn bây giờ Bác sĩ đọc cuốn sách thứ hai có dán những bài báo này của tôi, có lẽ thú vị hơn, để Bác sĩ thấy đại cương những công việc người ta có thể làm được”.

Chàng vừa đọc những hàng tít trong cuốn sách dán bài báo, vừa nhận thấy Bác sĩ Pickerbaugh được nhiều người biết tiếng hơn chàng tưởng. Người ta kể Ông là sáng lập viên của Phù Luân Hội đầu tiên ở Iowa; Quản Đốc lớp Thánh Kinh Chủ Nhật của Hiệp Hội Công Giáo Jonathan Edwards tại Nautilus; Chủ tịch Câu lạc bộ Trượt Tuyết và Ngao Du Mộ cát sinh, Câu lạc bộ Lăn Bóng Gỗ, và năm 1912 Chủ tịch Câu lạc bộ Nai Vàng và Roosevelt; tổ chức và làm đội trưởng cổ võ những buổi họp mặt ở ngoài trời của Liên Hiệp các Nghiệp đoàn Tiểu Phu, Nghiệp đoàn Nai Vàng, Nghiệp đoàn Thợ Nề, Nghiệp đoàn Công Nhân Làm Việc Vật, Hội Hiệp Sĩ, Hội Thanh niên Công Giáo; và đã chiếm cả hai giải của Lớp Thánh Kinh, dành riêng cho người lớn của Hội Jonathan Edwards về tài đọc thuộc lòng được nhiều bài Thánh Kinh nhất và khiêu vũ điệu Jig Ái Nhĩ Lan

đẹp nhất trong Buổi Dạ Hội Mùa Gặt do Hội này tổ chức.

Martin thấy ông còn diễn thuyết tại nhiều nơi như tại Hội Thế Kỷ ở Nautilus về “Cuộc Âu Du của một Bác sĩ Hoa Kỳ”, tại Hội Alumni của Đại Học Mugford về “Cần một Lực sĩ làm Huấn luyện viên Túc cầu cho Mugford”. Ngoài thành phố Nautilus ra, Pickerbaugh còn khua chuông gõ mõ âm ỹ ở nhiều nơi khác nữa.

Ông đã diễn thuyết tại Bữa Ăn Thân Mật Hàng Tuần của Phòng Thương Mại Toledo về “Tăng Lực Tăng Tài”, ông đã khuyến thiện tại Ủy Ban Điện Xa Liên Tỉnh họp tại Wichita, về “Phương Châm Khang Kiện cho Công Nhân Xe Điện”. Bảy ngàn sáu trăm thợ máy xe hơi của Detroit đã nghe ông nói về “Thứ nhất sức khỏe, thứ nhì an toàn và tuyệt đối không rượu”. Và trong một Đại Hội Nghị ở Waterloo ông đã góp sức vào việc tổ chức đạo binh thứ nhất của Iowa chống rượu Rum.

Những bài tường thuật và xã luận trong các nhật báo, tạp chí, và một tuần san về chế phẩm cao su, đều có in thêm hình của chính ông, của bà vợ nở nang và tám cô con gái nhí nha nhí nhảnh của ông, hình thì mặc quần áo mùa lạnh kiểu Ca

na da giữa những đám băng và tuyết, hình thì mặc kiểu lục sĩ nhẹ nhàng giản dị, đương chơi ten nít ở sân sau nhà, và hình thì mặc quần áo mà không ai đoán ra là kiểu gì, đương xúm xít lại rán thịt mỡ trước một bối cảnh rừng không mông quạnh ở Bắc Minnesota.

Martin cảm thấy ngọt ngào cả người, cần phải rút lui ngay để về nghỉ cho lại sức.

Chàng đi bộ về Nhà Hàng Sims, vừa đi vừa ngắm nghĩ và nhận thấy rằng đối với một người văn minh giáo hóa, cứ một sự kiện Pickerbaugh đề xướng cổ xúy một việc cải cách nào cũng đủ là lý do để người ta tảng lờ đi như không biết có việc đó.

Nhưng khi đã nghĩ xa xôi tới mức ấy, Martin bỗng ngưng lại là tự trách mình, tự nguyên rủa mình đã phạm vào cái điều mà chàng coi là cái tội cố cựu của chàng, cái bệnh hay tự cao tự đại, tưởng mình hơn những người kha khá bình thường khác... Thất bại! Bất chánh! Phản bội! Trong trường thuốc, trong lúc hành nghề chữa bệnh, trong khi giữ công vụ y tế vệ sinh hung hăng tàn nhẫn. Rồi lại tới bây giờ nữa?

Chàng tự nhủ: “Cái kiểu nhiệt thành hăng hái

của Pickerbaugh đúng là cái kiểu rất thích hợp để cho đa số nhân dân được thụ hưởng những điều phát minh khoa học của những người như Gottlieb. Pickerbaugh muốn khoắc lác gì trước Hội Nghị Giám đốc các Trường Thánh Kinh Chủ Nhật, hay trước những bọn ngu si dần dộn, mình cũng mặc lão, mình cóc cần, miễn là lão để cho mình làm công việc nghiên cứu của mình trong phòng thí nghiệm và đi thanh tra các xưởng sữa là được rồi!”

Nghĩ vậy, chàng thấy trong lòng hăng hái, chàng vui vẻ và tự tin bước vào gian phòng tồi tàn, trần cao vút của khách sạn. Leora đang ngồi trên chiếc ghế xích đu bên cửa sổ chờ chàng:

– Sao anh?

– Hay lắm... tiếp đón thật là vồn vã nồng hậu. Và họ muốn mời chúng mình chiều mai ăn cơm.

– Pickerbaugh người thế nào?

– Ô, Ông ấy lạc quan không chê được... làm việc được lắm... ông ấy... Ô, Lee à, không khéo anh lại đến cay đắng, khổ sở, thất nhân tâm, thất bại nhục nhã một lần nữa mất. Chàng vui đầu vào ngực nàng, ôm lấy nàng, bám lấy tình yêu thương của nàng, tựa hồ như mối tình đó mới là sự thực,

sự thực duy nhất ở trên cõi đời đầy dẫy ma quái, lắm mồm lắm miệng này.

III

Khi trời đổ hoàng hôn và gió bắt đầu thổi nhẹ nhẹ đưa những cành phong rung rinh dưới cửa sổ và dân chúng đang mẩn ở Nautilus đã cười những chiếc xe Ford lọc xọc về nhà ăn cơm chiều, thì Leora đã thuyết phục được chàng rằng cái lối sốt sắng và thích phô trương lòe loẹt của Pickerbaugh không có ảnh hưởng gì đến công việc riêng của chàng đâu, và dầu sao đi chăng nữa hai người có sống mãi kiếp ở Nautilus đâu mà sợ, và tính chàng cũng nóng, thiếu nhẫn nại, và tình nàng yêu chàng thật là nồng nàn tha thiết. Rồi hai người đưa nhau xuống nhà dưới ăn cơm chiều, một bữa cơm ăn theo lối cổ của địa phương có ngô tẩm bột rán và nhiều món nhỏ khác ăn có vẻ thích thú hơn những món của nhà bếp Leora tuy đa tình nhưng kém tài nấu nướng. Ăn xong hai người đi xi nê, tay nắm tay không có vẻ gì là bất mãn cả.

Ngày hôm sau, bác sĩ Pickerbaugh tỏ ra bận rộn và ít lời hơn. Ông chỉ cho Martin có ý niệm về những chi tiết công việc của chàng.

Martin đã tưởng mình thoát khỏi những việc

sắn sóc những ngón tay đứt những lỗ tai đau, và được hưởng những ngày mê ly trong phòng thí nghiệm, thỉnh thoảng mới phải xuất hiện ra ngoài đi chiến đấu với mấy ông chủ xưởng sữa coi thường phép vệ sinh. Nhưng bây giờ chàng thấy không thể nào giới định rõ công việc của chàng, và chắc chắn là chàng phải làm mỗi thứ một tý tất cả các công việc mà Pickerbaugh, báo chí, hay bất cứ một người dân nào ở Nautilus này nghĩ ra...

Chàng phải an ủi, xoa dịu những cử tri liến láu đến phàn nàn với chàng về đủ mọi chuyện, từ những mùi hôi thối ở cống nước bốc lên, đến những cuộc nhậu nhẹt la ve ồn ào nửa đêm của những người láng giềng. Chàng phải đọc văn thư của sở cho cô tốc ký hay hờn hay dối đánh máy, cô không phải là một “Nữ Công Nhân chuyên nghiệp mà là một Thiếu Nữ chín chắn chăm chỉ làm ăn”; chàng phải viết quảng cáo gởi đăng các nhật báo; phải đi mua các vật dụng như kẹp giấy, sáp đánh sần, sổ ghi phúc trình với giá rẻ nhất; lúc cần, phải phụ giúp hai Bác sĩ làm giờ trong bệnh viện thành phố; phải điều khiển các y tá và hai viên thanh tra vệ sinh; phải khiển trách Công ty Hốt rác; phải bắt giam – hay ít ra phải quát mắng – những người nhỏ

bảy ở nơi công cộng; phải nhảy lên một chiếc xe Ford chạy vội tới đóng một tấm bảng trước những nhà có người bị bệnh truyền nhiễm; phải luôn luôn để tâm xem từ Vladivostok đến Patagonia có bệnh dịch gì không, để ngăn chặn (bằng những phương pháp không được hoạch định minh bạch cho lắm) không cho những bệnh ấy lan tràn tới giết hại dân chúng hay làm đình trệ các hoạt động kinh doanh của Nautilus.

Những công việc ấy thì bận rộn luôn luôn, còn công việc thí nghiệm thì chẳng có mấy, chỉ có thử sữa, thí nghiệm Wassermann cho các Bác sĩ tu, chế thuốc tiếp chủng, cấy vi trùng khi nghi ngờ có bệnh bạch hầu, thế thôi.

Trong khi hai người mặc quần áo để đến dự tiệc ở nhà bác sĩ Pickerbaugh, Leora bảo chàng:

“Em hiểu rồi. Công việc sở của anh làm mỗi ngày chỉ mất vào khoảng hai mươi tám tiếng đồng hồ mà thôi, còn bao nhiêu thời giờ, anh tha hồ muốn nghiên cứu gì thì nghiên cứu, trừ khi có ai tới làm anh phải gián đoạn công việc thì không kể!”

IV

Nhà của Bác sĩ Pickerbaugh ở trên Dốc Đồi

phía tây thành phố, nhiều gai góc, là một “Tòa nhà kiểu hết sức cổ”. Nhà cất bằng gỗ, có chòi cao, có đu, có vông, có cây cao bóng rợp nhưng rườm rà vô lối, có bãi cỏ nhưng bản thiêu dơ dáy, có giàn hoa lá nhưng ảm thấp, và một cái nhà để xe cũ trên mái có một hàng chông sắt trồng dọc theo cây đòn dông. Trên cổng treo tấm bảng đề tên: “Hoa Hoa.”

Martin và Leora bước chân vào giữa đám thiếu nữ ở trong nhà chạy ủa ra với những câu chào hỏi tíu ta tíu tít. Tất cả tám cô, từ cô Orchid mười chín tuổi rất xinh đẹp đến hai cô sinh đôi mới lên năm, chạy ủa ra như một ngọn sóng cồn, tất cả đều tò mò nhìn hai người một cách thân mật và tất cả đều muốn hỏi chuyện hai người cùng một lúc.

Bà chủ là một người béo tròn có vẻ ngay thật và thắc mắc về những điều mình tin tưởng. Bà tin rằng mọi việc ở đời này đều tốt đẹp nhưng lòng xác tín ấy lại luôn luôn xung đột với ý thức là nhận thấy có nhiều việc hình như rất xấu xa đồi bại. Bà hôn Leora, còn ông chồng siết chặt bàn tay Martin. Ông ta có lối bấm mạnh ngón cái vào mu bàn tay người ta hết sức thân mật nhưng cũng làm cho người ta đau hết sức.

Ông tuôn ngay ra một tràng nói về cái “Tổ Ấm” của Ông làm cho mấy cô con phải im luôn:

“Ồ đây ông bà có thể có sẵn một hình ảnh minh họa “Sức Khỏe Trong Gia đình”. Ông bà hãy xem mấy con bé to lớn chắc nịch này! Suốt từ bé đến giờ chưa ốm đau một ngày nào... hiển nhiên là như vậy... còn Má chúng nó tuy có bệnh nhức đầu, do lúc còn nhỏ ăn uống không chịu kiêng cử, vì ông nhạc tôi, tuy là một cựu phó chấp sự ở nhà thờ... mà cũng là một chính nhân quân tử thuộc phái cổ nữa, nếu quả trước kia có phái đó, và bạn thân của Cụ Nathaniel Mugford, nhờ ơn cụ nhiều hơn ai hết, xây dựng không những cái Viện Đại Học Mugford mà cả những truyền thống của đức tính thanh liêm và cần mẫn đã đem lại sự hưng thịnh ngày nay cho chúng tôi... Nhưng Ông Nhạc tôi không hiểu biết gì về vấn đề vệ sinh và kiêng cử ăn uống cả, và tôi thường nghĩ...”

Ông giới thiệu tên tám cô con gái: Orchid, Verbena, Daisy, Jonquil, Hibisca, Narcissa, và hai cô sinh đôi Arbuta, Giadiola.

Bà Pickerbaugh thở dài: “Tôi thấy gọi các cháu là những ‘hòn châu hòn ngọc của má’ cổ quá, sáo quá... Tôi rất ghét những câu sáo người ta thường

dùng nhầm quá, ông bà có thấy thế không?... Nhưng các cháu đúng là những “hòn Châu hòn Ngọc của Má” chúng nó, và ông Bác sĩ nhà tôi với tôi, đôi khi vẫn ao ước... Cố nhiên là khi đã lấy tên hoa đặt cho mấy cháu đầu, chúng tôi phải tiếp tục đặt cho các cháu sinh sau; nhưng nếu chúng tôi lấy tên Châu Ngọc đặt cho các cháu, thì ông bà cứ nghĩ mà xem, có biết bao nhiêu là tên đẹp có thể dùng được như: Ngọc Châu, Ngọc Khuê, Ngọc Bích, Ngọc Dao, Ngọc Lộ, Ngọc Quỳnh, Ngọc Bội, Du Phan, Mai Côi... Mai Côi hay Côi Vĩ ấy nhỉ? Ô, dẫu sao thì không biết bao nhiêu người đã ca tụng chúng tôi đặt những tên hoa ấy, ông bà không biết đấy chứ, các con gái tôi đã nổi tiếng ghê lắm... biết bao nhiêu báo chí in hình ảnh các cháu, và chúng tôi tổ chức riêng được Đội Bồng Cầu Phụ Nữ nhà Pickerbaugh, hoàn toàn người trong gia đình chúng tôi, có mỗi điều là bây giờ tôi bắt đầu mặp ra một chút nên ông Bác sĩ nhà tôi phải tham dự vào đội cầu ấy”.

Tám cô chỉ có tuổi là khác nhau, còn đồ phân biệt được cô nào với cô nào. Cô nào cũng điệu, cô nào cũng tóc vàng, cũng xinh đẹp, cũng vui vẻ linh hoạt như nhau, cô nào cũng có khiếu về âm

nhạc, và không những chỉ trong trắng mà thôi, cô nào cũng tâm hồn thanh khiết như nhau. Tất cả tám cô đều có chân trong “Học Hội Thánh Kinh Ngày Chúa Nhật” và nếu không ở trong “Thanh Nữ Công Giáo Hội” thì cũng ở trong “Doanh Hỏa Thiếu Nữ Đoàn”, tất cả đều thích đi chơi ăn uống ngoài trời, và trừ có hai cô bé sinh đôi mới lên năm còn tất cả đều có thể đọc thuộc lòng những bảng thống kê mới nhất về cái hại nghiện rượu.

Bác sĩ Pickerbaugh nói:

– Quả thực chúng tôi thấy chúng nó đúng là một đàn gà non kỳ quái. Martin giọng run run nói:

– Quả thực như vậy!

– Nhưng có điều hay hơn hết là các cháu có thể giúp tôi phổ biến cái thuyết “Mens sana in the Corpus sano” – thân thể có kiện toàn thì tinh thần mới khang kiện. Nhà tôi với tôi lại huấn luyện cho các cháu hợp xướng, cả ở nơi công chúng, chúng tôi coi như là một tổ chức và gọi là “Khang Kiện Thân Tiên Bát Bộ Hợp Xướng Ban” hay là Ban “Healthette Octette”.

Thấy Martin ngần người ra đến nỗi không nói lên được, Leora phải lên tiếng: – Thật thế ư?

– Thật thế, và trước khi hoàn thành công việc

bảo vệ sức khỏe ấy, tôi có ý đem phổ biến cái tên “Khang kiện Thần Nữ” từ nam chí bắc khắp đất nước cổ lỗ này, rồi ông bà sẽ thấy từng đoàn phụ nữ vui vẻ trẻ trung đem bản thông điệp thần diệu loan truyền khắp nơi hang cùng ngõ hẻm, bùn lầy nước đọng, “Khang kiện Thần Nữ Đoàn”! Hay quá! Những cao thủ lam cầu xinh đẹp, trong sạch, tươi sáng và hăng hái! Xin nói để ông bà biết chứ họ sẽ làm cho những kẻ lười biếng, rần đầu cứng cổ phải nhúc nhích chân tay! Họ sẽ làm cho bọn sống trụy lạc, ăn nói thô tục phải xấu hổ và trở thành đoàn trang lễ mạo. Tôi có làm bài thơ dùng làm tiêu ngữ cho “Khang Kiện Thần Nữ Đoàn”, ông bà có muốn nghe không?

Đàn bà thì lấy nụ cười

Đẩy đưa khoe mắt dụ người đắm mê.

Kẻ ham cờ bạc rượu chè,

Thì lấy tật xấu rủ rê mọi người.

Cho nên mục đích ở đời

Là phải giáo hóa những người xấu xa,

Làm cho quy chánh cải tà

Làm cho thói xấu tật hu tiêu trừ

Nói ra, bạn chẳng tin ư?

Thì xin bạn chịu khó chờ đợi xem.

Em là Khang Kiện Thần Tiên!

Nhưng cố nhiên còn mục đích quan trọng hơn nữa... và tôi là một trong những người khởi xướng ra... là đòi hỏi cho có một Bộ Trưởng Vệ Sinh và Cải Lương Nhân Chúng trong Nội Các.

Trên ngọn cao trào nghị luận ấy, họ bị đưa đẩy dần vào phòng ăn, tới một bữa tiệc thịnh soạn. Bác sĩ Pickerbaugh vừa thật tình nói: “Có gì đâu ông, thế nào ông cũng xơi thêm miếng này nữa... đây là Chiêu Đãi Sở mà!” ông vừa ép Martin và Leora ăn nào là thịt vịt quay, nào là thịt thái mỏng nướng chả, nào là mứt khoai, làm cho hai người khó chịu mất lờ đờ, ngồi phưỡn cả bụng ra. Nhưng chính bác sĩ Pickerbaugh hình như không hề hấn gì cả. Ông vừa cắt, vừa nhai, vừa nói, đến nỗi gian phòng ăn, với chiếc tủ cốc cổ bằng gỗ hồ đào, tấm hình Chúa Giê su của Hoffmann họa, bức tranh người chăn bò của Remington vẽ, tựa hồ như lu mờ đi, để ông đứng trên một diễn đàn bên cạnh một bình nước đá lạnh.

Không phải lúc nào ông cũng chỉ kỳ cục có vậy mà thôi, ông còn nói: “Bác sĩ Arrowsmith ạ, tôi nói để Bác sĩ biết, chúng mình là những người may mắn có thể sinh sống bằng cách tận tâm làm

việc giúp cho dân chúng trong một tỉnh như tỉnh này được khỏe mạnh, có sức để mà sinh hoạt. Nếu làm tu, tôi có thể kiếm tám hay mười ngàn đồng một năm, có người bảo tôi có thể kiếm hơn thế nữa nếu tôi làm nghề quảng cáo, ấy thế mà tôi lấy làm hài lòng, cả vợ con tôi cũng hài lòng như tôi, với số lương có bốn ngàn đồng thôi. Ông thử nghĩ xem có cái sung sướng là bọn mình làm một nghề buôn mà chẳng có gì bán ra cả, ngoại trừ lòng ngay thẳng, đoan chính và bác ái”.

Martin thấy Pickerbaugh nói như vậy là nói thực, chàng thấy xấu hổ thay cho ông mà không đứng phắt được lên, lời Leora ra về đáp chuyến tàu thứ nhứt để rời ngay khỏi Nautilus.

Cơm xong, mấy cô bé muốn làm thân với Leora, bâu lấy nàng. Martin phải ẵm hai cô bé sinh đôi đặt ngồi lên đùi chàng và kể truyện cổ tích cho nghe. Hai đứa thật là nặng, nhưng không nặng bằng cái khổ phải bịa chuyện ra để nói. Trước khi chúng đi ngủ, toàn ban “Khang Kiện Thần Nữ Bát Bộ Hợp Xướng” hát “Bài ca Khang Kiện” trứ danh do Bác sĩ Pickerbaugh sáng tác, mà sau này Martin còn phải nghe không biết bao nhiêu lần nữa trong những dịp hội họp công cộng linh đình. Bài hát

theo điệu “Bài Ca Thắng Lợi Cộng Hòa” nhưng vì giọng hai đứa sinh đôi mạnh, và chất chúa, nên nghe có một âm hưởng đặc biệt:

Ô kìa bạn đi tìm hạnh phúc hay của cải?

Cũng đều nhờ ngọn cờ vĩ đại

Để trau dồi tâm hồn và nhân cách

Để giữ gìn đường phố cho sạch

Và bảo vệ lấy sức khỏe

Rồi chúng ta cùng tiến.

Một tinh thần kháng kiện trong một thân thể
sạch sẽ,

Một tinh thần kháng kiện trong một thân thể
sạch sẽ,

Một tinh thần kháng kiện trong một thân thể
sạch sẽ,

Đó là tiêu ngữ cho hết thảy mọi người.

Và để từ biệt mọi người đi ngủ hai đứa trẻ sinh đôi lại ngâm thêm một bài thơ tự tình của bố chúng nó, như chúng nó đã ngâm trong buổi Đại Hội của Học Hội Thánh Kinh Chúa Nhật vừa qua.

Đàn chim non xinh xinh

Khi trời vừa bình minh

Ríu rít ca những gì?

“Hoan hô Ngưu Túc Ly”

Yên vui và khang kiện
 Hoan hô Ba và Má
 Và hết thấy chúng ta,
 Ha ha, Hu ra, Ha ha!

Chúng hát xong, bà Pickerbaugh bảo: “Thôi, các con cưng của mẹ, bây giờ đi ngủ đi!” Rồi quay sang nói với Leora, “Bà Arrowsmith, bà xem có phải các cháu bẩm sinh ra đã là tài tử rồi không? Trước mặt bất cứ thính giả nào, các cháu cũng không sợ hãi nhút nhát, và cái lối các cháu hát... có lẽ không phải Broadway, mà là những hý viện tinh luyện nhất ở New York cũng phải thích các cháu, và biết đâu Trời chả sai các cháu đầu thai vào cửa chúng tôi để nâng cao kịch nghệ lên. Thôi đi ngủ đi, các con!”

Trong lúc bà mẹ đưa hai em lên ngủ, mấy cô chị lại trình bày một chương trình âm nhạc ngắn khác.

Verbena, cô thứ hai, chơi bản Chamiade. Ông bố nói: “Cố nhiên tất cả gia đình chúng tôi đều thích âm nhạc, và đem phổ biến khắp xóm giềng, nhưng Verbena có lẽ mới thật là thiên tài duy nhất về âm nhạc trong gia đình chúng tôi”.

Nhưng trò vui bất ngờ là Orchid độc tấu kèn Cornet.

Martin không dám nhìn Leora. Không phải là chàng lên bộ khinh miệt việc đọc tấu Cornet, vì ở Elk Mills, Wheatsylvania và kỳ thú nhất là rất nhiều nơi ở Zenith, những bà những cô đức hạnh nhất lại hay đọc tấu Cornet! Nhưng chàng cảm thấy như đã sống trong một nhà điên cả chục năm rồi.

Chàng thở dài, nghĩ bụng: “Trong đời mình chưa hôm nào say như thế này. Ước gì mình được làm một vài hộp cho tỉnh! “Chàng nghĩ ra nhiều mưu kế để trốn đi, những mưu kế vừa điên khùng vừa không thể thực hiện được. Vừa lúc đó bà Pickerbaugh dẫn hai đứa bé sinh đôi đi ngủ, đã quay trở ra ngồi chơi thụ cảm, tuy nhiên hai đứa bé vẫn còn thức và mọi người vẫn còn nghe thấy tiếng chúng hát nheo nhèo.

Người thì mập thù lù, nhan sắc thì tàn tạ, bà vừa đạo đàn vừa đâm mình vào giấc mộng huy hoàng. Martin chợt hình dung bà hồi còn là một cô gái thanh tân vui vẻ dịu hiền như chiếc bồ câu, đương ngồi mơ tưởng tới chàng sinh viên y khoa đầy sinh lực là Pickerbaugh. Xưa kia hẳn Bà phải là cô gái điển hình của những năm 1880 1890, thời đại của Howells ngây thơ, chất phác, thời mà các thanh niên đều trong sạch, chỉ biết đá cầu và hát

bài “Dòng sông Thiên Nga”; thời mà bà còn là một thiếu nữ hay ngồi ở trước thềm nhà, ngây ngất vì mùi hoa tử đinh hương, và mơ ước sau khi cùng chàng Pickerbaugh kết hôn, sẽ có một cái bếp lò bằng sắt mạ kền, và một cậu con trai lớn lên làm mục sư hay thành triệu phú.

Cả buổi chiều, suốt từ lúc bước chân vào nhà này đến bây giờ, Martin mới thật tâm khen bà được một câu “Bà đôn hay quá, tôi rất thích”. Chàng cảm thấy đã thắng được lòng nhu nhược của mình.

Tuy nhiên, cuộc vui nhộn bây giờ mới thật sự mở màn. Họ chơi đồ chữ, Martin ghét lắm, còn Leora thì chơi đồ hết sức. Họ ra câu đố, về môn này Pickerbaugh thật là phi thường. Cái cảnh ông ngồi trên sàn nhà trong chiếc áo lông của vợ, giả làm con hải cẩu trên một tảng băng trôi trên mặt nước thì không thể chê được. Rồi Martin, Orchid và Hibisca, cô bé mới mười hai tuổi bị bắt phải trình bày một câu đố, do đó chuyện rắc rối xảy ra.

Orchid cũng có những tình cảm giản dị, những nụ cười, những cử chỉ nũng nịu vuốt ve, hay ngây thơ bông bột như các em gái, nhưng cô đã mười chín, không hẳn là một đứa trẻ con nữa. Chắc

chấn tâm hồn cô rất trong trắng và chỉ ham đọc những truyện đung dăng, lành mạnh, đúng như lời bác sĩ Pickerbaugh nói, và ông thường nhắc đi nhắc điều này, nhưng không phải cô không để ý tới bọn thanh niên mặc dù có người đã có vợ rồi.

Cô định đổ chữ “âu sâu”, bằng cách đóng giả làm một con ve sâu ôm một cái âu đồng. Lúc ba người leo lên gác để hóa trang, cô vúi chặt lấy cánh tay Martin nhảy tung tung bên chàng và thì thầm: “Ồ, Bác sĩ, ba tôi được Bác sĩ phụ tá, tôi rất thích... người trông đã trẻ lại đẹp trai.Ồ, tôi ăn nói táo bạo quá phải không? Nhưng ý tôi muốn nói là... Bác sĩ trông như một lực sĩ, hoàn toàn về đủ mọi phương diện, còn cái ông Phó Giám Đốc kia... nhưng Bác sĩ đừng kể lại với ba tôi là tôi nói nhé... Ông ấy là một ông lão kỳ cục!”

Chàng nhận thấy đôi mắt trong màu nâu và đôi môi nguyên trinh của nàng chưa gợn một nét mây mờ nào. Trong khi Orchid vận quần áo hóa trang làm ve sâu, chàng lại để ý thấy đôi mắt cá chân thanh tú và bộ ngực trẻ trung của nàng. Nàng mỉm cười với chàng, coi chàng như một người đã quen biết từ lâu, và thẳng thắn nói: “Rồi mình cho mọi người xem! Tôi biết Bác sĩ là một kép tài... hoa!”

Khi họ ùn ùn kéo nhau xuống nhà dưới, nàng không nắm cánh tay chàng nữa mà chính chàng lại nắm cánh tay nàng, hơi bóp nhẹ nhẹ, rồi chàng bồng kinh hoàng vội bỏ tay nàng ra.

Từ ngày lấy vợ, tâm hồn chàng để cả vào Leora, một người vừa là tình nhân, vừa là bạn, vừa là trợ tá của chàng cho đến giờ phút này, chỉ có mỗi một lần chàng liêu lĩnh liếc một cô gái đẹp trên một chuyến tàu đáng kể là tệ hại nhất, thế thôi. Nhưng vẻ vui tươi thẹn thùng của Orchid làm cho lòng chàng xao xuyến. Chàng muốn dứt khỏi nàng, rồi chàng lại ao ước không muốn dứt hẳn nàng đi, và từ bao năm nay, lần này là lần thứ nhất chàng sợ cặp mắt của Leora.

Sau đến trò biểu diễn nhảy lộn, Orchid tỏ ra siêu việt về môn này, nàng không mặc yếm hay áo lót mình gì cả, nàng thích khiêu vũ, nàng khen lấy khen để Martin trong trò chơi “Theo Chân Lành Tự”.

Rồi, trừ Orchid ra, tất cả các em cô bị cha mẹ bắt đi ngủ hết. Sang đến phần chót của buổi dạ hội mà ông Pickerbaugh gọi là “cuộc hội thảo bỏ túi về khoa học thung dung bên lò sưởi”, gom toàn những ý kiến của ông đưa ra, nhận xét về

đường sá tốt đẹp, về vệ sinh ở thôn quê, lý tưởng chính trị, và phương pháp xếp đặt hồ sơ trong các cơ quan y tế vệ sinh. Trong cái thời gian yên tĩnh ấy, có lẽ lâu đến tiếng rười đồng hồ, Martin thấy Orchid chỉ ngồi hết ngấm tóc chàng, lại nhìn cầm hay bàn tay chàng, thì trong đầu óc chàng hết nảy ra, rồi lại xua đuổi đi, rồi lại nảy ra ý nghĩ thú vị thơ ngây được nắm lấy cái bàn chân xinh xắn đáng yêu của nàng.

Chàng cũng thấy Leora để ý nhìn cả hai người, chàng khổ sở vô cùng, hiển nhiên là chàng chẳng thu lượm được chút bổ ích nào trong những lời nhận xét của Pickerbaugh về giá trị của các chất sát trùng khử độc. Pickerbaugh tiên đoán rằng trong mười lăm năm nữa, Nautilus sẽ có một Nha Y Tế Vệ Sinh lớn gấp ba hiện nay, một Trường Y Khoa Đại Học, với rất nhiều Bác sĩ làm việc cả hai buổi cho nhà thương, kiêm luôn cả chức Giáo sư Y Khoa Đại Học, và có thể lúc đó Martin sẽ làm Giám Đốc (còn chính ông thì lúc đó sẽ chuyển sang những ngành hoạt động kỳ bí và thú vị trong một phạm vi rộng lớn hơn). Nghe nói, Martin chỉ ừ ào, “Vâng, thế thì... thì hay quá!” Miệng thì nói vậy còn trong lòng thì nghĩ, “cái con khi con kia,

mong rằng nó đừng có lặn vào lòng mình, kéo chết cả lũ!”

Lúc tám giờ rưỡi tối, chàng cầu trời được trốn thoát khỏi gia đình này là điều sung sướng nhất đời; bây giờ mười hai giờ đêm, chàng lặn chân mũi mới rút ra về được.

Chàng cùng Leora đi bộ về khách sạn. Thoát khỏi nhìn thấy Orchid lại được không khí ban đêm mát mẻ làm cho tỉnh táo, chàng quên ngay cô bé và lại bới câu chuyện về công việc làm ăn của chàng ở Nautilus ra:

– Trời! Không biết mình có thể căng đáng được việc này không? Làm việc dưới quyền cái hũ mắm lại còn những bài về về cái hại rượu chè, chán ơi là chán...

Leora cãi:

– Đâu đến nỗi tồi quá.

– Không tồi à? Lão có lẽ là anh thợ thơ tồi nhất trần đời; còn về bệnh dịch học thì chắc chắn là bất cứ một người nào tự học cũng còn hiểu biết nhiều hơn lão. Nhưng khi nói tới chuyện... quên, không biết Clif Clawson vẫn thường gọi là gì nhỉ?... à mà nhân nhắc tới nó, không biết dạo này nó ra sao, đến hai năm nay không nghe nói đến nó... Khi nói

tới chuyện “Đời sống áp chế trong Gia Đình Cơ Đốc Giáo”... Ô, chẳng thà đi kiếm một quán rượu lậu nào, ngồi đánh bộn với những tay trộm cắp vui vẻ, dễ thương còn hơn!”

Nàng cố cãi:

– Em tưởng mấy bài thơ của lão cũng cừ đấy chứ.

– Cừ à! Tiếng ở đâu ra nghe mà chuống thế!

– Chuống thì cũng chưa bằng những câu chửi thề anh thường văng ra! Nhưng cái kèn Cornet mà cái cô lớn ghê gớm ấy thổi tru tréo lên... Hú!

– Cái gì? Cô ấy thổi không chê được, còn gì nữa!

– Này, em nói cho mà biết, Cornet là loại nhạc khí để cho anh Bert chơi thì đúng hơn. Anh tự phụ chê thơ của bố cô ấy và tiếng “Cừ” của em vừa nói! Nhưng anh cũng ‘quê một cục’ như em, có khi hơn là khác!

– Ô kìa, Leora! Từ trước chưa bao giờ anh thấy em cáu giận một cách vô lý! Và em có hiểu chuyện quan trọng như thế nào... Em xem, một người như Pickerbaugh mà lại làm trò xiếc và phô cái dốt của mình ra như vậy, làm cho các công tác Y tế Vệ sinh thành ra lố bịch. Với cái lối làm việc như vậy, nếu lão bảo không khí trong sạch rất bổ ích, thì thay vì

làm cho anh mở cửa sổ ra, lão chỉ làm cho anh hay bất cứ một người hiểu biết lẽ phải nào khác cũng phải đóng cửa sổ lại. Và dùng danh từ ‘Khoa học’ trong những bài về chủng chủng ấy hay em muốn gọi là thơ thần gì thì gọi... thực là sàm sỡ!

– Nhưng, dẫu sao đi chăng nữa, nếu anh muốn biết, thì để tôi nói cho mà biết, là từ nay trở đi tôi không có ưa những trò con khỉ với cái cô ả Orchid ấy nữa đâu nhớ! Rõ ràng là anh ôm lấy nó lúc xuống thang rồi suốt buổi cứ ngồi nhìn nó chòng chọc! Anh vắng tục, anh cáu bẳn hay anh say sưa trong một giới hạn vừa phải nào đó, em không quan tâm, nhưng từ cái bữa cơm mà anh nói với em và cái cô Madeline Fox ấy câu: “Tôi mong rằng hai cô không quan tâm, nhưng tôi vừa chợt nhớ ra rằng tôi đã hứa hôn với cả hai cô”... từ bữa ấy, anh là của riêng em, và em không có để cho một ai xâm phạm tới. Em là giống đàn bà ăn lông ở lỗ, man dại, anh nên biết thế, còn cái cô ả Orchid ấy với cái lối cười cợt ve vuốt, và hai cái bàn chân to lớn như bàn cước ấy... Orchid! Orchid gì mà Orchid! Chẳng hơn gì giống xạ cục hôi rình!

– Nhưng thú thực, anh không nhớ trong tám cô, cô nào là Orchid.

– Hừ! Thế ra anh đã tán cả tám đứa, thảo nào! Cái con khốn nạn ấy! Thôi, em không có muốn nhiều lời về chuyện này nữa, em chỉ muốn cảnh cáo anh, thế thôi!

Về đến khách sạn, chàng bất đắc dĩ phải bỏ ý định tìm một lời vui ngắn cương quyết để hứa chắc rằng từ nay chàng không bao giờ tán tỉnh Orchid nữa, và chàng ấp úng nói: “Anh muốn ở dưới này, đi bộ thêm một lúc nữa, em lên phòng trước đi nhá, được không em? Anh phải xếp đặt cho xong chương trình làm việc ở Nha Y tế”.

Chàng ngồi trong văn phòng Khách sạn... vào lúc sau mười hai giờ khuya ấy quang cảnh gian phòng buồn một cách đặc biệt, mà cũng hơi một cách đặc biệt.

“Cái lão Pickerbaugh ngu xuẩn! Mình tiếc không bảo thẳng ngay vào mặt lão rằng chúng ta đã hiểu gì về bệnh dịch học, như ho lao chẳng hạn.

“Cô bé thế mà đáng yêu tề. Orchid! Ô, Orchid giống như một bông lan... không cô bé khỏe mạnh quá. Nhưng lớn rồi, có thể đi săn với mình được rồi. Cô bé thực là dịu dàng. Và cô bé làm như mình đồng tuổi với cô bé, chứ không phải là một bác sĩ già. Mình phải cẩn thận mới được, ồ, mình

phải cẩn thận mới được, nhưng... mình muốn hôn cô bé quá... chỉ hôn một lần thôi. Hà, ngon quá! Cô bé thích mình. Đôi môi thật đáng yêu, trông như... nụ cười ấy!

“Tôi nghiệp Leora. Trong đời mình chưa bao giờ ngạc nhiên như hôm nay. Ghen! Kể ra thì nàng có quyền ghen chứ! Chẳng có người đàn bà nào mà lại trung thành với người đàn ông như... Lee. Ô Lee em yêu! Em thật là ngốc, em không thấy, cho dầu anh có trốn đi chơi với mười bảy triệu cô Orchid đi nữa, thì anh cũng vẫn yêu em, ngoài em ra chẳng bao giờ yêu ai khác cả!

“Mình chẳng có thể đi mọi nơi hát cái bài hát xảm “Khang Kiện Bát Bộ Thần Tiên” ấy. Cho dầu nó có thể giáo dục được dân chúng, mình cũng chẳng hát, nữa là nó chẳng giáo dục được gì cả. Thà để cho họ chết còn hơn sống mà nghe cái bài hát xảm ấy...

“Leora bảo mình ‘quê một cục’. Này cô ơi, để tôi nói cho cô hay: nhờ trời tôi cũng là một Cử Nhân Văn Khoa và cô có thể nhớ lại những cuốn sách mà cái thằng ‘quê một cục’ này đọc cho cô nghe mùa đông năm ngoái, cả Henry James và các nhà văn khác. Ô, mà Lee nói đúng. Mình quê một

cực thật. Mình biết làm ống thủy tinh và thạch xoa để thí nghiệm thực đấy, nhưng... Và lại mình còn muốn sau này có ngày mình sẽ đi du lịch diễn thuyết như Sondelius nữa...

“Sondelius! Trời đất ơi! Giá mình được làm việc với ông ấy, thay vì phải làm việc với Pickerbaugh, thì mình nguyện làm nô lệ cho ông ấy...

“Hay ông ấy cũng lại dóc tổ nốt?

“Hừ đúng thế, mình dùng hai chữ ‘dóc tổ’ rất đúng! Khiếp thực!

“Chú gì! Mình muốn dùng chữ gì thì dùng! Ai cấm! Mình đâu có phải là một thằng giàu lỏi như Angus. Cái lối Sondelius văng tục ra chẳng hạn, ấy thế mà ông ấy vẫn dùng với bọn có trí thức, có giáo dục đấy thì sao...

“Và ở đây mình sẽ bận lắm, chẳng còn thời giờ đâu để mà đọc sách, đọc báo nữa. Và lại mình chẳng bảo dân ở đây cũng ít đọc sách, nhưng chắc chắn là có một số bọn nhà giàu ở đây thạo về những truyện ăn chơi, nhà sang, quần áo đẹp, cao lầu, nhà hát, các thứ.

“Thực vô nghĩa vô lý!”

Chàng đi lang thang tới một quán bán ăn suốt đêm. Chàng thờ thần bước vào uống cà phê. Bên

cạnh chàng, dưới cái cửa sổ kính đỏ, trên có treo tấm hình Washington; ngồi trước một cái giá gỗ dài dùng làm bàn, có một viên Cảnh sát đương nhai bánh mì kẹp thịt bò hầm. Viên Cảnh sát hỏi chàng:

– Này có phải ông là ông Bác sĩ mới tới phụ tá cho Pickerbaugh đó không? Tôi có thấy ông ở Tòa Thị Chánh.

– Vâng, này, à, dân thị xã đây có thích Pickerbaugh không? Ông thấy ông ta thế nào? Ông cứ nói thật cho tôi biết, vì tôi mới chân ướt chân ráo tới đây... và, à... ông hiểu ý tôi chứ?

Ngón tay trái to lớn cầm cái tách lên, kẹp luôn cả chiếc muỗng bỏ ở trong tách, viên Cảnh sát uống một ngụm cà phê lớn xong nói:

– Được, nếu ông muốn biết sự thật, để tôi nói cho mà nghe; ông ta hay ba hoa nói huơu nói vượn ghê lắm, nhưng thực là một tay thông minh đa mưu túc trí kinh khủng. Chắc chắn ông ta nói đúng tiếng Anh của Nữ Hoàng Anh Quốc... Ông đã nghe bài thơ nào của ông ấy chưa? Cừ lắm, không thể chê được. Để tôi nói ông nghe: có người bảo Pickerbaugh ca hát với nhảy nhót nhiều quá, nhưng theo ý tôi, nói riêng có ông với tôi, Bác sĩ à,

có lẽ ông ấy nên để ý đến việc kiểm soát sữa, việc hốt rác rến, và sẵn sóc răng cho trẻ con thì phải hơn. Nhưng có biết bao nhiêu kẻ ở đâu đến, ngu dốt, cầu thả, cần phải mượn những trò vui để nhồi vào óc họ những phép giữ gìn vệ sinh sức khỏe để họ khỏi ốm đau, mắc những bệnh dịch, rồi truyền sang người khác, và ông cứ tin lời tôi nói đi, lão Bác sĩ Pickerbaugh là người biết cách nhồi những phép giữ gìn vệ sinh ấy vào óc bọn ngu xuẩn kia!

Trong khi viên Cảnh binh nói thì anh đầu bếp, người dính đầy mỡ, vẻ người dễ thương, gật đầu lia lịa, tỏ ý tán đồng.

Viên Cảnh binh tiếp:

– Thưa ông, vâng ông ta đại ngốc... ông ta không cảm như hén như mấy ông Bác sĩ khác. Chú gì, một hôm đi pích ních ở St. Patrick, ông ta đã lộ cho mọi người thấy đấy, tuy ông ta là một anh theo Tân Giáo bản thủ, ấy thế mà ông ta với cha Costello ăn ý nhau như đôi bạn cố tri; và hôm ấy ông ta đánh vật với một tên tuổi chỉ bằng nửa ông ta, ấy thế mà ông ta suýt vật tên đó ngã, tôi nói thật đấy, nếu tôi nói dối thì Trời tru Đất diệt tôi, chắc chắn là ông ta thả tiền ra cho anh chàng trẻ tuổi kia để mua vui chơi! Tôi dám cuộc là như vậy!

Bọn Cảnh sát chúng tôi ai cũng mến ông ta, và ai cũng phải buồn cười về cái lối ông ta đến nhìn bọn tôi để nhờ bọn tôi đi làm cho ông ta cả đồng công việc về vệ sinh y tế, theo luật thì đâu có phải là nhiệm vụ của bọn tôi, thực thế, chớ ông ta không có ra lệnh bừa bãi đâu. ông ta thật xứng đáng với danh vị của ông ta”.

Martin nói: “Thì ra là thế”, rồi chàng vừa quay về khách sạn, vừa suy nghĩ: “Nhưng không biết Gottlieb thì nghĩ sao về ông ta?

“Thôi đốt Gottlieb đi! Đốt tất cả mọi người đi, trừ một mình Leora thôi. “Ở đây mình sẽ không thất bại, như mình đã bị ở Wheatsylvania đâu.

“Một ngày kia Pickerbaugh sẽ giữ một chức vụ lớn hơn... Hừ! Lão ta đúng là một tay dóc tổ bịp đời, thế nào rồi lão cũng làm to hơn nữa! Dẫu sao, trong lúc đó mình tập cho quen việc, và biết đâu sau này mình chẳng tổ chức được một Nha Y tế Vệ sinh cho ra gì ở đây.

“Orchid hẹn tới mùa đông này sẽ đi trượt tuyết với mình... “Đốt cả Orchid đi!”

CHƯƠNG 20

MARTIN NHẬN THẤY Bác sĩ Pickerbaugh là một ông xếp có độ lượng, ông chỉ muốn Martin nghĩ ra được điều gì, làm được cái gì để hô hào cổ xúy âm ỹ cho cái chủ trương và phong trào do ông đề xướng ra. Sự hiểu biết của ông về khoa học thực ra còn kém mấy cô y tá phòng, nhưng ông không có tính ghen tỵ, và ông chỉ cầu cho Martin tin rằng việc đi lại chỗ này chỗ kia thật mau lẹ, thật âm ỹ là phương tiện (mà cũng có thể là cứu cánh) của tiến bộ.

Martin và Leora kiếm được một cái nhà cho gia đình hai người ở trên ngọn đồi Xã Hội, thực ra không phải là một cái đồi mà chỉ là một chỗ đất hơi nhô cao lên trên mặt đồng bằng. Ở đây có cái

thích là các bãi cỏ nối tiếp nhau, bãi nọ liền bãi kia, đường đi có những cây phong bóng mát, và cái thú được tự do, không bị người ta dòm dò như ở Wheatsylvania.

Thế rồi hai người bỗng được nhiều người tử tế hảo tâm ở Nautilus tìm đến làm thân.

Mới đến ở đây được mấy hôm, Martin thấy có người gọi điện thoại, giọng đàn ông ồ ồ, hỏi chàng:

– A lô. Martin? Đố ông đoán được ai đây!

Martin đương bận, định trả lời: “Ông thắng rồi... thôi chào ông!” Nhưng rồi chàng giữ lại được, và lấy giọng ôn tồn đáp lại cho xứng với địa vị một ông Phó Giám Đốc mới:

– Thưa không, chắc tôi không thể nào đoán ra được.

– Cứ đoán thử xem.

– Ồ... Clif Clawson?

– Trật lất. Tôi biết ông đang cố tìm cho ra mà. Ồ, xem chừng lần này đoán trúng đó! Cố gắng đi! Đoán thử lần nữa xem!

Cô tốc ký đương ngồi đợi chép thư, mà Martin thì chưa tập quen tính tự quên mình đi và thản nhiên coi như không có gì đáng quan tâm trước mặt nàng. Chàng nói gay gắt ra mặt:

– Ô, nếu vậy thì chắc là Tổng Thống Nilson rồi.
Này nghe đây...

– Hú, Martin, Irving Watters đây! Anh có nhớ không?

Nói xong, Irving Watters, anh chàng có tính thích bông đùa hoạt kê kia tưởng thế nào cũng được thấy bạn vui mừng rồi rít lên, nhưng Martin phải mất đến mười giây đồng hồ nghĩ xem Irving Watters là ai. Rồi chàng chợt nhớ ra: Watters nguyên là anh sinh viên y khoa sức học rất bình thường, nhưng có cái đức tin ở điều thiện, ở sự thật, ở sự hữu lợi, đã làm cho chàng bực mình ở Hội Digamma Pi. Chàng cố lấy giọng thân mật nói:

– Hay quá! Hay quá! Anh làm gì ở đây thế?

– Kìa, tôi lập nghiệp ở đây mà. Ở đây từ ngày còn nội trú. Và chữa bệnh cũng khá. Này, Martin này, nhà tôi với tôi muốn mời anh với chị... chắc anh lấy vợ rồi chứ còn gì nữa?... tới nhà tôi ăn cơm, chiều mai, rồi tôi sẽ nói hết tình hình ở đây cho mà nghe.

Martin sợ phải chịu sự giúp đỡ của Watters, vội nói dối một cách trơ trẽn:

– Tiếc quá... tiếc qua... tôi lại có hẹn chiều mai, cả chiều mốt nữa.

– Vậy mai đến Câu lạc bộ Elks ăn cơm trưa với tôi, rồi trưa Chủ Nhật mời anh chị lại ăn cơm với vợ chồng tôi.

Martin không biết từ chối cách nào, đành đáp:

– Trưa mai chắc tôi cũng không được rảnh để đi ăn cơm với anh đâu, nhưng... thôi để đến trưa Chủ Nhật chúng tôi đến ăn cơm với anh chị vậy.

Một trong những thảm trạng lớn nhất ở đời nó làm cho mình khó chịu nhất là những tình cảm thân mật của những người gọi là “Bạn Cũ”, những người thực ra từ trước chẳng bao giờ là “bạn” của mình cả. Martin sợ bị Watters bắt làm mối, trong lòng vẫn không hết kinh hoàng khi Leora và chàng miễn cưỡng đến nhà Watters vào lúc một giờ rưỡi trưa ngày Chủ Nhật. Tình bạn cũ nồng nàn mãnh liệt lôi chàng về quá khứ, hồi còn ở Digamma Pi.

Nhà Watters mới cất, trang hoàng kiểu tối tân, đồ đạc giường tủ làm ẩn vào trong tường, cửa kính có nhận những phiến chì mỏng, sau có ba năm hành nghề Bác sĩ, Watters đã có điệu bộ một nhà mô phạm và vợ con thúc phọc không ai có thể ngờ được; chàng béo chắc nịch, và học được nhiều điều mới lạ Martin thấy mà chán ngán. Chàng tốt nghiệp trước Martin một năm và lấy một người

vợ khá giàu. Chàng tỏ ra có hảo tâm và chiêu đãi khách một cách quá đáng, làm cho khách phải bứt rứt khó chịu, dám có ý tưởng giết người là khác. Truyện chàng nói ra toàn một giọng dạy đời:

– Nếu anh chịu khó làm ở Nha Y Tế Vệ sinh Công cộng lấy một vài năm và chịu khó gặp gỡ làm quen với những người đứng đắn ở đây, thì sau anh có thể ra mở phòng mạch tư rất lợi. Thành phố này khá lắm... giàu có thịnh vượng.... vì thế ít kẻ trộm cướp.

– Anh cần vào câu lạc bộ địa phương, chơi golf. Lối tốt nhất để gặp những tay tai mắt có thể lực ở đây. Tôi đã vớ được vô số bệnh nhân trong đám thượng lưu ấy.

– Pickerbaugh là một người tốt, rất hoạt động, một tay vận động giỏi, nhưng lão có một khuynh hướng xã hội rất tai hại. Những bệnh viện ấy... ác hết chỗ nói, ai đã đến bệnh viện đều có thể trả tiền được hết! Bần cùng hóa thiên hạ! Nói ra điều này chắc anh phải ngạc nhiên... Ồ, khi còn đi học, anh có không biết bao nhiêu là ý nghĩ gàn dở, nhưng chẳng phải riêng anh mới có những ý nghĩ đặc biệt!... Đôi khi tôi nghĩ giá không có một Nha Y tế Vệ sinh Công Cộng nào, có lẽ lại tốt cho

sức khỏe chung của mọi người, vì có không biết bao nhiêu người quen thói đi tới bệnh viện chữa thí, chứ không đến các bác sĩ tư, làm giảm cả lợi tức của bác sĩ, đồng thời giảm cả số bác sĩ đi nữa, thành thử trong bọn mình những người chịu khó lưu tâm tới bệnh tật cũng ít đi.

– Tôi đoán bây giờ anh chẳng còn giữ những ý tưởng kỳ cục trước kia của anh về vấn đề cần phải thực tế... mà anh vẫn gọi là “bác sĩ con buôn” ấy. Bây giờ chắc anh đã thấy anh cần phải nuôi vợ con gia đình, và nếu anh không nuôi, thì chẳng ai nuôi cho anh cả.

– Khi nào anh cần biết tin tức bí mật hay điều gì cần thiết về những người ở đây, anh cứ đến tôi. Pickerbaugh là một lão gân... chắc lão không mách nước cho anh đúng đâu... những người anh cần giao thiệp làm thân phải là những tay kinh doanh đứng đắn tử tế, chắc chắn và bảo thủ.

Rồi đến lượt vợ Watters. Nàng có sẵn rất nhiều câu để khuyên nhủ người ta lắm! Nàng vốn là con một nhân vật giàu có, chẳng phải ai xa lạ, chính là ông S.A. Peaseley, nhà sản xuất máy bón phân hiệu Daisy.

Nàng ghen ngào nói với Leora: “Chị chưa có

cháu nào ư? Ô, chị cần phải có mới được! Chúng tôi sinh được hai đứa; chị không biết chứ các cháu có ảnh hưởng tới chúng tôi ghê lắm, các cháu làm cho chúng tôi lúc nào cũng trẻ trung”.

Martin và Leora nhìn nhau trông đến thảm hại.

Com xong, Watters nhất định cứ nhắc đi nhắc lại mãi cái “thuở vui tươi mà bọn mình cùng chung hưởng với nhau hồi còn ở trường Đại Học thân mến”. Chàng không chịu để Martin phủ nhận:

– Anh Martin này, anh chúa hay làm cho mọi người tưởng anh là một người kỳ dị phi thường. Anh làm ra bộ không có cảm tình gì với trường cũ của anh, nhưng tôi biết mà.... tôi biết là anh làm phách chơi... chứ thực ra anh cũng yêu trường cũ và mến phục các giáo sư như mọi người, có lẽ tôi còn hiểu anh hơn là anh tự hiểu mình! Nay thôi, bây giờ mình hãy hoan hô lớn lên và ca bài “Winnemac, Đất Mẹ của Những Con Người Dũng Mãnh” đi.

Và vợ Watters nói, “Thôi, đừng làm bộ ngớ ngẩn nữa đi, thế nào anh cũng phải hát mới được!” Nàng vừa nói vừa đi lại ngồi trước chiếc dương cầm, đánh một cách cương quyết, để bắt Martin phải hát.

Sau khi đã lễ phép, cố nuốt cho trôi hết các món nào gà rán với kem cục, nào châm ngôn với kỷ niệm, Martin và Leora cáo từ ra về.

Chàng bảo Leora, “Pickerbaugh phải là một ông thánh, cho nên Watters mới giấu lão như vậy. Anh bắt đầu tin lão có thừa khôn ngoan thấy mưa thì ẩn vào một chỗ”.

Và trong lúc cùng chung cảnh khổ não, hai người quên bằng chuyện họ vừa cãi nhau vì một người con gái tên là Orchid.

II

Ở giữa Pickerbaugh và Irving Watters, Martin bị lôi kéo vào đủ các thứ, nào hiệp hội, nào câu lạc bộ, nào chi hội, nào phong trào vận động lúc nào cũng sôi nổi ở Nautilus; nào Phòng Thương Mại, nào Hội Trượt Tuyết, Hội Du Ngoạn, nào Câu lạc bộ Elks, Hồ tế Hội, Y sĩ Ái hữu Hội. Thoạt tiên chàng chống lại, nhưng họ có vẻ mịch lòng, giận dỗi, nói, “Sao anh lại thế! Nếu anh còn làm một công chức, và nếu anh chịu lưu ý lấy một chút... chỉ một chút thôi... tới lòng sốt sắng của họ tiếp đón anh ở đây...”

Leora và chàng trước kia vẫn than phiền đời sống buồn tẻ ở Wheatsylvania, bây giờ thấy mình

bị mời đi dự nhiều tiệc tùng hội hè quá thì lại phàn nàn rằng hai vợ chồng không thể nào có lấy một buổi tối yên tĩnh ở nhà với nhau.

Nhưng dần dần họ đâm ra có thói quen tự do tự tại trong việc giao tế xã hội, qua sự ăn diện đúng mốt, đóng bộ lễ phục, đi chỗ này chỗ nọ mà không còn nôn nóng như trước nữa. Họ sửa đổi cho kịp thời những bước khiêu vũ quê mùa cổ hủ của họ: họ tập đánh bài, nhưng đánh dỏ lăm, tập chơi quần vợt và chơi cũng khá; và Martin, do thói quen chứ không phải vì tánh chất đạo đức hay anh hùng gì cả, không còn thấy khó chịu và mịch lòng khi nghe thấy người ta xì xào bàn tán những tin đồn hay những truyện vặt vãnh nhảm nhí nữa.

Chắc chắn là các bà chủ nhà tiếp tân không bao giờ coi hai người là ngụy tặc, mà là “Một đôi Vợ Chồng Trẻ Xuất sắc”. Một khi đã được Pick-erbaugh che chở tất phải là người đúng đắn, có tương lai xán lạn, và khi đã được vợ chồng Irving Watters đỡ đầu, hẳn phải là người đáng kính đáng trọng.

Watters nắm được hai người trong tay rồi, không buông ra nữa. Chàng dần dần quá nên không hiểu rằng Martin thường hay từ chối lời

mời của chàng, là vì Martin không thích tới nhà chàng. Chàng khám phá ra Martin có những điểm của người tin dị đoan, không theo chính thuyết, và chàng thân mật, tận tụy và nhiều khi cũng hết sức vụng về, đem hết tâm trí ra để cứu vớt Martin. Chàng thường đem Martin ra làm trò đùa mua vui cho các thực khách khác, chàng thúc giục: “Nào Martin nói cho chúng tôi nghe một vài ý tưởng kỳ cục của anh đi xem nào!”

Nhưng lòng sốt sắng của chàng so với vợ chàng còn kém xa. Bà Watters được cha và chồng tăng bốc làm cho nàng tin rằng mình là tinh hoa của tất cả các thế hệ đúc kết lại, và nàng tự cho mình có nhiệm vụ sửa chữa cho vợ chồng Arrowsmith hết tính man rợ đi. Nàng chỉ trích Martin hay chửi thề, Leora hay hút thuốc lá, và chê lối đánh bài của cả hai người. Nhưng không bao giờ nàng cãi nhau, vì cãi nhau tức là thú nhận có người không chịu thừa nhận quyền tối cao của nàng. Nàng chỉ ra lệnh, những lệnh ngắn, vui, phủ đầu bằng câu: “Này, đừng có ngó ngẩn!” giọng nàng rít lên, và nàng cho như thể là đã giải quyết xong công việc rồi.

Martin than thở: “Trời ơi! Nếu cứ mắc kẹt giữa

Pickerbaugh với Irving Watters như thế này thì sẽ thành một thân hào trong tỉnh hơn là đi tranh đấu cho khoa học”.

Nhưng Irving Watters và Pickerbaugh không thể bắt buộc chàng phải giữ gìn lễ giáo danh vọng mạnh bằng, có hiệu quả bằng cái khoái thấy mình được Orchid cảm phục và cái khoái thấy mình được mọi người ở Nautilus nghe lời, chứ không như ở Wheatsylvania chẳng ai thèm nghe cả.

III

Martin đương tìm một chất để chẩn đoán bệnh lậu vừa nhanh hơn, vừa giản dị hơn chất của Wassermann. Những ngón tay chậm chạp và trí óc han rỉ của chàng vừa bắt đầu quen với công việc trong phòng thí nghiệm và những giả thuyết mê ly, thì đã bị lôi đi chỗ này chỗ nọ để giúp Pickerbaugh làm tuyên truyền. Mọi người khuyến khích chàng diễn thuyết về vấn đề “Phòng Thí Nghiệm dạy ta những gì về các bệnh dịch” cho Lớp Miễn Phí Buổi Trưa Chủ Nhật của Hội Tinh Cầu Hy Vọng Vũ Trụ Thần Giáo.

Khi soạn diễn văn, chàng bồn loạn cả tâm thần, vì buổi sáng hôm diễn thuyết, nghĩ tới việc kinh khủng sắp phải làm, chàng lạnh run người lên, và

khi bước chân lên nhà thờ “Tĩnh Cầu Hy Vọng” chàng bối rối vô cùng.

Người đến nghe đồng nghịt, toàn là những người chín chắn, trọng trách nhiệm. Chàng phát ớn nghĩ, “Họ đến để nghe mình nói, thế mà mình chẳng có cái cóc khô gì để nói với họ!”

Điều làm cho chàng thấy buồn cười là họ đến cốt để nghe chàng nói mà không nhận biết chàng, và viên trợ giáo đứng ở cửa bắt tay mọi người lung tung, lên mặt kẻ cả, lớn tiếng bảo chàng:

– Hai bên còn khối chỗ; cậu cứ đi thẳng vào.

– Tôi là diễn giả mà.

– Ô, ô, vâng, ô, thưa Bác sĩ, vâng. Xin mời Bác sĩ đi vòng ra đằng sau, vào cửa ở đường Bevis.

Vào tới phòng khách, chàng được ông Mục sư và một Ủy ban ba người tiếp đón thân mật; họ đều mặc lễ phục buổi sớm và có tư thái của người trí thức công giáo.

Họ lần lượt nắm tay chàng một lúc lâu, kéo các bà các cô ăn mặc thanh lịch tới giới thiệu với chàng, rồi mọi người lễ phép đứng vây lấy chàng, rì rầm nói chuyện với nhau, và có ý như chờ chàng nói ra một câu gì hay ho ý nhị. Rồi người ta dẫn chàng qua một hành lang hình vòng cung vào hội

trường, lòng chàng lúc ấy thực là đau khổ, mặt tái mét đi vì lo sợ, miệng nín thín thít.

Hàng triệu con mắt để dồn cả vào nhìn cái bộ điệu vô nghĩa lý của chàng – mắt trên những dãy ghế dài cong như cánh cung, mắt trên dãy ban công thấp, chỗ nào cũng thấy những mắt là mắt đương theo dõi chàng, nghi ngờ tài năng của chàng, trông thấy đầu gối chàng run lên, sắp quy xuống.

Con hấp hối mỗi lúc một gia tăng, trong lúc những tiếng cầu kinh, những tiếng hát vang lên, xin Thánh Linh phù hộ cho chàng.

Ông mục sư và ông chủ tịch Ủy ban diễn thuyết mở đầu buổi diễn thuyết bằng những lời sùng tín nhiệt thành thích đáng. Trong lúc Martin run lên cố làm bộ gan lỳ nhìn xuống đám đông người ta đang trâng tráo nhìn chàng, trong lúc chàng ngồi trên diễn đàn cao không có gì che chở, khiến chàng có cảm tưởng như bị phơi ra trần truồng trước mắt mọi người, thì ông mục sư thông báo cho mọi người biết việc tổ chức sắp tới của “Bữa Tiệc Truyền Giáo” vào Ngày Thứ Năm ở Câu lạc Bộ Thiếu Sinh Đoàn, rồi mọi người lại hát một hay hai bài thánh ca vui vui, làm Martin ngẩn ngơ

không biết nên đứng hay ngồi – rồi ông chủ tịch cầu nguyện rằng “vị bằng hữu sắp nói chuyện với chúng ta hôm nay sẽ được Bề Trên ban cho có đủ năng lực làm cho mọi người thấu triệt được hết ý nghĩa Bản Thông Điệp của Người”. Trong lúc ông chủ tịch cầu nguyện như vậy, thì Martin ngồi đưa tay lên bóp trán, chàng thấy mình thực là rồ dại lối bịch, và than thầm, “có lẽ bộ điệu mình phải như thế này mới đúng... người nào cũng cứ há hốc miệng ra nhìn mình chòng chọc thế kia... Trời, lão này nói gì mà nói lảm thế?... Ô, chết cha rồi, không biết mình định nói những gì về cái mục xông khói khử trùng?... Ô... Trời ơi là Trời, lão sắp nói xong rồi, đến lượt mình lên rồi đây!”

Chẳng biết bằng cách nào, chàng đã đứng cạnh cái bàn, nắm lấy nó để đứng cho vững, giọng của chàng có vẻ lưu loát, nói ra những lời thuận lý. Đám sương mù che phủ những bộ mặt đối diện chàng, tan dần, chàng đã trông rõ từng người, chàng thấy một ông già tinh thần có vẻ minh mẫn, liền tìm cách làm cho ông cười và ngạc nhiên.

Chàng lại thấy Leora ở cuối phòng, nhìn chàng gật đầu, khuyến khích chàng. Chàng vững tâm bắt đầu nhìn đi chỗ khác không cần nhìn những

người ngồi đối diện thẳng với chàng nữa. Chàng liếc nhìn lên ban công...

Thính giả thấy trước mặt mình là một thanh niên rất sốt sắng nói với họ về chuyện những huyết thanh và thuốc tiêm, nhưng trong lúc tiếng nói chàng ran lên, thì mắt chàng đã để ý thấy trên hàng ghế thứ nhất ở ban công có đôi cổ chân mang bí tất lụa nổi bật lên, mà đôi cổ chân ấy là của Orchid đương chăm chú nhìn chàng nồng nàn, thán phục.

Khi Martin dứt lời, chàng được mọi người vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt hơn bao giờ hết – tất cả các nhà diễn thuyết sau bất cứ bài diễn văn nào, cũng đều được người ta vỗ tay tán thưởng như vậy. Rồi ông Chủ tịch lên ngỏ lời tán dương nồng nhiệt hơn bao giờ hết, và thính giả kéo nhau ra khỏi phòng tản mát nhanh chưa từng thấy bao giờ hết, và Martin thấy mình đứng trong phòng khách, nắm tay Orchid trong khi nàng nói giọng ngọt ngào âu yếm chàng chưa từng được nghe bao giờ: “Ồ, Bác sĩ Arrowsmith, Bác sĩ thực là bậc phi thường! Các diễn giả phần nhiều là những đồ cổ cả, còn Bác sĩ... Bác sĩ nói người ta hiểu ngay! Tôi sẽ phóng về nhà nói cho Ba tôi biết. Chắc Ba tôi thích lắm!”

Cho mãi tới lúc bấy giờ chàng mới nhìn thấy Leora. Nàng đã len vào được trong phòng từ lúc nào chàng không hay và nàng đứng nhìn hai người, với tâm trạng và thái độ của một người vợ...

Trong lúc đi bộ về nhà, Leora im lặng một cách thật là hùng biện... Chàng đợi mãi không thấy nàng nói gì, tức quá, phải lên tiếng: – Sao? Em thấy bài diễn văn của anh thế nào?

– Không đến nỗi dở. Nhưng nói cho tất cả cái lũ xuẩn ấy nghe hiểu được thực khó quá.

– Xuẩn à? Em bảo “Xuẩn” nghĩa là thế nào? Anh thấy họ hiểu bài diễn văn của anh lắm mà. Toàn là những người khá cả mà.

– Có chắc không? Thôi, dầu sao thì nhờ Trời anh sẽ chẳng phải tiếp tục nói làm nhảm nữa đâu, vì Pickerbaugh thích nghe chính ông ta nói kia, và chẳng để cho anh nói luôn đâu.

– Anh đâu có cần. Thực ra, em không biết chứ anh thấy thỉnh thoảng ra nói chuyện trước công chúng cũng hay. Như vậy giúp cho mình tư tưởng sáng suốt thêm ra.

– Phải, chẳng hạn như kiểu mấy ông chính trị gia sáng suốt, đáng yêu, đáng mến!

– Này, Lee, anh nói cho mà nghe! Cố nhiên, vẫn

biết chồng em là một thằng ngu xuẩn, rời khỏi cái phòng thí nghiệm ra, chẳng làm nên trò trống gì, nhưng anh tưởng ít ra em cũng có thể giả vờ làm ra vẻ sốt sắng, hoan hỉ một chút đối với buổi diễn thuyết đầu tiên của chồng em chứ... từ trước tới nay bây giờ mới là lần đầu tiên ra diễn thuyết... mà kể ra cũng thành công chứ đâu đến nỗi nào!

– Cái gì! Khỉ chưa! Em sốt sắng hoan hỉ lắm chứ. Em vỗ tay không biết bao nhiêu lần. Em thấy anh nói hay lắm, hoạt bát lắm. Thực đúng là... Nhưng em thấy còn nhiều cái anh có thể làm hay hơn thế. À, chiều nay mình ăn uống sao đây; về nhà ăn đồ nguội, hay đi hiệu?

Thế là đương ở địa vị một anh hào chàng bị hạ xuống địa vị một anh chồng không được vợ tán thưởng, đành ngậm bồ hòn làm ngọt.

Suốt tuần lễ ấy, chàng luôn luôn ầm ức nghĩ tới chuyện bị vợ khinh thường, nhưng được cái mùa đông đã tới, những bữa tiệc tuy có linh hoạt nhưng không lấy gì làm vui cho lắm, những canh bài lá bạc tuy có phóng đảng nhưng không lấy gì làm nguy hại được tổ chức luôn luôn rồi, mãi tới hôm Thứ Sáu hai người lần đầu tiên ở nhà, lần đầu tiên có dịp cãi nhau một trận thật là khoái trá. Hai

người ngồi để làm cái việc mà chàng tuyên bố là “lại bắt đầu đọc sách trở lại, đọc thật sự những bài về sinh lý học, và một vài trang của cái anh chàng Arnold Bennett – đọc một cách lặng lẽ thích thú”, nhưng thực ra chàng chỉ đọc những tin ngắn trong mấy tờ báo Y học.

Chàng bồn chồn không yên. Chàng ném tờ báo xuống. Chàng hỏi:

– Ngày mai đi cắm trại trên tuyết với gia đình Pickerbaugh, em mặc quần áo gì?

– Ô, em chưa có ý kiến gì cả. Để em nghĩ xem.

– Lee này, anh muốn hỏi em: Con có gì mà em bảo anh nói nhiều quá ở nhà Bác sĩ Strafford chiều hôm qua? Vẫn biết anh có nhiều cái xấu, nhưng anh chưa bao giờ biết tạt nói nhiều là một trong những cái xấu ấy.

– Trước kia không có, bây giờ mới nảy ra!

– Bây giờ mới nảy ra!

– Này anh, Sandy Arrowsmith này, em nói cho mà biết: suốt tuần lễ nay anh cứ xì xì cái mặt ra như đứa trẻ xấu tính. Anh có chuyện gì giận dữ.

– Chuyện gì à? Anh... Trời! Thực đến mệt! Ở đây ai cũng khen bài diễn văn ở Tỉnh Cầu Hy Vọng của anh... xem ngay bài đăng trong tờ “Người Biên

Cương” và Pickerbaugh bảo Orchid nói bài diễn văn hay không thể chê được... còn em thì chẳng có lấy một lời khen chê!

– Thế em chả vỗ tay là gì? Nhưng chính vì thế mà em mong anh đừng có nói nhăng nói cuội nữa.

– Em mong thế hả? Có thực em muốn thế không? Đã thế để anh nói cho mà biết, anh sẽ nói nữa cho mà xem! Anh không có nói những truyện khoác lác, đại ngôn tráng ngữ. Chủ Nhật vừa rồi, anh nói thẳng về khoa học, thế mà người ta ai cũng chăm chú nghe. Trước kia anh chưa kinh nghiệm cứ tưởng mình cần phải mềm mỏng để làm cho thính giả chú ý nghe mình nói. Và anh làm được không biết bao nhiêu là việc có ích! Chứ sao, trong có bốn mươi lăm phút đồng hồ mà anh nói không biết bao nhiêu là điều chỉ dẫn cách giữ gìn sức khỏe và trình bày không biết bao nhiêu là quan niệm về giá trị của phòng thí nghiệm. Anh chẳng cần làm một yếu nhân, nhưng khi có điều gì cần nói ra mà có người chịu nghe mà không nói leo như kiểu dân Wheatsylvania là khoái rồi. Anh cuộc với em là anh sẽ tiếp tục làm cái việc mà em đã quá lịch sự gọi là “nói nhăng nói cuội” ấy đó...

– Anh Sandy, việc diễn thuyết có lẽ thích hợp

với người khác, chó không thích hợp với anh đâu. Em không thể nói với anh vì lẽ gì... ấy cũng vì thế mà em không nói gì hơn về bài diễn văn của anh. Em không thể nói để anh biết là hôm đó nghe anh diễn thuyết em ngạc nhiên không thể tưởng tượng được, anh là người vẫn thường cười cái mà anh gọi là tình cảm, ấy thế mà hôm đó nói đến “Lũ Trẻ Thân Yêu” anh lại khóc được!

– Anh chẳng bao giờ nói như vậy cả... chẳng bao giờ dùng câu đó và em cũng biết đấy. Và, Trời ơi! Em bảo là anh cười! Anh nói cho em biết chứ Phong Trào Bảo Vệ Sức Khỏe Chung, nhờ sửa chữa những tật hư thói xấu của trẻ con, trông nom săn sóc mắt, mũi, họng chúng nó, và nhiều bệnh tật khác nữa, có thể cứu được hàng triệu sinh mệnh và đào tạo một thế hệ tương lai...

– Em biết rồi, khổ lắm! Anh khỏi cần nói nữa! Em còn yêu trẻ con hơn anh nhiều! Nhưng em muốn nói tới tất cả những cái lối cười giả tạo lộ bịch kia...

– Trời ơi! Thì cũng có lúc người ta làm bộ ra như vậy. Nếu chưa giáo dục quần chúng thì chưa thể làm việc với họ được. Cứ xem ngay lão đấy, tuy lão ngu ngốc thật, nhưng lão đem thơ thẩn với tất cả

những trò khỉ ấy ra mà làm được việc có ích đấy. Nếu anh biết làm thơ, có lẽ cũng hay... Trời! Chẳng lẽ anh không học làm thơ được thì cũng lạ!

– Thơ gì mà kinh quá!

– À ra bây giờ tính thủy chung như nhất của em tuyệt vời như vậy! Vừa chiều hôm trước em bảo thơ của lão “cừ” lắm kia mà!

– Em khỏi cần phải thủy chung như nhất gì cả. Em chỉ là một người đàn bà. Anh là người thứ nhất nói với em như vậy. Còn thơ thần, đối với Bác sĩ Pickerbaugh thì được, song đối với anh thì không được. Anh là người của phòng thí nghiệm, công việc của anh là tìm tòi ra cái này cái nọ, chứ không phải quảng cáo những cái ấy, anh có nhớ một lần ở Wheatsylvania trong có năm phút đồng hồ anh suýt theo một giáo hội và làm một nhân vật có danh vọng ở đó không? Có phải anh muốn suốt đời bị sa ngã vào vòng danh lợi, rồi để người ta lại phải lôi anh ra không? Anh vẫn còn chưa biết mình mọi rợ hay sao?

– Vâng thì anh mọi rợ! Và... em còn gọi anh là cái gì nữa, nghe hay ho lắm kia nhỉ... Cha mẹ ơi! Anh còn là thằng ‘quê một cục’ và em giúp đỡ anh nhiều lắm! Khi anh định sống một cuộc đời đúng

đần, hữu ích, không đi gây thù chuốc oán với mọi người nữa, thì em, đáng lẽ ra phải là người tin tưởng anh, em lại là người thứ nhất cản trở anh!”

– Có lẽ cô Orchid có thể giúp đỡ anh nhiều hơn!

– Có thể lắm! Em cứ tin anh đi, cô ấy là một người đáng mến, và cô ấy rất tán thưởng bài diễn văn của anh ở Giáo Hội, và em tưởng anh cứ ngồi mãi đây suốt đêm để nghe em chế nhạo công việc và bạn bè của anh sao... Anh đi tắm nước nóng một cái đây. Thôi, chúc em ngủ ngon giấc!

Ngồi trong bồn tắm, chàng giật mình không hiểu sao chàng lại có thể cãi nhau với Leora được. Chết chưa! Nàng là người duy nhất ở trên đời này, ngoài Gottlieb, Sondelius và Clif Clawson – à mà nhắc đến Clif Clawson hấn ở đâu bây giờ? Vẫn ở Nữ Ước chẳng? Có phải hấn còn nợ mình một bức thơ chưa trả lời không nhỉ? Nhưng dầu sao... mình giận Leora thì thực là điên quá, cho dầu Leora có buống không chịu sửa đổi lại quan niệm, không chịu nhận rằng mình là người có thiên tài gây được ảnh hưởng với mọi người. Từ xưa chẳng có ai sẵn sàng ủng hộ mình, bênh vực mình như Leora, và mình yêu Leora hết sức...

Chàng vội lau khô mình, chạy ù vào phòng, lòng

đầy hối hận. Chàng nàng nói với nhau rằng họ là người biết điều nhất đời, họ hôn nhau một cách hùng hồn, rồi nàng chỉ trích luôn:

– Trước sau cũng thế thôi, em không có tiếp tay với anh để anh tự lừa dối mình. Anh không phải là người đi vận động, đi quảng cáo. Anh là người đi truy tầm những kẻ lừa bịp dối trá. Buồn cười thật, lẽ ra anh phải để ý nghe cho rõ chuyện về những người đi truy tầm những kẻ lừa bịp dối trá, như Giáo Sư Gottlieb và ông già Voltaire của anh, những người ấy không ai có thể lừa dối được. Nhưng có lẽ họ cũng chỉ như anh mà lúc nào cũng chỉ mong được yên thân ấm cát, giàu sang phú quý, lúc nào cũng bán linh hồn cho quỷ sứ, rồi lại đi lường gạt luôn cả quỷ sứ đáng thương ấy. Em nghĩ... em nghĩ... (Nàng ngồi nhồm lên trên giường, hai tay ôm lấy thái dương, cố nói bật ra) anh khác Giáo sư Gottlieb. Ông ấy không bao giờ nhầm lẫn và mất thời giờ vào...

– Phải ông ấy không mất thời giờ làm ở Hãng chế thuốc trị bách bệnh của Hunziker, và chức vị ông là “Bác sĩ”, chứ không phải là “Giáo Sư”, nếu em cần gọi ông ấy bằng...

– Nếu ông ấy đến làm việc với Hunziker, chắc

ông ấy có lý do chính đáng. Ông ấy là một thiên tài, ông ấy không thể lầm lẫn được. Hay ông ấy cũng có thể lầm lẫn, ngay cả ông ấy cũng có thể lầm lẫn sao? Nhưng dù sao đi chăng nữa thì anh, anh Sandy, anh cần phải vất ngã cho nhiều, cần phải lầm lẫn cho nhiều, thì mới có kinh nghiệm, mới sáng mắt ra. Em chỉ nói với anh một điều là: Anh có lầm lẫn một cách điên khùng rõ rệt thì anh mới biết, nhưng đôi khi thấy anh cứ sấn lên, thấy cái trông nào cũng chui đầu vào, em cũng thấy chán... như việc anh làm một diễn giả lơ mơ hay việc vấn vương với cô bé Orchid của anh.

– Trời ơi là Trời! Mình đã vào cố làm lành mà còn thế đấy! Em không bao giờ lầm lẫn là một việc hay lắm! Nhưng trong gia đình có một người hoàn toàn là đủ rồi.

Chàng nằm vật xuống giường. Im lặng. Có tiếng gọi dịu dàng: “Anh Martin! Anh Sandy!” Chàng lơ nàng đi, lấy làm kiêu hãnh đã có thể đối xử cứng rắn với nàng, rồi cú thể ngủ thiếp đi. Sáng ăn điểm tâm, thấy chàng có vẻ nguợng và tỏ ra ân cần với nàng, thì nàng lại ăn nói cộc lốc, “Không ai thềm nói đến chuyện ấy nữa”.

Rồi chiều hôm ấy, họ vẫn giữ bộ mặt lầm lỳ với

nhau, đi cắm trại trên tuyết với gia đình Pickerbaugh.

IV

Bác sĩ Pickerbaugh có một cái nhà gỗ nhỏ, dựng dưới một vòm cây sồi cành lá xác xơ, giữa đám đồi thấp ở phía bắc Nautilus. Họ kéo đi một bọn mười hai người, ngồi trên một cái xe chạy trên tuyết chất đầy rom và áo len xanh. Tiếng nhạc xe kêu nhong nhon nghe rất hào hứng, lũ trẻ tuôn ra ngoài và chạy bên cạnh xe.

Một bác sĩ coi bệnh viện của trường học còn độc thân, để ý tới Leora, hai lần anh chàng kéo chăn phủ ấm cho nàng; làm như vậy, đối với dân Nautilus gần như là gây sự hiềm nghi. Martin nổi ghen công nhiên quay hẳn về phía Orchid.

Chàng mỗi lúc một thêm chú ý tới nàng, không phải là để cho Leora một bài học, mà chỉ vì làn da trắng mịn, đôi má đỏ hồng của Orchid. Nàng mặc một chiếc áo len ngắn, đội mũ nôi, quàng một chiếc khăn đỏ chói, và mặc quần cộc, chiếc quần cộc đầu tiên ở Nautilus từ trước chưa một thiếu nữ nào dám diện. Nàng vỗ lên đầu gối chàng, và khi hai người ngồi trên chiếc xe nhỏ ngật ngưỡng nguy hiểm chạy sau chiếc xe lớn, nàng nhất định

ôm chặt lấy ngang lưng chàng. Rồi nàng gọi chàng là “Bác sĩ Martin” và chàng thì tiến tới độ gọi nàng trống không là “Orchid” nghe thật nồng nàn thắm thiết.

Tới nhà, mọi người ồn ào xuống xe. Martin và Orchid cùng khiêng giỏ đồ ăn vào; rồi cùng đi giày trượt tuyết xuống dốc đồi. Khi mấy chiếc khiên của hai người vướng vào nhau, ngã lăn đi, nàng không chút sợ hãi, không chút bối rối, bám chặt lấy chàng, và hình như chàng thấy trong lớp quần áo len thô cứng, thân hình nàng càng thêm dịu dàng, tuyệt diệu, mắt bạo dạn, má ửng hồng lộng lẫ khi nàng xoa lớp bông tuyết ướt dính trên mặt đi, hai chân chống lên trời như chân một cậu bé mảnh khảnh, đôi vai đáng yêu có vẻ mạnh như con trai.

Chàng tự trách: “Mình thực là cuồng si! Leora nói thế mà đúng! Mình cứ tưởng mình có cái gì tân kỳ đặc biệt! Và tội nghiệp Orchid – nếu nàng biết mình hèn hạ như thế này chắc nàng khổ tâm lắm!”

Nhưng cô Orchid bé nhỏ đáng thương ấy lại ve vãn chàng:

– Lại đây đi, Bác sĩ Martin! Mình leo cái dốc cao kia chơi. Chỉ có hai chúng mình là còn liều mạo

hiểm một chút.

- Chắc tại chúng mình trẻ trung nhất đám.
- Tại Bác sĩ trẻ trung thì có; còn tôi thì già chết đi được. Khi Bác sĩ nói hươu nói vượn, tôi chỉ biết ngồi há hốc miệng ra mà nhìn.

Vừa lúc đó chàng thấy Leora đang trượt tuyết trên một dốc đồi xa với anh chàng bác sĩ chết tiệt kia. Có lẽ chàng thấy hận và có lẽ chàng cũng thấy được an ủi vì được phép đi một mình với Orchid, nhưng chàng im không nói chuyện với Orchid nữa, tựa hồ như nàng chỉ là một đứa con nít, còn chàng thì người lớn nhiều kinh nghiệm, chàng thôi không nói với nàng nữa, làm bộ như chàng đang nhìn qua vai nàng ngó ra phía sau. Hai người chạy tới chỗ đồi cao, rồi trượt xuống dốc, nhưng bị ngã lăn xuống một quãng dài và vùng vẫy trong tuyết.

Hai người cùng quay về nhà thì thấy mọi người đều đi chơi vắng hết. Nàng cởi bỏ chiếc áo len ướt ra và giữ chiếc áo bờ lu mỏng. Họ lục tìm được một chiếc bình thủy đựng cà phê nóng rồi chàng nhìn nàng trông tựa như sắp hôn nàng, và nàng cũng nhìn lại như có ý bảo chàng cứ hôn đi, không sao đâu. Hai người vừa bày thức ăn ra bàn, vừa hát khe

khẽ, tình tứ rất thân mật. Rồi nàng thỏ thẻ, “Nào lệ lên, người đầu mà lười thế, bày mấy cái cốc này lên trên cái bàn cổ lỗ sĩ kia!” Nghe như giọng của một người rất hài lòng được ở bên chàng suốt đời.

Họ không thốt ra một câu gì gọi là tỏ tình với nhau, họ không nắm tay nhau, và trong khi ngồi xe trở về nhà, trong bóng đêm lấp lánh tuyết rơi, tuy họ ngồi vai kề vai, chàng cũng không ôm lưng nàng, trừ những lúc gặp khúc quanh gấp, chiếc xe chạy nghiêng đi, xô hai người vào nhau. Nếu Martin có thấy lòng sôi động, chắc chỉ tại chàng vận động suốt ngày, máu bốc lên chảy nhanh trong huyết quản. Không có chuyện gì xảy ra và cũng không ai có vẻ ngượng ngùng khó chịu. Lúc chia tay, họ chào nhau rất hồn nhiên vui vẻ. Và Leora không phê bình chỉ trích gì cả, mặc dầu nàng có vẻ lạnh lùng trong một hay hai hôm gì đó, nhưng Martin vì bận rộn cũng chẳng hỏi han gì hết.

MỤC LỤC

Vài dòng tiểu sử	7
Chương 1	9
Chương 2	21
Chương 3	53
Chương 4	85
Chương 5	103
Chương: 6	131
Chương 7	179
Chương 8	207
Chương 9	229
Chương 10	265
Chương 11	289
Chương 12	305
Chương 13	335
Chương 14	357
Chương 15	379

Chương 16	409
Chương 17	433
Chương 18	461
Chương 19	479
Chương 20	521

